

vương dương
MINH
thân thế và
học thuật
phản văn hùm



Midway Press 2024

ruong duong minh than the & hoc thuyet

Vương Dương Minh - thân thể & học thuyết
Phan Văn Hùm
Midway Press 2024

Copyright © 2044 by phanvanhum

**vương dương
MÌNH
thân thể và
học thuật
phan văn hùm**



Midway Press 2024

lời thưa...

... về lý do tồn tại của phiên bản sách này

Bốn sách này được dựng lại với nỗ lực ghi lại tất cả các văn bản chữ Hán theo sách gốc. Tuy nhiên cũng có một số chữ do bản gốc (NXB Tân Việt 1944) quá mờ, không đọc/đoán được, phải để tồn nghi có kèm dấu hỏi theo bên cạnh. Một số chữ trong văn bản gốc ghi không chính xác, mạn phép ghi lại chính xác – trường hợp này không nhiều.

Những ấn bản in lại tác phẩm của Phan Văn Hùm tiên sanh đương lưu hành trên thị trường hầu hết cắt bỏ phần trích dẫn Hán tự. Tiếc cho sự cắt bỏ này nên chúng tôi dựng lại phiên bản lưu hành free, giúp cho hậu nhơn có thêm tư liệu để tham khảo căn cơ hơn.

Midway Press

Thành tặng
Bác sĩ Hồ Tá Khanh
Bác sĩ Hồ Văn Nhựt
Bác sĩ Dương Tấn Tươi
Để trải lòng kính mến, triu nặng ơn châu toàn
Phan Văn Hùm



Vương Dương Minh
1472-1528

tựa

人心惟危

“Nhân tâm duy nguy!”

S.O.S của Nghiêu, Thuấn phóng ra

Xa lắm trong thời gian

Bốn ngàn ba trăm năm về trước

*Ngàn muôn đời sau nữa phẫn phát cấp cứu biết
mà được chưa.*

Ông Khổng đã ra tay.

Công vẫn luống

*Xuống hai ngàn năm sau. Vương Dương Minh tiếp
báo nguy.*

Nguy đến lớp ta đây rất khẩn cấp.

Ai đó tổ chức cứu nhân tâm?

Hãy tra cứu tổ chức trước mình

Khuyết đâu, bổ đó.

*

Đó không là sự mạng của tôi.

*Tôi chỉ như Cửu Giang Tư Mã thương đi bến Tầm
Dương, “cùng một lúa bên trời lặn đặng”.*

Không nghĩ đến Vương Dương Minh ắt tôi sẽ nghĩ đến Spinoza ở Rijnsburg, hay Voltaire ở nước Anh, hay Mme de Staël ở nước Đức, hay nữa Victor Hugo ở đảo Jersey.

Đều là những trang nên sự nghiệp văn chương tư tưởng trong cơn vận kiêu thời gian.

Tân Uyên, 22 Octobre 1943

Phan Văn Hùm

N.B - Xét mình tự học không đủ hiểu văn tàu, tôi chép nhiều bài dịch của ông Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục và trích vài đoạn của ông Quán Chi Đào Trinh Nhất để vào sách này. Tôi mang ơn hai ông nhiều lắm.

Tôi tiếc nỗi viết xong sách này mới thấy những bài khảo cứu nghị luận của ông Quán Chi. Không thể tôi đã trích nhiều của ông, hoặc đã dựa theo ông.

Phần “Học Thuyết” có trích dẫn nhiều nguyên văn của Vương Dương Minh, nhưng chỉ phỏng dịch hoặc bởi không tiện, hoặc bởi không kham dịch đúng từng chữ. Học giả Âu châu có lẽ trích văn tư tưởng không được quá năm hàng. Đây xin miễn cái lệ tốt đẹp ấy.

Những chữ “thời”, chữ “mà” dư, những câu lặp lại có khi ba bốn lượt đều là cố ý cho rõ nghĩa. Thật làm phiền độc giả.

PHẦN THỨ NHẤT

thân thế

i. – thế hệ

Dây đưa dằng dặc ngót một ngàn sáu trăm năm cánh họ Vương, trong lịch sử nước Tàu, được lắm thuở lấy lòng hiền hách. Tướng, tướng, công, hầu, vũ công, văn trị, một vinh dự nào cũng không thiếu cho cánh họ này.

Đời tiền Hán, triều vua Tuyên Đế (73 tới 49 trước tây nguyên) có Vương Cát (王吉) làm quan đến chức Giám nghị Đại phu (諫議大夫).

Xuống đời Tấn, có Vương Lãm (王覽), người ở Lâm Nghi, đất Lang Da trong tỉnh Sơn Đông ngày nay, làm quan đến chức Quang lộc Đại phu, mất vào năm Hàm Ninh thứ tư (278 sau tây nguyên) thọ bảy mươi ba tuổi.

Wương Lãm là em khác mẹ của Vương Tường, một trong nhị thập tứ hiếu, tức là người “nằm giá”, mà Nguyễn Đình Chiểu đã kể trong truyện Lục Vân Tiên:

Suy trang nằm giá, khóc măng

Hai mươi bốn thảo chẳng bằng người xưa

Cháu nội của Vương Lãm có một bậc danh nhân mà trong văn chương nước ta vẫn nhắc nhở đến. Cũng nơi truyện Lục Vân Tiên có câu:

Xem đà đẹp đẽ hòa hai,

Kìa dẫu nam giản, nọ trai đồng sàng.

Nguyên có quan Thái úy là Khích Giám (郗監)¹ [An Chi ghi là Hy Giám (郗鑒)] muốn kén rể, sai môn nhân đến chọn trai ở nhà Vương Đạo là một vị quan ra vào tướng tướng ở miếu đình, Vương Đạo (王導) bảo đi sang chái đông mà xem con em của mình. Sai nhân xem xong, về thưa cùng Khích Giám: con em nhà họ Vương có lắm người tuần tú, nghe tôi đến chọn rể cho ngài thì làm ra dáng căng trì nghiêm cẩn, duy có một chàng nằm khểnh trên giường mé đông mà ăn bánh tuồng như không hay biết chi cả. Khích Giám cười rằng đó sẽ là rể quý của ta. Hỏi ra, anh chàng nằm trên đông sàng đó là cháu kêu Vương Đạo bằng chú, tên Vương Hy Chi (王羲之), tự Dật Thiếu (逸少).

Truyện Kiều của Nguyễn Du thời có câu:

Khen rằng bút pháp đã tinh.

So vào với thiếp Lan Đình nào thua.

Thiếp này vốn của Vương Hy Chi viết ra ngày mồng ba tháng ba năm quý Sửu, nhằm năm Vĩnh Hòa thứ chín (353 sau Tây nguyên) với nét bút: phiêu

¹ Khích: họ Khích, đất Khích, theo Nguyễn Văn Khôn, Từ điển Hán Việt tr. 488. Chữ “khích” trong sách gốc không tồn tại.

phất thì như dáng mây trôi, cất ngừng lên thì giống
tuông rỗng kinh sợ!

Trong tập *Dương Tử Hà Mậu* (chưa hề xuất bản)
của Nguyễn Đình Chiểu, lại cũng nhắc đến Vương
Hy Chi với câu:

Vốn không học thói Lan Đình

Xúm nhau thăm thi phẩm bình cổ nhân.

Rồi trong tập *Ngư Tiều Vấn Đáp* (cũng chưa hề
xuất bản) lại cũng Nguyễn Đình Chiểu, với một cái ý
trân trọng hơn, thốt ra câu:

Lung du là bọn Lan Đình

Bụi hồ chẳng đến nhờ hình chiếc ghe

Bởi Vương Hy Chi tánh rất hào mại, không chịu
trói buộc, thường kết bạn hàng mấy mươi người, dạo
chơi non nước, danh cảnh phồn hoa của đất kinh
sư. Làm quan đến chức Hữu quân tướng quân (右
軍將軍), không được đẹp ý với Vương Thuật là một
người trong triều sĩ danh dự xấp xỉ với mình, Hy Chi
cáo bệnh từ quan.

Qua chơi Chiết Giang, thấy sơn thủy đẹp dễ hữu
tình lại có nhiều danh sĩ ở đấy, Hy Chi bèn bốc cư
về Sơn Âm¹ (山陰) đất Cối Kê (會稽). Về sau bên
Giang Tả (tức là vùng phía đông sông Trường Giang)
được thấy một nhà đức hiếu trung trinh, nổi gót với
nhau nên đại nho danh thế. Nhưng đó là việc về sau

¹ Nay là Thiệu Hưng

xa. Hết lớp Vương Hy Chi, nhà họ Vương thành cực rồi lại phải suy vi một thời hèn lâu.

Xuống hai mươi mốt đời dưới Hy Chi có Địch Công Lang (迪功郎) Vương Thọ (王壽) từ Sơn Âm dời về ở Dư Diêu cũng trong đất Cối Kê. Từ đây cánh họ Vương thành người Dư Diêu, xuống mãi cho tới Vương Dương Minh.

Cháu năm đời của Vương Thọ có người văn vũ trường tài, tên Vương Cương (王綱), tự Tánh Thường (性常), cũng có tự khác là Đức Thường (德常). Buối đầu nhà Minh, năm Hồng Vũ thứ tư (1371) nhờ Thành Ý Bá, Lưu Bá Ôn tiến cử vào triều làm Binh bộ lang trung (兵部郎中), bấy giờ đã bảy mươi tuổi. Chỉ sai đi làm Tham Nghị (參議) tỉnh Quảng Đông, Tánh Thường bị rợ Miêu bắt, mắng chửi, chúng giết chết.

Khi ấy con là Vương Ngạn Đạt (王彦達) mới mười sáu tuổi, cùng đi theo được rợ Miêu tha mạng, mới lấy da dê bọc thi đem về quê. Đến năm Hồng Vũ thứ hai mươi tư (1391) có quan Ngự Sử là Quách Thuần (郭郭) đem việc Vương Cương chết nạn tâu lên vua. Vua cho lập miếu thờ và sai lục dung Ngạn Đạt. Nhưng Ngạn Đạt tui về nỗi cha chết trung mà triều đình bạc đãi, nên không chịu ra ứng dụng, giữ một niềm ẩn thảo, kham khổ cày cấy cung phụng mẹ già trọn đời mặc gai bố, lấy hiệu Bí Hồ ngư ẩn (祕湖漁隱) di thơ dặn con cháu đừng ra làm quan.

Tuân lời cha, Vương Dũ Chuẩn (王與準), tự

Công Độ (公度) đóng cửa đọc sách. Trong hương lý đến cầu học rất đông.

Dũ Chuẩn từ khước rằng: ta học không thầy, sao dám truyền thụ cho ai. Rồi bỏ đi vào núi Tứ Minh (四明), học kinh Dịch với người họ Triệu. Triệu tiên sinh ái mộ chí tiết, gả người em họ cho và khuyên ra làm quan. Dũ Chuẩn một mực giữ lời di chúc của cha. Họ Triệu thấy vậy thâm khen, không bàn đến việc xuất sĩ với nữa.

Đời trước của Dũ Chuẩn có được dị nhân cho sách bói. Lúc nhàn Dũ Chuẩn cùng cứu bốc thuật, thử bói giùm người hàng xóm đều được linh ứng, tiếng tăm nổi dậy. Bấy giờ quan huyện lệnh ở đấy nghe danh, thường sai người đi cầu quẻ, có ngày đến hai ba lượt. Dũ Chuẩn lấy làm bức mình, trước mặt sai nhân của quan huyện lệnh đốt sách mà rằng: Vương Dũ Chuẩn này không thể là thuật sĩ để thâm ngày bôn tẩu nơi của công, nói chuyện họa phúc.

Quan huyện lệnh nghe thấy làm căm hờn. Dũ Chuẩn độ ghe ngày phải lụy mình, trốn vào ở trong hang đá núi Từ Minh, hơn năm trời chẳng về nhà. Vào khoảng đầu thế kỷ thứ XV, triều đình đốc Hữu ty đi phỏng cầu di dật rất nghiêm nhặt. Sứ giả đi đến huyện Dư Diêu, bàn việc cất nhắc Dũ Chuẩn, thì quan huyện lệnh, vốn ôm ấp cừu hờn, bẩm rằng:

Vương Dũ Chuẩn lấy lễ cha chết trung mà triều đình bạc đãi, nên cha con hẳn thể không ra làm quan, thật là có lòng oán vọng triều đình đó. Sứ giả nghe

giận lắm, bắt cả ba đứa con của Dữ Chuẩn và sai người lòng bắt Dữ Chuẩn cho được. Dữ Chuẩn nghe hơi tăm càng rút sâu vào rừng núi, rủi sa xuống vực hầm, trọng thương nơi chân, hết chạy được mà phải bị bắt điệu về. Dữ Chuẩn cương trực thuật lại việc mình đốt sách làm cho quan huyện lệnh giận nên chỉ nói thêm để rửa hờn. Sứ giả nghe lời than trực hiểu ra, vả cũng thấy Dữ Chuẩn trọng thương nên tha cho. Nhưng thấy người con thứ của Dữ Chuẩn là Vương Thế Kiệt (王世傑) ra vẻ hiền đức, sứ giả mới cùng Dữ Chuẩn rằng: Túc hạ không chịu làm quan, sợ rồi về sau không khỏi triều đình bắt tội, chi bằng túc hạ để cho Thế Kiệt thay túc hạ có phải là nên không? Bất đắc dĩ Dữ Chuẩn đưa Thế Kiệt ra làm học trò ấp tường, tức là trường nhà nước ở trong huyện. Được trở về ở ẩn, Dữ Chuẩn lấy hiệu Độn Thạch Ông (遁石翁). Thường bảo với người ta rằng: Tôi mà không bị va vào đá trọng thương nơi chơn, thì chi cho khỏi phải ra làm quan, lấy hiệu này là vì đối với tôi đá có đức chẳng đáng quên nó. Dữ Chuẩn cũng thường nói: Tôi không phải ghét giàu sang mà ưa nghèo hèn, chỉ vì mạng tôi bạc lắm, vả lại cái chí của tiên nhân cũng chẳng nở phụ rầy.

Dữ Chuẩn nghiên cứu về kinh *Lễ*, kinh *Dịch* rất tinh vi, có làm ra sách *Dịch Vi* (易微) truyền tụng ở đời.

Thế Kiệt, hiệu Hòe Lý Tử (槐里子) thuở bé đã có chí học thánh hiền. Năm mười bốn tuổi lão thông

Tứ Thư, Ngũ Kinh cùng thuyết của các đại nho nhà Tống. Được vào ấp tường làm sinh viên, Thế Kiệt học càng tinh tấn, không bao lâu mà tiếng danh nho tức học khét một vùng và được đứng đầu tiến cống vào Nam ũng (南雍), tức là trường quốc tử giám ở Nam Kinh. Tới cửa trường thi, thấy cử tử đều buông tóc xăn áo mà vào, Thế Kiệt than rằng: ta sao nỡ kéo giúp qua cửa trường này! Bèn bỏ về không chịu đi thi nữa. Triều vua Tuyên Đức (1426-1435) chiếu đòi các nơi cử đệ tài. Thế Kiệt được tiến cống lần thứ hai, Quan Ấp lĩnh là Hoàng Duy vốn nhả trọng Thế Kiệt, cụ bị hành lý cho và ép phải ứng chiếu. Thế Kiệt lấy có phụng dưỡng cha già, từ khước cái vinh hạnh ấy và nhường chỗ cho một người bạn là Uông Thúc Ngang. Khi Độn Thạch Ông qua đời rồi, Thế Kiệt được tiến cống một lần nữa. Chuyến này lại lấy có phụng dưỡng mẹ già, không chịu ra, mà nhường chỗ cho một người bạn khác là Lý Văn Chiếu. Mẹ của Thế Kiệt qua đời rồi, quan ấp lĩnh Hoàng Duy mới bảo với Thế Kiệt: người nhà càng ngày càng nghèo, nay hai thân đã khuất núi cả, người không còn lấy có gì từ chối nữa, hãy nên ra làm quan, chớ phụ lời ta. Bấy giờ Thế Kiệt mới đành lòng ứng cống vào Nam ũng. Tế tửu là Trần Kinh Tông, vốn mộ danh từ trước tiếp Thế Kiệt đãi lấy lễ bằng hữu, bảo không nên coi nhau như thầy trò. Năm sau Tế tửu Nam ũng tiến Thế Kiệt về triều, chưa được trả lời của triều đình, thì Thế Kiệt đã mất, để lại đời bộ sách Hòe Lý

Tập Cảo trong ấy có quyển Dịch Xuân Thu Thuyết và quyển Châu Lễ Khảo Chánh là được người đồng thời khen rằng “cận thế nho giả không bì kịp”.

Năm 1421 Thế Kiệt sanh một trai đặt tên Vương Luân (王倫), tự Thiên Tự (天敍), mà lấy tự hành danh. Thiên Tự tánh ưa trúc, trồng trúc bọc quanh hiên cho nên học giả xưng là Trúc Hiên (竹軒) tiên sinh. Thế Kiệt để lại có nhiều sách, chớ không của cải gì khác. Thiên Tự mỗi lần mở mấy hòm sách của cha là sa nước mắt mà rằng: đời trước của ta vun trồng bấy nhiêu đây, ta không nở xao lãng. Mới suốt tháng quanh năm tụng đọc cho kỳ khắp, mà sở thích ở mấy bộ Nghi Lễ Tả Thị Truyện và Tư Mã Thiên Sử ký. Thiên Tự khảy đàn cầm hay. Thường khi trăng thanh gió mát, đốt hương trầm mà đánh ít khúc đàn, ca những bài thi từ xưa, khiến con em họa theo. Con người dung mạo hoàn vĩ, mắt đẹp râu tốt, tánh hào nhã, giao tế hòa lạc, Thiên Tự được thêm cái hay là ưa văn chương giản cổ, ghét lối phù phiếm xu mỹ. Mất năm 1490, thọ bảy mươi tuổi. Truyền ở đời còn tập Trúc Hiên Cảo và tập Giang Hồ Tập Cảo. Thiên Tự được phong chức Hàn Lâm Viện Tu Soạn.

Năm 1446 Thiên Tự sanh một người con trai đặt tên là Hoa (華), tự Đức Huy (德輝), Vương Hoa minh mẫn hơn người. Thiên Tự thấy vậy sớm dạy cho học cổ thi kinh truyện.

Năm lên sáu cùng bảy trẻ chơi ở gần một bến nước, thấy có người khách say lướt khuớt đến rửa

chân, đánh rơi một cái túi mà bỏ đi, không hay biết gì. Vương Hoa lượm xem, thấy trong túi có mấy chục đồng tiền vàng, độ rằng người ấy tỉnh rượu sẽ trở lại tìm, mới giùm cầm giữ. Giây lâu quả người ấy trở lại kêu khóc. Vương Hoa trao túi tiền cho. Khách rất mừng, lấy ra một đồng để tạ ơn. Vương Hoa cười, mà khước đi rằng: tôi đã chẳng lấy mấy chục đồng, sao lại chịu lấy một đồng của người?

Năm lên mười một theo học với một ông thầy trong xứ. Trước tập làm câu đối, hơn tháng tập làm thi, hai tháng ngoài đã tập làm văn vài tháng sau nữa học trò trong trường đều ở dưới bậc của cậu bé thông minh. Ông thầy kinh dị mà nói giễu rằng: cuối năm ta không còn biết gì nữa để dạy trò em.

Năm mười bốn tuổi Vương Hoa cùng một số bè bạn rủ nhau vào đọc sách ở chùa Long Tuyền Sơn. Vì vậy về sau người đời cũng gọi là Long Sơn (龍山) tiên sanh.

Năm Thiên Thuận nhâm ngọ (1462) Vương Hoa mười bảy tuổi đi thi trong ấp đã làm ra văn chương lỗi lạc. Ấp lệnh đặc biệt kỳ thưởng, và đoán cho ngày sau tất sẽ được đại khôi trong thiên hạ. Tiếng tăm bấy giờ nổi dậy. Gần xa đua nhau đưa lễ vật đến xin đón về dạy con.

Thời bấy giờ ở Kỳ Dương (祁陽) (thuộc tỉnh Hồ Nam) có Phương Bá Ninh Lương muốn tìm thầy cho con, hỏi ý nơi quan Đề học Trương Thời Mẫn, Quan Đề học bảo: muốn cầu cử nghiệp cao đẳng thì không thiếu gì người được, mà muốn có người học hạnh

kiêm ưu, chỉ có họ Vương thôi. Khi ấy Vương Hoa chưa đầy hai mươi tuổi. Thế mà họ Ninh đã lấy lễ tân chủ, thỉnh về làm thầy cho con. Đến nhà rồi, thì học trò vùng Hồ Tương (Động Đình Hồ và Tương Giang, tức là vùng Hồ Nam) đến xin học hằng mấy chục người. Tại Kỳ Dương ông thầy trẻ tuổi ở nơi Mai Trang biệt thự.

Trong thự có được ít ngàn bộ sách. Ngày đêm tha hồ phúng tụng, những ba năm không bước chân đến thành thị một lần. Đất Kỳ Dương trai trẻ vẫn có tục đua nhau vui thù ca kỹ rượu trà Vương Hoa cự tuyệt thói ấy cáo từ ra về. Học trò nghĩ rằng Vương Hoa làm khách đã ba năm ở xứ ăn chơi mà không nếm phong vị Kỳ Dương cũng thiệt. Bữa tiễn đưa thầy, giấu hai nàng kỹ nữ nơi thủy thứ để Vương Hoa ở trên đình. Đương đêm, tiệc tan, ai nấy ra về. Hai nàng kỹ nữ bước ra. Vương Hoa bỏ chạy. Gọi thuyền không được, túng nước phải phá cánh cửa làm bè nương qua sông. Chuyện buồn cười ấy chỉ rằng Vương Hoa có khí chất thuần hậu đoan trang. Bình sanh không ưa kiểu ngôn súc hạnh, mà một mực nhân thứ thảo trực.

Năm Thành Hóa tân sữu (1481) Vương Hoa thi đỗ Trạng nguyên, liền được bổ Hàn lâm viện tu soạn. Năm giáp thìn (1481) được cử làm quan Di Phong (彌封) ở kỳ đình thí tiến sĩ. Năm đinh vị (1487) được sung làm quan Đồng khảo ở kỳ thi hội. Rồi năm Hoảng Trị nguyên niên mậu thân (1488) được sung

làm quan Kinh Diên (經筵), là quan để giảng Tứ Thư, Ngũ Kinh mỗi năm hai kỳ, vào lúc trọng xuân và trọng thu, mỗi kỳ ngoài hai tháng. Năm kỷ Dậu (1489), mãn một trật chín năm, phải đổi đi. Nhân vì cha bệnh không chịu dời. Qua năm sau cha mất từ quan về cư tang. Đến năm quý Sửu (1493) mãn phục, trở ra làm quan. Lần hồi thăng chức, đến năm ất Sửu (1505) làm Lễ bộ tả thị lang. Năm sau vua Vũ Tông mới lên ngôi, cải nguyên Chánh Đức, trong triều có Thái giám Lưu Cạn chuyên chánh hoành hành, hô hấp thành họa phúc. Sĩ phu nườm nượp tới lui của Lưu Cạn như chợ đông. Vương Hoa riêng chẳng như người. Đó là điều làm cho Lưu Cạn không hài lòng rồi. Xảy có việc con là Vương Dương Minh, đương chức Binh bộ chủ sự, dâng sớ kể tội Lưu Cạn. Tay Thái giám uy quyền ghê gớm nầy kiểu chiếu làm tội nặng con, còn lăm le muốn hại tới cha. Nhưng thuở còn hèn mọn Lưu Cạn đã từng nghe danh ông Trạng nguyên Vương Hoa là người hiếu hữu trung tín, nên riêng có đem lòng kính mộ, mà nhân tay cho. Mới sai người nhủ Vương Hoa nếu chịu đến ra mắt thì êm chuyện. Song Vương Hoa một mực giữ thái độ cương trực, làm phật ý Lưu Cạn. Năm đinh Mão (1507) Vương Hoa thăng Nam Kinh Lại Bộ Thượng Thư. Lưu Cạn một lần nữa cũng ngầm sai người khuyến dụ bảo rằng nếu chịu khuất một chút thì sẽ được đại dụng Vương Hoa càng không nghe. Lưu Cạn giận lắm. Nhưng không lấy cớ nào

làm tội ông quan thanh liêm ấy, chỉ còn một nước truyền chỉ buộc Vương Hoa trí sĩ. Vương Hoa mừng lắm, vội xếp hành trang về quê, mà rằng: từ đây ta có thể lánh được họa. Bấy giờ là sáu mươi mốt tuổi, cũng vừa tuần nên dưỡng già. Tánh chí hiếu, khi đã ngoài bảy mươi, mặc dầu chở đầy niên kỷ, còn như Lão Lai, làm ra dáng đồng tử đùa giỡn bên tả hữu bà mẹ già tuổi đã đầy trăm. Đến chừng bà mẹ mất, Vương Hoa đau xót vô ngần, nằm khổ ăn rau, mà phải bệnh. Đám táng mẹ, đi chôn không đưa hàng mấy chục dặm đường, bệnh phát nặng trót một năm trời mới tạm đỡ, nhưng nguyên khí ngày thêm suy một ngày. Tháng giêng năm nhâm ngọ (1522) bệnh thể đã chuyển kịch. Bấy giờ thì Vương Dương Minh đã lập huấn nghiệp cái thế. Triều Đình phong tước Tân Kiến Bá cho, lại suy luận công đức, mà tấn phong luôn Tân Kiến Bá cho cả ông và cha Vương Dương Minh nữa. Sứ giả đến cửa Vương Hoa đương bệnh nguy, vẫn sai các em phải hành đúng lễ ra nghinh sắc. Nghe báo lễ đã thành người đờ mắt mà buông hơi thở cuối cùng.

Ấy là ngày kỷ Sửu mười hai tháng hai năm nhâm ngọ (10 mars 1522 lịch julien), hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi, để lại tác phẩm có những bốn cáo: Long Sơn Cáo, Viên Nam Thảo Đường Cáo, Lễ Kinh Đại Nghĩa, Chư Thơ Tạp Lục, Tấn Giảng Dư Sao. Văn thi của người đều hạ bút viết ngay, không chuộng gọt giữa dồi mài, chỉ cầu lấy sự sạch lời hết ý mà thôi.

ii. – thuở ấu thơ

Trên đây đã lược dẫn dòng họ của người mà ta muốn tìm thừa học thuyết. Một dòng họ miên trường ngót một ngàn năm trăm năm ngoài, tuy có khoảng lu lờ, mà lắm lúc ra vào tướng tướng, có quan hệ to với lịch sử nước Tàu. Không kể Vương Đôn (王敦) Vương Đạo (王導) đời Tấn, là hai người bà con họ, không phải là chánh dòng tổ tiên của Vương Dương Minh. Hai người ấy hoặc ở trong lịch sử nước Tàu có điều không được minh chánh. Còn thì họ Vương vẫn trung liệt, vẫn hiếu để thành phong. Đến lúc tức học đại nho thì họ Vương vẫn có thừa người.

Sinh trong dòng họ ấy là một cái may hiếm có rồi. Sinh trong dòng họ hiền hách như vậy, lại sinh làm con của một ông Trạng, Vương Dương Minh hẳn chiếm đặc quyền ở nhân gian.

Gốc rễ đã ăn sâu trên một miếng đất nhuận hậu thì mầm chồi vượt mạnh, rồi ngành ngọn sẽ lăng tăng, âu cũng là lẽ thường.

Nhưng Vương Dương Minh không được bẩm chất tốt. Tưởng phải hỏng một đời rồi. Mẹ là bà họ Trịnh mang thai đến mười bốn tháng. Sự như thế đã là khác thường. Truyền rằng một hôm Sầm phu nhân, bà nội của tiên sinh nằm mộng thấy thần nhân mặc áo lụa đỏ kết ngọc ở trên mây kèn trống đưa tiên sinh xuống, trao cho. Sầm phu nhân giựt mình dậy đã có tiếng oa oa của tiên sinh mới lọt lòng. Hôm ấy là ngày đình hội 30 tháng 9 năm nhâm thìn, nhằm năm Thành Hóa thứ tám, đời vua Hiến Tông nhà Minh. Tính ra là ngày 24 novembre 1472 trong lịch julien.

Ngày nay ai đã có nghiên cứu về tâm lý học, biết mộng寐 phát sinh ra cách nào, thì khó lòng mà tin những điềm thấy trong lúc dở mê dở tỉnh. Nhưng ngày xưa, lại ở trong một xã hội nhiều mê tín, người ta phải lấy điềm chiêm bao làm quái lạ. Ông nội của tiên sinh bởi cho điềm chiêm bao kia là kỳ dị, mới đặt cho tiên sinh tên Vân (雲). Người trong hương lý cũng truyền nhau điềm chiêm bao ấy và gọi cái lầu nơi tiên sinh ra đời là Thụy Vân Lâu (瑞雲樓).

Điềm chiêm bao tốt như thế, nhưng cậu bé Vân trong thai nằm những mười bốn tháng, ra đời đến năm năm chẳng biết nói rằng. Nhà giáo dục học ngày nay kể một đứa trẻ như thế là “chậm trễ” (retardataire) và không khỏi đưa lại thầy thuốc xem cơ thể của nó có gì biến thái (anormal), để biết phải bồi bổ như thế nào cho nó nở nang đều đặn. Ngày

xưa hẳn phải cầu ở thần linh mà thôi. Cho nên có lời truyền rằng một hôm cậu bé Vân cùng bảy trẻ đương chơi, có vị thần tăng ngang qua, nhìn mà bảo: “Đứa nhỏ này tướng tốt lắm đấy, tiếc vì đạo bị phá đi!” Trúc Hiên tiên sinh nghe lời ấy tỉnh ngộ: đặt tên là Vân, để nhắc điểm chiêm bao như thế, là tiết lậu thiên cơ.

Bèn cải tên lại là Thủ Nhân (守仁). Từ đó cậu bé biết nói. Một hôm cậu tụng lại những sách của Trúc Hiên tiên sinh đã có đọc qua. Trúc Hiên tiên sinh lấy làm lạ, hỏi: Sao lại biết được? Đáp rằng: trước kia nghe ông nội đọc, cháu đã thuộc ngầm.

Năm tân sữu (1481) Long Sơn tiên sinh thi đỗ Tiến sĩ đệ nhất giáp đệ nhất nhân, tức là Trạng nguyên, liền được bổ đi làm quan tại Triều ở Bắc Kinh. Long Sơn tiên sinh rước cha về kinh sư phụng dưỡng. Trúc Hiên tiên sinh mang cậu bé Thủ Nhân đi theo, tạm lìa quê Du Diêu đất Việt. Năm ấy nhâm dần (1482), Thủ Nhân mười một tuổi. Qua chùa Kim Sơn (金山寺), Trúc Hiên tiên sinh ghé lại ngoạn thưởng phong cảnh. Cùng khách rượu ngà ngà, nghĩ làm thi phú. Nghĩ chưa ra, cậu bé Thủ Nhân hầu bên cạnh ứng khẩu đọc:

*Kim Sơn nhất điểm đại như quyền
Đã phá Duy Dương thủy để thiên.
Túy ý diệu cao đài thượng nguyệt.
Ngọc tiêu xuy triệt động long miên.*
金山一點大如拳

打破維楊水底天
醉倚妙高臺上月
玉霄吹徹洞龍眠

*Kim Sơn như nắm tay thoi,
Đánh tan trời dưới đáy ngòi Duy Dương.
Đài cao say tựa trăng sông,
Ngọc tiêu kinh giấc thuồng luồng hang sâu.*

Thơ tả cảnh rất huyền huyền, thấy nghe đều như trong chảnh choáng mơ hồ. Khách thấy kinh dị cho một cậu bé mười một tuổi. Nhưng không khỏi nghi rằng Trúc Hiên tiên sinh đã lén gài cho, mới bảo nghĩ một bài thi nữa vịnh “Tế nguyệt sơn phòng”.

Cậu bé Thủ Nhân tùy khẩu đọc:
*Sơn cận nguyệt viễn, giác nguyệt tiểu,
Tiện đạo thử sơn đại ư nguyệt;
Nhuộc nhân hữu nhân đại như thiên.
Hoàn kiến sơn tiểu, nguyệt cánh khoát.*

蔽月山房
山近月遠覺月小
便道此山大於月
若人有眼大如天
還見山小月更闊

*Non gần, trăng xa, thấy trăng bé.
Nên ngờ non nẩy lớn quá trăng
Người nếu mắt to như trời ấy
Lại xem non nhỏ, trăng vô ngần*

Bây lớn tuổi, thấy được sự tương đối xa vời như thế, thời trí đã xuất chúng siêu quần rồi. Phải tưởng

rằng đứa bé “chậm trễ” chắc có gặp thuốc hay mà qua được cái đốt eo ngằng thuở ấu trĩ. Nhưng mãi đến già con người của Vương Dương Minh cũng vẫn thấy yếu đuối, hệ là tiên thiên bạc nhược mà ra.

Năm mười hai tuổi theo học với thầy riêng, cậu bé Thủ Nhân có lẽ vì bẩm chất yếu không chịu được buộc ràng, tính càng hào mại, bỏ học luôn. Long Sơn tiên sinh thường băn khoăn lo buồn vì chỗ xao lãng học tập của con. Duy Trúc Hiên tiên sinh hiểu mà không quở trách. Cậu học trò không chăm ấy ai ngờ đầu trí ở ngoài lề sách, chỉ lại ở xa vời. Một hôm hỏi thầy: không hay việc chi là việc đệ nhất đẳng trên đời? Ông thầy đáp: duy có đọc sách thi đỗ mà thôi. Cậu học trò bẻ lại: thi đỗ e rằng chưa phải là việc đệ nhất đẳng trên đời, hoặc chẳng việc đọc sách học thánh hiền mới là đệ nhất đẳng ấy thôi. Long Sơn tiên sinh cười mỉa: con muốn làm thánh hiền à?

Năm giáp thìn (1484) Vương Dương Minh mười ba tuổi, đương ở kinh sư thì mẹ qua đời, làm cho tiên sinh đau đớn khôn cùng, lại càng luông lung không gắng học. Năm mười lăm tuổi, vẫn ở kinh sư, có lần xuất du nơi cửa ải Cư Dung (居庸) (ở phía tây bắc huyện Xương Bình (昌平), Phủ Thuận Thiên) và Sơn Hải Quan (山海關) (huyện Lâm Du 臨榆 tỉnh Trực Lệ), thấy quan ải chợt động lòng muốn đi kinh lược bốn phương bèn lẫn theo đám trẻ rợ mọi cõi ngựa bắn cung hơn tháng mới về.

Cũng lại bởi tấm lòng bốn phương ấy và hẳn cũng

bởi cơ thể yếu hay chiêm bao, nên một hôm nằm thấy tòa miếu của Phục Ba Tướng Quân (Mã Viện) cùng bài thí mà tiên sinh ghi lại như vậy:

Quyển giáp qui lai Mã Phục Ba

Tảo niên binh pháp mấn mao bà

Vân mai đồng trụ lỗi oanh chiết

Lục tự đề văn thượng bất ma

卷甲歸來馬伏波

早年兵法鬢毛皤

雲埋銅柱雷轟析

六字題文尚不磨

Cuốn giáp qui triều Mã Phục Ba,

Đột xung râu tóc tuyết sương pha.

Trụ đồng dẫu lấp hay dẫu gãy.

Sáu chữ đề xưa vẫn chẳng mòn

Sáu chữ đề ấy nếu người Tàu như Vương Dương Minh, mãi nhớ đến mà tự đắc, thì người mình cũng không bao giờ quên mà chẳng cảm hờn. Ấy là sáu chữ “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt” (銅柱折交趾滅).

Tuổi mười lăm, Vương Dương Minh đã nghĩ đến đức vọng thánh nhân, đã nghĩ đến sự nghiệp anh hùng, có như thế rồi. Mộng Phục Ba tướng quân nào phải trong giấc ngủ mà thôi đâu. Về sau, trong tay có đủ binh quyền, dưới cờ có sẵn sĩ tốt, không phải là tiên sinh không dòm ngó qua phía Giao Chỉ. Chỉ vì chưa gặp cơ hội tốt mà thôi: cơ hội tốt mà tiên sinh chờ đợi là khi Mạc Đăng Dung soán ngôi nhà Lê. Song le tới chừng ấy tiên sinh đã mất rồi.

Chí kinh luân thuở mười lăm tuổi của tiên sinh không phải ôm trong lòng mà thôi. Tiên sinh còn biểu lộ ra nữa. Nhân thời bấy giờ trong nước có giặc cướp, tiên sinh toan viết thơ hiến kế dẹp loạn cho triều đình. Nhưng Long Sơn tiên sinh mắng là muốn làm việc cuồng, nên mới thôi nghĩ đến nữa.

iii. – thuở tìm học

Năm Hiếu Tông, Hoàng Trị nguyên niên, Mậu thân (1488) tiên sinh mười bảy tuổi trở về quê ở Dư Diêu đất Việt. Tháng bảy năm ấy tiên sinh cưới vợ ở Hồng Đô (洪都) (là Nam Xương, tỉnh Giang Tây). Phu nhân là con của Gia Dưỡng Hòa (諸養和) khi ấy làm quan Bố chánh ty Tham nghị (布政司參議) tỉnh Giang Tây. Tiên sinh sang Hồng Đô ở trong quan thự chờ làm lễ cưới. Ngay bữa hiệp cẩn cậu tân lang đâu mất tích. Người cha vợ phải sai quân đi tìm đến hôm sau mới bắt gặp, mời về. Hỏi ra thì tiên sinh nhàn hứng dạo chơi, quá bước vào Thiết Trụ cung (鐵柱宮) gặp một người đạo sĩ, được nghe thuyết minh thuật dưỡng sinh, đối tọa đàm luận, mê thiết mà quên có lẽ đuốc hoa đương chờ.

Ở nơi quan thự có những mấy rường giấy trắng. Ngày ngày tiên sinh lấy ra tập viết chữ, cho đến lúc ra về thì không còn một tờ nào. Mà nhân đó thơ pháp của tiên sinh đại tấn. Nên nhớ rằng viễn tổ của

tiên sinh có người đã để nét bút vô giá ở thiếp Lan Đình. Đến tiên sinh cũng lại có riêng lối chữ được trứ danh. Ông Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục, trong *Nam Phong* tạp chí có viết:

“Thậm chí nghề viết chữ của người Nhật Bản, cũng phần nhiều học viết như lối Dương Minh.

... Lối chữ Dương Minh thì thường viết liền nét, thường có khi một dòng chỉ có một nét trông như hình mây khói long xà, có cái tinh thần hoạt động, mà thể thế vẫn chính đại, pháp độ vẫn cẩn nghiêm. Vua Khang Hy đã có lời phê: ‘Thư diệp thông thần’. Nghĩa là Vương Dương Minh không những nhân phẩm đã cao siêu, học thuật đã thâm thúy, công nghiệp đã kỳ vĩ, mà thư pháp cũng huyền thông biến hóa, vào cõi thánh thần. Ấy Dương Minh tiên sinh không những học thuyết thiên cổ, mà thư pháp cũng thiên cổ vậy” (*Nam Phong* số 108, tháng août 1926).

Sau này giảng học, tiên sinh thường bảo với học trò rằng: “Ta lúc mới tập viết chữ, cứ theo cổ thiếp mà phỏng ra, thì chỉ được cái hình chữ mà thôi. Về sau cất bút lên không dám khinh suất hạ liền xuống giấy, mà ta ngưng tư tĩnh tự, nghĩ ra hình chữ ở trong lòng trước, bao giờ được cái thần của nó rồi mới xuống bút vạch ra. Như thế lâu mãi rồi mới biến thông được phép viết”.

Tiên sinh đối với phép viết chữ trịnh trọng như thế, cho nên càng lấy làm đặc ý khi đọc thấy Trình

Minh Đạo nói: “Ta khi viết chữ rất kính cẩn. Nào phải cần chữ tốt. Chỉ vì thể mới là học”.

Tiên sinh, sau này cùng học giả luận cách vật, thường lấy đó làm chứng cứ. Trình Minh Đạo đã không cần chữ tốt, lại còn tập chữ làm chi? Sẽ biết rằng cổ nhân tùy thời, tùy sự, chỉ học tại nơi con tâm. Túc như một sự viết chữ, hể tâm ấy mà tinh minh thì điệu chữ tốt cũng đã gồm có ở trong rồi”.

Tâm! Nó sẽ là nền móng, trên đó Vương Dương Minh xây dựng lâu đài học thuyết vĩ đại, lộng lẫy ở giữa cõi Á đông.

Tâm nghĩ ra thấu chữ, bút vạch nên hình, tri hành tinh tấn, hiệp nhất không chia lìa. Cái mầm trí lương tri của Vương Dương Minh đã nảy ra từ đó.

Cưới vợ rồi tiên sinh ở gởi rể tại Hồng Đô trên một năm. Tháng chạp năm kỷ dậu (1489) mới đưa Gia phu nhân về Du Diêu. Thuyền đến Quảng Tín (廣信) (nay là Thượng Nhiêu (上饒) tỉnh Giang Tây) nghe có Lâu Nhất Trai (婁一齋) giảng học tại đó, tiên sinh ghé lại yết kiến. Họ Lâu vốn là một nhà lý học trác việt, bấy lâu tiên sinh vẫn sùng bái. Hai người cùng đàm luận về thuyết cách vật trí tri của Tống nho, rất khế hiệp, nhất là về chỗ cùng bảo nhau rằng có thể học làm thánh hiền được.

Năm sau (1490) Long Sơn tiên sinh cáo quan về Du Diêu để tang thân phụ. Thừa nhân mới giảng tích kinh nghĩa cho con cùng cho ba người em con nhà chú và một người em rể. Ngày Vương Dương Minh

tập khóa nghiệp tối lại đọc chu kinh tử sử, thường quá nửa đêm mới đi ngủ. Bốn người kia thấy văn tự của tiên sinh ngày một tấn tới, thẹn mình chẳng kịp. Sau rõ ra, mới nói: “Hắn đã lòng ngoài cử nghiệp, bọn ta bì sao được!”.

Tiên sinh đối đãi với người hay nói bông đùa. Một hôm hối hận, tập lại ngồi đoạn chính và ít nói cùng nói ít lời. Bốn người đồng học không tin. Tiên sinh chánh sắc, mà nói: “Tôi trước phóng dật nay biết lỗi rồi”. Từ đó bốn người kia cũng lần lần liễm dung. Năm nhâm tý (1492) tiên sinh hai mươi mốt tuổi, thi hương ở Chiết Giang đỗ cử nhân.

Bấy giờ mãn tang Trúc Hiền tiên sinh, Long Sơn tiên sinh trở ra làm quan, lại về ở Bắc Kinh. Dương Minh tiên sinh theo hầu cha. Tại kinh sư mới đọc khắp các di thư của Châu Hy. Tiên sinh thấy tiên nho bảo rằng một cọng cỏ, một chồi cây, đều có bao hàm chí lý. Nhân nơi quan thự có trồng nhiều trúc, tiên sinh mới thử theo thuyết Tống nho mà cách tri giống trúc. Nhưng hết sức trầm tư không ra lý gì cả, mà lại phát bệnh. Tiên sinh bèn tự yên ủi: Âu là thánh hiền cũng phải có phạm mới làm được. Khi ấy mới xoay lại học từ chương, chuyên lo khoa cử. Chẳng may năm sau, quý sửu (1493), vào hội thí bị hạ đệ. Hàng tấn thân với Long Sơn tiên sinh là bạn làm quan cùng nhau, hay tin chẳng vui ấy, đều đến an ủi con ông Trọng, ông Tế tướng Lý Tây Nhai đùa rằng: “Anh năm nay không đỗ, khoa tới chắc là sẽ giành

Trạng nguyên. Đầu anh thử làm một bài phú lấy đề “khoa tới trạng nguyên” xem chơi”. Vương Dương Minh tiên sinh vẩy bút thành chương. Chu lão đều kính thán: “Thiên tài! Thiên tài!” Trong bọn có người đổ kỵ, lúc ra về bảo rằng: cho thằng nhỏ này mọc lên thì nó sẽ chẳng xem chúng mình ra gì đâu. Quả thật đến khoa bính thìn (1496) người ấy dìm tiên sinh. Các bạn thân trong đám đồng học, có người lấy sự thi hỏng làm hổ. Tiên sinh an ủi mà rằng: “Đời lấy sự thi hỏng làm hổ. Tôi thi tôi lấy làm hổ là sự vì thi hỏng mà động tâm”. Thức giả nghe đều kính phục.

Khoa bính thìn hỏng rồi, tiên sinh trở về Dư Diêu kết thi xã ở chùa núi Long Tuyền. Trong thi xã có ông quan về hưu là Phương Bá Ngụy Hãn, người bình thời lấy hùng tài tự phóng, mà đối với tiên sinh cũng khiêm nhường. Hễ ở Long Sơn được câu thi văn nào hay, đều tạ ơn tiên sinh, mà nói rằng nhờ tiên sinh mới có được.

Tiên sinh thi hỏng không động tâm. Nhưng cũng hơi chán nghề thi văn. Ngoài cuộc từ chương thi phú ở Long Sơn, tiên sinh lại lưu tình đến binh pháp. Ấy cũng bởi hoàn cảnh.

Bấy giờ là năm kỷ tỵ (1497). Ngoài biên thùý báo động gấp rút. Triều đình mới suy cử tướng tài. Tiên sinh nuôi lòng đoạt vũ cử, nhưng nghĩ rằng Triều đình đặt ra khoa ấy chỉ lấy được những người cỡi ngựa, bắn cung, múa giáo hay giỏi, mà không kén được kẻ có tài thao lược để có thể thống ngự ba

quân. Tiên sinh bèn cố học binh Pháp. Phàm bao những bí thư yếu quyết của binh gia, tìm thấy được ở Kinh Sư, tiên sinh đều nghiên cứu đến tinh tường. Mỗi lúc có gặp tân khách yến ẩm, xong tiệc rồi, tiên sinh tất đem những quả những hột bày ra trận thế để bàn mưu mô chiến lược làm vui.

Song le lòng muốn đoạt vũ cử của tiên sinh không được thể lực giúp vào. Tiên sinh vốn bẩm chất yếu đuối như đã nói trên đây. Mà tự tuổi tráng niên về sau lại càng bệnh hoạn. Cho nên tiên sinh ưa nghe ưa nói chuyện dưỡng sinh. Năm mậu ngọ (1498) tiên sinh hai mươi bảy tuổi, đương ở Kinh sư, một hôm đọc văn của Châu Hy, mà thấy được rõ mối đạo. Thượng sở cho vua Tống Quang Tông, Châu Hy có lời này: “Cư kính trì chí, vi độc thơ chi bốn: Tuần tự trí tinh, vi độc thơ chi pháp”¹ (居敬待志,篤讀書之本,循序致精,篤讀書之法).

Độc lời ấy tiên sinh hồi ngộ. Bấy lâu tiên sinh không tuần tự, không trí tinh: Khi thì học văn, khi thì học vũ khi thì mộ Phật, khi thì chuộng tiên. Tiên sinh nhất nguyện học theo Châu Hy, cư kính trì chí và tuần tự trí tinh. Nhưng sau rốt lại cũng thấy vật lý và bốn tâm vẫn hầy như còn chia lìa làm hai. Tiên sinh mới càng trầm uất. Tư tưởng mãi lâu, bệnh cũ trở lại. Tiên sinh càng tin rằng thánh hiền phải có phận mới làm được. Bởi nên thêm chán đời. Nhân

¹ Kính cẩn bên chí là gốc trong sự đọc sách, lần theo thứ tự đến chỗ tinh vi là phép đọc sách.

nghe có vị đạo sĩ thuyết minh thuật dưỡng sinh, tiên sinh có ý muốn trốn đời vào núi học đạo.

Song lẽ đó mới là ý muốn mà thôi. Vì năm sau, Hiếu Tông, Hoàng Trị thập nhị niên kỷ vị (1499) tiên sinh vào xuân vị, đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, tức là đỗ Hoàng Giáp. Bấy giờ tiên sinh hai mươi tám tuổi. Được bổ đi tập chánh nơi Công bộ. Mùa thu năm ấy phụng Khâm sai đến Hà Gian (河間) (tỉnh Trực Lệ) đốc tạo phần mộ của Uy Ninh Bá, Vương Việt (威寧伯, 王越) là một vị công thần nhà Minh đã phá được giặc Thát Đát ở Uy Ninh. Với một số công nhân rất đông, tiên sinh tất không dùng đến quả đến hột như trước nữa. Mà mỗi lúc rồi công nghĩ việc tiên sinh bắt họ ra dạy diễn bát trận đồ. Khi làm xong công trình người trong phủ Uy Ninh Bá đem nhiều vàng bạc lụa là đưa lễ tạ. Tiên sinh không nhận. Người ấy bèn lấy thanh gươm của Uy Ninh đeo ngày trước đưa tặng. Tiên sinh đón rước ngay.

Sao lại từ khước những của kia mà nhận lấy thanh gươm này? Ấy bởi trước khi thi đỗ Hoàng Giáp, tiên sinh có lần nằm chiêm bao thấy Uy Ninh Bá đưa tặng báu kiếm, giờ thấy sự ăn với điểm báo mộng, nên lấy làm đặc ý.

Trong năm ấy có sao chổi mọc ra. Lòng người đều xao xiết, ưu uất, không biết sẽ có họa hoạn gì xảy đến hay chẳng. Hoàng Trị Hoàng đế cũng lấy làm lo lắng. Mới xuống chiếu khuyên dân chúng tu tỉnh.

Lại nhân biên thùi lỗ khẩu nổi dậy. Hoàng đế mạng tướng xuất sư.

Vương Dương Minh đọc chiếu động lòng ái quốc, mới dâng sớ điều trần trong có lời: “Chúa ưu thì tôi nhục. Cho nên có được một vài ý kiến không nỡ nào chẳng dâng lên ngự lãm”. Tiên sinh cho rằng có đại loạn là vì những kẻ đại thần, ngoài thác danh thận trọng lão thành, mà trong thì toan kế quyền cao lộc cả, ăn của đút lót, dìm kẻ cương trực chánh đại, làm thành phong tục khiếp nhục. Tiên sinh điều trần tám việc về biên vụ. Một: Súc tài để bị cấp, bấy lâu vũ cử chỉ là kẻ có tài cỡi ngựa, bắn cung, đâm giáo, mà chưa có ai đủ thao lược để thống ngự ba quân, nên giờ phải súc tài, để bị cấp. Hai: xã đoản để dụng trường: người vốn có sở đoản sở trường, không nên vì có chỗ sở đoản mà không dùng đến. Ba: bớt quân để đỡ tốn: binh quý tinh, bất quý đa. Bốn: lập đồn điền để cấp dưỡng quân binh: bởi binh sĩ lấy sự ăn làm đầu, không lương thực không còn binh sĩ, nhưng cấp dưỡng nhiều thì dân nghèo cho nên phải bắt quân tự cày cấy, mà mỗi tên tự lấy sức mình nuôi mình. Năm: hành pháp để chấn uy. Sáu: phu ân để khích oán: chấn tuất cô quả, cho những gia đình có người vì nước nát thân không sinh lòng oán vưu. Bảy: quyền tiểu, để toàn đại: quân sĩ có điều sơ thất nhỏ nhặt, hãy bỏ qua đi, chỉ trông việc đại thành mà thôi. Tám: nghiêm thủ, để thừa tậ: xét tình thế Trung quốc nên tự thủ, vì thế giặc đương kịch liệt: Trung

Quốc cố thủ chừng nào, thì hồ lỗ sẽ yếu hèn chừng nấy; bao giờ binh sĩ có thừa khí nhuệ, giặc có đuối sức, kéo binh đánh sẽ mau thành công.

Vương Dương Minh đã thân trải qua biên tái điều tra rõ ràng về hư thật của hồ lỗ, nên thảo sớ được phi thường thiết thật khẩn yếu. Nhưng mà thời ấy gian thần đương lộng quyền, vua lại hèn yếu, cho nên chung qui sớ của... [bản gốc mất từ trang 58-59, nên thiếu phần Hán văn của bài phú *Chơi núi Cửu Hoa*] ...tiên sinh dâng lên không có kết quả gì cả. Chẳng qua là nhân số đó mà thanh danh của tiên sinh càng to. Người người đều cho rằng tiên sinh có kiến thức cao, có gan dạ lớn.

Hoàng đế, thật ra cũng nhận rõ và cũng trọng tài năng của tiên sinh, nên mới trao cho tiên sinh chức Hình bộ Văn Nam thanh lại ty chủ sự và cho tiên sinh đến vùng Trực Lệ, Hoài An (tỉnh Giang Tô) thẩm lục trọng tù.

Tiên sinh tánh liêm khiết. Gặp việc đoán định chẳng chút hàm hồ. Tội phạm được tiên sinh thẩm phán, đều đội ơn tạo hóa. Tiên sinh rất mực công bằng. Xét tội đáng giảm thì giảm, đáng tha thì tha, mà đáng tội thì cương quyết trừng phạt.

Sứ nhiệm xong rồi, tiên sinh thấy mình được thanh nhàn. Hốt nhiên động lòng non nước. Tiên sinh vốn sẵn có tư tưởng xuất thế từ trước, một muốn độc thiện kỳ thân mà thôi. Bèn dạo chơi thưởng phong cảnh núi Cửu Hoa thuộc tỉnh An Huy, ngụ

ở hai chùa Vô Tướng và Hóa Thành. Bấy giờ là năm tân dậu (1502) tiên sinh ba mươi tuổi.

Trong bài phú *Chơi núi Cửu Hoa*, tiên sinh phát tiết nỗi bão phụ trong lòng có những câu:

Ngô ninh bất dục trường anh ư khuyết hạ, khoái bình sinh chi uất đào?

Cố lực vi nhi nhậm trọng, cụ phúc bại ư hoặc tao. Hựu xuất vị dĩ đồ viễn, tương vô tiêu ư tiêu liêu.

Ta hữu sinh chi bách ải đẳng diệt một ư phong bào!

Diệc phú quý kỳ hề vi? do vinh thuận chi nhất triều.

(Ta sao chẳng muốn áo mũ xuê xang ở nơi Triều, để khuây nỗi bình sinh bút rút?

Chỉ vì đoái lại sức hèn mà nhậm trọng, sợ có ngày rồi sẽ gặp gậy đổ (mà nguy).

Bỏ địa vị mình để mưu cuộc lớn lao sao khỏi để cười cho giống chim tiêu tiêu (chỉ tự tức với một cành con).

Than ôi! Kiếp phù sinh chật vật, mấy lúc mà tiêu tan như bong bóng sóng xao. Thời, giàu sang nữa mà làm gì? Chẳng qua cũng như kiếp hoa thuận, nở sớm tàn chiều).

Chán đời như thế lại gặp ở núi Cửu Hoa vị đạo sĩ Thái Bồng Đầu (蔡蓬頭), đàm tiên thuật rất hay tiên sinh luyện mộ, lấy khách lễ mà cung kính xin theo học đạo. Nhưng đạo sĩ bảo: “Chưa được”. Tiên sinh nghĩ rằng chắc vì có đồng người nên đạo sĩ không chịu dạy cho. Vội đạo sĩ vào hậu đường, tái bái thỉnh giáo. Đạo sĩ cũng lại bảo: “Chưa được”.

Tiên sinh vật nài mãi. Đạo sĩ bảo: “Ngài tuy ở hậu

đường có lẽ long trọng, nhưng chung cuộc sẽ không quên được ngôi quan ngôi tướng”. Nói xong, đạo sĩ cười mà từ biệt.

Lại nghe ở động Địa Tạng (地藏) có dị nhân đặc đạo cao huyền, tiên sinh tìm đến, thì dị nhân chính đương lúc ngủ say. Tiên sinh ngồi xuống một bên, giây lâu sẽ lấy tay khe khẽ vỗ vào chân dị nhân. Dị nhân thức dậy, quái lạ, hỏi: “Đường đi hiểm trở, làm sao đến được đây”? Hai người bèn đàm luận. Câu chuyện động đến tối thượng thừa. Dị nhân nói: “Châu Liêm Khê, Trình Minh Đạo, ấy là hai người tú tài giỏi của nhà nho đấy”. Ý bảo rằng tiên sinh nên học nho của Châu Trình là được rồi, bất tất phải đi tìm tiên Phật. Tiên sinh hiểu ý, cáo từ ra về. Mấy hôm sau trở lại, thì dị nhân đã hạc nội mây ngàn. Tiên sinh bùi ngùi. Lòng đạo nhưng mà khó nguôi. Tiên sinh mãi nhớ dị nhân, thường tiếc than: “Người hiểu đạo xa vắng mất! ‘Hội tâm nhân viễn’” (會心人透).

Tháng năm năm ấy tiên sinh hồi kinh phục mạng. Rồi mà lại ngày suốt tối, đêm khêu đèn, tựa án đọc sách. Theo lời mách bảo của dị nhân, *Ngũ Kinh* cùng những sách đời tiên Tần, lưỡng Hán, nghiên cứu một cách khắc khổ. Nhân đó vẫn tự ngày thêm tấn bộ một ngày, mà trái lại thân thể ngày thêm đồi bại một ngày. Và chuyển đi thăm lục trọng tù, dọc đường tiên sinh cảm thọ phong hàn, lại còn lao tâm quá độ, thời hơi sức cũng trước đã hao mòn lắm rồi. Phụ thân của tiên sinh nghe nói tiên sinh đêm thức

khuya quá để đọc sách, cùng thấy tiên sinh gầy guộc lắm, bèn nghiêm cấm gia nhân đốt đèn nơi thơ thất. Tiên sinh lại chờ cho phụ thân ngủ muối, rồi cũng lên thấp đèn đọc sách khuya khoắt.

Càng đọc nhiều tiên sinh càng thấy thi xưa văn cũ không giúp mình chút nào về phương tìm đạo lý.

Mới than rằng: “Ta sao nỡ đem cái tinh thần có hạn nầy mà phí cho hư văn vô dụng”! Tháng tám năm nhâm tuất (1502) tiên sinh dâng sớ cáo bệnh. Thật ra tiên sinh cũng không kham làm việc nữa. Trong sớ tiên sinh nói: “Năm ngoái phụng mạng đi Trục Lệ, Hoài An các phủ thẩm quyết trọng tù, thần phải bệnh hư nhược khải thẩu... xung mạo phong hàn... nội hao ngoại xâm... Xin dung cho thần tạm lui về nguyên tịch tìm thầy điều trị. Ngày nào bệnh khỏi... thần sẽ lại đồ báo thánh ân”.

iv. – tìm đạo

Được tạm làm chánh trị, Vương Dương Minh lui về dưỡng bệnh ở Sơn Âm. Tiên sinh nguyên tịch ở gần sông Tiền Đường, huyện Dư Diêu, phủ Thiệu Hưng, đất Cối Kê, tỉnh Chiết Giang. Nhưng sau phụ thân tiên sinh nhớ cảnh Sơn Âm¹ non nước giai lệ, vả lại lớp trước ông bà cũng về đó ở phường Quang Tướng (光相坊).

Cách Sơn Âm hai mươi dặm ở phía đông-nam có một cái động tên là Dương Minh (陽明). Tiên sinh vốn yếu đuối bệnh hoạn, không sao quên được đạo dưỡng sinh vào động ấy trúc thất, ở hành thuật “đạo dẫn”. Nhân lấy hiệu Dương Minh, mà sau này đạo học chói lòa, huân công sáng rõ, tên Thủ Nhân tự Bá An, người đời ít gọi, ít biết hơn cái hiệu của tiên sinh.

Hành thuật đạo dẫn lâu ngày, tiên sinh được tiên

¹ Nay là Thiệu Hưng (紹興). Cựu kinh đô của vua Việt Câu Tiễn.

tri. Một hôm đương ngồi trong động, tiên sinh bỗng sai đồng bộc ra cửa Ngũ Vân (五雲) bảo đi đón bốn người bạn đến thăm tiên sinh. Đồng bộc ra đi, quả gặp Vương Tư Dư (王思興) cùng ba người nữa tìm đến. Đồng bộc gởi rằng chủ nhân sai ra nghinh nhạ. Chúng lấy làm kinh dị, bảo tiên sinh đã đắc đạo. Bấy giờ tiên sinh cũng phi thường đặc ý. Nhưng không bao lâu về sau tiên sinh xét lại, mà thú nhận: “Ấy chẳng qua là sự bá lộng (đem ra đùa cợt - 播弄) tinh thần, không phải thánh hiền đại đạo” (此簸弄精神非道也).

Sanh ra năm tuổi chưa biết nói, trọng lên chẳng kham ngồi học lâu, thường hay mộng寐, sau lại đau ốm luôn, nhưng thế lại thông minh hơn đời. Vương Dương Minh tiên sinh mà có tinh thần bá lộng âu cũng là đúng công lệ.

Theo biến thái tâm lý học ngày nay mà xét, thì chắc tiên sinh thuộc về hạng thượng trí *visionnaire*. Danh từ này đem tiếng “bá lộng tinh thần” của tiên sinh dịch được đúng.

Ở trong động lâu ngày, quen thể tịch tịnh, tiên sinh nảy ra ý xa lánh người đời, muốn trốn vào núi sâu rừng thẳm. Hiếm vì còn bà nội còn cha, dứt tình chưa nổi. Suy nghĩ mãi, bỗng một hôm ngộ ra mà rằng: “Tình gia đình sinh ra là có, nếu dứt được nó, thì là đoạn diệt chủng tánh”.

Năm sau qua Tiền Đường, và Tây Hồ dưỡng bệnh, trong mình lần lần yên, lại nghĩ đến việc trở ra dùng

đời. Tới lui các chùa Nam Bình (南屏), Hồ Bào (虎跑) ở huyện Tiên Đường tiên sinh gặp một ông thầy tu học lối tọa thiền, ba năm miệng không nói, mắt chẳng nhìn. Tiên sinh lại gần lớn tiếng hỏi: “Hòa thượng suốt ngày miệng bô bô niệm tụng gì thế? Mắt trao tráo ngó nhìn gì thế? Là ý kích động cái bốn năng của miệng của mắt.”¹ Quả nhiên vị thiền tăng giựt mình, nhòe dậy trông tứ phía, rồi cùng tiên sinh chuyện trò. Thừa cơ, tiên sinh hỏi cảnh gia đình. Thiền tăng đáp rằng hãy còn mẹ. Hỏi: “Nhớ chăng?” Thưa: “Vẫn nhớ không thể nào quên được”. Tiên sinh liền đem cái bốn tánh yêu mến cha mẹ ra mà giảng dụ cho Thiền tăng rơi nước mắt xưng tội. Hôm sau tiên sinh trở lại hỏi thăm thì vị thiền tăng đã bỏ chùa về mất rồi.

Ấy vừa tìm ra ở nơi mình cái tình gia đình không thể dứt, tiên sinh đã đem thí nghiệm nơi người khác. Sau này chủ trương tri hành hiệp nhất, mà bây giờ tiên sinh đã thật hành đấy.

Mùa thu năm giáp tí (1504) tiên sinh còn chưa trở lại quan trường, quan Tuần Án Giám Sát Ngự Sử tỉnh Sơn Đông là Lục Xứng đem lựa là lễ vật đến sính tiên sinh về chủ khảo hương thí. Tiên sinh vui lòng nhận ngay. Vì lẽ nào, thì trong bài *Sơn Đông hương thí lục tự* (山東鄉試錄序) tiên sinh đã nói:

¹ Lời cắt nghĩa này của ông Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục.

“Sơn Đông là đất của những nước Tề, Lỗ, Tống Vệ đời xưa, mà là cố hương của Khổng phu tử. Ta từng đọc thấy trong *Gia Ngữ* nói rằng những môn nhân cao đệ của phu tử đều là người các nước Tề, Lỗ, Tống, Vệ. Cho nên hằng ước nguyện có thuở nào qua đất ấy để xem sơn xuyên linh tú kỳ đặc... nhưng mà chưa gặp dịp có thể đi được”. Giờ có dịp tốt như thế, tiên sinh không nỡ bỏ qua.

Kỳ thi hương này bao nhiêu những sách vấn đề do tiên sinh thủ bút mà ra cả. Thấy những vấn đề nghị về cái hại của đạo Lão, đạo Phật, nghị về kỷ cương trong nước không chấn khởi, nghị về cách dùng người, nghị về cách ngừa dĩ địch người ta biết tiên sinh có cái học kinh bang tế thế và sẽ trở ra dùng đời. Nhứt là người ta biết tiên sinh đã lìa đạo Tiên đạo Phật.

Tháng chín năm ấy trở ra làm quan, tiên sinh được cải chức Binh bộ Vũ tuyển Thanh lại ty Chủ Sự (兵部武選清吏司主事).

Năm sau, kỷ sừu (1505), môn nhân đến cầu học cùng tiên sinh ngày một đông. Thời bấy giờ học giả thiên nịch nơi từ chương ký tụng, không biết có cái học về thân tâm. Tiên sinh bắt đầu xướng đạo học ấy và khiến môn nhân phải lập chí làm thánh nhân. Đạo học tiên sinh xướng ra được có một người tri kỷ tán đồng. Ấy là Trạm Nhược Thủy (湛若水) hiệu Cam Tuyền (甘泉), Tiến sĩ xuất thân, bấy giờ đương chức Hàn Lâm Thứ Cát Sĩ (翰林庶

吉士). Hai người nhất kiến định giao, về sau không rời nhau trong tinh thần, mà cùng dựa nhau xướng minh “thánh học”.

Cuộc giao tình đậm đà ấy chưa được bao ngày tháng mà người phải gặt lụy chia tay.

Năm bính dần (1506) vua Vũ Tông mới lên ngôi niên hiệu Chánh Đức. Chẳng chuyên sâu quốc sự, chỉ vui chơi săn bắn, sùng đạo Phật và miệt mài với chữ Phạn (sanskrit) mà thôi. Quốc gia đại sự đều phú cho quan Thái giám là Lưu Cận (劉瑾).

Lưu Cận nịnh hót hay. Vua muốn có ứng khuyến để sẵn, hẳn cung cấp ứng khuyến. Vua muốn vui say ca vũ, hẳn tìm ca kỹ dâng cho. Vì thế hẳn được vua yêu chuộng lắm, mà uy quyền của hẳn càng to tát chẳng một điều ác gì từ chẳng làm. Hơn ba trăm triều sĩ vì hẳn bị hạ ngục.

Bấy giờ có một vị đại thần, tên Lưu Kiến (劉建) dâng sớ khuyên gián vua Vũ Tông và xin tru lục Lưu Cận cùng bè đảng của hẳn. Vua Vũ Tông không nghe theo, lại không cho Lưu Cận ra khỏi cung sợ gặp vị đại thần kia sanh chuyện. Lưu Kiến thấy tình hình như thế dâng sớ từ chức. Lưu Cận bèn thừa cơ kiểu chiều lột hết quan tước của Lưu Kiến. Nam kinh có hai vị đại thần khác, là Đới Tiễn (戴銑) và Bạc Ngạn Huy (溥彦徽) lấy làm bất bình dâng sớ xin phục chức cho Lưu Kiến và tước chức vị của Lưu Cận. Vua Vũ Tông cho là cuồng vọng, hạ chiếu bắt giải hai vị đại thần ấy về Bắc kinh, tống vào ngục. Triều thần

thấy tình hình như thế, chẳng một ai dám hở môi. Vương Dương Minh bất bình mới kháng sớ cứu hai vị đại thần. Trong sớ có lời: “Quân nhân thần trực. Đới Tiễn và Bạc Ngạn Huy bởi dâng sớ mà bị trách. Như lời sớ có phải, bệ hạ cũng nên gia nặc; chưa được phải, bệ hạ cũng nên bao dung, để mở đường nói thẳng... Nay bệ hạ cầm tù như thế... từ đây về sau, đâu có việc quan hệ đến tông xã... bệ hạ còn nghe nào được lời thẳng để mà theo? Bệ hạ thông minh siêu tuyệt, nếu nghĩ đến đó há chẳng lạnh cả lòng hay sao? Phục nguyện bệ hạ truy thâm chiếu chỉ trước lại, cho Đới Tiễn và Bạc Ngạn Huy trở về chức cũ”... Sớ dâng lên, Lưu Cận trông thấy cả giận, lập khắc bắt tiên sinh xử đánh bốn chục trượng. Tiên sinh chết ngất đi, sống lại, bị giam vào cấm y ngục. Ấy là việc thảng chạp năm bính dần. Bấy giờ đương mùa đông lạnh buốt. Lao ngục tối om không chút hé mặt trời lấy gì có hơi ấm. Tiên sinh vốn người đau ốm lại mới bị bốn chục trượng, tình cảnh thống khổ là dường nào!

Đọc những bài thi tiên sinh làm trong lúc ngồi tù, rất nên chua xót.

Bài “Tuế mộ” của tiên sinh có câu:

Ngột tọa kinh tuần thành mộ thạch,

Hốt kinh tuế mộ hoàn tư hương

Cao diêm bạch nhật bất đáo địa,

Thâm dạ hiệt thử thời đẳng sàng...

兀坐經旬成木石

忽驚歲暮還思鄉
高簷白日不到地
深夜黠鼠時登牀

Ngồi mãi ngày tháng thành gỗ đá,

Giật mình, năm lụn, lại sầu quê.

Mái cao dò dặt không tia sáng,

Chuột ác lên giường vẫn lúc khuya.

Ngục đường ngày nay làm cho tù nhân khổ vì những rệp, những rận, những dán cắn rút râu đêm. Tiên sinh khổ vì bầy hiệt thử, chớp mắt được đâu nào! Xu xác đã điêu đứng như thế, mà tinh thần sao cho khỏi bàng hoàng. Xem trăng, tiên sinh than thở:

Khách tử dạ trung khởi,

Bàng hoàng thế triêm thường,

Phỉ vị nghiêm sương khổ,

Bì thử minh nguyệt quang,

客子夜中起

旁皇涕沾裳

匪爲嚴霜苦

悲此明月光

Xót người chỗi dậy canh khuya,

Bàng hoàng rơi lệ đầm đìa thấm xiêm.

Sương gieo lạnh buốt không hiểm,

Sầu trăng đối mảnh gương Thiêm trong veo!

Con người nước biển non xanh, ngao du tự thích, giam chôn trong bốn vách tường cao, tối om om, nhớ Cửu Hoa Sơn, Dương Minh động, lòng nào lòng

chẳng nào nùng. Mà trong cảnh địa ngục ở miền dương gian, ai có trải qua mới càng rõ nỗi:

Khổ ngày ngắn ngủi đêm trường dài ghê.

夜長豐苦短

(Dạ trường, trú khổ đoản)

Trong ngục u ám lạnh lùng ấy, để giết thì giờ bút rút, ngày ngày tiên sinh ôm bộ kinh *Dịch* đọc, tìm triết học tối cổ của nước Trung Hoa.

Tù cư diệc hà sự?

Tĩnh khiên cụ an bảo.

Minh tọa ngoạn “Hy Dịch”

Tảo tâm kiến vi áo

四居亦何事

省愆懼安飽

瞑坐玩義易

洗心見微奧

Trong tù vô sự ấy mà thôi

Ngồi rồi ăn nhưng nữa tội trời.

Đêm quạnh gẫm suy lời sách “Dịch”

Gội lòng sạch, lễ áo vị ngồi.

v.- đi đày

Sau mấy tháng giam ở Cẩm y ngục mùa hè năm Đinh mão (1507), tiên sinh bị đày đi Long Trường phủ Quý Dương (貴陽) tỉnh Quý Châu làm chức Dịch thừa, tức là một chức quan mọn coi trạm.

Quý Châu là một tỉnh xa xôi chưa khai hóa, rừng núi bạt bùng, lam chướng cổ độc, lớn vồn mãng xà ác thú, dân cư toàn là người mọi rợ. Lưu Cận muốn giết tiên sinh ngay, nhưng chưa thi hành được thủ đoạn, thì xúi giục nhà vua đày tiên sinh đến đất nầy, ý là đưa tiên sinh vào chỗ chết ngặt nghèo. Thế cũng chưa vừa lòng hẳn. Thấy đình trượng tiên sinh không chết, giam cầm tiên sinh không chết, hẳn sợ nỗi đày xa tiên sinh cũng không chết, nên hẳn cho thủ hạ nom theo dọc đường ám sát tiên sinh.

Trong năm ấy có Vương Nhạc, làm quan Tư Lễ, tánh cương trực, vì mất lòng Lưu Cận mà bị phát đi Nam Kinh sung vào đội tịnh thủy quân. Đi nửa đường Lưu Cận sai người theo giết chết. Thấy gương

ấy, Vương Dương Minh rất cẩn thận. Thủ hạ của Lưu Cận có hai đứa biết tiên sinh võ nghệ chẳng phải tầm thường¹ cho nên nom theo tiên sinh rất xa đường mà không dám động thủ. Mãi đến sông Tiền Đường, tiên sinh nghĩ rằng đây đã gần cảnh gia hương của tiên sinh rồi, chắc sao bọn thích khách cũng ra tay, chớ nào dám không nên việc mà trở về. Trong lúc cấp bách, tiên sinh biện ra một kế. Bèn viết một bài thi “đầu giang tự tận”, rồi cố xáo xiêm bỏ lại với bài thi, mà nhảy xuống sông. Hai đứa gian hùng kia vốn bọn thô lỗ, đến nơi thấy chúng tích như vậy, ngỡ là sự thật, mau mau hồi kinh phúc mạng.

Long Sơn tiên sinh nghe đồn tiên sinh đã chết nịch, sai người đi tìm vớt thi hài. Bằng hữu, tử đệ của tiên sinh nghe tiêu tức chẳng lành đều thống khóc. Chỉ có Từ Ái em rể của tiên sinh không tin tiên sinh chết được. Bảo rằng: “Tiên sinh sau này còn cái đảm nhiệm xướng minh thánh học, đâu có lý gieo mình chết một cách dễ dàng như vậy”?

Quả nhiên Từ Ái đoán không nhầm. Tiên sinh nhảy xuống sông Tiền Đường rồi lội vào núp trong đám vi lô cả nửa ngày trời. Sau có chiếc thương thuyền đi qua, tiên sinh gọi lại xin tháp tùng. Tới đảo Châu Sơn gặp gió to nổi dậy trong một ngày đêm thuyền đã vào vàm sông Mân (閩江) tỉnh Phúc Kiến. Tiên sinh lên bờ, len lỏi vài chục dặm đi vào núi Cổ

¹ Trước có lòng đoạt vũ cù, tập binh - Tiên sinh bắn cung giỏi.

Son (鼓山), đêm đến một cảnh chùa, gọi xin trọ. Nhà chùa tham lam thấy tiên sinh có mang cái đẩy nặng, ngỡ là đựng tiền, bèn nẩy ra quỷ kế, không cho tiên sinh trọ. Ý chắc thế nào tiên sinh cũng đến cái dã miếu ở gần đấy mà nằm, chính là chỗ hổ huyết, thì cạp sẽ ăn thịt, tiền sẽ về mình.

Tiên sinh không biết làm sao phải lui ra khỏi chùa, vợ vẫn lại thấy tòa dã miếu. Vào tựa hương án ngủ say. Nửa đêm có con cạp to lẩn quần dưới dây hổi lang găm rống. Thế cùng sinh đại đảm, tiên sinh nghĩ rằng thân đã trải hết tận khổ gian nan, nay dẫu vào miệng hùm âu cũng là mạng số. Bèn trút vấn đề sinh tử ra ngoài lòng.

Sáng ngày cạp lánh đi, nhà chùa tìm đến, quyết nhặt cái đẩy kia, một chắc rằng tiên sinh đã chẳng còn. Xảy thấy tiên sinh đương ngủ muối kinh dị gọi dậy mà rằng: “Ông là người phi thường, nếu chẳng thế sao lại khỏi được hổ họa”! Đó rồi mời tiên sinh về chùa, thành tâm khoản đãi. Trong chùa có một dị nhân.

Thấy tiên sinh, dị nhân ngâm thơ chào, trong có câu:

Nhị thập niên tiền tăng kiến quân,

Kim lai tiêu tức ngã tiện văn.

二十年前曾見君

今來消息我先聞

Hai mươi năm trước gặp người,

Nay người chưa đến ta ngồi hay tin.

Tiên sinh sực nhìn ra dị nhân là vị đạo sĩ mà năm mậu thân tiên sinh đã hầu chuyện ở Thiết Trụ cung, quên về làm lễ cưới.

Tiên sinh thuật việc Lưu Cận lộng quyền, tiên sinh bị hãm hại, nay tính bề vào non sâu ẩn tích mai danh. Dị nhân chánh sắc mặt nói: “Người hãy còn phụ thân tại đường. Vạn nhất Lưu Cận phần nộ gia tội cho phụ thân người thời làm sao”? Bèn giùm tiên sinh sử quẻ *Dịch*. Được quẻ “Minh Di” (明夷). Quẻ ấy ngoài *khôn* trong *ly*. Trong văn minh, ngoài nhu thuận. Mặc dầu giữa tối tăm sẽ nên sáng rõ. Người cầu được sẽ thấy mình trải gian nan chí càng thẳng lập.

Lớp trước của tiên sinh vẫn có người bói hay mà phải lụy mình. Trong cấm y ngục tiên sinh vẫn nghiêng ngả kinh *Dịch*. Hẳn tiên sinh cũng tin nơi đức của cỏ thi. Và lại tình thương của dị nhân đã thâm thiết, lời khuyên của dị nhân đã ân cần. Tiên sinh quyết lìa bỏ thái độ tiêu cực, nghĩ đến trạm Long Trường, tính đường nhập thế.

Nhân quẻ “Minh Di” tiên sinh liền tưởng đến núi Vũ Di (武夷), giáp ranh hai tỉnh Giang Tây và Phúc Kiến, lòng dặn lòng sẽ lần qua núi ấy mà tìm đường về đất trích.¹

Theo đường núi Vũ Di tiên sinh đi sang Quảng

¹ Ra đi tiên sinh có đề thi lên vách chùa:

Hiểm di nguyên bất trệ hung trung,

Hà dị phù vân quá thái không.

Dạ tịnh hải đào tam vạn lý,

Tín, ngược lên hồ Bành Lãi (彭蠡) (nay là hồ Bà Dương tỉnh Giang Tây), rồi noi sông Tương và sông Nguyên, mà mùa xuân năm mậu thìn (1508), đến trạm Long Trường.

Đây là đất rợ Miêu (苗). Giống rợ này có tập quán quái gở. Phàm thấy người Trung Thổ mới tới, họ xin quẻ coi nên cho ở hay không. Quẻ tốt thời thôi. Quẻ chê thời họ tất giết. May cho tiên sinh khỏi bị quẻ xấu, thành ra họ đối với tiên sinh cũng không có ác ý.

Vùng Long Trường dân cư toàn mọi rợ chưa biết cất nhà cửa. Tiên sinh mới đến không nơi nương tựa mới tự kết lấy một túp lều cỏ.

*Thảo am bất cập kiên,
Lữ quyện thể phương thích.
Khai cúc tự thành ly,*

Nguyệt minh phi tích hạ thiên phong.

險夷原不帶胸中
何異浮雲過太空
夜靜海濤三萬里
月明飛錫下天嵐

Hiểm Di nguyên chẳng bận trong lòng,

Nào khác phù vân giữa thái không.

Đêm tịnh biển gầm ba vạn dặm.

Trăng lòà, tiên đạo nổi luồng giông.

Lại một bài khác, có câu:

Hải thượng chân vi thương thủy sứ,

Sơn trung hựu ngộ Vũ Di quân.

Khế lưu cửu khúc sơ am lộ,

Tinh xá thiên niên thi cập môn.

Thổ giai mạn vô cấp.
 Nghinh phong diệp tiêu sơ,
 Lâu vũ dị bổ tập.
 Linh lại hưởng triều suyễn,
 Thâm lâm ngưng mộ sắc,
 Quần liêu hoàn tụ tấn,
 Ngữ bàng ý phả chất.
 Lộc, thử, thả đồng du,
 Tự loại do nhân thuộc.
 Ô tôn ánh ngổa đậu,
 Tận túy bất tri tịch.
 Miên hoài Hoàng Đường hóa
 Lược xứng mai từ tích.
 草庵不及有
 旅倦體方適

海上真爲滄水使
 山中又遇武夷君
 溪流九曲初諳路
 精舍千年始及門

Mặt biển vốn làm thương thủy sú,
 Đâu non lại gặp Vũ Di quân.
 Khe quanh chín khúc đường vừa tỏ
 Chùa sạch ngàn năm cửa mới gần.

Hai bài thi này làm ra về thần kỳ. Phải chăng cũng chỉ là một sự “bá lộng tinh thần” của tiên sinh? Đọc nó người ta hiểu rằng tiên sinh đã gặp Vũ Di quân (vị thần đã để tên cho núi) làm gió giữa biển, đưa tiên sinh từ đảo Châu Sơn đến vàm sông Mân; mà Vũ Di quân chính là vị đạo sĩ gặp ở Cổ Sơn, và hai mươi năm về trước đã gặp ở Thiết Trụ cung, cùng ước hẹn hai mươi năm sau gặp trên mặt biển.

開棘自成籬
土階漫無級
迎風亦蕭疏
漏雨易補緝
靈瀨響朝湍
深林凝暮色
群瑋環聚訊
語龐意頗質
鹿家且同遊
茲類猶人屬
污樽映瓦豆
盡醉不知女
緬懷黃唐化
略稱茅茨迹

*Lều cỏ thấp hơn vai,
Vẫn yên mình khách mệt
Vén gai hóa giậu cao
Dọn đất thành nền trệt.*

Trạm Cam Tuyền, bạn tri kỷ của tiên sinh, nghe người ta truyền sự tích và lời thi như thế, thời cười mà rằng:

*Dương cuồng cục phủ hải
Thuyết mộng si nhân tiên.*

佯狂欲浮海
說夢癡人前

*Giả cuồng muốn vượt biển,
Nói mộng để ngây người.*

Ý Cam Tuyền nói rằng tiên sinh muốn lánh đời, làm ra dáng điên cuồng cho dễ bề trốn tránh.

Mấy năm về sau tái hội tiên sinh, Cam Tuyền hỏi chuyện lại, tiên sinh nói thật ra.

Phên trống gió bơ phờ,
 Máı thừa mưa lết mết.
 Thác mau sớm ỏi vang,
 Rừng rậm chiều xanh vết.
 Chòm xóm tụ vãn thăm,
 Giọng ta ý hột hột.
 Người nuôi vật (chủa thuần),
 Nai lợn, bấy cung kết.
 Chén bát – đồ gồm - dơ,
 Rõ say, mặc ngày hết.
 Đường Ngu nhớ thuở xưa,
 Lầu cỏ này âu hột.
 Lầu ấy lồng trong khung cảnh hiểm ác hoang vu:
 Nguy cơ đoạn ngã tiền
 Mãnh hổ vĩ ngã hậu
 Đảo nhai lạc ngã tả
 Tuyũut hác lâm ngã hữu
 Ngã túc phục kinh, trăn,
 Vũ, tuyết, cánh phân sậu.
 危機斷我前
 猛虎尾我後
 倒厓落我左
 絕壑臨我右
 我足復荆榛
 雨雪更紛驟
 Cơ nguy giàn trước mặt
 Cọp dữ diều sau lưng
 Bự hẩm bên nầy trútg

*Rãnh cùng phía nọ dùng
Dưới chân gai góc rậm,
Mưa tuyết gấp từng bùng.*

Ở nơi cùng tịch ấy Vương Dương Minh tiên sinh cũng không lấy làm cô lậu, mà vẫn khi đường tơ, khi chén rượu, nói cười không chút tục lưu, thấy có chân lạc. Chung lộn với dân tộc nguyên thủy (peuplades primitives) tiên sinh nhớ đến:

*Thượng cổ xử sào quật,
Bôi ẩm giai ô tôn
上古處處窟
杯飲皆污樽*

*Đời xưa ở cảnh cây hang đá
Chén bát dùng thấy cả bẩn dơ*

Cho nên tiên sinh cũng không kiểu cách với họ. Trái lại tiên sinh bảo:

*Di cư tuy dị tục,
Dã phác ý sở quyến
夷居雖異俗
野朴意所眷*

*Man di lạ thôi đã đành,
Mà người mộc mạc ra tình dễ thương*

Bởi quyến luyện thổ dân, tiên sinh dạy đắp đất làm nền, đốn gỗ cất nhà, cảm hóa họ lần lần. Sau rồi họ yêu mến, rủ nhau tới gần gũi với tiên sinh ngày một đông.

Ở được ít lâu, tiên sinh tìm ra một cái động tên là Đông Động vào trú đó và nhớ động xưa nơi Việt

Thành, tiên sinh cải tên lại là Dương Minh Tiểu
Động Thiên (陽明小洞天).

Đồng bộc tự lương ngữ

Động cư phả bất ác

Nhân lực miễn kết cấu.

Thiên xảo tạ điều tạc.

Thanh tuyến bàng trừ lạc,

Túy vụ hoàn thành mặc.

Ngã bối, nhật hy yễn.

Chủ nhân tự du lạc.

Tuy vô khải kích vinh.

Thả viễn trần hiêu quát,

Đản khủng sương tuyết ngưng

Vân thâm y như bạc:

童笑自相語

洞居頗不惡

人力俛結僦

天巧謝離鑒

清泉傍廚落

萃霧還成幕

我輩日嬉偃

主人自愉樂

雖無榮戟榮

且遠塵囂聒

但恐霜雪疑

雲深衣絮薄

Đồng bộc cùng nhau nói:

Động này ở cũng an

Thiên công nhờ trở chạm,
 Nhân lực khỏi lo toan,
 Suối biếc tuôn gần bếp
 Mùa xanh giải tợ màn
 Bầy tôi mừng lạc thú,
 Nhà chủ thấy hân hoan,
 Sang trọng đành không phận.
 Ôn ào vắng lại nhàn.
 E chẳng sương tuyết đọng.
 Áo mỏng khổ thiên hàn.

Cái động ấy song le quá ảm thấp. Thổ dân thấy vậy họ xúm nhau cất cho tiên sinh một cái nhà, lại cất thơ viện, cất hiên, cất đình, cất oa, không đầy một tháng xong cả các công việc. Cái nhà, vì trở cửa về hướng đông, đón ánh sáng mặt trời, tiên sinh đặt tên nó là Tân Dương Đường (賓陽堂), thủ nghĩa câu “dẫn tân xuất nhật” (寅賓出日) trong kinh *Thơ*, phần “Nghieu Điều”. Ý là để biểu thị “chí hướng” (志何?). Đáng lẽ phải gọi “Tân Nhật Đường”, mà tiên sinh gọi Tân Dương, bởi theo lời tiên sinh cất nghĩa, nhật là dương. Mà *dương* gồm những ý nghĩa: nguyên 元, thiện 善, cát 吉, hanh 亨, quân tử 君子, *Nhật* không được có ý nghĩa rộng rãi như vậy, đầy đủ như vậy. Ấy trong một sự đặt tên, tiên sinh trì trọng là đường nào! Những cái kiến trúc kia tiên sinh gọi là Long Cương Thơ Viện (龍岡書院). Hà Lậu Hiên (何陋軒), Quân Tử Đình (君子亭), Ngoạn Dịch Oa (玩易

窩). Cái oa này ngày nay hãy còn. Khách qua huyện Tu Văn (修文) tức là Long Trường dịch ngày trước cách Quý Dương (貴陽) năm mươi dặm về phía tây bắc, sẽ thấy một cái động u dật, ấy là Dương Minh Tiểu Động Thiên, có những dây đẳng già mấy trăm năm buông rủ lòng thông trên ngạch còn dấu khắc năm chữ “Dương Minh Ngoạn Dịch Oa”.¹

¹ Xem quyển *Tối tân Trung Hoa Hình thế Nhất lãm đồ* của Hồng Mậu Hy, Thượng Hải, Đông Phương Du Địa Học Xã xuất bản in lần thứ năm, 1927.

vi. – được đạo

Cùng với thổ dân, tiên sinh vào rừng hái củi, đốt rẫy gieo mùa, không từ khó nhọc, biết rằng âm cực dương hồi chẳng xa (âm cực dương hồi tri bất viễn (陰極陽回知不遠). Thái tân vật tù tân (采薪勿辭辛). Tiên sinh có than chẳng, không phải than nỗi thiếu sơn hào hải vị. Chỉ vì:

*Cửu khách tiệm liên y hữu kết
Man cư trường thán thực vô diêm.*

久客漸憐衣有結
蠻居長歎食無鹽

*Chầy ngày thêm xót cho đồ rách,
Ở rợ nguì than chẳng muối ăn.*

Nhưng, than thì có than vậy mà vẫn nhẫn về Trung thổ.

*Giao du nhược vấn cư Di sự,
Vị thuyết sơn tuyến phả tự kham.*

交遊若問居夷事
焉說山泉頗自堪

*Bạn bè nếu hỏi tin trong rợ,
Giùm đáp sơn tuyền rất tự kham.*

Bao những nỗi được thua, vinh nhục, tiên sinh đều hoàn toàn siêu thoát. Duy một điều sinh tử hãy còn vướng trong lòng. Bởi thế, để định chí, vừa đến nơi tiên sinh đã làm ngay một cái hòm bằng đá, mà tự thệ rằng: “Ta chỉ chờ mạng trời mà thôi”. Tình cảnh ở đất trích đầy chướng lệ cổ độc này thật dễ xui người có những tư tưởng đen ngòm. Muốn biết tâm tình của tiên sinh buổi ấy ra sao, nên đọc trọn bài văn chôn kẻ chết đường.¹

“Năm Chánh Đức thứ tư, tiết thu, ngày mồng ba, có người lại mục rằng từ Bắc Kinh đến. Chẳng biết tên họ là gì. Người để huế một đứa con, một thằng tở, để đi về nơi nhậm sở. Ngang qua Long Trường, vào trọ một nhà thổ Miêu. Ta trông thấy cách rào. Trời chiều hôm lại mưa dầm tối mịt. Ta muốn qua thăm hỏi sự tình đất bắc. Chẳng kham đi. Sáng sớm sai người lại xem, thời khách đã vắng rồi. Gần trưa có người tự Ngô Công Pha đi lại, rằng: “Có một ông già chết dưới dốc núi, bên cạnh có hai người ngồi khóc thảm thương”. Ta bảo: “Ấy tất là người lại mục chết vậy! Thương thay”! Gần tối, thêm có người lại nói: “Dưới núi có hai người chết, một người bên cạnh ngồi than”. Hỏi kỹ hình trạng, thời ra người con cũng chết! Hôm sau có người đến nói: “Dưới dốc núi

¹ Xin miễn đăng nguyên văn chữ tàu, vì dài quá.

thấy có ba cái thân gối vào nhau”. Thời hân đưa tở lại chết! Ô hô, thương thay!

“Nghĩ thân vô chủ lữa lữa ta giục hai đứa gia đồng ky cuộc đi chôn. Chúng ra về bần dùng. Ta bảo:

“Châu ơi! Tình cảnh thấy trò ta khác gì tình cảnh thấy trò ba người ấy”! Hai đứa gia đồng mũi lòng sa nước mắt xin đi. Tới nơi, đào ba cái huyết ở chân núi, chôn ba người. Rồi bày một con gà ba bát cơm, than vãn, rơi lụy, mà cáo rằng:

“Ô hô! Thương thay! Ông người đâu tá? Ông người đâu tá?

“Tôi đây Vương Thủ Nhân, quán ở Dư Diêu, làm Dịch thừa trạm Long Trường! Ông cùng tôi đều sinh sản đất Trung Hoa. Quê quán ông đâu tôi chẳng biết. Nguồn cơn sao ông đến để làm quỷ ở non này? Ngàn xưa vẫn nào ai cam nổi ly hương, làm quan cũng không muốn ra ngoài ngàn dặm. Tôi vì thoán trực mà lại đây thời đành. Ông cũng tội tình chi sao? Nghe quan chức ông là lại mục, bỗng năm đấu chưa đầy. Số gao ấy ông dòng đã vợ con cày cấy cũng có được rồi.

“Nguồn cơn sao với năm đấu ông đành đổi thân bảy thước của ông đi? Lại chưa vừa, còn bù thêm con ông, tở ông nữa. Ô hô! Thương thay!

“Thật quả ham năm đấu, ắt là ông hơn hờ lên đường. Nguồn cơn sao hôm diếp trông nét dưới buồn? Hân có điều gì lo lắng. Xông pha mù mớc, vịn đá búi cây treo qua muôn đỉnh núi, đói khát mệt nhọc, cân cốt rã rời, lại thêm chướng lệ ngoài công,

ưu uất trong phá, tài nào khỏi chết được vay? Tôi chắc chắn ông tắt chết, nhưng chẳng ngờ chóng đến như vậy. Càng chẳng ngờ con ông, tớ ông, cũng thành linh theo vội! Có sự nơi ông cả, nói sao giờ! Nghĩ ba năm xương tăn ai gói ghém, tôi lại đây vui lấp cho ông mà khiến tôi xót xa vô hạn. Ô hô! Đau thay.

“Phỏng như tôi không vui lấp cho ông, thời cáo bấy nơi sườn núi vắng, rắn cuộn dưới rãnh ngòi sâu, tắt cũng đem chôn ông vào trong bụng, không để lâu bộc lộ giữa trời. Ông thời không còn biết hay chi nữa; nhưng mà, chắc tình tôi nở lòng nào!

“Từ tôi lia cha mẹ quê hương, mà lại đây, năm đã đầy hai. Thân cũng trải chướng độc, song vẫn sống còn, là nhờ tôi chưa từng có ngày nào bán khoản áy náy. Nay tôi buồn thảm như vậy, thật là nặng lòng vì ông, chớ tự thân, tôi vẫn xem khinh. Tôi đã không vì tôi mà buồn thảm, thời cũng chẳng nên vì ông mà buồn thảm vậy. Tôi xin vì ông hát lên một điệu, ông hãy nghe cho!

Hát rằng:

Đường núi muôn trùng, chim bay khôn thông.

Khách xa nhớ nước, mù mịt tây đông.

Tây đông mù mịt, trời một trời chung

Phương xa đất lạ, trời rộng nước trong.

Tùy thời, tùy ngộ, xử đặt, xử cùng.

Hồn hể! Hồn hể! Thương ích gì không⁽¹⁾.

¹ Bài hát này chép bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục, đăng trong tạp chí *Nam Phong* số 109. Hanoi, Septembre, 1926.

Lại hát để yên ủi rằng:
Như ông hể tôi cùng ly hương.
Ngôn ngữ mọi man hể không tường.
Tánh mạng nhân hể khó thể lường.
Tòì thác hể nhờ ông đưa đường,
Cùng ông tiêu sầu hể bốn phương.
Rồng vằn cạp tía hể cỡi nường
Trừ trưởng trông vời hể cố hương.
Tòì dẫu sống hể về cố hương,
Ông còn con tở hể một phường
Đừng lo vắng bạn hể bi thương.
Ngổn ngang gò đống hể ven đường.
Trung thổ nhiều hể lưu ly sang.
Cùng ông hể rủ rỉ bàng hoàng,
Đói chẳng hể ăn gió uống sương.
Hương sớm vượn chiều hể luông tuông
Yên đi hể mưa (chớ) khổ mỗ hoang.

*

* *

Vương Dương Minh sống nơi đất trích thấy cái chết dễ dàng ở trước mắt bên mình. Tuy buổi đầu có ngao ngán, mà hòm đá đã làm rồi, mạng trời quyết ung dung đợi. Ngày ngày cư xử đoan trang, trừng tâm cầu tịnh nhất. Lâu rồi trong lòng thấy tiêu sái. Duy ba người tùy tùng nhiễm phải lam chướng bệnh lết bết cả. Tiên sinh phải đi kiếm củi, xách nước, nấu ăn, nuôi họ. Lại còn sợ họ buồn rầu, ca hát giễu cợt cho họ được khuây khỏa. Tiên sinh nhân nghĩ xem

những bậc thánh nhân xử cảnh khốn cùng này còn có đạo gì nữa, hay chỉ do trong tâm mà cầu lẽ chánh đáng mà thôi. Hốt nhiên một hôm, nửa đêm đại ngộ cái yếu chỉ của “cách vật trí tri”, tiên sinh vùng dậy nhảy la, chẳng khác gì Archimède đương lợi tắm bỗng chạy lên đường gào thét: Tôi tìm được! Tôi tìm được! (Eurêka! Eurêka!). Kể tùy tùng của tiên sinh một phen kinh hoảng.

Tiên sinh bảo: “Đạo lý của thánh nhân, ta tìm thấy rồi. Nó ở trong tâm mà thôi. Bấy lâu ta chạy theo sự vật tìm đạo lý là sai mất!” Tiên sinh bèn đem những lời trong *Ngũ Kinh*, mà tiên sinh đã thuộc lòng, đối chứng với bốn tâm, thì nhất nhất đều phù hợp cả. Nhân viết ra bộ sách *Ngũ Kinh Ưc Thuyết* (五經憶說).

Có một lần quan Thú Tư Châu, cậy quyền cậy thế, sai người đến Long Trường mạ nhục tiên sinh. Những người mọi rợ bất bình. Họ làm nhục lại bọn sai nhân. Quan Thú giận lắm, mới đem việc thưa cùng nhà đương đạo là quan Hiến Phó họ Mao. Ông này bèn sai người đến bảo tiên sinh phải xét đường họa phúc lợi hại, mà nên thỉnh tạ với quan Thú. Tiên sinh viết thư đáp họ Mao, có những lời:

“Cái lễ quì lạy thượng quan, cũng là thường phận của tiểu quan, chẳng đủ gì lấy làm nhục. Nhưng cũng chẳng nên vô cố mà hành lễ ấy. Chẳng nên làm mà làm, còn nên làm mà chẳng làm, hai sự ấy cũng cùng một lẽ nên lấy làm nhục như nhau. Kể tiểu thần

bị phổ trực này chỉ giữ lấy trung, tín, lễ, nghĩa, để mà đợi chết thôi... Người quân tử lấy trung tín làm lợi, lấy lễ nghĩa làm phúc. Nếu trung, tín, lễ, nghĩa mà không còn, thời tuy lộc có muôn chung, tước đến vương hầu, cái quý ấy người quân tử cũng vẫn cho là họa với hại. Bằng như trung, tín, lễ, nghĩa còn ở đó, thời tuy có bị mổ tim, đập đầu, người quân tử cũng coi là lợi mà làm tự cho là phúc vậy.

Mỗ ở chốn này chen chúc với khí chướng lệ, với trùng cổ độc lẫn lộn với quỷ lị mị, vớng lượng, ngày ba lần có thể chết. Song vẫn thái nhiên, chưa từng vì đó mà nao lòng. Thật là biết đường sống chết vẫn có mạng trời, chẳng vì chút soạn một buổi mà quên cái bảo phụ chung thân. Đại phủ nếu muốn làm hại mỗ, mà tại mỗ thật có điều đáng chịu ắt là chẳng thể nói mỗ vô hám; phỏng khiến mỗ không có điều gì đáng chịu hại, lại mắc vào hoành họa, thời mỗ cũng coi như khí chướng lệ đó mà thôi, như trùng cổ độc đó mà thôi, như quỷ lị mị vớng lượng đó mà thôi”...

Bức thơ ấy làm cho quan Thú phải thẹn thuồng, mà kính phục. Còn quan Hiến Phó thời về sau thân thiết với tiên sinh.

Quan Tuyên Ủy đất Thủy Tây, nghe danh tiên sinh mà hâm mộ, sai người đem cho gạo thịt lại cấp người để tiên sinh sai khiến, còn hậu tặng vàng, bạc, lụa, là, ngựa, yên, nhiều thứ tiên sinh đều tạ từ không nhận.

Ở đất trích được hai năm, tiên sinh tìm ra thuyết “tri hành hiệp nhất”. Bấy giờ là năm kỷ tỵ (1509).

Quan Đề đốc Học chánh phủ Quý Dương là Tịch Thơ năm ấy đến luận biện về chỗ dị đồng trong học thuyết của Châu Hy và của Lục Cửu Uyên. Tiên sinh không nói đến học thuyết của hai họ Châu, Lục, mà lại đem cái sở ngộ của mình ra bàn. Họ Tịch hoài nghi, bỏ về. Hôm sau lại đến tiên sinh đem tri hành bốn thể ra đối chứng với những lời trong *Ngũ Kinh*, *Chư Tử*. Họ Tịch nghe, hơi tỉnh ra. Sau đến nghe ba bốn lần nữa, mà đại ngộ, nói rằng: thánh học sống lại ngày nay. Bèn cùng quan Hiến Phó họ Mao sửa sang thư viện, đem lễ sinh tiên sinh về chủ trương. Rồi dóng dả học trò đất Quý Dương hãy lấy lễ thờ thầy mà thờ tiên sinh. Tiếng tăm của tiên sinh từ đấy to dần, mà cuộc đi đây cũng sắp mãn.

vii. – lập huân công

Năm canh ngọ (1510) tiên sinh được thăng chức Tri huyện, bổ đi huyện Lư Lăng, tỉnh Giang Tây. Tháng ba tiên sinh đến nơi. Chánh sách của tiên sinh không chuộng uy hình. Trung thành với học thuyết của mình, tiên sinh lấy sự khai đạo nhân tâm làm gốc. Vừa phó nhậm tiên sinh đã sai điều tra khắp các hương thôn, cho biết rõ những kẻ bất phú, tương, gian. Lại theo chế độ buổi đầu nhà Minh, tiên sinh dạy trong mỗi lý ấp tuyển cử ba người lão thành có đức vọng, để ngồi ở Thân minh đình¹ lấy những điều hiếu để, trung tín liêm sỉ, lễ nhượng, mà ủy thác khuyến dụ dân chúng. Có kẻ đến kiện cáo, nghe lời khuyến dụ như thế cảm động sa nước mắt mà trở về.

¹ Đời nhà Minh, triều Hồng Vũ, đặt ra thân minh đình trong mỗi lý ấp phàm nhân dân có điều thiện ác đều nêu tước danh sự tích ra trên một cái bảng treo ở đình. Những việc hộ, hôn, điền, thổ, đấu ấu, v.v. là việc tiểu sự thì nơi đình có lý lão phân giải chỉ bảo khuyến răn.

Nhờ đó mà các lính ngũ ngày một bớt số tù nhân. Ở huyện trong bảy tháng, tiên sinh ra lời cáo thị đến mười sáu lần. Đại để là những lời khuyên phụ lão hãy răn con em, chớ cho phóng đảng buông lung mất nền nếp chánh.

Tháng mười một năm ấy tiên sinh nhập cận.¹

Về Bắc Kinh tiên sinh trọ ở chùa Đại Hưng Long (大興隆). Khi ấy có Hoàng Oản (黃綰) tự Tông Hiến (宗賢), đương làm chức Hậu quân Đô đốc phủ Đô sự (後軍都督府都事), là người vốn có chí cầu học thánh hiền, từng đọc khắp các đại nho nhà Tống nghe đồn tiên sinh đã tìm được đạo chánh, rất hâm mộ, nên liền đến ra mắt. Gặp tiên sinh cùng ngồi với Trạm Cam Tuyền, là bạn tri kỷ của tiên sinh. Ba người luận học thích hiệp nhau. Hôm sau tái hội, cùng thể “chung thân cộng học”. Từ ấy, hễ rảnh việc quan là cùng nhau hội giảng, ngày ngày ăn uống, ngồi nằm chẳng rời nhau.

Tháng chạp tiên sinh thăng chức Nam Kinh Hình bộ Tứ Xuyên Thanh lại ty Chủ sự (南京刑部四川清吏司主事). Cam Tuyền và Tông Hiến, hai bạn không muốn xa rời tiên sinh vận động xin quan Trùng Tế Dương Nhất Thanh (楊一清) để cho tiên sinh ở lại Bắc Kinh. Quan Trùng Tế mới cải chức cho tiên sinh làm Lại bộ Nghiệm phong Chủ sự (吏部驗封主事). Không bao lâu sau đó tiên sinh thăng chức

¹ Nhập cận là yết kiến vua.

Văn tuyển Thanh lại ty viên ngoại lang (文選清吏司員外郎). Ba bạn hiền được gán gửi nhau dùi mài đạo học ngót hai năm trời. Rồi Cam Tuyền phụng sứ sang nước An Nam. Nghĩ nỗi đạo học của thánh nhân khó tỏ mà dễ lẫn, tập tục càng xuống xa càng không thể văn hỏi, lại người đời ly nhiều mà hiệp ít, tiên sinh tiếc không có Cam Tuyền để cùng khuyến khích nhau trên con đường tác thánh.

Cam Tuyền đi rồi, tiên sinh cùng Tông Hiến còn tụ hiệp nhau được một năm nữa. Mùa đông năm nhâm thân (1512) Hoàng Tông Hiến cáo bệnh từ quan. Tiên sinh dặn dò, đi về hãy cất nhà trong vùng Thiên Thai (天台), Nhạn Đãng (雁蕩)(tỉnh Chiết Giang) để sẽ cùng nhau ở chung đến trọn đời. Một bên khác, Cam Tuyền cũng có ý muốn mua đất cất nhà để ở chung nhau trong vùng Tiêu Sơn (蕭山), Tương Hồ (湘湖) (cũng tỉnh Chiết Giang).

Dương Minh tiên sinh sinh thời, mới hồi tháng ba năm nhâm thân ấy (1512) thăng chức Khảo công Thanh lại ty Lang trung (老功清吏司郎中) mà tháng chạp đã lên chức Nam Kinh Thái bộc tự Thiếu khanh (南京太僕寺少卿). Như thế là cuộc đoàn tụ của ba bạn hiền từ đây phải dời trọng tâm, rồi lần về sau ly tâm hẳn, bởi vì trụ cột của nó là Vương Dương Minh sẽ không rời được khỏi cửa viên.

Nam Kinh không mấy xa quê nhà của tiên sinh - tiện đường tiên sinh về thăm đất Việt. Chuyến đi này lại gặp Từ Ái em rể tiên sinh, thăng chức Nam

Kinh Công bộ Viên ngoại lang, cùng ngồi một thuyền. Trong thuyền lữ hành nhàn rỗi, hai anh em luận tông chỉ của sách Đại Học. Từ Ái nghe tiên sinh luận, thống khoái mà nhảy la, nửa tỉnh nửa cuống, mấy ngày như vậy.

Tháng hai năm sau, quý Dậu (1513), tiên sinh về đến nhà, thời cùng Từ Ái dạo chơi vùng Thiên Thai, Nhạn Đãng. Rồi đó bà con, bằng hữu, xúm vây giữ mãi tiên sinh lại, chẳng bước chân đi đâu được. Đến cuối tháng năm cùng Từ Ái và mấy người nữa đợi mãi Hoàng Tông Hiến không thấy đến, mới đi dạo chơi vùng núi Từ Minh xem các kỳ quan để vịnh thật nhiều. Tiên sinh còn muốn đi chơi xa hơn nữa, nhưng gặp thuở trời hạn lâu, đất khô, cây héo cảnh thảm quá, không còn hứng thú gì nhạo (hân thưởng 樂, MP) - thủy du sơn. Tiên sinh bèn từ Ninh Ba trở về Dư Diêu. Qua tiết đông tháng mười, tiên sinh sang đốc Mã Chánh (馬政)¹ ở Trừ Châu (滁洲)(tỉnh An Huy). Rảnh việc quan, thời cùng môn nhân ngao du trong vùng Lang Da (琅琊)² Nãng Tuyền (曩泉). Đêm trăng, cùng những mấy trăm người ngồi vây Long Đàm ca hát rền trời. Trong những lúc tùng du như vậy, môn nhân được tiên sinh tùy cảnh tùy tình, lấy gương trước mắt dụ dẫn mà điểm hóa cho. Phép giáo hóa của tiên sinh mừng tượng lối tuần du điểm hóa (péripatétisme) của Aristote.

¹ Mã chánh là phép tặc nuôi ngựa tập cỡi để dùng về việc binh.

² Lang Da này khác với Lang Da tỉnh Sơn Đông đã nói ở trước.

Từ đây tú phương đến cầu xin làm môn nhân ngày một nhiều. Tháng tư năm sau, giáp tuất (1514) tiên sinh thăng chức Nam Kinh Hồng Lô Tự khanh (南京鴻臚僕卿) phải lìa đất Trừ Dương. Các bạn tiền chân tiên sinh đến Ô Y bịn rịn không dứt tình được, mới lưu ở lại Giang Phổ, chờ cho tiên sinh qua sông khuất, rồi sẽ về. Tiên sinh thấy tình trứu mến như vậy, phải làm một bài thi giục họ hãy về đi. Trong có câu:

Không tương tư diệc hà ích?

Dục ủy tương tư tình,

Bất như sùng lệnh đức.

空相思亦何益

欲慰相思情

不如崇令德

Nhớ suông nào ích gì đâu?

Chi bằng trau đức cho nhau yên lòng.

Về Nam Kinh tiên sinh tiếp tục công việc truyền thọ đã làm ở Trừ Dương. Môn sinh tấp nập dồn đến. Có người cho tiên sinh rõ học trò Trừ Dương lắm kẻ đã bội sư giáo. Tiên sinh than rằng: “Ta trước kia muốn đưa học trò ra khỏi chỗ thấp hèn dẫn lên đường cao minh, đặng cứu thời tệ. Nay thấy học giả lần lần đi vào cỏi không hư, tìm lý luận tân kỳ thoát lạc, ta đã ăn năn rồi”. Bởi nghĩ thế, nên ở Nam Đô luận học, tiên sinh chỉ chuyên dạy học giả giữ gìn thiên lý, xua đuổi nhân dục, cố dẫn đến chỗ biết xét mình cùng biết khắc trị mình. Cái đạo học về thân

tâm đó trọn đời tiên sinh không để lời mỗi nữa. Trong bọn học trò còn có người thích nói chuyện đạo tiên đạo Phật. Tiên sinh thường cảnh cáo họ mà rằng: “Thuở nhỏ ta cầu thánh học không được, bèn dốc chí học tiên học Phật. Về sau ở đất mọi rợ ba năm, mới thấy được mối manh của đạo thánh thời lấy làm uống tiếc cho hai mươi năm dụng công lầm lạc. Chỗ huyền diệu của bài đạo Tiên Phật so với đạo thánh, chỉ cách nhau hào ly mà thôi, cho nên không dễ gì biện biệt. Duy kẻ nào dốc chí học đạo thánh, mới có thể phân tích cùng cứu được cái ẩn vi của nó, và sẽ biết rằng đạo thánh không phải ước đoán suy lường mà được”.

Năm ất hợi (1515) bà nội tiên sinh là Sầm Thái phu nhân đã già chín mươi sáu tuổi, suy nhược lắm rồi, không chắc ngày nào vĩnh biệt, thường nhắc nhở tiên sinh, muốn trông thấy mặt. Phần tiên sinh thời tuổi mới bốn mươi tư, mà vì chịu lắm phong trần, trải nhiều chướng vạ cổ độc, thân thể hao mòn, bệnh tật giao công, ngày một thêm trầm trọng. Lòng sầu quê nhân thế mà thiết tha. Tiên sinh bèn dâng sớ xin hưu trí. Song le nhà vua cố lưu lại vị quan có tài đức, không đành cho sớm về với non nước. Huống chi lúc bấy giờ việc trị an đã thấy có mùi khó khăn, nhà nước càng cần dùng nhân tài, tháng tám năm ấy tiên sinh lại dâng sớ xin về dưỡng bệnh. Cũng không được nhà vua chuẩn phê. Từ đấy rồi tiên sinh thường cáo từ vì tật bệnh mà việc lớn lao trong nước bắt buộc vị văn

thần yếu đuối phải đeo cung kiếm đột xung cho đến chết mới buông tha.

*
* *

A. Bình giặc lưu khấu

Cuối thu năm bính tý (1516) đạo tặc dấy loạn ở các vùng Nam An (南安) (nay là Đại Hữu), Cam Châu (贛州)¹ phía nam tỉnh Giang Tây và hai châu Đinh (汀), Chương (漳) phía nam tỉnh Phúc Kiến. Những vùng đó rừng sâu núi hiểm, ở vào chỗ tiếp giáp bốn tỉnh Giang Đông, Phúc Kiến, Giang Tây, Hồ Nam. Ấy là sào huyệt khó xâm nhập của giặc lưu khấu, là thú giặc rày đây mai đó, không có định tung. Chúng kết nhau thành đàn thành lũ, tiểu quân hàng chục hàng trăm đại quân hàng ngàn hàng vạn. Nhân dân bị chúng nhiễu hại, khốn nạn vô cùng.

Bấy lâu hễ chúng hoành hành lắm thì các quan địa phương hội đồng làm sớ tấu. Triều đình sai thổ quân tấn tiêu. Đánh dẹp có khi hằng năm, phí tổn có khi hằng vạn. Mà lúc tập binh cử sự, ma quỷ đã tàng hình, lúc ban sư hồi lữ, cáo chuột lại tụ đảng. Hoặc có lúc săn đàn đông, chúng lẫn đàn tây, đánh đàn nam chúng chạy lên đàn bắc. Rốt cuộc chẳng nên công trận gì mà cách phòng bị lại càng sơ

¹ Chữ về tên người đọc là *Cống* - Như Tử *Cống*, môn đệ của Khổng Tử. Về tên đất có người đọc chữ này là *Chương*. Cú tự điển tường nên đọc là *Cam* hoặc *Cảm* mới phải.

sài trễ biếng. Hễ thấy lúc phòng bị sơ sài trễ biếng như vậy, chúng lại ủa ra cướp phá. Thường có giặc mười năm, hai mươi năm mà vẫn không ai làm gì được chúng. Lại nữa khi chúng cầm binh khí, thời là thẳng giặc, bỏ binh khí, thời là người dân; kẻ lương người dữ cũng khó tra xét. Chánh sách khoan nhân thời ra nuôi giặc chớ không phải nuôi dân. Chánh sách nghiêm khắc thời ra giết dân, chớ không phải giết giặc.¹

Đến nay triều đình phải cậy đến văn thần Vương Dương Minh ra đánh dẹp. Bấy giờ tiên sinh đã bốn mươi lăm tuổi, về hạng xấp xỉ lão thành, được vua Vũ Tông tin cậy, và nhân có Thượng thư Vương Quỳnh (王瓊) tiến cử, nên qua tháng chín vua đặc mạng thẳng chức Đô sát viện Tả thiêm Đô ngự sử, Tuần phủ Nam, Cam, Đình, Chương đẳng xứ. (瓊察院左僉瓊御史;巡撫南贛汀漳等處).

Việc nước đương chờ, lòng vua sở cậy, tiên sinh vẫn không dám trễ mải. Nhưng mà niềm thương nhớ tổ mẫu cũng nặng trĩu bên lòng. Tiên sinh sớm mồ côi mẹ, nhờ bà nội chăm nom nuôi dạy, cho nên triu mến bà không khác nào con triu mẹ. Trước đã từng dâng sớ từ quan để về thăm bà, mà không được vua phê chuẩn. Nay đi ly nhậm, nhân tiện đường tiên sinh ghé lại quê nhà ở đất Việt. Mà lần này sẽ là lần chót tiên sinh được thấy mặt tổ mẫu quý yêu.

¹ Đoạn này có nhiều câu mượn ở lời dịch của Tùng Văn Nguyễn Đôn Phục, mà có sửa đổi lại một đôi chữ, một đôi chỗ.

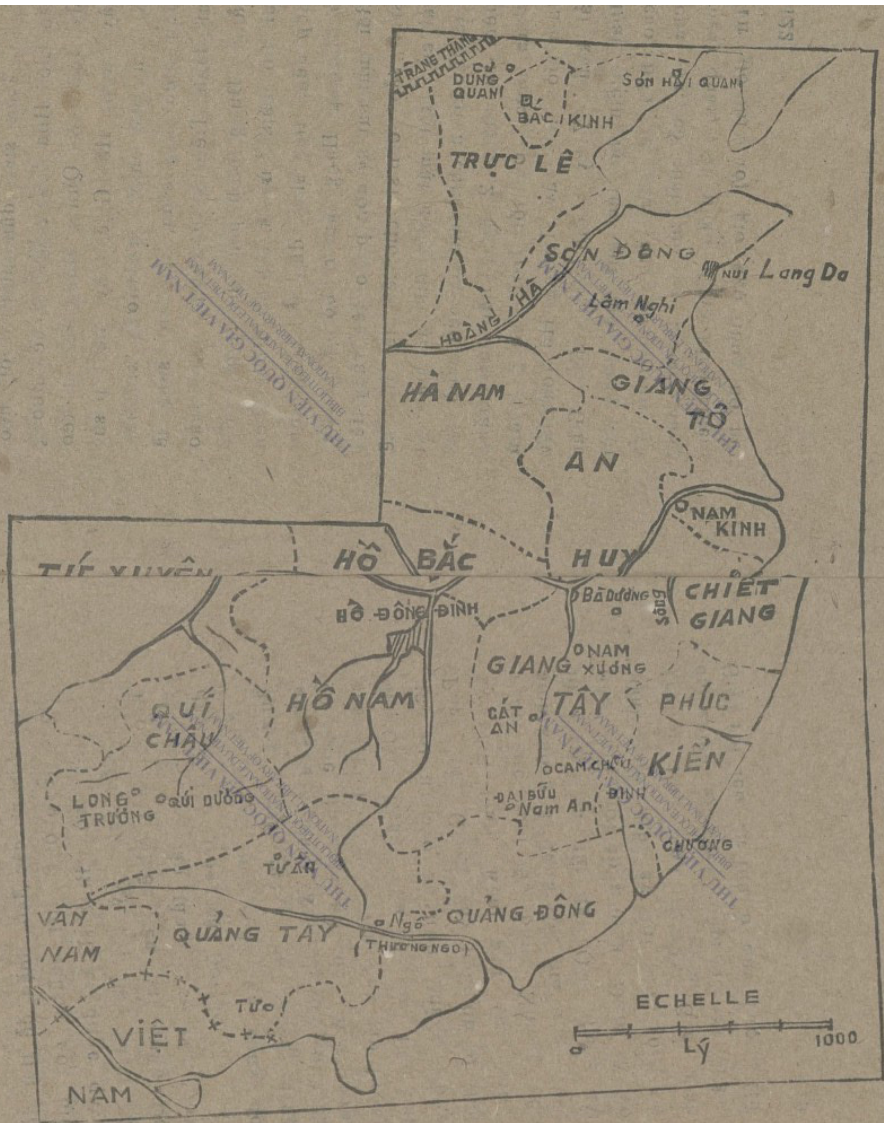
1. Bình giặc Chương Châu

Tháng giêng năm sau, đình sưu (1517) ngày 16 tiên sinh mới tới Cam Châu liền khai phủ. Trước khi đánh dẹp tiên sinh phải tổ chức lại trị an cùng quân đội. Về cuộc trị an, tiên sinh thi hành phép “thập gia bài” (十家牌). Cứ mười nhà biên làm một bài, khai liệt tên họ, quán tịch, tuổi tác, nghề nghiệp, của những người trong mỗi nhà. Mỗi ngày có người chuyên trách đến mỗi nhà xem xét thấy có kẻ lạ mặt khả nghi lập tức báo quan thẩm cứu. Phỏng có nhà nào giấu giếm kẻ khả nghi như vậy, thì tất cả mười nhà cùng một bài phải chung chịu trách nhiệm. Một phía khác tiên sinh cáo dụ các bậc phụ lão hãy khuyên con em lấy những điều phụ tử tử hiếu, huynh ái đệ kính, phu hòa phụ tùy, trưởng huệ ấu thuận, mà cư xử cho nhà nước dễ bề cai trị, cho phong tục thành tốt đẹp. Về việc quân binh, tiên sinh khiến trong bốn tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, Giang Tây, Hồ Nam, các quan binh bị hãy tuyển lấy trong mỗi huyện lối mười hay tám, chín kẻ mạnh dạng, lanh lẹ, gan dạ hơn hết cho nhập đội. Đại ước hai tỉnh Phúc Kiến và Giang Tây, mỗi tỉnh lấy chừng năm sáu trăm tên tốt ròng như thế, hai tỉnh Quảng Đông, Hồ Nam, mỗi tỉnh lấy độ bốn, năm trăm mà thôi. Ở trong đám đã lọc lựa như thế, rồi lại chọn lấy những kẻ xuất chúng cử làm tướng lãnh. Ý tiên sinh là binh không cần đông, mà cần ròng, cần luyện. Những kẻ hèn yếu có giữ lại trong quân đội, thời cho sung vào

đám công binh, lo việc làm lụng bếp núc giúp sĩ tốt, không khiến cảm thương lên ngựa. Các binh rông đã huấn luyện thành thục lại chia ra các đạo, hoặc để thủ đồn, hoặc để phòng tiết những nơi hiểm trở mà thôi. Binh sĩ ấy được quyền ứng biến xuất kỳ, gặp đâu đánh đấy, không phải phiền đến đại quân. Đạo tặc nhân mà lần lần biết sợ, còn lương dân có chỗ trông cậy bớt lo.

Khi phụng mạng đi tựu chúc, dọc đường, ngày mồng ba tháng giêng, ngang qua Nam Xương, tiên sinh đã có nghe tin giặc nổi dậy ở Chương Châu (Phúc Kiến), tiên sinh gấp đường đến Cam Châu. Vừa đến nơi tiên sinh liền di văn cho ba tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến, Giang Tây phải dự bị khắc kỳ khởi binh. Khai phủ vừa mười ngày, tức nghị tấn binh. Nhưng tiên sinh không đi đánh vội, mà ung dung tổ chức tiêm tất đã. Qua tháng hai tiên sinh mới động binh. Dưới cờ có 5.000 người. Khi ấy đại dinh đóng tại Trường Phú thôn (長富村). Gặp giặc đại chiến một phen chém giết rất nhiều. Giặc rút lên cự thủ ở núi Tượng Hồ (象湖).

Tiên sinh dẫn binh đuổi theo đến Liên Hoa Thạch (漣花石), bèn phong lũy, chờ binh Quảng Đông đến lại kéo vây Tượng Hồ. Giặc thấy thế cấp sức giải vây mà chạy. Chư tướng xin tiên sinh điều lang binh, chờ thu sang sẽ lại đánh. Tiên sinh không nghe, bảo rằng: Dùng binh phải tùy thời, biến tại hô hấp. Vừa khi binh Phúc Kiến tiếp đến, tiên sinh



dẫn lên đóng đồn ở Thượng Hàng, làm ra bộ bất chiến, rồi mật sai kẻ đồn phao lên rằng: tiên sinh sắp hoàn sư, chờ đến tiết thu sẽ tái cử. Một mặt khác thì lại sai các đạo binh chia làm ba nẻo, chờ đến đêm 19 tháng 2 ấy, nhân lúc trăng chưa mọc, còn tối trời, cùng ngậm tăm đồn lên vây Tượng Hồ đoạt lấy ải khẩu. Y kỳ, binh xông đến. Giặc thất hiểm, lại lên giữ một từng núi cao, bốn bề như vách dựng, vận gỗ chất đá, cố chết mà cự chiến. Rạng ngày quân binh phấn dũng kịch chiến. Từ giờ thìn tới giờ ngọ tiếng hò hét dậy đất động trời. Bỗng kỳ binh của ba tỉnh theo đường gian đạo đột ngột leo lên núi reo vang, giặc kinh hãi tan vỡ chạy chết. Quan quân thừa thắng đuổi theo. Binh Phúc Kiến phá được hơn 30 sào huyết của giặc ở Trường Phú Thôn, binh Quảng Đông phá được 13 sào huyết của giặc ở Thủy Trúc (水竹) và Đại Trùng Khanh (大重坑). Giặc bị chém giết có hơn 7.000 đứa, còn phù lỗ (quân bị bắt) và khí giới lương thực đã về tay quân binh thời không sao xiết kể.

Thế là mũi giặc lưu khẩu hoành hành những hai mươi năm trời, ở miền Chương Châu Nam An, chỉ trong ba tháng mà dẹp sạch sành sanh. Tháng tư đã ban sư.

Thành công một cách rõ ràng như vậy, tiên sinh không tự túc. Mà vừa cuốn giáp, tháng sau đã bắt đầu tổ chức lại quân đội. Tiên sinh cho rằng: phép tập chiến không gì hơn hàng ngũ, phép trị chúng

không gì hơn phân số.¹ Bởi thế, sắp đi tập các binh, tiên sinh trước lập binh phù.

Cứ phân 25 người làm một *ngũ* (伍), trong mỗi ngũ có một viên tiểu giáp (小甲); 50 người làm một *đội* (隊), trong mỗi đội có một viên tổng giáp (總甲), 200 người làm một *tiệu* trong mỗi tiệu có một viên tiệu trưởng và một viên hiệp tiệu (協哨);² 400 người làm một *dinh* trong mỗi dinh có một viên dinh quan và một viên tham mưu (參謀); 1200 người làm một *trận* (陣) trong mỗi trận có thiên tướng (偏將) 2.400 người là một *quân* trong mỗi quân có phó tướng. Số thiên tướng, không nhất định khi lâm trận tùy nghi định đặt.

Tiểu giáp chọn kẻ nào tài lực hay hơn hết trong các ngũ mà lấy ra. Tổng giáp chọn kẻ nào tài lực hay hơn hết trong hàng tiểu giáp mà lấy ra. Tiệu trưởng thì lại chọn trong số ngàn trăm nhà nghĩa quan, kẻ nào tài thức hơn người mà cử lên chức ấy. Phó tướng có quyền phạt thiên tướng; thiên tướng có quyền phạt dinh quan, dinh quan có quyền phạt tiệu

¹ Tức như người Langsa nói: Diviser pour régner.

² Chữ này chỉ tìm thấy trong Hán Việt từ điển của Nguyễn Văn Khôn: Chỗ quân đóng để phòng trộm cướp; một âm nữa là tiêu.

Từ điển online hvdic.thivien.net chỉ có từ tương đương trong chú của Nguyễn Văn Khôn: tiêu (và sáo). Còn có nghĩa nữa là: lính canh, lính gác...

trưởng; tiểu trưởng có quyền phạt tổng giáp; tổng giáp có quyền phạt các người khác trong ngũ.

Tuyển binh xong, lại cấp cho năm người một cái bài biên rõ tên họ tất cả hai mươi lăm người cùng trong một ngũ, khiến cho họ liên lạc nhau mà luyện tập. Ấy gọi là ngũ phù. Trong mỗi đội làm ra hai cái bài chỉ biên số hiệu không biên tên họ; một cái đưa cho Viên tổng giáp, một cái giữ lại nơi bốn viện, ấy gọi là đội phù. Trong mỗi tiểu cũng làm ra hai bài, vẫn chỉ biên số tiểu, một cái đưa cho tiểu trưởng, một cái giữ lại nơi bốn viện. Ấy gọi là tiểu phù. Trong mỗi dinh cũng làm ra hai bài, vẫn cũng chỉ biên số hiệu, một cái giao cho dinh quan một cái giữ lại nơi bốn viện. Ấy gọi là quan phù. Phàm ra trận thời phát phù cứ số hiệu mà hành, để phòng ngừa gian nguy.

Cách lập binh phù của Vương Dương Minh, sánh với cách tổ chức quân đội ở Âu châu ngày nay không khác gì mấy.

Ngoài việc binh bị, tiên sinh lại sắp đặt cuộc trị an. Tiên sinh thấy giặc tuy đã dẹp rồi, nhưng đồ đảng hầy còn nhiều, nên chi sứ tấu xin thiết lập huyện trị. Lời sứ tâu nói rằng: “Giặc bàn cứ ở Hà Đầu, cùng hung cực ác. Đã phải động tam quân, hiệp sức hai tỉnh mới dẹp yên được. Nếu bây giờ không sớm tính xa, thời chẳng qua trong vài năm thế giặc lại nổi dậy. Cái họa đạo tặc trong một nước, ví chẳng khác bệnh tật trong một người.

Hưng sư chinh thảo, ví chẳng khác phép châm

cứu, thang dược để công trị. Mà đặt huyện võ dân, ví chẳng khác phép ăn uống điều dưỡng. Nếu chuyên công trị, mà không vụ điều dưỡng, thời bệnh sẽ theo gót mà phục khởi, chừng ấy dầu cho tài Biển Thước, Thương Công cũng không có thuật gì trị được nữa”.

Theo tiên sinh thời chốn Hà Đầu là chỗ yết hầu của các tặc sào, nên đặt huyện ở đó. Còn Phường Đầu cũng như cửa miệng của Hà Đầu, thời nên dời Tuần Kiểm ty (巡檢司) ở Hà Đầu về đó. Triều đình y tấu, đặt huyện Bình Hòa tại Hà Đầu.¹

Về kinh tế tiên sinh dâng sớ xin cho muối được lưu hành như xưa. Nguyên năm Chánh Đức thứ sáu (1511) lệnh cho muối Quảng Đông và Phúc Kiến đã có đóng thuế rồi khi ngang qua Chiết Mai Đình (折梅亭) thì đến các phủ Cát An (吉安), Viên Châu (袁州) (nay là Nghi Xuân – 宜春) và Lâm Xuyên (臨川) nhà nước lấy 10% mà ở Cam Châu (贛州) thời được buôn bán tự do khỏi phải nạp sưu thuế gì nữa. Muối Quảng Đông Phúc Kiến không có đi ngang qua Chiết Mai Đình, thời đến Cam Châu phải nạp 10%. Cách đánh thuế muối như thế được tiện việc cho nhà nước và cho cả nhà thương mại. Song đến năm Chánh Đức thứ chín (1514) lại có lệnh hạn chế muối Quảng Đông chỉ cho bán đến Cam Châu mà thôi, không cho xuôi dòng sông đi xuống các phủ Cát, Viên, Lâm. Từ khi lệnh

¹ Huyện ngày nay vẫn còn thuộc đạo Đình Chương, Tỉnh Phúc Kiến.

này ra đến giờ (1517) dân cư trong ba phủ ấy phải ăn muối đất Hoài (Giang Tô). Muối đất Hoài phải ngược dòng sông chở đến, đường đi gành đá lởm chởm, rất hiểm trở, nên chỉ đến tỉnh thành (Nam Xương – 南昌) thương thuyền đều dừng lại. Dân cư trong ba phủ Cát, Viên, Lâm, vì thế phải chịu nỗi khổ cao giá, mà cuộc buôn bán cũng trở ngại lắm. Cấm muối Quảng Đông vào cảnh giới Cát, Viên, Lâm có hại cho dân như thế, mà không có lợi chi cho nhà nước cả. Tại Cam Châu muối Quảng Vân được lưu hành. Mà Cam Châu cùng mấy phủ Cát, Viên, Lâm địa lý tương liên, đường nước đi không quá một ngày. Bọn gian thương vẫn lén chở muối từ Cam Châu đến các nơi kia, cũng bán giá đắt cho dân cư mà nhà nước mất sưu thuế. Thảng hoặc nhà nước cũng có bắt được một hai đũa gian thương mà chín tám vẫn ngoài vòng pháp luật.

Từ 20 tháng 11 năm Chánh Đức thứ sáu (1511) cho lưu hành muối Mẫn Quảng, đến cuối tháng 5 năm Chánh Đức thứ chín (1514) nhà nước thu thuế muối được hơn 40.840 lượng. Trong mấy năm ấy chi phí về quân bị cho địa phương này chỉ có 38.290 lượng. Vậy số thuế muối đủ cung cấp cho quân binh.

Xét những điều lợi hại như thế, ngày rằm tháng 6 năm Chánh Đức thứ mười hai (1517) Vương Dương Minh dâng sớ xin cho muối Mẫn Quảng được lưu hành vào mấy phủ Cát, Viên, Lâm như trước kia.

Sớ được phê chuẩn.

Đặt huyện trị, cho muối lưu hành, tiên sinh đều

xin được như ý cả rồi. Còn một điều thưởng phạt quân binh, tiên sinh thấy cũng cần lắm. Tiên sinh bèn dâng sớ, nói rằng: “Quốc gia vẫn có phạt điển, vẫn có thưởng cách. Nhưng mà phạt điển, chỉ hành sau khi đã tham để, không hành lúc lâm trận đối địch; thưởng cách chỉ hành trong những thuở đại quân chinh tiến, không hành trong những khi tầm thường dụng binh. Đời xưa, thưởng không để qua lúc, phạt không để xong việc. Qua lúc mới thưởng, cùng với không thưởng cũng như nhau. Xong việc mới phạt, cùng với không phạt cũng như nhau. Huống chi, qua lúc lại không thưởng, xong việc cũng không phạt, thời lấy gì tế nhất nhân tâm, tác hưng sĩ khí?... Được lấy phép tra thưởng của đại quân mà hành trong lúc bình thời, như được lệnh kỳ lệnh bài, để tiện nghị hành sự, mà binh không tinh giặc không diệt thời thần xin cam tội chết”.

Binh bộ Thương thư là Vương Quỳnh, vốn người đã quý yêu tín nhiệm và đã tiến cử tiên sinh thấy sớ dâng lên, bèn phúc tấu xin hãy theo lời thỉnh của tiên sinh. Tháng 9 tiên sinh được cải chức Đề đốc Nam, Cam, Đinh, Chương đẳng xứ Quân vụ, khâm cấp kỳ, bài đặc tiện nghị hành sự (堤督南贛汀漳等處軍務欽給旗牌得便宜行事).

Sắc dụ có những lời: “Địa phương Nam An, Cam Châu, tỉnh Giang Tây cùng với hai phủ Đinh, Chương tỉnh Phúc Kiến, với bốn phủ Nam Hùng, Thiệu Châu (韶州), Triều Châu (潮州), Huệ Châu (惠州) tỉnh

Quảng Đông, với Sâm Châu (郴州) Quế Dương tỉnh Hồ Quảng¹ cùng giáp cận với nhau, núi non liên tiếp. Trong đó đạo tặc nổi dậy không kể là lúc nào, sẵn đảng đông chúng lẫn sang đảng tây, đánh đảng nam chúng chạy lên đảng bắc. Ấy nhân vì việc địa phương không thống thuộc tỉnh nào, tỉnh này nạnh tỉnh nọ, khó xử trí. Trước đây có đặt ra một viên Đô ngự sử tuần phủ địa phương ấy, coi việc đánh dẹp đạo tặc nhưng mà trách nhiệm không chuyên, cứ phần nhiều theo nhân tuần cầu thả không hay thân mình thường phạt để tưởng lệ lòng người, hóa nên đạo tặc nẩy nở ra nhiều, mà địa phương phải mang họa. Nay nhân có sở tấu của người và có binh bộ phúc tấu sớ lý, đặc mạng cho người để đốc quân vụ, thường trú tại Cam Châu hoặc Đinh Châu, song vẫn phải đi qua các xứ kể trên để vỗ về quân dân, sửa sang thành trì, ngăn ngừa gian tế. Nhất ứng binh mã tiền lương sự nghi, đều được tiện nghi thu hoạch, cho đủ quân hưởng. Nhưng mà khi có đạo tặc phát sanh, thời nghiêm đốc các binh bị thú bị, thú tuần cùng các quân vệ hữu ty, thiết pháp điều binh tiểu sát. Bất câu văn chúc vũ chúc nếu tại quân tiền có sai phép... đều được lấy quân pháp bắt tòng sự. Đạo tặc bắt sống được tra hỏi minh bạch rồi, được phép chém đầu răn chúng. Người làm phong hiến đại thần nay chịu mạng mới nẩy cũng phải liêm năng cương

¹ Hồ Quảng xưa gần hai tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc.

quả, tẩy sạch những sự tích tề đặng mà giúp triều đình đã có ý ủy nhiệm cho người, bằng như vi bội thời sẽ có chỗ trách cứ”...

Ấy là Vương Dương Minh nghiêm nhiên làm một chức toàn quyền ở xứ Giang Tây.

2. Phủ dụ tặc sào

Quyền hành rộng như thế, song không phải mỗi lúc nhà hiền triết Vương Dương Minh mỗi dùng đến. Tin nhiều hơn ở thuyết lương tri của mình phát minh ra, tiên sinh muốn thí nghiệm nó.

Bấy giờ tuy giặc ở Chương Châu đã bình rồi, mà trong tỉnh Quảng Đông hãy còn nhiều tặc sào ở Lạc Xương (樂昌) và Long Xuyên (龍川). Có nhiều quan đề nghị nên dẹp giặc này liền. Tiên sinh không nghe, bảo rằng cần phải đánh Hoàng Thủy, Thũng Cương đã. Sắp cất quân đi đánh hai nơi này, tiên sinh lo cho quân giặc ở Lợi Đầu (gần huyện Long Xuyên) thừa lúc quan binh đi đánh xa mà ra nhiều hại nhân dân. Bèn dùng mưu phủ dụ. Tiên sinh đưa thịt, rượu, tiền bạc, vải bố để khao chúng. Lại đưa cả lời cáo dụ. Tiên sinh nghĩ rằng: cái tính của quân đạo tặc tuy là hung ngoan, nhưng chúng cũng biết sợ ưu diệt. Vậy thì có thể chiêu dụ chúng. Nhưng chiêu dụ chỉ cảm được đứa vô cô, bị bức hiếp mà theo can, chớ không hóa được bọn trưởng ác. Xem bài văn của tiên sinh biết tiên sinh không phải xa vọng:

“Bốn viện tuần phủ địa phương này, chức vụ

chuyên lo dẹp sạch đạo tặc cho an dân. Khi mới lý nhiệm đã nghe các người từng nhiều năm cướp bóc hương thôn sát hại lương thiện. Dân bị hại đến cáo báo suốt tháng không hở ngày nào. Bốn viện muốn lập tức điều đại binh tiêu trừ các người. Khi qua Phúc Kiến đốc chinh khẩu tặc ở Chương Châu, ý định chờ ngày hội quân sẽ quét sạch sào huyệt các người. Về sau đã bình xong khẩu tặc ở Chương Châu, xét lại những tên giặc giết được bắt được, thấy trong số ngoài 7.600 chẳng qua đương thời xướng ác chỉ có 50 đứa; theo nhập đảng ác không quá 4.000 đứa kỳ dư phần nhiều là vì nhất thời bị hiếp bức mà đi theo. Thấy vậy bất giác bốn viện sinh xót thương. Nhân đó nghĩ rằng trong sào huyệt của các người há lại không có kẻ bị hiếp bức mà phải theo sao! Huống chi nghe rằng phần nhiều các người cũng là con em nhà đại gia, hẳn trong đó cũng có người thông hiểu sự thế, rõ biết sự lý. Từ khi ta đến đây chưa từng khiến một ai đến phủ dụ các người, nếu hưng sư diệt tận các người thời há chẳng gần với sự “bất giáo nhi sát” hay sao? Làm vậy, thời ngày khác trong lòng ta sẽ còn mãi điều hám. Bởi thế, nay ta đặc khiến người đến cáo dụ các người. Đừng nói rằng binh lực cơ cường, thời binh lực các người lại cường hơn, đừng nói rằng sào huyệt có hiểm, thời sào huyệt các người càng hiểm hơn nữa. Nay ta đã tru diệt cả, không còn gì hết, các người há không nghe thấy hay sao!

Phàm nhân tính đều lấy làm sỉ nhục không gì

hơn được tự thân mình mang lấy cái danh làm đạo tặc: điều mà nhân tâm cùng lấy làm tức giận, không gì quá hơn nỗi khổ tự mình bị cướp giựt. Nay phỏng khiến có kẻ mắng các người là đạo tặc, tất nhiên các người vùng nổi giận lên. Các người há lòng ghét cái “danh” xấu ấy mà thân lại chịu cái “thật” như thế sao? Lại phỏng khiến có kẻ đốt nhà của các người, cướp giựt của cải các người, bắt bố vợ con các người, các người tất oán giận đến xương, thà chết mà báo thù. Các người lại làm những điều như vậy cho người khác, họ không oán các người đó ru? Lòng người đều như vậy cả, lẽ nào riêng một mình các người chẳng biết hay sao? Đến mà phải muốn làm như vậy, tưởng ở trong cũng có điều bất đắc dĩ. Hoặc vì bị quan phủ bách bức các người, hoặc vì bị cường hào đại hộ xâm phạm các người, làm cho nhất thời các người nghĩ sai lạc, lỡ lầm vào đảng, rồi sau không dám bỏ ra. Bao những nỗi khổ tình ấy đều rất đáng xót thương. Nhưng mà đều bởi các người hối ngộ không thâm thiết. Các người trong buổi đương sơ đi theo bọn giặc, ấy là người sống mà đi tìm đường chết, còn có lúc bỏ đường ấy được tất cũng bỏ đi. Nay muốn cải hạnh tòng thiện ấy là người chết mà cầu đường sống, lại há không dám làm nữa là gì? Nếu các người khứng chịu, như buổi đương sơ theo giặc liều mạng mà làm, cầu cải hạnh tòng thiện, thời quan phủ ta đây há có lẽ gì cần phải giết hại các người sao? Các người đã lâu ngày tập nhiễm thói

ác độc, nhẫn tâm giết người, nên lòng quá ngờ vực. Các người có biết đâu cái lòng của kẻ trên như ta, vô cớ mà giết một con chó còn không nỡ thay hướng chi mạng người quan hệ đạo trời, nếu dễ dàng giết người thì trong cõi mình mình tất có báo ương họa đến đời con cháu còn phải chịu. Nỗi gì mà phải muốn làm như vậy? Mỗi lúc vì các người ta nghĩ ngợi đến đó, thường suốt đêm không thể ngủ yên. Ấy, nào phải không muốn tìm một đường sống cho các người đâu. Duy nếu thiệt các người ngu muội cứng đầu không cảm hóa được, thời nhiên hậu bất đắc dĩ mà hưng binh, ấy không phải là ta giết các người mà là trời giết các người vậy. Nay nói rằng ta tuyệt nhiên không có lòng giết các người cũng là nói dối các người. Nếu nói rằng ta thật có lòng muốn giết các người, lại cũng không phải bốn tâm của ta vậy. Các người ngày nay tuy là lòng ác, mà trước kia cũng đồng là con đỏ của triều đình. Thí như một nhà cha mẹ sanh mười đứa con, mà tám đứa làm lành, có hai đứa bội nghịch muốn hại tám đứa kia, thời lòng cha mẹ ắt phải lo trừ khử hai đứa đó mà rồi sau tám đứa mới có thể an sinh. Con cũng đồng là con, lòng cha mẹ có nào muốn riêng giết hai đứa? Ấy là sự bất đắc dĩ vậy. Ta đối với các người, chính cũng như thế. Nếu hai đứa con kia, nhất đán biết hối ác thiên thiện, kêu khóc thú thật thời kẻ làm cha mẹ tất cũng xót thương mà dung cho. Là có sao? Có là không nỡ giết con vậy. Ấy là cái bốn tâm của kẻ

làm cha mẹ. Nay được mà toại bốn tâm, mừng nào mừng bằng may nào may bằng.

Ta đối với các người cũng lại chính như thế.

Nghe rằng các người đi làm giặc cũng lắm nỗi đắng cay, mà cướp giựt không bao nhiêu, trong vẫn có đứa ăn còn đói, mặc chẳng lành. Sao lại không đem cái tinh lực cần khổ đi làm giặc mà dùng vào việc cày cấy, xoay qua việc bán buôn, có thể làm được no đủ giàu có, mà an hưởng dật lạc phóng tâm túng ý, du quan trong thành thị hoặc ưu du trong chốn dã điền. Há có như ngày nay nơm nớp kinh hãi. Ra thời sợ quan, lánh thù, vào thời ngựa bắt e giết; giấu hình nấu vết, ưu khổ trọn đời, mà rốt lại rồi thân sẽ chết, nhà sẽ tan, vợ con sẽ bị giết nhục, nào có tốt gì sao? Nếu các người tự lường kỹ lại, biết nghe lời ta mà cải hạnh tòng thiện, thời tức khắc ta sẽ xem các người là kẻ lương dân, vỗ các người như con đỏ, càng không truy cứu tội lỗi đã qua của các người. Như bọn Diệp Phương, Mai Nam Xuân, Vương Thọ, Tạ Việt, nay ta vẫn đãi như kẻ lương dân. Các người há chẳng có nghe biết hay sao? Nếu các người tập tánh đã thành rồi, khó bề sửa đổi, thời cũng do các người mặc ý làm ra. Phía nam, ta sẽ điều binh Lương Quảng, phía tây ta sẽ điều binh Hồ Lương, rồi ta thân suất đại quân, vây sào huyệt các người. Một năm chẳng rồi việc thời hai năm, hai năm chẳng rồi việc thời ba năm. Tài lực của các người thời có hạn, binh lương của ta thời không cùng. Phỏng khiến các người đều

là cộp mọc cánh cũng chẳng không thể trốn ra ngoài cõi trời đất cho được.

Ô hô! Ta há ưa giết các người sao? Nếu các người muốn hại lương dân của ta, khiến cho lương dân của ta rét không áo mặc, đói không cơm ăn, ở không nhà, cày không trâu, cha mẹ tử vong, vợ con ly tán; mà ta muốn khiến dân ta lánh các người, thời điển nghiệp đã bị các người xâm đoạt, không thể còn đất mà lánh đi, muốn khiến dân ta đứt lót các người, thời gia tư đã bị các người vơ vét, không thể còn của mà đứt lót; đến nước như thế là các người làm cho ta phải ra mưu, tất cũng phải giết sạch các người mà rồi sau mới nên việc được.

Ta nay đặc khiến người phủ dụ các người, gởi thịt rượu, vải bố, tiền bạc, cho các người cùng vợ con các người, kỳ dư còn nhiều kẻ ta không thể thông đến được, ta cũng một đường hiểu dụ tất cả. Các người nên tự mưu toan cho hay đi! Lời ta đã cạn lời, lòng ta đã hết lòng. Như thế, mà nếu các người không nghe thời không phải ta phụ các người, mà là các người phụ ta, ắt ta sẽ không có gì lấy làm hám hối vậy.

Ô hô! Dân đồng bào ta, các người đều là con đỏ của ta. Lâm cùng mà không thể vỗ về thương xót các người, cho đến nỗi phải giết các người, thời ta đau đớn thay! Đau đớn thay! Ta nói đến đây, bất giác trào nước mắt”.

Vương Dương Minh đã có lần làm cảm động được một nhà sư, đến bỏ chùa mà về. Nay tiên sinh

lại cũng muốn khêu gợi lương tri của con người một lần nữa. Lời dụ vẫn tha thiết tình thương xót kẻ vô cô. Quân giặc không thể cầm lòng cho được. Bấy giờ những tù trưởng như Hoàng Kim Sào (黃金巢), Lư Kha (盧珂) dẫn chúng ra đầu thú, nguyện liễu chết báo ân. Duy đại tặc thủ là Trì Trọng Dung không chịu. Kinh luân thao lược tiên sinh gồm tài. Tiên sinh sau này nếu thật “khí thể luy nhược, chất tánh vu sơ” (氣體羸弱質性迂疏) “tâm có thừa, tài chẳng kịp, chơn muốn tới mà sức chẳng dỏi” (心有而,才不逮,足欲進,而力不前),¹ triều đình cũng cho là lời nói khiêm tốn để thối thác, chớ không chịu nhận cho tay rường cột nước nhà ấy quả vì tật bệnh mà không kham đảm nhiệm việc binh nhung.

Xét công đã bình được Chương khấu, triều đình cho tiên sinh thăng một cấp, và xuống sắc tướng lệ.

3. Bình giặc Hoàng Thủy và Thủng Cương

Chương khấu vừa bình xong, thời ngày mồng 5 tháng 6 các huyện Đại Dữu (大庾), Thượng Do (上猶), Nam Khang (南康) báo tin tướng giặc Tạ Chí San mở cuộc sửa sang chiến cụ lớn lao, dự bị đánh Nam Khang, rồi thừa dư đánh vào Quảng Đông. Thế là người ngựa chưa kịp nghỉ, mà Đế đốc Vương Dương Minh phải đem thân bệnh tật dẫn vào can qua.

Tạ Chí San là một tay tướng giặc ghê gớm bàn

¹ Đây là những lời của tiên sinh. Tâm hữu dư nhi tài bất đãi, túc dụng tiến nhi lực bất tiền.

cứ cả ngàn dặm châu vi, thiết lập hơn tám chục sào huyết, ở vùng đất nằm giữa ba huyện Đại Dữu, Thượng Do, Nam Khang, vùng đất ấy đông tây nam bắc cách nhau có hơn ba trăm dặm (ngoài 170 km) xa xuôi ít thấy dấu chơn người. Ban sơ chúng tặc ở Quảng Đông mà lưu lại. Chầy tháng lâu năm, số chúng lớn dần ra, ngày một đông đúc. Chúng phân quân tụ đảng, kẻ lấy số hàng vạn. Ban đầu cướp giết hương thôn, sau lần đến quận huyện. Mấy năm gần đây lại càng lộng ngược, không còn kiêng kỵ chi nữa. Tạ Chí San coi triều đình không có, riêng một góc trời tự hiệu Chinh Nam Vương (征南王). Trên hai mươi năm, chúng giặc đồ độc dân cư hơn mấy quận cướp giết của cải, nhà cửa, điền đất vợ con người ta, khôn kể xiết.

Yếu điểm của chúng là mấy xứ Hoành Thủy (橫水) (nay là huyện Sùng Nghĩa (崇義)) Tả Khê và Thũng Cương (桶岡)¹ (cách Hoành Thủy độ một trăm dặm, nghĩa là lối 57 km).

Quan Tuấn Phủ Đô ngự sử tỉnh Hồ Quảng đề nghị xin binh ba tỉnh giáp công. Các quan hội đồng, định đánh Thũng Cương trước. Vương Dương Minh bảo rằng:

Quân giặc ở các sào huyết Thũng Cương, Hoành Thủy, Tả Khê, đồ độc ba tỉnh, thời cái hoạn ấy tuy

¹ Chữ 桶 quen đọc là *đồng*. Những tường nên đọc là *thũng*. Xưa chắc là đọc *thũng* nên nói biến ra tiếng *thùng* (cái thùng).

ba tỉnh đồng chịu chung, nhưng mà sự thể mỗi nơi mỗi khác. Đứng bên Hồ Quảng mà nói thời các sào huyệt ở Thũng Cương ví cũng như cổ họng của quân giặc còn các sào huyệt ở Hoành Thủy, Tả Khê ví cũng như bụng, tim của chúng. Song đứng về phía Giang Tây mà nói, thời các sào huyệt ở Hoành Thủy, Tả Khê cũng ví như bụng tim của chúng mà sào huyệt ở Thũng Cương thời lại ví như vây cánh mà thôi. Bằng nay mà không trước đánh Hoành Thủy, Tả Khê để trừ cái hoạn bởi bụng bởi tim, lại đem binh ba tỉnh giáp công Thũng Cương, thời là tấn binh giữa hai phía giặc, thọ địch cả trước bụng sau lưng, thế tất là bất lợi.

Đó rồi quyết nghị nên trước đánh Hoành Thủy, Tả Khê và khắc kỳ ngày mồng 1 tháng 11 sẽ cùng binh Hồ Quảng giáp công Thũng Cương. Nghị xong liền phân bố các tiệu đạo một cách mật thiết. Suất binh tổng cộng có lối một vạn người (10.000 hommes). Ngày mồng bảy tháng mười các tiệu tể phát, một phần kéo đi Hoành Thủy, một phần kéo đi Tả Khê. Vương Dương Minh thân suất hơn một ngàn binh kéo đi Hoành Thủy. Ngày mồng 9 binh tiên sinh đến Nam Khang. Ngày sau đóng đồn ở Chí Bình. Sai thám tử dò xét bốn bên thời ra quân giặc vẫn không liệu có sự gấp rút, những tướng quan binh chưa tập trung, sứ kỳ còn xa nữa, và chắc đánh Thũng Cương trước. Khi ấy các quan đều giống la tụ chúng, hô hào đốc suất quan binh, truyền lệnh

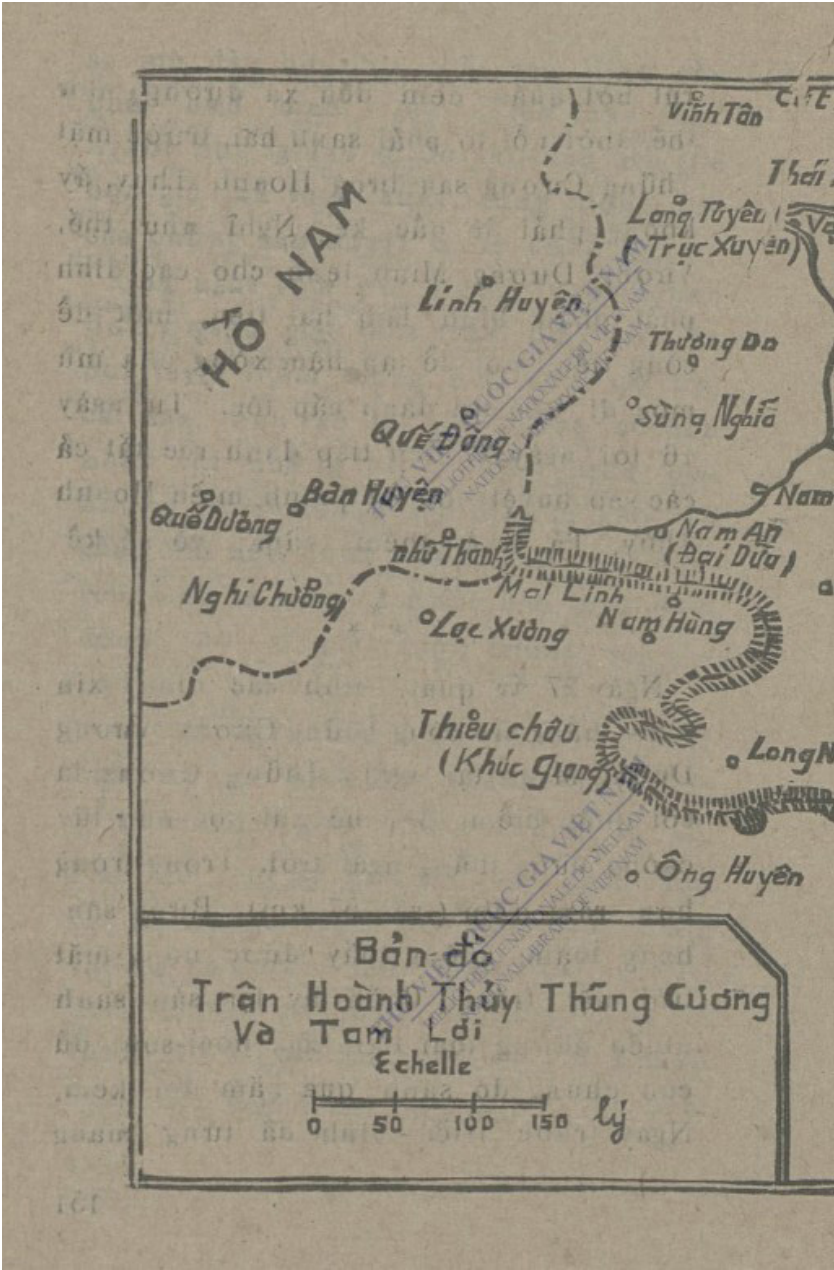
cứ thủ các hiểm ải. Binh của tiên sinh thừa lúc đêm kéo tới. Sáng ngày độ cách ổ giặc ba mươi dặm (lối 17 km) lại dừng, mà đồn gỗ đào đất, làm ra dáng đóng đồn bền bỉ lâu dài. Song tối lại hôm đó sai bốn trăm quân leo núi giỏi, mỗi tên một cây cờ, theo đường gian đạo, vịn đê búi vách mà trèo lên, đem súng nhỏ, súng lớn, câu liêm, đặt khắp trên chót vót núi và trộm nhìn xem động tịnh bên phía giặc. Bấy giờ quân giặc đã trương cờ xí và đốt hơn vài ngàn bếp lửa, chờ cho quan binh đến chỗ hiểm thời quay súng châm ngòi mà nghinh chiến.

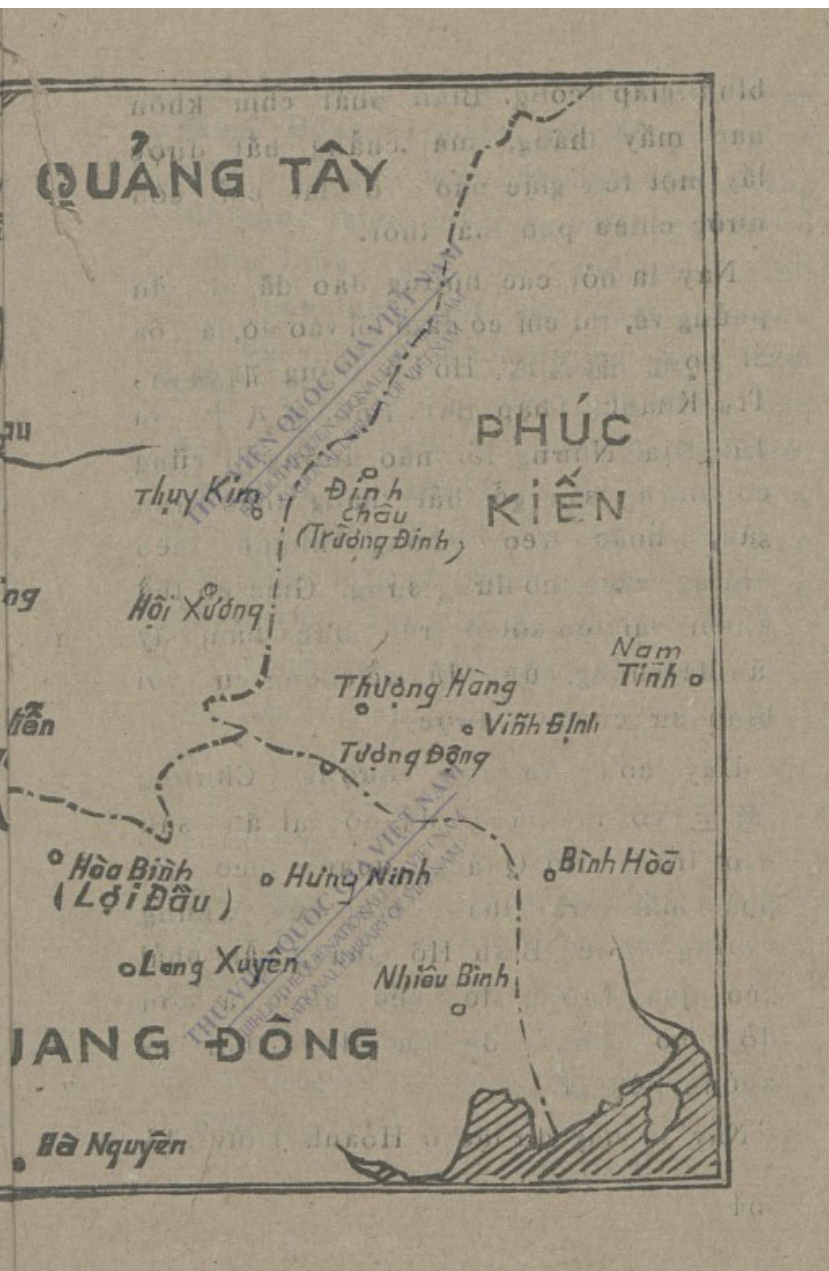
Sáng sớm ngày mười hai binh của tiên sinh đã đến ải Thập Bát Diện (十八面隘). Giặc đương cú hiểm đợi giao chinh. Bỗng gần xa, khắp trên đỉnh núi, tiếng súng đồng gấm như sấm;¹ khói, lửa dậy bốn phương. Quan binh dưới ải thêm hò hét chấn động, tên đạn bắn vãi như mưa. Giặc kinh hoảng thất thổ, ngỡ là quan binh đã nhập hết trong sào huyệt của chúng rồi, bèn bỏ nơi hiểm mà chạy lùi đi. Quan binh tràn đến chiếm cứ hiểm địa. Phần thời thừa thắng đuổi theo giặc, phá được rất nhiều sào huyệt. Tay tướng lãnh của giặc là “Chinh Nam Vương” Tạ Chí San bỏ chạy. Hoành Thủy và Tả Khê đều hoàn toàn về quan binh, với muôn vàn khốn khổ. Nguyên

¹ Khoảng cuối triều Chánh Đức người Portugais (Bồ Đào Nha) đã đem súng đồng bắn đạn đi được 300m bán bên Tàu. Hà Nho làm quan Tuần Kiểm ở Bạch Sa (Quảng Đông) học được phép chế.

vì các đường thông vào ổ giặc đều bị chúng chặn đá, chắn gỗ, gài bẫy, đặt hầm, không thể đi được. Ngày đêm quan binh phải lội qua rãnh sâu, đạp lướt gai gốc mà đi. Gặp những chỗ hiểm tuyệt thời quãng dây buộc cột ở mép hố, níu nhau như xâu cá mà leo lên, đèo nhau như vọc khỉ mà chuyển xuống. Thỉnh thoảng có kẻ trợt chơn sa dưới hang sâu, may mà chẳng chết, thời có khi nằm đó mấy ngày mới lần lên được. Vì thế, chiếm xong Hoành Thủy và Tả Khê quan quân đều đuối sức, không thể còn khu trục chi được nữa. Và lại trời cũng đã tối nên phải dồn binh. Sáng ngày sau mưa móc mịt mù, trong gang tấc còn không thể nhìn rõ. Luôn mấy ngày sa mù dày bí như thế, các dinh đều phải hưu binh, mà khiến mấy chục người hướng đạo đi dò xét tung tích của bọn giặc đã thua chạy, cùng động tĩnh của những sào huyệt chưa đánh tới.

Qua ngày rằm các hướng đạo về báo tin: “quân giặc thua trận, dựa vào các nơi tuyệt hiểm trong núi non, cất trại cất sà, tính kế lui giữ. Cũng có bọn nhập với những sào huyệt chưa phá nhưng chúng không ngờ binh ta kéo vào gấp, cho nên chưa vận tải lương thực. Nếu binh ta chia ra khắp nẻo theo đuổi đánh, thời sẽ bắt được không sót tên nào”.





Nay là ngày rằm tháng 10 rồi. Mà đã khắc kỳ với binh Hồ Quảng đến mồng 1 tháng 11 sẽ giáp công ở Thũng Cương. Như thế thời kỳ hạn đã thấy bách lắm. Mà từ Hoành Thủy đây cho đến Thũng Cương còn trên một trăm dặm (lối 60 km) đường núi gay go hiểm tuấn, ba tháng mới có thể đến nơi. Nếu giữ Hoành Thủy, Tả Khê chưa được yên, lại phải rút bớt quân đem đến xa đường như thế, thời nổi lo phải sanh hai, trước mặt Thũng Cương sau lưng Hoành Thủy ấy không phải là đắc kế. Nghĩ như thế, Vương Dương Minh lệnh cho các dinh phải phân binh làm hai tiêu, một để công tiến, một để tập hậu, xông pha mù mốt đi gấp tới đánh cấp tốc. Từ ngày 16 tới ngày 27 liên tiếp đánh rốc tất cả các sào huyệt còn lại quanh miền Hoành Thủy, Tả Khê chém, cầm vô số kẻ.

*

* *

Ngày 27 ấy, quan binh các dinh xin thừa thắng tấn công Thũng Cương. Vương Dương Minh lại nghị: “Thũng Cương là cõi thiên hiểm. Bốn bề núi bọc như lũy chông đứng thẳng ngất trời. Trong rộng hơn trăm dặm (trên 57 km). Rừng sâu hang thẳm, không thấy được bóng mặt trời mặt trăng. Chốn ấy lại sản sanh nhiều loài ngũ cốc, hoài sơn đủ cho chúng độ sanh qua năm đói kém. Ngày trước triều đình đã từng mang binh giáp công. Binh phải chịu khổ nạn mấy tháng, mà chẳng bắt được lấy một tên giặc nào,

rốt lại chỉ còn nước chiêu phủ mà thôi.

Nay ta hỏi các hướng đạo đã đi tuần phỏng về, thì chỉ có năm lối vào đó, là Tỏa Si Long (瑣廬?龍), Hồ Lô Động (葫蘆洞), Trà Khanh, Thập Bát Lỗi (十八磊) và Tần Địa. Nhưng lối nào đường đi cũng có những sán gỗ bắt thang theo rãnh sâu, hoặc treo nhổng nhánh theo những vách hố đứng sừng. Giặc có thể khiến vài tên tốt ở trên bực hầm ấy lăn đá xuống, cũng đủ để chống cự với binh sư của ta được.

Duy có đường Thượng Chương (上章) có hơi bằng. Mà nó lại ăn sâu vào trong Hồ Quảng, quanh theo nó, phải mất nửa tháng mới đến Thũng Cương được. Binh Hồ Quảng vẫn phải kéo qua đường đó, nếu binh ta còn đổ vào nữa, đồn cục lại, thời sự không tiện gì.

Nay ta hay dư tặc ở Hoành Thủy, Tả Khê đều chạy sang Thũng Cương nhập đảng. Đồng bị nạn, thế tất chúng sẽ hiệp nhau mà đem hết binh lực phòng thủ chốn thiên hiểm ấy. Bây giờ ta có muốn thừa nhược khí của quân binh vừa toàn thắng, mà lại trong thời hạn ba ngày, phải nuốt đường trên năm dặm để tranh lợi, thời quân giặc, nếu không thềm bước tới, chỉ đồn binh dưới đáy hang sâu kháng cự, ắt ta cũng lâm vào cái cảnh “mũi tên cây nỏ cứng không phúng nổi tấm lá thưa” trong *Chiến Quốc Sách* đã nói.¹

¹ Cường nỏ chi mật bất năng xuyên lỗ cáo - 強弩之末不能穿
 縵縞 (*Chiến Quốc Sách*).

Tốt hơn là ta đi đồn đến gần, hữu binh dưỡng nhuệ, chấn dương uy thanh. Rồi sai người lấy lễ họa phúc mà dụ chúng, ắt chúng sợ mà xin đầu. Còn lại những bọn nào không chịu phục tòng, ta sẽ thừa nơi chúng do dự mà vãi binh đánh khắc thời tất là quét sạch.

Nghĩ như thế rồi Vương Dương Minh ra lệnh thả hai viên quan có tội và một tướng giặc đã bắt được, khiến ba người hãy đi giao thông với quân giặc để chuộc tội.

Đêm 28 ba người đến nơi leo vách thành mà vào, kỳ sớm mai ngày mồng 1 hãy ra chịu hàng tại Tòa Si Long – bấy giờ thấy quan binh đánh vỡ Hoàn Thủy, Tả Khê rồi, giặc đương khủng khiếp. Kịp khi ba người sang giảng hàng, chúng đều vui mừng mới nhóm họp lại mở hội nghị. Bọn giặc ở Hoàn Thủy, Tả Khê chạy sang đây kiên trì không chịu ra hàng, làm cho cuộc thảo luận dằng dai, mà chúng không rồi rảnh để lo phòng bị.

Vương Dương Minh thừa cơ hội ấy phân binh bố trận, khắc kỳ đêm 30 mỗi đạo phải đến phần đất chỉ định mà khai chiến. Đến nơi gặp phải mưa to, binh không tấn lên được. Sớm mai ngày mồng 1 quan binh dầm mưa mà trèo gấp lên ải hiểm. Đại tặc thủ của quân giặc Thũng Cương, là Lam Thiên Phụng, đã ra nơi Tòa Si Long để tụ nghị. Nghe các binh đã nhập hiểm, chúng đều kinh ngạc, tán loạn, giục nam phụ hơn ngàn người quay vào cứu nơi tuyệt hiểm bốn bề

như vách dựng, và lập trận cách sông mà cự chiến. Quan binh tràn qua sông, phân đánh hai mặt. Một số quân bám vào bậc đá mà leo xuống, bọc đánh mặt khác. Quân giặc không chống nổi, vừa đánh vừa lui. Kịp đến trưa, mưa tạnh, các binh hăng hái đánh ủa tới. Giặc thất thủ cuốn vó chạy chết. Quan binh đánh đuổi theo, phá sào huyệt liên liên, mãi đến ngày mồng 3 tháng chạp mới trừ được hết các quân giặc trốn tránh ở mọi miền. Ngày mồng 9 hồi quân.

Ấy là trong vòng hai tháng (mồng 7 tháng 10, đến mồng 3 tháng 12) mà dẹp xong một mối giặc đã hoành hành hai chục năm trời. Xua binh chỉ hơn một vạn người, phí dụng không đầy ba vạn bạc. Mà phá được 81 sào huyệt của giặc, bắt sống mà giết được 86 tặc thủ, trong số ấy có hai đại tặc thủ Tạ Chi San và Lâm Thiên Phụng; chém đến 3.168 cái thủ cấp của bọn tòng tặc; bắt phù lỗ 2.236 đứa; đoạt lại 83 người nam phụ bị giặc cầm; thu hoạch trâu ngựa 608 con; nhật súng ống binh khí 2.131 món; lấy vàng bạc 113 lượng.

Trên hai chục năm trời lan tràn khắp các huyện Nghi Chương, Quế Dương, Quế Đông, Long Tuyền, Vĩnh Tân, Thái Hòa, Vạn An, Nam Khang, Nam An quân giặc Hoành Thủy, Thũng Cương làm cho dân cư thảm cực. Ngày nay cái nỗi oan phần của trăm họ đã rửa xong, cái khổ đảo huyền của một phương trời đã cởi hết. Bình thành công đức cao dày của ai?

Rằm tháng chạp sứ khải hoàn về tới Nam Khang.

Ven đường dầy dẩy dân chúng đánh hương nghi ngút đứng nghinh bái Vương Dương Minh. Châu, huyện, ải, sở nào tiên sinh đi qua cũng có lập sinh từ thờ tiên sinh. Ở các thôn hương xa xuôi, dân chúng yết tượng tiên sinh lên bàn tổ đường, tuế thời thi chúc.

Hai mươi tháng chạp sứ về tới Cam Châu. Tiên sinh ra lệnh bãi binh và cho dân chúng làm lễ ăn mừng. Qua ngày mồng 5 tháng chạp (nhuần) tiên sinh dâng sớ xin lập huyện Sùng Nghĩa. Lời sớ, đại để nói rằng: Hơn tám chục sào huyết của quân giặc Hoành Thủy, Tả Khê, Thũng Cương gom vào vùng hẻo lánh nằm giữa ba huyện Thượng Do, Đại Dữu, Nam Khang, đều cách xa ba huyện ấy hàng mấy trăm dặm. Nay đã dẹp xong giặc, nên cắt bớt đất ba huyện kia mà lập thêm huyện trị ở đó, để ngăn ngừa hậu loạn. Triều đình phê chuẩn. Huyện Sùng Nghĩa lập xong, phía đông còn xa Nam Khang một trăm hai mươi dặm (lối 70 km) phía tây xa Quế Dương hơn hai trăm dặm (lối 120 km) phía nam xa Đại Dữu hơn một trăm hai mươi dặm (lối 70 km) phía bắc xa Thượng Do độ năm mươi dặm (lối 30 km).

4. Bình giặc Lợi Đầu

Giặc Lợi Đầu là giặc hung ác, giáo trá còn hơn giặc Hoành Thủy, Thũng Cương nữa. Đại tặc thủ là Trì Trọng Dung bàn cứ một phương, tiếm xưng vương hiệu, ngụy thiết quan chức. Các huyện Ông Nguyên (翁源), Long Xuyên (龍川), Thi Hưng (始興) (trong

tỉnh Quảng Đông) Long Nam (龍南), Tín Phong (信豐), An Viễn (安遠), Hội Xương (會昌) (trong tỉnh Giang Tây) đã không biết bao phen bị giặc Lợi Đầu vây đánh thành trì, sát hại quan, quân, đốt làng đốt xóm, bắt giết nam phụ lão thiếu. Lang binh đã đánh qua vài lần rồi, đều không thành công. Cho biết chúng gian hùng là hơn hết, chúng là nguồn cội của quân giặc trong ba tỉnh Quảng Đông, Hồ Quảng, Giang Tây.

Những sào huyệt Lợi Đầu liên giới với hai tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông, thế tụ tập, mà giặc lại ngoan giáo. Còn những sào huyệt Hoành Thủy, Thũng Cương tiếp cảnh với tỉnh Hồ Quảng, số giặc tuy đông mà cái thế ly tán. Vương Dương Minh xét tình thế như vậy, đề nghị đánh Hoành Thủy trước, rồi đánh Thũng Cương, cuối cùng sẽ hiệp với binh Quảng Đông mà đánh Lợi Đầu. Ấy chẳng khác đeo gổ cứng, trước hãy đeo chỗ dễ, mà rồi sau sẽ đeo đến cái mất cái gu.

Tháng 9 năm Chánh Đức thứ mười hai (1517) quyết nghị đi đánh Hoành Thủy tiên sinh đưa lời Cáo dụ cho quân giặc Lợi Đầu, lo rằng trong khi binh mắc đi chinh tiểu, giặc thừa hư nổi dậy. Lời cáo dụ làm cảm động lòng chúng. Có nhiều tù trưởng như Lữ Kha, Hoàng Kim Sào dẫn chúng ra đầu chiêu. Duy đại tặc thủ Trì Trọng Dung không chịu nghe, mà nói rằng: Ta làm giặc không phải mới một năm, còn quan phủ lại chiêu dụ không phải mới một lần. Nay đưa cáo dụ nữa, có gì lấy làm bằng để mà dám

chắc sẽ yên được với quan phủ. Ta hãy chờ xem bọn Hoàng Kim Sáo đi ra đầu chiêu, coi có hệ chi không, rồi ta sẽ làm theo sau, cũng không muộn gì.

Bọn Lữ Kha, Hoàng Kim Sáo đến, Vương Dương Minh tha tội cho cả, lại thành thật vỗ về chúng. Chúng nguyện tự đầu. Tiên sinh mới thả năm trăm người bọn họ cho tòng chinh, ra trận Hoành Thủy.

Khi phá xong Hoành Thủy rồi, Trì Trọng Dung bắt đầu lo sợ. Hắn khiến em là Trì Trọng An dắt hai trăm đồ đảng già yếu tới xin đầu chiêu. Ý là muốn làm kế hoãn binh và để trinh thám luôn tình hình hư thật đợi kỳ làm nội ứng. Tiên sinh rõ suốt cái mưu ấy. Song cũng nhận tất cả cho đầu chiêu. Đến khi đi đánh Thũng Cương, tiên sinh khiến Trì Trọng An dẫn hai trăm đồ đảng của hắn lên chặn nẻo Thượng Tân. Là cốt làm cho chúng phải ra xa đường, có muốn về hưởng ứng với binh của Trì Trọng Dung cũng không về kịp. Đối với bọn chúng, bề trong tiên sinh lo cảnh ngự nghiêm ngặt, mà bề ngoài làm ra bộ lơ lửng cho chúng yên lòng.

Tiên sinh ngầm cho gọi đến những dân bị giặc phá hại các vùng gần đó. Trong một tuần có mấy chục người đến kể tội quân giặc Lợi Đầu. Họ cho biết giặc này giáo trá đệ nhất, không sợ nhà nước điều lang binh tới đánh. Vì chúng nói: Lang binh hợp tập phải lâu, có đến cũng phải mất nửa năm trời, mà đến thời không ở lâu được, ta chỉ lánh đi một tháng là xong chuyện.

Nghe lời ấy tiên sinh nghĩ: “ Binh không có thể giữ một mực, thường phải nhân sự biến hóa bên địch mà chế thắng mới được. Thế giặc nay khư khư giữ lấy cái mực thường, chờ lang binh đi qua rồi sẽ nổi dậy. Vậy thì không cần phải điều lang binh mà cũng sẽ dẹp được giặc Lợi Đầu.

Phá xong giặc Thũng Cương, rầm tháng chạp binh về tới Nam Khang, bọn Lữ Kha, Hoàng Kim Sào đến báo tin cho tiên sinh hay:

Giặc Lợi Đầu thấy Thũng Cương bị phá rồi thời kinh sợ lắm, nên đã điểm tập binh chúng, hiệu triệu tù trưởng xa gần phong cho làm nào là tổng binh, nào là đô đốc, dự bị khi binh tam tỉnh giáp công, sẽ đồng thời tịnh cử chiến thủ. Chính bọn Lữ Kha cũng được phong tước, có cả ấn tín văn bằng.

Tiên sinh bèn sai người đưa rượu thịt đến dụ các tù trưởng Lợi Đầu, để xem biến động ra sao. Chúng sợ không dám giấu. Nhưng nói trở ra, bảo rằng: Dân của nhà nước mới chiêu dụ được ở Long Xuyên là bọn Lữ Kha, Trịnh Chí Cao, Trần Anh, ý cậy nơi oai quyền của quan binh, toan đánh thành linh bọn chúng để trả thù riêng, nên bọn chúng phải lo phòng bị chớ không có ý gì dám toan chống lại quan binh. Thật ra, bọn Lữ Kha, Trịnh Chí Cao, Trần Anh cùng chúng giặc vẫn cừ thù nhau. Bọn ba người ấy có hơn ba ngàn đồng đảng. Xa gần bị Trì Trọng Dung bức hiếp, bọn ba người ấy chống cự lại cho nên chúng giặc thâm thù tối kỵ.

Tiên sinh làm bộ tin lời giặc. Vả lại làm bộ cầm gươm bọn Lữ Kha sao dám chuyên giữ binh quyền muốn giết người để báo thù riêng. Đó rồi tiên sinh truyền hịch về Long Xuyên khiến bọn Lữ Kha phải thú tội. Một mặt tiên sinh truyền cho quân giặc Lợi Đầu hãy dọn gỗ dọn đường, để hồi binh sẽ từ Lợi Đầu đánh xuống mà thảo trừ bọn Lữ Kha.

Giặc tưởng thật. Lại lo có khi tiên sinh giả có mà đánh chúng, cho nên nửa mừng nửa sợ. Chúng bèn cho người đến tạ, xin đừng làm nhọc quan binh để bọn chúng hết sức phòng ngự cũng được.

Khi Lữ Kha đến báo tin có biến, Vương Dương Minh muốn nhờ Lữ Kha để gạt giặc nên đã mật ngữ: “Ta sẽ giả làm tội trạng người. Người hãy chịu ba mươi trượng và cầm tù vài tuần”. Nay làm bộ nghe lời giặc Lợi Đầu, tiên sinh đòi Lữ Kha đến mắng inh ỏi: “Nhà ngươi thiện binh¹ toan cừu sát dân mới đầu chiêu. Tội nhà ngươi đáng chém đầu. Nhà ngươi còn đặt điều vu khoát. Trì Trọng Dung đã đưa em ruột lại đầu chiêu, nguyện lãnh binh báo hiệu, là thật có lòng hướng hóa chứ phải đầu toan việc chống cự quan binh”. Nói xong truyền lệnh trói Lữ Kha, dẫn đi chém đầu.

Khi ấy bộ hạ Trì Trọng An có mặt tại đó. Thoạt tiên thấy Lữ Kha đến, chúng sợ hãi lắm. Đến khi nghe tiên sinh hạch tội như vậy, thời lại mừng, phục xuống lạy hoan hô tiên sinh mà kể tội lỗi của Lữ

¹ Thiện (善) là tự chuyên, không kể lệnh bề trên.

Kha. Tiên sinh làm bộ giặc chúng hãy làm cụ trạng, đảng tiên sinh bắt hết thuộc đảng của bọn Lư Kha chém đầu.

Cho đem giam Lư Kha, tiên sinh mật sai người bảo Lư Kha làm bộ giận cho bọn Trì Trọng An tin thật, lại bảo sai người về Long Xuyên triệu tập đảng chúng, nói rằng chờ Lư Kha về sẽ nổi dậy.

Một mặt khác, tiên sinh cho sinh viên Hoàng Biểu (黃表) và Thích tuyển-quan Lôi Tế (雷濟) sang dụ Trì Trọng Dung, nói cho hắn đừng nghi hoặc cùng dụ kẻ thân tín của hắn bảo khuyên hắn nên ra đầu hàng.

Mưu mô ấy đã sắp xong, tiên sinh giả cách hết còn lo gì đến hoạn lưu tặc nữa. Ngày 20 tháng chạp sư về đến Cam Châu tiên sinh hạ lệnh cho trong thành:

“Nay các sào huyệt của giặc ở Nam An đã quét sạch, còn dân mới chiêu dụ ở Lợi Đầu thời thành tâm hướng hóa. Từ rày địa phương khỏi còn phải lo sợ gì nữa. Giờ đây gặp buổi đại chinh đã dứt, thời trời lại hòa, mùa màng thêm được, dân gia nên kèn, trống, đèn đuốc mở cuộc ăn mừng to tát đi. Hai mươi năm mới lại một lần: lao khổ lâu quá, nên tạm nghỉ vui chơi là phải”.

Đó là các đường, các ngõ trong thành Cam Châu đèn đuốc sáng choang, trống kèn rộn rịp.

Tiên sinh giải binh, cho về với mùa màng rằng không phải ra trận nữa. Tiên sinh cũng lại khuyên Trì Trọng An đem bộ thuộc về Lợi Đầu giúp anh trong việc phòng thủ, lại nói với: “Lư Kha tuy bị

cầm tù ở đây, mà chắc đồ đảng của hãn cứu oán, coi chừng chúng thành linh đánh Lợi Đầu trong khi các người không kịp liệu đến”.

Trì Trọng An về thuật lại việc tiên sinh bắt tội Lư Kha và thuộc đảng chúng giặc nghe lấy làm mừng, mà thôi nghĩ đến việc phòng bị.

Bọn Hoàng Biểu, Lôi Tế ở bên cạnh Trì Trọng Dung nhỏ to khuyên giải: “Quan phủ đãi người rất hậu, sao người không thân hành đến một phen để tạ tình? Huống chi nay bọn Lư Kha bị giam cầm tức tối, ngày đêm xót xa, tố cáo người mãi, xin quan phủ bắt cầm người lại. Nếu quan phủ nghe theo cho lệnh bắt người mà người không diện ứng, thời lời tố cáo của bọn Lư Kha hóa ra có thật chứng. Chi bằng nay không đợi bắt mà ra mắt, rồi diện tố tội ác bọn Lư Kha, thời quan phủ sẽ tin lòng người, mà xét lại sự gian trá của bọn Lư Kha định sát hại người”. Những kẻ thân tín của Trì Trọng Dung cũng cho ý kiến ấy là phải, nên chi nói vào. Trì Trọng Dung suy nghĩ, rồi xuôi theo. Hãn bảo cùng chúng tặc: “Như muốn đuổi ra, trước phải co lại (若要伸先用屈). Nay ta cũng nên đến Cam Châu một phen, để luôn tiện khám phá cách kỹ lưỡng của thành này”. Bèn nghị định, suất chín mươi ba người bộ hạ đều là những tay tù trưởng hung hãn theo mình sang Cam Châu.

Được tin đích xác Trì Trọng Dung đã lên đường, Vương Dương Minh cho người lên đến huyện của hãn mà điểm binh, phân tiệu đạo, chờ có báo hiệu sẽ

phát khởi. Lại sai Mạnh Tuấn đến đốc tập binh của bọn Lư Kha ở Long Xuyên. Nhưng đường về Long Xuyên phải đi ngang qua Lợi Đầu, tiên sinh nghịch liệu sẽ làm dao động quân giặc, cho nên làm riêng một cái bài cho Mạnh Tuấn cầm đi “bắt” đảng thuộc của bọn Lư Kha. Quân giặc nghe Mạnh Tuấn đến, quả nhiên chặn đường tra hỏi. Mạnh Tuấn đưa bài ra cho chúng xem, chúng mừng rỡ, lại đưa đường cho mà đi chóng. Tin quyết rằng đi bắt đảng thuộc của bọn Lư Kha, chúng không giới ý nữa.

Ngày 23 tháng chạp nhuận bọn Trì Trọng Dung tới Cam Châu. Thấy các dinh đều bãi quan, mà đường sá trong thành thị thời đèn treo rực rỡ, trò diễn linh đình, rõ cuộc ăn mừng náo nhiệt. Trì Trọng Dung tin chắc rằng nhà nước quả không động binh nữa. Hấn dứt của hối lộ cho ngục tốt để hội kiến Lư Kha. Thấy Lư Kha quả bị còng trong ngục thời mừng, sai người về báo thuộc đảng của hắn, nói rằng: “Nay việc ta mới được vạn toàn”.

Chẳng ngờ đương đêm Vương Dương Minh thả bọn Lư Kha, khiến mau về Long Xuyên đợi lệnh phát binh. Rạng ngày bày tiệc to khao bọn Trì Trọng Dung, để hoãn kỳ về của chúng. Tiên sinh lại sai ít kẻ tham tùy theo ở chung với bọn Trì Trọng Dung, đem áo thụng xanh, đem hia, dạy chúng tập lễ, để dò xét coi chí ý bọn chúng hướng về phía nào. Xét ra chúng tham tàn không thể cảm hóa - sĩ dân đều bảo rằng: “Ấy là nuôi giặc để chác hại”. Tiên sinh bấy giờ quyết

ý trừ bọn Trì Trọng Dung. Cách vài ngày chúng từ tạ xin về, tiên sinh bảo: “Từ đây đến Lợi Đầu phải mất tám, chín ngày đường. Mà năm đã gần tàn, trong tết chắc là không về kịp đến nhà. Rồi tất bật phải quay trở lại chúc tết, cũng rõ thật lao khổ. Nghe rằng Cam Châu tết này có cuộc lễ, đèn đuốc nên vui, âu là nhà người lưu lại, ra giêng sẽ về”.

Ít ngày sau Trì Trọng Dung lại từ tạ xin về - Tiên sinh bảo: “Tiếc quá! Nay chưa khao thưởng ngày tết, biết làm sao giờ”?

Ngày mồng 2 tết, độ bọn Lư Kha đã về đến Long Xuyên, và binh chắc đã đại tập xong, tiên sinh cho lĩnh quan liêu ngày sau thiết tiệc ở cung Tường Phù (祥符) – giáp sĩ đã phục khắp rồi – Trì Trọng Dung và bộ hạ kéo vào, đều bị cầm hết. Tiên sinh đem cáo trạng của Lư Kha ra tra tấn, chúng đều thú nhận. Liền bị hạ ngục.

Liền đêm đó tiên sinh khiến người đến huyện Long Xuyên, khắc kỳ ngày mồng 7 tháng giêng đồng thời nhập sào. Trước đó tin Trì Trọng Dung đưa về nói Cam Châu đã bãi binh, quân giặc ý y nên trễ tràng cuộc phòng bị. Nay thành linh nghe bốn phía binh dồn tới, chúng sợ hãi thất thổ, chia quân ra chống cự mà hơn một ngàn quân tinh nhuệ của chúng thời chúng kéo đi cứ nơi hiểm ở núi (lĩnh) Long Tử (龍子嶺). Một đội quân binh đáp áp tới, giặc bại tẩu. Rượt theo được chừng một dặm, thời phục binh của giặc ào ra bốn mặt. Mấy đạo quan binh khác xông vào

đánh trước, đánh sau, đánh hông, bao bọc quân giặc. Bấy giờ chúng đại bại, rả chạy la hét rền các hang núi. Quan binh thừa thắng đuổi theo lên phía bắc khắc phục được Thượng, Trung, Hạ Tam Lợi. Đánh rốc mấy ngày sau nữa, cho đến hôm 16 tháng giêng, phá được nhiều sào huyệt của giặc, phần giết được, phần bắt được, cùng những đồ vật thật nhiều.

Quân giặc ở các sào huyệt tan rã chạy, những đứa còn tinh ranh, hợp nhau rút vào chỗ ách hiểm để tự cố, trong núi Cửu Liên đại sơn (九漣大山).

Sơn thế núi Cửu Liên cao tuyệt, chắn ngang hơn mấy trăm dặm, bốn bề dốc đứng quan binh không có thể tấn công nổi. Lại phía bên kia núi có những số trăm tặc sào. Nếu quan binh tấn bức quá, thì giặc ắt chạy vào mấy tặc sào kia, hợp nhau mà chống cự, chế thắng chúng không là sự dễ gì. Bây giờ nếu muốn phục quân phía sau núi, thời việc làm cũng phải nửa tháng mới có thể được. Như vậy, chậm quá, không kịp việc. Chỉ còn có một đường có thể thông tới chỗ giặc bàn cứ. Đường ấy lại nằm dưới bức hầm, mà giặc đã cứ hiểm trên cao rồi, chúng ném đá lăn gỗ thời quan binh cũng chết sạch.

Vương Dương Minh bèn lập ra một cái mưu. Tiên sinh chọn hơn bảy trăm quân tinh nhuệ bắt chúng mặc y phục của giặc vừa thâm hoạch được, giả làm giặc bại tẩu, thừa lúc tối chạy xông vào tặc sở, cứ đường gian đạo dưới bức hầm mà qua núi. Giặc ngỡ là đồng đảng, không đánh. Rạng ngày mới hay,

mà ra xung kích. Nhưng quan binh đã cứ hiểm, trên dưới rập đánh, giặc cự không nổi. Chạy ra ngã nào cũng bị quan binh chặn đường đánh. Đánh mãi đến ngày mồng 8 tháng 3 là dẹp xong giặc. Kết quả, trong vòng hai tháng, từ mồng 7 tháng giêng đến mồng 8 tháng 3, phá được 38 sào huyết, bắt giết được 29 đại tặc thủ; thứ tặc thủ bị giết 318 đứa; bọn theo giặc bị giết 2.006 đứa; phù lỗ được 890 đứa; trâu, ngựa 122 con; khí giới 2.870 món, vàng bạc 70 lượng.

Có hơn hai trăm người già yếu bị chúng giặc bức hiếp chạy theo vào núi Cửu Liên, kêu gào thống khổ; xin đầu chiêu. Xét chúng thành tâm đều cho đầu.

Vừa thuở trời mưa dầm không ngớt ngày đêm, người lại bị tật dịch nhiều, mà mùa màng đã tới, ai ai cũng nghĩ đến ruộng nương; hướng nữa binh khởi từ tháng 2 năm trước, đánh Chương Châu, rồi Hoàn Thủy, Thũng Cương đến nay hơn một năm ngoài, chưa từng được nghỉ ngơi mấy lát, thể tất phải hoàn sư để nghỉ ngơi.

Tiên sinh nghĩ đến sách cứu an trường trị, thân hành đi xem xét địa lý, coi chỗ nào nên lập huyện, thiết ải. Xong rồi tiên sinh lưu binh phòng thủ mà rút quân về, cụ sớ xin lập huyện Hòa Bình (和平) ở xứ Lợi Đầu. Triều đình y tấu thiết huyện. Nay huyện ấy vẫn còn.

Ngoài ra việc chính, tiên sinh lưu tâm đến việc học mới lập ra học xã.

Tiên sinh bảo rằng phong tục của dân không lành là bởi giáo hóa không sáng tỏ.

Người xưa dạy người tất dạy lấy nhân luân. Lóp sau này khởi lên cái phong thói tập từ chương, thì cái giáo hóa của tiên vương phải mất dấu đi. Ngày nay vàng vắn, có những kẻ cho ca thi tập lễ là sự không thiết thời vụ. Nghĩ như thế là có ý kiến của kẻ mặt tọc dung bĩ, sao đủ biết được cái ý lập giáo của cổ nhân?... Nay dạy con trẻ duy nên lấy trung, tín, lễ, nghĩa, liêm sỉ làm chuyên vụ. Phương pháp tài bồi hàm dưỡng phải dùng ca thi để phát khởi chí ý: tập lễ để tức tỉnh uy nghi, đọc sách để khai tri giác.

Nay giặc đã hơi bình rồi, nỗi khốn đốn của dân cũng tạm dứt, thời nên lo việc di phong dịch tục. Bấy giờ nơi học xã đón thầy đến dạy trẻ ca thi tập lễ. Không bao lâu khắp dân gian hôm sớm nghe tiếng ca vang, mà ríu ríu thành phong tục lễ nhượng.

5. Vinh dự không mừng

Thường công đánh dẹp giặc Hoành Thủy, Thũng Cương. Triều đình nhắc Vương Dương Minh lên chức Đô sát viện Hữu phó Đô ngự sử (都察院右副都御史), lại phong Ấm tử Cẩm y vệ, thế tập bách hộ (廕子錦衣衛世襲百戶).

Người khác hẳn lấy thế làm vinh. Tiên sinh thời lại lo sợ. Trước đó, đánh xong trận Hoành Thủy, Thũng Cương tiên sinh đã dâng sớ xin cho hưu trí. Lời sớ nói rằng:

“Tài hèn phúc bạc, chỉ muốn tới mà sức khôn dờ, công chưa thành mà bệnh đi trước. Thế mà phải khu

trì binh cách, bị chương lệ xâm nhiễm. Thêm ngày đêm lo lắng mệt nhọc, tật hoạn càng nguy khốn. Đánh dẹp ở Chương Châu, ở Hoành Thủy, ở Lợi Đầu trước sau hơn một năm trời, tới lui hai, ba ngàn dặm (một, hai ngàn cây số) trèo đèo xuống hố, ra vào hiểm trở, đều phải ôm bệnh mà tòng sự, không dám lấy có có bệnh mà cáo từ... Nay bệnh ngày một gấp một nặng. Nào những cũ sốt rét, những trận ho hen lại thêm sang thư ung thũng, tay chơn đã ma tê hết rồi, thật hoàn toàn là một người bỏ đi. Người đời xưa nói: Tài hèn không kham lãnh việc lớn, phúc bạc khó ước công thành. Hai điều ấy nay thần gồm có cả... Phục duy bệ hạ... xót vì bệnh không biết lúc nào lành, ngày nào hoàn sự cho thần về điều lý”...

Chẳng những nhà vua không cho về, mà còn cho thăng chức, bắt giữ lại thêm bách thiết nữa. Sớ từ miễn thăng ấm và xin hưu trí, tiên sinh có lời:

“Phụng thánh chỉ thăng Hữu phó Đô Ngự sử, ấm tử, cấm y vệ, thế tập bách hộ... Thần văn mạng kinh hoàng... dường sa xuống vực nước đá. Thiết niệm thần là một kẻ chương cú hủ nho... quá mong Triều đình... cầu trường ư đoán, trao cho trách nhiệm Tuần phủ, khi ấy thần ôm bệnh cáo từ, hai lần dâng sớ xin hưu trí, nhưng sợ nổi hiểm nghi là giả bệnh để lánh khó khăn mà phải khắp khển lên đường (狼狽就途).¹

¹ Lang (sic) bài tự đồ: dắt díu nhau mà lên đường.

Bản gốc ghi hán tự là “ngoan” (猥), nhưng lại phiên âm là lang

Rồi nhờ uy đức của Triều đình, nhờ Miếu đường đã thành toàn, mà dẹp được tất cả các mũi giặc thần có công gì trong ấy đâu mà dám mạo thừa lấy sự thưởng này?

Tật bệnh giao tác, thủ túc ma tê, thần nay đã tạm thành kẻ bỏ đi rồi. Phục vọng hoàng thượng... để y chúc cũ cho thần trí sĩ, kéo dài thêm tấc hơi ở chốn điển dã”...

Vua chưa chịu nghe theo đâu, vì biết sẽ còn dùng tiên sinh được nữa. Nhưng bây giờ giặc đã yên, hồi quân hưu sĩ, tiên sinh thấy có chút thời gian thư thả mới trở lại chỉ bảo đám môn sinh bấy lâu vẫn tụ họp giảng tập. Tiên sinh truyền cho họ cái bản chỉ của sách *Đại Học* mà tiên sinh đã tìm được khi đi đày ở Long Trường dịch. Tiên sinh nghĩ *Đại Học Chương cú* của Châu Hy không phải là bản chỉ của thánh môn. Bèn tự tay lục lấy cổ bản (古本) đọc kỹ càng lại và suy nghĩ chín chắn, mới phát minh ra được rằng cái đạo học của thánh nhân nó giản dị minh bạch. Theo tiên sinh thời sách *Đại Học* chỉ có một thiên một mà thôi, không có phân kinh truyện gì cả. Cái gốc của cách trí là ở nơi thành ý (格致本於誠意 - cách trí bản ư thành ý), như thế thời vốn không có khuyết truyện gì mà phải bỏ. Tiên sinh bèn cho khắc *Đại Học Cổ Bản* (大學古本) (tháng 7 năm mậu dần

(浪). Hai chữ khác nhau về bộ – trước là khuyến và sau là thủy. Theo ngữ cảnh “lang” (浪) mới đúng nghĩa.

1518). Trong bài tựa nói rằng: “Ta sợ đạo học ngày một xa chỗ chí thiện, nên bỏ phân chương mà đem phục hưng lại cựu bản”.

Rồi lại cho khắc *Châu Tử Văn Niên Định Luận* (朱子免年定論). Nguyên thuở đi đày ở Long Trường tiên sinh ngộ thánh học, đem lục kinh, tứ thư ra so sánh, nhất nhất đều phù hợp với thuyết của tiên sinh. Duy Châu Hy sao lại có những chỗ trặc trẹo – tiên sinh cứu mang điều ấy mãi. Cho đến khi về làm quan ở Nam Kinh mới tìm lại sách của Châu Hy không sót bộ nào, chợt gặp lời hối ngộ của Châu Hy lúc đã đui rồi. Thơ cho Hà Thúc Kinh, Châu Hy thú thật: “Biết lại trước kia mang tội dối mình mà dối đời (知日前自誣誣人之罪 - Tri nhật tiên tự cưỡng cưỡng nhân chi tội)”. Với lời thú tội đó Châu Hy trở lại đồng ý kiến với Lục Cửu Uyên.

Tháng 8 môn nhân của tiên sinh là Tiết Khản khắc *Truyền Tập Lục* (傳習錄), gom góp những lời nói miệng của tiên sinh đã dạy và những văn tiên sinh đã viết ra để bày tỏ đạo học của tiên sinh - *Truyền Tập Lục* này, do em rể của tiên sinh là Từ Ái mất để lại. Tiên sinh thương Từ Ái nhiều hơn hết. Từ Ái là kẻ cập môn thứ nhất, lại hiểu đạo sớm hơn hết. Năm ấy Từ Ái làm Nam Kinh Hình bộ Lang trung bình mà mất, vừa ba mươi một tuổi.

Tiếng tăm của Vương Dương Minh buổi này nổi dậy, không còn ai ganh khinh ghét bỏ mà đề át nó

nổi được nữa – bốn phương học giả dồn tới. Ban đầu ngụ ở Xạ Phố (射圃) phố. Sau đông quá không chỗ dung cho hết, ngày tháng 9 phải cất Liêm Khê Thư Viện (濂溪書院).

Tiên sinh trong những khi thân suất quân trải qua gian nan nguy hiểm, không bao giờ quên đạo học. Phải đọc những thơ tiên sinh viết cho bè bạn, cùng cho môn nhân, giữa những ngày cò phát trống rung, mà viết một cách thản nhiên, trầm tĩnh mới biết tiên sinh chắc mình là đường nào. Mà trong buổi bình bãi sĩ hưu, tiên sinh lại không phải không nơm nớp lo biến động. Cho nên ngồi luận học với môn nhân, tiên sinh lại cũng nghĩ ra cái hương ước để thi hành cho dân miền Nam Cam mới bình định. Với một cái cỡ bé hơn, với một cái tinh thần thật giản hơn, với một cái tư tưởng ít siêu hình hơn, tiên sinh lập cái ước mà Jean Jacques Rousseau sẽ ôm ấp trong lòng song không cất cánh lên được khỏi mộng tưởng của quyển *Le Contrat Social* (Dân Ước Luận).

Tiên sinh nhắc lời *Sử ký* của Tư Mã Thiên: “Bồ sinh ma trung, bất phù nhi trực. Bạch sa tại nê trung, dĩ chi giai hắc giả. Thổ địa giáo hóa sữ chi nhiên dã (蓬生麻中, 不扶而直. 白沙在中, 與之皆黑者. 土地教化使之然也). (Cỏ bồ sinh trong đám cây gai không đỡ mà thẳng. Cát trắng ở dưới bùn cùng nó mà đen. Đều là do đất đai, do giáo hóa mà ra như thế vậy)”.
 Dân tục thiện ác, há chẳng do tính tập mà khiến

nên vậy sao! Trước đây dân mới vùng này thường bỏ tông tộc quên hương lý bốn phía ào ra làm đều bạo ngược. Há bởi tính khác người thường há bởi tội của các người sao? Chẳng qua là do Hữu ty của ta trị vô đạo, giáo vô phương. Còn các người, phụ lão tử đệ không sớm răn dạy ở trong gia đình, để cho có những đứa un đúc, trong đám dân vô tổ... mà khiến ngày thêm càng theo về với thói ác... Nay đặt ra hương ước để hiệp hòa dân chúng. Từ đây, phàm dân đồng ước thời phải nên hiếu cha mẹ, kính anh chị, giáo huấn con cháu, hòa thuận hương lý, đám tang đám táng hãy cậy nhau, hoạn nạn hãy giúp nhau, điều thiện cùng khuyến, điều ác cùng răn, đừng kiện thưa tranh đấu, ráng giữ tín thành, lo ở hòa mục, vụ sao cho nên dân lương thiện, cho ra phong tục có hậu có nhân... Người tuy chí ngu, mà trách người thời sáng, người tuy có thông minh, mà trách mình thời quáng. Các người, phụ lão tử đệ đừng nên nhớ đến ác xưa của dân mới mà không lấy lành xử với chúng. Một niệm của chúng mà lành, thời chúng chúng là người lành vậy. Các người cũng đừng tự cậy mình là lương dân mà không trau mình. Vì một niệm của các người mà ác, thời các người đã thành người ác vậy. Người ta mà thiện ác, chỉ do trong một niệm mà ra.

Đó rồi tiên sinh lập ra mười lăm điều ước cho dân. Hương ước này thi hành hồi tháng 10 năm ấy (1518).

Tháng sau một lần nữa tiên sinh trở lại vấn đề cho

muối Phúc Kiến Quảng Đông lưu hành ra khỏi cảnh giới Cam Châu bán qua các phủ Cát, Viên, Lâm. Muối cho lưu hành như thế thời số tiền thuế thấu được đủ nuôi quân binh, để phòng giữ vùng Nam Cam, trong khi chưa bãi binh được vì hiện nay giặc tuy bình, nhưng tàn đảng chưa hết. Nếu cấm muối, thời phải thấu thuế dân mà nuôi binh. Dân sẽ khổ sở, trong khi muối lậu vẫn cứ lưu hành được với cái giá cao để làm giàu cho bọn con buôn mà mất lợi cho nhà nước.

Tháng giêng năm sau, kỷ mao (1519) tiên sinh được Triều đình xét công đánh dẹp giặc Tam Lợi và Cửu Liên lại cho Ấm tử Cẩm y vệ, thế tập phó thiên hộ (蔭子錦衣衛世襲副千戶). Tiên sinh dâng sớ từ miễn, nói rằng: ấm tử không phải thường điển, lòng riêng nghĩ đến mà luống không yên, rồi lại dâng sớ cáo bệnh xin về hưu trí.

Hai lá sớ đều không được Triều đình doãn (đồng ý) hứa. Tiên sinh lấy làm khổ. Thờ cho Thượng Thơ Vương Quỳnh tiên sinh nói: “Trong mình yếu liệt, trăm bệnh xâm vào, lại gần đây nghe tổ mẫu bệnh nguy, ngày đêm thống khổ, lòng rối loạn, không kham nhậm việc lớn... xin hãy cho về điển dã, thời không phải may cho một mình tôi, mà thật là may cho cả mấy trăm vạn sinh linh trong một tỉnh”...

Khi ấy tiên sinh chưa hay tin bà nội mất từ hồi tháng 10 năm trước.

B. Dẹp loạn Thần Hào

Tiên sinh xin lui. Triều đình vẫn giục tới. Ngày mồng 5 tháng 6 năm kỷ mao (1519) tiên sinh tiếp chỉ sai đi Phúc Kiến khám xét cuộc mưu phản của Tam vệ quân. Không thể nào từ chối được.

Tiên sinh bấy giờ “bách bệnh giao công, lại gần đây, vì ruỗi dong binh mã bị chuồng độc xâm lăng, ựa mữa, sốt rét, gân cốt rã rời, có lúc choáng váng, đương tựa ghế nhào xuống đất, cả ngày chưa tỉnh dậy, tay chơn đều ma tê hết”. Mặc dầu vậy, cũng phải ôm bệnh lên đường đi Phúc Kiến. Liệu chừng nẻo ngang qua các huyện Thụy Kim (瑞金), Hội Xương (會昌) nhiều chuồng khí, trong mình bệnh yếu nên lánh đi tiên sinh bèn vòng xuống ngã Phong Thành (豐城). Ngày mồng 9 khởi hành ở Cam Châu. Trưa ngày rằm (bính tí, 11 juillet 1519) tới xứ là Hoàng Thổ Nảo (黃土腦), thuộc huyện Phong Thành xảy có viên Tri huyện là Cố Bất đến báo tin.

“Ngày 14 Ninh phủ xưng loạn, giết các quan Đô ngự sử, Phó sứ, Đô ty. Các quan Tuần, Án, cùng Tam ty, Phủ Huyện không chịu theo, đều bị bắt trói hết, chưa biết còn mất thế nào. Những ấn tín ở các nha môn đều bị thâm ráo. Kho tàng khai sạch. Trọng tù phóng thích cả. Chiến thuyền sẽ xuôi dòng sông nhắm Nam Kinh, và đồn rằng một đạo binh sẽ thẳng lên Bắc Kinh”.

Ninh Vương (甯王) là Thần Hào (宸濠), vốn dòng dõi của người con thứ mười bảy, tên là Quyền,

của vua Minh Thái Tổ. Quyền được phong Vương đất Đại Ninh (大寧), nên chi gọi là Ninh Vương.

Triều vua Vĩnh Lạc lại dời phong về đất Nam Xương. Cha truyền con nối mấy đời nay đến Thần Hào.

Cha của Thần Hào là Khang Vương (康王) hèn lâu không con. Đến năm Thành Hóa đìnhậu (1477) cung nhân họ Phùng (馮), gốc người Nam Xương, sinh ra Thần Hào. Khi ấy Khang Vương nằm mộng thấy rắn vào cung nuốt không còn người nào, cho là điềm ứng bất tường, đem lòng ghét Thần Hào, không muốn nhìn nhận. Phùng thị dấu nuôi ở nhà người con hát. Vừa lớn lên Thần Hào dâm loạn trong cung. Khang Vương râu uất. Lúc hấp hối cấm vào quyết biệt – năm Hoảng Trị bính thìn (1495) Thần Hào nối vị Vương.

Hắn là người thông thơ sử, ca, từ nhưng rất chùng dâm, gian bạo. Hắn cô hình tích bạn nghịch đã mười năm rồi. Hắn đã sát hại nhiều lương dân, đã dung nạp những phường bạn đảng, đã chiêu mộ bọn kiêu dũng hơn cả vạn đứa. Hắn đã xuất ra mấy trăm vạn bạc để tạo binh khí để đút lót quan lớn quan nhỏ trong triều. Hắn lại muốn người có văn tài lợi khẩu để khen hắn, để truyền bá rằng hắn có hiếu có nhân. Hắn đã ngầm ngầm sắp đặt kẻ tâm phúc ở các trấn, ở kinh kỳ, ở các nơi yếu địa. Hắn lại ngầm ngầm sắp đặt gian đồ ở Thương Châu (滄州) ở Hoài Dương (淮陽), ở Sơn Đông (山東), ở Hà Nam (河南).

Chủ mưu của hắn có hai người tài. Một là Lưu

Dương Chánh (劉養正), người huyện An Phúc phủ Cát An, đỗ Cử Nhân, thi văn nổi tiếng. Một nữa là Lý Sĩ Thập (李士實), quan về hưu, đã thờ vua trải bốn triều, đến chức Đô ngự sử.

Lục sĩ của hãn có hai đứa đại tặc: Mẫn Năm Tú (閔卅四)¹ và Lăng Thập Nhất (凌十一).

Dùng lợi khẩu, văn tài để dụ nhà giàu có lấy của thời Lưu Dương Chánh. Dùng sức hung hãn cướp bóc, thời Mẫn Năm Tú, và Lăng Thập Nhất.

Án sát sứ Lục Hoàn (陸完) thấy oai thế của hãn lấy lòng, nên xu phụ hãn. Đến khi Lục Hoàn thăng chức Binh bộ Thượng Thư, thời Thần Hào được có vây cánh to tát.

Ngày hãn khởi sự, dưới tay có 180.000 (mười tám vạn) người và dẫn đi công phá Nam Kinh có tám, chín vạn.

Hãn muốn cướp ngôi vua Vũ Tông để đặt con thứ hai của hãn lên. Thế mà nội quan là Diêm Thuận lên kinh sư phát tấu, thời Triều đình đã không xét kỹ, lại còn đày Diêm Thuận (閻順) đi làm tịnh quân ở Hiếu Lăng (孝陵) (tỉnh Giang Tô). Ấy bởi trong triều lúc bấy giờ có Lục Hoàn đương chức Binh bộ Thượng Thư, là vây cánh của Thần Hào.

Khi Lục Hoàn cải sang Lại bộ, Vương Quỳnh thế chức ở Binh bộ Thượng thư Vương Quỳnh xem

¹ “Năm”: chỉ có trong *Hán Việt từ điển* của Nguyễn Văn Khôn, nghĩa là “ba chục”. Trong từ điển online vietnamtudien.org/thieuchuu chú âm là “tạp” (ba mươi).

hành động của Thần Hào, đoán biết hẳn sẽ phản, bèn thân trương quân luật, đốc trách tu chỉnh vũ bị, giới nghiêm các đường sá, bắt đạo tặc rất gắt. Lãng Thập Nhất bị bắt giam, nhưng vượt ngục được. Khi ấy Vương Dương Minh hai lần dâng sớ xin về hưu. Nhà đương đạo, vốn có chỗ kỵ tiên sinh, toan nghe theo lời thỉnh. Song Thượng Thơ Vương Quỳnh bác đi. Một hôm người gọi Ứng Điển (應典), là chủ sự thuộc bộ của người, mà nói: “Ta đặt Vương Thủ Nhân ở Giang Tây cho quyền tiện nghi hành sự, chẳng những để trừ quân giặc ở Khê Động mà thôi, mà hoặc còn ngừa có biến khác. Nếu không thế thời sắc cho tiện nghi hành sự và cấp kỳ bài để dùng vào chỗ nào”?

Rồi lại xảy có biến Tam vệ quân ở Phúc Kiến, Vương Quỳnh bảo Ứng Điển “Việc này là tiểu sự, không phải phiền đến Vương Thủ Nhân. Nhưng mà nên mượn cơ này cấp tiện nghi sắc thơ để Vương mở sẵn có trong tay, phòng khi dùng vào cuộc biến khác. Người thử vì ta làm một đề cáo đưa xem”. Xem cáo rồi, giáng sắc:

“Bọn Tam vệ quân ở Phúc Châu (福州) hiếp chúng, mưu phản đặc mạng nhà người tạm lìa địa phương (Nam Cam) đi hội đồng tra nghị xử trí mà tham tấu định đoạt. Khâm thủ! Khâm tôn”!

Có sắc này Vương Dương Minh mới rời được Cam Châu và mới có gặp biến Thần Hào. Trước đó, tiên sinh cũng đã có dịp dò xét lòng phản của Thần

Hào rồi. Nguyên có lần Thần Hào sai cử nhân Lưu Dưỡng Chánh đến nói với tiên sinh: “Ninh Vương tôn sū, trọng đạo có tư chất vua Thang Vũ, muốn theo ngài giảng minh chánh học”. Tiên sinh cho Ký Nguyên Hanh (冀元亨) đi sang giảng học với Thần Hào, để dò xem tình ý. Nguyên Hanh thấy Thần Hào mâu thuẫn với lời Lưu Dưỡng Chánh, bèn tỏ ý ra. Thần Hào giận, đuổi đi, rồi sai bộ hạ ám sát dọc đường nhưng lại hụt.

Nay thì Thần Hào đã cử sự rồi.

Ngày 13 tháng 6 hắc ăn lễ sinh nhật. Hôm sau các quan đến tạ yến. Hắc đột khởi phản mưu giết Đô ngự sử họ Tôn, Phó sứ họ Hứa, Tham nghị họ Hoàng. Chủ sự họ Mã chết trong tù. Kỳ dư những quan lớn nhỏ không chịu theo, đều bị hắc bắt giam cầm. Hắc truy đoạt ấn tín, phóng trọng tù, khai kho tàng, thanh ngôn rằng sẽ đánh lấy Nam Kinh rồi đánh lên Bắc Kinh.

Vương Dương Minh dẫn theo đường chỉ một trăm ngoài tên quân. Ngày rằm đến Phong Thành nghe tin Thần Hào xưng loạn, biết thế nào Thần Hào cũng đón bắt, liệu bề không kham cự, tiên sinh bèn lùi lại.

Bấy giờ gặp phải gió nam thổi mạnh, thuyền ngược dòng sông lại ngược gió bát cạy không dờ, Thần Hào quả sai Du Tài lãnh binh đuổi gấp. Tiên sinh độ không thoát khỏi. Trong thuyền có phu nhân cùng công tử Chánh Hiếu, con nuôi của tiên sinh.

Tiên sinh không nỡ bỏ lại mà lánh nạn một mình. Phu nhân chụp lấy một thanh gươm, nói: “Ông nên thoát mau. Đừng lo cho mẹ con chúng tôi. Có gấp rút bề nào, tôi lấy gươm này tự vệ”. Tiên sinh bèn cưỡi quan phục cho một tên tốt mặc vào để ở lại, rồi cùng hai viên mặc sĩ là Lôi Tế và Tiêu Vũ nhảy qua một chiếc thuyền câu. Tiên sinh lại kỳ đảo. May đâu phút chốc ngọn gió trở ngược lại, thuyền tiên sinh chạy thoát.

Du Tài vẫn cứ đuổi theo chiếc thuyền có quan ngồi. Té ra bắt được kẻ giả trang. Toan giết. Có người khuyên: “Ích gì”. Mới tha mạng.

Đêm đó tiên sinh tới Lâm Giang (nay là Thanh Giang). Tri phủ Đới Đức Nhụ mừng lắm rước tiên sinh vào thành điều độ, mà rằng: “Lâm Giang ở trên mé sông to, lại không xa tỉnh thành, không bằng về Cát An là hơn”. Rồi lại đem ba sách lược ra bàn.

“Nếu Thần Hào xuất thượng sách, thẳng lên Bắc Kinh đánh xuất kỳ bất ý, ắt tông xã phải nguy. Nếu hãn xuất trung sách, xông qua Nam Kinh, thời phía nam phía bắc sông Trường Giang đều bị hại. Còn nếu hãn xuất hạ sách chỉ căn cứ tỉnh thành Giang Tây, ắt sự cần (勤) vương của chúng ta có chỗ dễ dàng”.

Ngồi thuyền về Cát An, dọc đường tiên sinh lo lắng, sợ binh Thần Hào ruổi gấp về Nam Kinh đánh thành linh. Nam Kinh không hay mà phòng bị ắt khó bề chống lại, mà Nam Kinh hạ được, thời

Bắc Kinh, cũng khó giữ. Phải có kế gì khiến binh Thần Hào chậm lại chừng mười lăm hôm, cho các nơi xa gần đều hay mà phòng bị, thời chắc khỏi hoạn (hoạn nạn).

Tiên sinh nghĩ ra kế làm một cái hỏa bài, giả như Triều đình đã hay Thần Hào sắp phản, nên đã mật chỉ cho Lương Quảng Đô ngự sử Dương Đán cùng Lương Kinh Bình bộ, hãy mang tướng xuất sư, ám phục ở những địa phương có thể bị hại, chờ binh của Ninh phủ đến thời đánh giết.

Lôi Tế bàn với tiên sinh: “Ninh vương thấy hỏa bài chưa ắt sẽ tin”. Tiên sinh hỏi: “Không tin, mà có thể nghi chăng?”.

Lôi Tế đáp: “Nghi, thời chắc là không khỏi được”. Tiên sinh cười: “Một khi hấn sẽ sinh nghi, thời đại sự của hấn sẽ hỏng”. Nói xong tiên sinh lại than: “Thần Hào trước đã làm điều vô đạo, tàn hại bách tính. Nay tuy nhất thời có rất nhiều kẻ theo về làm nghịch nhưng đó không phải là bốn tâm của chúng, chẳng qua vì chúng bị hiếp bách hoặc bị dụ dỗ lấy lợi lộc mà tạm hiệp đó thôi. Túng sử Thần Hào có dẫn binh đi tới mà ta đem sư vấn tội theo gót hấn, thời hai thể thuận, nghịch đã rõ phân, thắng, phụ, cũng liệu biết trước được. Nhưng mà tặc binh sớm khởi ở một phương nào, thời dân mạng phương ấy sẽ bị tàn phá... Nay ta thiết kế này, trì lưu Thần Hào được ngày nào, là ngày ấy đem phúc lại cho thiên hạ”.

Đó rồi tiên sinh thảo ra cái hỏa bài giả:

“Đề đốc quân vụ Đô ngự sử, họ Dương, làm cơ mật quân vụ sự, vâng theo tư văn của Binh bộ cùng của Đô sát viện Hữu phó Đô ngự sử họ Nhan, đều nói về việc trước, nên bốn viện đời lãnh bốn mươi tám vạn lang đặt quan binh, kéo sang Giang Tây công cán. Ngày mùng 3 tháng 5 đã từ phủ Quảng Châu khởi mã tiền tấu. Trông cậy các nha môn quân vệ hữu ty ở dọc theo đường của binh kéo qua, hãy chiếu theo sổ mà dự bị lương thảo, đợi ngày quan binh đi tới đem ra chỉ ứng. Nếu đến kỳ mà thiếu hụt làm hư việc, sẽ chiếu y quân pháp xử trảm”.

Ý cái hỏa bài này, là làm ra tuồng như Triều đình đã có sai họ Nhan đi xét hạch, và đã mật cho các xứ Lương Quảng khởi điều binh mã, ngấm đến đánh bắt Thần Hào. Sự giả hỏa bài ấy, sau này tiên sinh không thuật lại trong các sổ tấu. Theo lời của Long Quang (光龍), là một vị quan trí sĩ ở Cát Thủy nói lại với Tiền Đức Hồng (钱德洪), môn nhân của tiên sinh, thời một là tiên sinh sợ đem vào sổ tấu văn sẽ thêm phiền, một nữa là cho sự phản gián, thiết mưu dụng quỷ như vậy, không phải sự quân tử lấy làm phải, không nên bày ra cho người đời biết. Nhưng đương thời nếu không hành cái kế phản gián mà trì lưu Thần Hào, để cho hắn xua binh đánh tới, thời sinh ra nỗi “sấm gấp không kịp nhét tai”.

Một cái hỏa bài ấy tiên sinh còn sợ chưa đủ làm Thần Hào do dự. Tiên sinh lập mưu cho hai người quân sư của Thần Hào là Lưu Dưỡng Chánh và Lý Sĩ

Thật nghi ngờ nhau mà thêm bị Thần Hào nghi ngờ nữa. Về tới Cát An tiên sinh cùng Lô Tể và Tiên Vũ giả một bức văn nghinh tiếp mạng sư ở Bắc Kinh đi xuống. Trong bức văn có đoạn:

“Nếu Ninh Vương kiên thủ Nam Xương, cầm binh lại không phát ra, thời quan quân ở Bắc Kinh xa xuôi đi xuống, thiên thời địa lợi đều không được tiện cả hai e cho nhất thời cũng khó mưu đồ. Vậy nên dẫn binh đi chậm chậm, hoặc nên phân binh giữ trước Nam Kinh chờ cho Ninh Vương rời khỏi Giang Tây, mà sau khi đó hoặc sẽ chặn trước mặt hoặc sẽ đánh sau lưng, khiến cho đầu đuôi quân nghịch không tiếp cứu được nhau, thế tất phải phá vỡ.

Nay hai kẻ chủ mưu của Ninh Vương là Lý Sĩ Thật và Lưu Dưỡng Chánh đều mỗi người có một thơ cho bốn chức còn hai tặc tướng là Lăng Thập Nhất và Mẫn Năm Tú, đều mỗi người có một sai kẻ tâm phúc đệ trạng đến bốn chức. Cả thấy đều xin “trở giáo lập công báo hiệu”. Xem đó khá biết Ninh Vương là người đã bị chúng phân, thân lìa rời, thời sự bại không xa vậy”.

Để giúp sức cho mấy việc giả trước đó có hiệu quả hơn nữa, tiên sinh đặt ra hai bức thơ giả tuồng hồi đáp thơ của Lý Sĩ Thật và của Lưu Dưỡng Chánh - thơ cho Lý Sĩ Thật nói:

“Tiếp được chính tay của lão tiên sinh viết ra để mật thị chỉ giáo đủ thấy tấm lòng tình trung báo quốc của lão tiên sinh và mới rõ nỗi việc gần đây là bởi tình thế bức bách đến bất đắc dĩ mà ra vậy, thân tuy hãm

trong lưới bẫy mà lòng vẫn không quên nhà vua. Mật mưu đã dẫn dụ, nếu không là lão tiên sinh thời nào người nghĩ đến nổi. Nay lại được Tử Cát (子吉) đồng tâm hiệp lực thời muôn muôn việc sẽ không thất lấy một. Nhưng mà nếu cơ sự không nhem thời họa hại ắt thành. Vậy phải tùy thời chờ cơ mà phát khởi mới có thể được. Không thể e rằng chẳng lợi ích cho nước nhà mà lão tiên sinh cùng Tử Cát cũng sẽ phải liên lụy, thời lòng đây cũng khẩn khẩn không đành. Huống chi nay binh thế bốn đường đã hiệp chỉ chờ lão tiên sinh bước tới là khá ra tay, chớ e lão tiên sinh chưa khứng khinh xuất. Hôm tiếp Lăng, Mẫn, hai tướng khiến người mật truyền tiêu tức, cũng là đều do lão tiên sinh cùng Tử Cát chỉ lối giục lòng mà có vậy, chớ e những người ấy vốn thô hán, họ dễ tiết lậu, vậy nên răn họ thận mật, lại cũng nên phòng ngừa mới được. Đọc xong đốt liền. Tên quen miến ký.

Cho Lưu Dường Chánh cũng một bức thư mừng tượng như thế.

Hỏa bài giả, thơ giả, làm xong, tiên sinh khiến Lôi Tế và Tiêu Vũ hãy chọn những tên quân nào dũng cảm, chịu hy sinh, cho chúng nó nhiều vàng bạc, rồi may giấu đồ giả ấy trong áo mang đi. Một mặt khác lại sai người báo tin đến kẻ bộ thuộc của Thần Hào, mách rằng có những kẻ mang giấy tờ bí mật đi như thế. Thần Hào cho đón bắt, xét mình chúng, quả có các thứ bút tích quan hệ ấy.

Ngày 18 tiên sinh đến Cát An. Tri phủ Ngũ Văn Định (伍文定) mừng lắm, bẩm xưng: “Địa phương vô chủ, xin thượng quan ở lại đây mưu toan lẽ nào”. Nghĩ đến cái đại cơ an nguy của thiên hạ tiên sinh không đành bỏ đi, tạm gác lại việc tra hạch quân tình ở Phúc Châu. Bèn vào thành Cát An vỗ về quân dân, đốc Tri phủ Ngũ Văn Định điều tập binh lương, hiệu triệu nghĩa dũng. Lại ước hội quan Tả phó Đô ngự sử trí sĩ Vương Mậu Trung (王懋忠) và quan Bình sự (評事) dưỡng binh La Kiều (羅僑) để cùng định mưu, thiết sách, thâu lại lòng dân hoán tán, và chấn khởi nghĩa khí trung thần.

Ngày 19 tiên sinh dâng sớ cáo biến.

*

* *

Thần Hào trước kia, định ngày 17 tháng 6 xuất binh, mà tự mình thời ngày 22 khởi mã tại Giang Tây, đi thẳng về Nam Kinh yết lẫm tức vị, rồi đánh lên Bắc Kinh. Đến khi thấy những gián điệp kia, sinh hồ nghi, không dám khinh xuất. Cho nên ngày 17 hấn khiển binh đi trước đánh Nam Khang (南康) nay là Tinh Tử (星子) và Cửu Giang (九江) mà tự mình thời lưu lại trong thành Nam Xương, chờ xem biến động ra sao.

Ngày 17 binh của hấn đánh úp Nam Khang. Quan quân trong thành bỏ chạy. Ngày 18 đánh úp Cửu Giang. Quan quân trong thành cũng bỏ chạy hết.

Đánh xong, chờ mãi không thấy Thần Hào, binh

của hần phát nghi, rồi phát sớ, thối lại linh đình trên mặt sông mặt hồ rất lâu lòng chốt, khí suy.

Mãi đến ngày mồng 3 tháng 7, rõ lại gián điệp kia không có thật, Thần Hào mới để một vạn binh giữ Nam Xương, mà dẫn sáu vạn xuôi dòng sông nhằm đường Nam Kinh.

Binh của hần hơn một trăm bốn chục đội, phân làm năm tiệu. Ra khỏi Bà Dương (鄱陽)¹ qua Cửu Giang, hần để Sư Quì (師懷) lại giữ đó, mà đi thẳng An Khánh (安慶) (nay là Hoài Ninh (懷寧) tỉnh An Huy).

Khi ấy Tuần phủ Nam kỳ Đô ngự sử Lý Khắc Tộ (李克嗣) phi chương cáo biến. Thượng Thơ Vương Quỳnh thỉnh hội nghị ở cửa Tả Thuận (左順). Chúng còn chờ xem, không ai dám nói Thần Hào phản. Một mình Vương Quỳnh nói: “Thằng trẻ con trước kia làm điều bất nghĩa, nay đem thương tốt dấy loạn, không đủ lấy làm lo. Đô ngự sử Vương Thủ Nhân cứ nơi thượng du, sẽ theo bắt được ngay”.

Tin chắc như thế, nhưng Vương Quỳnh nghĩ, nếu triều đình không mạng (命 – mệnh – sai) tướng xuất sư ắt không lấy gì để tráng quân uy. Bèn thẳng vào phòng liễn tay thảo một hơi mười ba lá sớ. Trước hết xin hạ chiếu lột tước Vương của Thần Hào, và xin mạng tướng xuất sư thẳng xuống Nam Đô, mạng Bá tước Phương Thọ Tường (方壽祥) phòng thủ Giang Đô (江都), Ngự sử Du Giám (俞諫) suất Hoài binh

¹ Chữ bà có người đọc là *phiên*.

giúp Nam Kinh, Thượng thư Vương Hồng Nho (王鴻儒) chủ cấp quân lương. Kế đó xin mạng Vương Thủ Nhân suất binh Nam Cam do đường Lâm Cát (臨吉); suất binh Hồ Quảng do đường Kinh Thụy (荆瑞) hội lại Nam Xương; mạng Lý Khắc Tự trấn ở Trấn Giang (镇江), Hứa Đình Quang (許廷光) trấn Chiết Giang, Tùng Lan (叢蘭) trấn Nghi Chân (儀真).

Rồi truyền hịch cho các lộ ở Giang Tây, hễ có kẻ nào trung thần nghĩa sĩ, có thể xướng nghĩa binh bắt được Thần Hào, thì sẽ phong hầu.

Lời sở thỉnh của Thượng thư Vương Quỳnh đều được nghe theo cả.

Trong khi gấp rút, chưa có mạng của Triều đình, Vương Dương Minh phải xướng nghĩa binh.¹ Định đoạt đầu đuôi xong, tiên sinh di hịch cho khắp nơi gần xa, tuyên bố nhân đức của triều đình, kể tội ác của Thần Hào gian bạo. Binh đã tập trung, tiên sinh không vội kéo đi, bảo rằng: “Đánh kẻ nghịch có phòng bị thì không đắc kế. Nên làm ra tướng phòng thủ, chờ cho Thần Hào đem binh đi rồi, đánh ở phía sau hắn, khắc phục Nam Xương chiếm sào huyệt của hắn. Như thế, hắn sẽ không dám tới, mà lui lại để cứu lấy căn cứ địa, không thể lui. Đó là sách toàn thắng của binh ta”.

Thần Hào đã kéo quân đi An Khánh rồi, tiên sinh

¹ Nghĩa binh, là binh của kẻ nghĩa lập ra. Đối với mạng su, là binh có triều đình cho mạng.

khắc kỳ ngày rằm hội binh nơi Chương Thọ trấn (樟樹鎮) (khỏi Lâm Giang, phía dưới Phong Thành).

Ngày 18 nghĩa binh đến Phong Thành, hay tin An Khánh bị vây. Chúng nghị nên dẫn binh thẳng lên cứu An Khánh. Tiên sinh không nghe bảo rằng: “Cửu Giang và Nam Khang đều bị quân nghịch chiếm cứ rồi, mà trong thành Nam Xương còn hơn một vạn binh tinh hãn, lương thực chứa đầy. Nếu ta dẫn binh lên An Khánh thì quân nghịch sẽ quay lại liều chết mà đánh. Chừng ấy binh An Khánh mắc lo khu khu tự thủ, không thể trợ viện ta nơi hồ (Bà Dương). Binh Nam Xương sẽ chặn phía sau, tuyệt đường vận lương của ta. Quân nghịch ở Cửu Giang và Nam Khang hiệp thế lại nữa. Bốn mặt ta sẽ không trông vào đâu được. Nay binh ta tập trung quá chóng, tiếng đã thấu Nam Xương rồi, trong thành hẳn đã chấn động. Ta nhân đó đánh gấp Nam Xương thế tất hạ được. Nam Xương mà nếu đã phá, thì Thần Hào thất đảm. Mất bốn căn, thế tất hẳn sẽ quay về giải cứu. Như vậy An Khánh sẽ tự nhiên được giải vây, mà Thần Hào sẽ bị ta bắt”.

Nghị như thế, tiên sinh đốc phá Nam Xương. Bèn phân bố tiêu đạo, sắp đặt:

Ngũ Văn Định (伍文定) đánh cửa Quảng Nhuận (廣潤);

Hình Tuân (邢珣) đánh cửa Thuận Hóa (順化);

Từ Liên (徐璉) đánh cửa Huệ Dân (惠民);

Đới Đức Nhụ (戴德孺) đánh cửa Vĩnh Hòa;

Hồ Nghiêu Nguyên (胡堯元) và Đồng Kỳ (童琦) đánh của Chương Giang (章江);

Lý Mỹ (李美) đánh của Đức Thắng (德勝);

Dư Ân (思余) đánh của Tấn Hiền (進賢);

Còn Đàm Trừ (談儲), Vương Vĩ (王偉), Lý Tiếp (李楫), Vương Thiên Dũ (王天與), Vương Miện (王暉(? theo nguyên văn là “vĩ” nghĩa là chói sáng khác với vĩ ở trên là cao to)) thì thừa hấn trong số bảy của đó mà đánh tiếp vào.

Trong ngày 18 ấy tiên sinh tiếp được lá điệp, báo tin: Thần Hào phục hơn một ngàn binh ở Tân cựu Phần Xưởng (新舊墳廠) để dự bị viện trợ tỉnh thành. Tiên sinh bèn khiến Tri huyện Phụng Tân (奉新) là Lưu Thủ Tự (劉守緒), cùng Điển sú Từ Thành (徐誠) lãnh bốn trăm binh, đợi đêm tối lên theo đường gian đạo mà đánh phá, để làm cho trong thành phải dao động.

Ngày 19 nghĩa binh lên Thị Xoa (市叔 (sic 汧: hán)) (gần Nam Xương) thệ sư, ước hẹn chư tướng: trống hồi nhất = xáp thành; hồi nhì = tràn thành; hồi ba = tru ngũ; hồi tư = trảm tướng.¹

Mờ mờ sáng ngày 20, các tiệu đạo đều tới nơi tín địa. Trong thành phòng bị rất nghiêm: nào gỗ, đá, cung nỏ, súng đồng, điều cụ tất. Bấy giờ Tân cựu Phần Xưởng đã phá vỡ rồi. Quân bại trận chạy vào

¹ Hồi trống thứ ba mà chưa được thời giết viên ngũ trưởng, hồi trống thứ tư mà còn chưa được việc thời chém kẻ làm tướng.

báo trong thành. Người người trong thành đều nao núng. Xảy nghe bảy cửa thành nghĩa binh dồn gấp đến, trong thành chấn động kinh hãi. Nghĩa binh tràn vào được, trong thành bỏ chạy. Cung quyền phóng lửa tự đốt mình. Lửa cháy lây nhà cửa của cư dân. Vương Dương Minh lệnh cho các quan cứu hỏa. Nghĩa binh bắt được Nghi Xuân Vương và ngục Thái sư Vạn Nhuệ (萬銳) cùng quân tâm phúc của Thần Hào, cả thảy một ngàn người. Thâu lại ấn tín của các nha môn, lớn nhỏ chín mươi sáu cái.

Khi ấy Thần Hào đang vây An Khánh chưa hạ được thành. Nghe tin nghĩa binh đã tới Phong Thành thì đem lòng lo sợ, muốn quay về Nam Xương. Lý Sĩ Thạt khuyên hãy nên xông đến Nam Kinh, đánh vỡ rồi thì Giang Tây cũng tự phục. Thần Hào không nghe, mở vây An Khánh, dời binh đồ bến Nguyễn Tử Cảng (阮子港), hội nghị tính đường cứu viện Nam Xương.

Ấy là sự thế xảy ra đúng như lời tiên đoán của Vương Dương Minh. Chúng tướng nghị sách lược để chống lại Thần Hào, nhập thành mà tự thủ, chờ bốn phương cứu viện. Tiên sinh nghị nên đem nhuệ tốt mới chiến thắng, thừa cơ quân nghịch đi về nhón nhác, không có phòng bị đánh gắt cho một trận, vỡ đội tiên phong của chúng, thì không cần đánh nữa chúng cũng tự rã tan. Cái sách này là sách “trước (chém) được bước người, thì đoạt được khí người”.

Tiên sinh khiến chế ra những vài chục vạn bài “miễn tử” bằng gỗ. Không ai hiểu để dùng vào việc gì. Đến khi sắp phát binh đi đón đánh Thần Hào trên hồ Bà Dương, tiên sinh sai thả những mộc bài ấy xuống sông cho nó xuôi giòng trôi về phía hồ.

Nghे tin Nam Xương bị đánh vỡ tan rồi, binh Thần Hào xao xuyên. Những kẻ bị bức hiếp mà phải theo, đều muốn trốn tránh đi, nhưng chẳng có đường nào. Chợt thấy bài “miễn tử” trôi dập dều chúng đua nhau vớt cầm thoát thân, không biết số nào mà kể.

Ở Nguyễn Tử Càng Thần Hào tách ra hai vạn binh cho đi trước về Nam Xương. Hẩn thân suất quân còn lại, đi theo sau.

Ngày 22 Tri phủ Vũ Châu (撫州) là Trần Hòe (陳槐) và Tri huyện Tấn Hiền (進賢) là Lưu Nguyên Thanh (劉元清) đề binh tới. Vương Dương Minh bèn khiến Ngũ Văn Định, Hình Tuân, Từ Liên, Đới Đức Nhụ, mỗi người dẫn 500 binh, chia đường cùng tới một lượt, xuất kỳ bất ý, đánh quân nghịch. Rồi lại khiến Dư Ân đem 400 binh tới lui trên mặt hồ để giúp sức cho sáu người kia.

Tri phủ Trần Hòe (陳槐), Thông phán Hồ Nghiêu Nguyên (胡堯元), Đồng Kỳ (童琦), Đàm Trừ (談儲), Suy quan Vương Vĩ (王偉), Từ Văn Anh (徐文英), tri huyện Lý Mỹ (李美), Lý Tiếp (李楫), Vương Miện (王冕 (“miện” ở đây lại ghi theo nghĩa là mũ miện)), Vương Thức (王識), Lưu Thủ Tự (劉守緒), Lưu Nguyễn Thanh, mỗi người lãnh một trăm binh

ngoài đem phục bốn bề, chờ binh của Ngũ Văn Định và các tướng giao lại hãy tủa ra hiệp kích.¹

Phân bố xong rồi, ngày 23 (giáp dần) thừa đêm tối, nghĩa binh ruổi, tới gấp. Binh Ngũ Văn Định đi tiên phong, binh Dư Ân nối theo cùng đón đầu quân nghịch; binh Từ Liên với binh Đới Đức Nhụ trương làm tả hữu lương dục; binh Hình Tuân bọc phía sau quân nghịch.

Ngày 23 ấy binh tiên phong của Thần Hào về đến Tiểu Xá (樵舍), buồm lợp sông, trước sau vài chục dặm.

Ngày 24, trống phách, reo hò, binh Thần Hào, thuận gió, áp tới gần phần đất Hoàng Gia Độ (黃家渡), khí thế rất kiêu. Ngũ Văn Định và Dư Ân giả xông lên hướng bắc. Quân nghịch tranh tới để lấy thế lợi, trước sau không giáp được nhau. Binh Hình Tuân đánh ngang hông, xông thẳng vào giữa. Giặc thua chạy. Ngũ Văn Định và Dư Ân đốc binh đuổi theo. Từ Liên và Đới Đức Nhụ hiệp thế giáp công. Bốn phía phục binh cũng ủa ra, reo hò lên. Giặc không biết làm sao, vỡ chạy. Đuổi theo hơn mười dặm; cầm chém hơn hai ngàn; té sông chết đuối kể lấy số vạn. Khi giặc tiêu tan dần binh lùi lại giữ Bát Tự Não (八字腦). Thần Hào kinh hoàng. Tự thân nóng giục lòng tướng sĩ, lấy ngàn vàng thưởng kẻ đi đầu, lấy trăm lượng đền ai bị thương tích. Lại rút

¹ Cả thủy binh của Vương Dương Minh đánh trận này có được một vạn ngoài theo lời số của tiên sinh.

hết binh giữ hai thành Nam Khang và Cửu Giang, để cho có thêm số lượng.

Ngày ấy Tri phủ Kiến Xương (建昌) là Tăng Dư (普興) dẫn binh đến. Vương Dương Minh nghị rằng: Cửu Giang không phá được; thời binh Hồ Nam không dám vượt Cửu Giang mà cứu viện binh ta; còn Nam Khang không khắc phục được, thời binh ta cũng không thể lọt Nam Khang mà đuổi theo giặc. Bèn khiến Tri Phủ Trần Hòe lãnh 400 binh hiệp với binh Tri huyện Nhiên Châu là Lâm Thành (林城), đánh Cửu Giang; khiến Tri phủ Tăng Dư lãnh 400 binh hiệp với binh Tri phủ Quảng Tín là Châu Triều Tá (周朝佐) đánh lấy Nam Khang.

Ngày 25 quân nghịch góp sức, ra khiêu chiến. Bấy giờ bị nghịch gió, nghĩa binh đánh có hơi lùi, chết hết vài chục người. Tin báo đến, Vương Dương Minh cả giận, muốn lấy quân pháp chém đầu các tướng Ngũ Văn Định, Hình Tuân, Từ Liên, Đới Đức Nhụ. Tiên sinh hạ lệnh: kẻ nào lùi bước, chém đầu! Rồi tự cầm soái, chính mình ra đánh.

Tri phủ Ngũ Văn Định cùng mấy tướng kia đứng trước lần súng đạn lửa cháy râu, sém mặt, không dám lùi. Phấn phát đốc suất các binh quyết chết xông tới. Súng bắn nhằm thuyền Thần Hào. Thần Hào lùi chạy. Quân nghịch thua to. Bị giết có hơn hai ngàn, nhào xuống nước chết không xiết kể số. Chúng lui lại Tiểu Xá, kết thuyền lập phương trận.

Đêm ấy Vương Dương Minh đốc chế ra đồ phát hỏa. Rồi phân bố: binh Hình Tuân đánh phía tả; binh Từ Liên, Đới Đức Nhụ ra phía hữu; còn binh Dư Ân cùng của mấy tướng khác, chia ra, phục bốn bề, khắc kỳ lửa phát ráp lại.

Sáng ngày 26 Ninh Vương nhóm châu. Dẫn ra các quan trong tam Ty có tội, trách không liệu chết đột xung, yên ngồi xem thành bại. Sắp đem chém, song tranh luận chưa quyết. Xảy nghĩa binh bốn mặt đồn lại đánh hăng. Lửa đốt thuyền hầu của Ninh Vương. Quân nghịch rả chạy. Ninh Vương cùng phi tần rối rít, khóc vĩnh quyết thảm thương. Rồi các bà gieo mình xuống nước cả. Ninh Vương Thần Hào cùng thế. Chợt thấy trong đám vi-lô ẩn một chiếc thuyền câu. Cả tiếng gọi xin đưa. Chàng ngư phủ cất mái chèo dời thẳng vào trung quân (21 aoút 1519), Thần Hào đã bị nạp mình rồi, mà chư tướng chưa hay biết gì cả. Trận này, với Thần Hào, còn bắt được thể tử, quân vương Lý Sĩ Thật, Lưu Dưỡng Chánh, cùng những tướng quân, Nghi Tân¹ Thái Sư, Quốc sư Tham tán, Thượng thư, Đô đốc, Đô chỉ huy, Thiên hộ, Bách hộ các ngụy quân cả thảy hơn 200 người, chém giết có hơn 3.000 người, té xuống nước chết ước 30.000. Y giáp, tài vật, và thầy nổi linh láng như chằm to mười mấy dặm dài. Thuyền giặc còn vài trăm chiếc, trốn đi tứ tán. Vương Dương Minh

¹ Nghi Tân: rể của các Thân Vương và Quận Vương.

khiến quân đuổi theo bắt cho sạch, sợ chúng vào làm hoạn (nạn) những nơi khác.

Ngày 27 đuổi theo đến Tiểu Xá đánh một trận, lại đến Ngô Thành đánh một trận nữa vỡ tan. Bắt chém hơn 1.000 còn thời rút nước chết sạch.

Ngày 28 bọn Tri phủ Trần Hòe về báo bẩm: đánh các nơi dọc theo mé hồ mỗi người giết được cả ngàn quân giặc.

Thế là yên loạn Thần Hào. Kể từ hôm 19 thệ sư ở Thị Xoa, đến nay là ngày 23, không đầy một tuần mà cầm một vạn nghĩa binh ô hạp, vị tướng soái đau yếu, tê liệt tay chơn lại phá được mười vạn chúng cường khấu. Lịch sử không mấy lần có kỳ sự như thế. Người đời chỉ thành công dễ, biết đâu phạt mưu thần tài.

Cầm được Thần Hào, dẫn vào thành Nam Xương, quân dân trong ngoài tụ xem có mấy vạn, tiếng hoan hô động địa chấn thiên, như thoát khổ đảo huyền, khỏi vòng nước lửa.

Thần Hào bị cầm, ngồi trên ngựa đi vào thành, nhìn xa gần các đường sá, thấy hàng ngũ chỉnh túc, cười rằng: “Đây là việc nhà của ta, nổi gì phải hao nhọc tấm lòng như vậy”? Khi ra mắt Vương Dương Minh, Thần Hào điểm tỉnh gởi một lời: “Lâu phi (婁妃) là hiền phi vậy. Từ buổi đầu đến cuối, khổ sở gián can, không được nghe theo. Đã gieo mình xuống nước. Mong ơn khiến kẻ giùm chôn”. Cho đi tìm, quả được thi: chân thây quần dây, rất dễ nhìn. Phi là con của Lâu Lượng (婁諒)

có gia học, cho nên, xử biến, biết tự toàn. Thần Hào lại hỏi: “Vương tiên sinh! Tôi muốn bỏ hết địa vị xin hàng làm thú dân, có được chăng”? Tiên sinh đáp: “Có phép nước đó”. Rồi đưa Thần Hào cầm tù.

viii.– lữĩ mỗi miệng lầ

Triều đình tiếp sớ cáo biến của Vương Dương Minh xin mạng tướng xuất sứ mới sai:

An Biên Bá Hứa Thái (許泰) làm Tổng đốc quân vụ, sung Tổng binh;

Bình Lỗ Bá Giang Bân làm Đề đốc;

Tả Đô đốc Lưu Huy (劉翬) làm tổng binh;

Thái giám Trương Trung (張忠) làm Đề đốc quân vụ;

Thái giám Trương Vĩnh (張永) làm Đề đốc, Tán hoạch Cơ mật quân vụ gồm lễ bậc Hào phản sự tình và tra lý kho tàng cung quuyến các việc;

Thái giám Ngụy Bân (魏彬) làm Đề đốc Binh bộ Thị lang Vương Hiến làm Đốc lý lương hướng, cả thầy lãnh một vạn binh ngoài đi Giang Tây chinh thảo.

Binh triều đương kéo đi thời, Vương Dương Minh đã hiến phù phát tự Nam Xương ngày 11 tháng 9. Sợ e sai người đi, dọc đường còn dư đảng của Thần Hào đón cướp từ xa, tiên sinh phải thân giải lấy.

Binh triều đi giữa đường nghe báo tiếp. Bọn Hứa Thái, Giang Bân nghĩ kế cướp công. Chúng mật thỉnh Vũ Tông thân chinh. Vũ Tông nghe lời. Đình thần hết sức can gián, không được, có kẻ đến bị đình trượng chết ngay. Vương Dương Minh hay tin ngự giá thân chinh, cũng dâng sớ gián chỉ. Trong sớ cho hay giặc đã hết rồi, Thần Hào đã bị cầm lại nói: tuy vậy loạn chưa hẳn dứt, sợ e cho “đọc đường có phục gian đảng, toan mưu Bác Lãng, Kinh Kha.”¹

Bọn Giang Bân, Hứa Thái, Lưu Huy, Trương Trung, Trương Vĩnh, Ngụy Bân, lãnh binh đi trước theo sông Cam (淦) (sic: 顧 – cổ) kéo đến Nam Xương, vào ở trong thành, người ngựa nghệt bít đường sá, không thể chen lọt. Chúng vu cáo lên nói rằng: Vương Thủ Nhân trước đồng lõa với Thần Hào mưu phản, nhân thấy thiên binh kéo đi mới bắt Thần Hào để thoát tội. Chúng còn muốn bắt luôn Vương Dương Minh để lấy làm công. Bèn sai người đuổi theo tiên sinh đang bắt Thần Hào lại đem thả ở hồ Bà Dương, chờ Vũ Tông đến đánh mà sau sẽ luận công.

Tiên sinh đương dừng ở trại Thảo Bình, huyện Ngọc Sơn trời đã tối, nghe tin vương sư theo gần kịp, tiên sinh tức tốc thoát đi. Bước ra có để lại vách hai bài thi.²

Nhất chiến công thành vị túc kỳ

¹ Sợ đọc đường Vũ Tông gặp thích khách nguy cho tánh mạng.

² Nay lục ra bài đầu.

*Thân chinh tiêu tức thượng kham nguy
Biên phong tây bắc phương truyền cảnh
Dân lực đông nam dĩ tận bì.
Vạn lý thu phong tê giáp mã,
Thiên sơn tà nhật độ sinh kỳ.
Tiểu thần hà nhĩ khu trì cấp?
Dục thỉnh hồi loan bãi lực sự.*

一戰功成未足奇
親征消息尙堪危
邊烽西北方傳警
民力東南已盡疲
萬里秋風嘶甲馬
千山斜日度牲嫗
小臣何爾驅馳急
欲請回鑾罷六師

*Cuộc trận thành công mấy lạ gì?
Thân chinh tin ấy, xiết bao nguy!
Lửa miễn đông bắc còn cao ngất,
Dân côi tây nam đã mệt ỳ
Muôn dặm gió thu rên kiếm mã
Ngàn non bóng xế nhiều sanh kỳ.
Tiểu thần dong ruổi chi mà gấp?
Toan thỉnh hồi loan giải giáp đi.*

Quân chạy theo mất dấu tiên sinh. Trương Vĩnh bèn xuống đón nơi sông Tiền Đường. Đến Hàng Châu gặp Vĩnh, tiên sinh bày lời: “Dân tình đất Giang Tây bấy nhiêu lâu bị Thần Hào độc hại. Nay đã

trải qua đại loạn, trời hạn lại tiếp theo¹ rồi đây còn phải cung cấp lương lương cho binh Triều khốn khổ cực điểm, chúng tất sẽ trốn đi tụ hiệp trong núi non đầy loạn. Trước kia giúp Thần Hào hoặc là còn có kẻ vì bị hiếp tòng; nay mà nếu cùng bách thúc giục thời gian đằng sẽ nhân mà khởi dậy như thế đất lở, khi ấy có hưng binh định loạn chẳng cũng khó lắm ru”?

Vĩnh cũng nhận sự lý như thế. Bèn thông thả đáp: “Tôi đi phen này chẳng qua vì bên cạnh vua có loạn tiểu thần mà phải đi để hầu hạ vua, không phải đến chìm công của ông. Nhưng thuận ý hoàng thượng thời muôn một còn có thể vãn hồi, chớ nghịch ý thời khó mong cứu vệc lớn thiên hạ”.

Khi ấy tiên sinh giao Thần Hào cho Vĩnh và dâng sớ qui công cho Khâm sai Tổng đốc để cho Vũ Tông tướng binh triều đã làm nên việc mà không đi sang Giang Tây.

Xếp đặt công việc xong xuôi, tiên sinh cáo bệnh vào ngụ chùa Tịnh Từ (淨慈) ở Tây Hồ. Để thuật sự, tiên sinh có bốn bài thi. Bài sau này tỏ ra chán nản.

Bách chiến qui lai nhất bệnh thân

Khả khan thời sự cánh sầu nhân

Đạo nhân mặc vấn hành tàng sự

Dĩ mãi đào hoa động lý xuân

百戰歸來一病身

可看時事更愁人

¹ Năm ấy đại hạn, từ tháng ba đến tháng bảy.

道人莫問行藏事
已買桃花洞裏春

Tắm thân bách chiến, bịnh mang về

Thời sự xui ai luống não nề

Kế hoạch, hành tàng sự chớ hỏi:

Động xuân nay đã bán đào huê

Tiên sinh quyết chí không trở ra làm quan nữa. Vua Vũ Tông nam tuần nay đã tới Nam Kinh. Trương Vĩnh về ở bên cạnh, tâu rằng: “Vương Thủ Nhân là kẻ trung thần vì nước có công mà phe Giang Bân muốn hại”. Quả thật sau đó Giang Bân vu cho tiên sinh có lòng phản. Vũ Tông không tin Giang Bân lại tâu: “Bệ hạ không tin thử triệu xem, hắn sẽ không ứng”. Vũ Tông bèn hạ chiếu triệu: Tiên sinh lật đật đi, đến Long Giang quan (龍江關) (cửa Uy Phụng (威鳳) thành Nam Kinh) toan vào chầu. Bọn Giang Bân Trương Trung tìm cách ngăn trở sợ tiên sinh vào chầu thời sai với lời vu cáo của chúng. Tiên sinh phải đi sang Vu Hồ (蕪湖) (tỉnh An Huy). Nửa tháng sau, bắt đắc dĩ thay đồ dân dã, vấn khăn xanh, vào núi Cửu Hoa (九華) ở trong một lều cỏ. Trương Vĩnh hay biết, lại tâu vua: “Vương Thủ Nhân thật trung thần. Nay nghe chúng muốn tranh công đã bỏ qua vào non tu đạo. Nào có lòng phản đâu? Vua triệu thời chắc đến”.

Vũ Tông bấy giờ mới tin tiên sinh có lòng trung bèn mạng cho phục chức trở lại Giang Tây. Nhà nhà

ở Giang Tây, cũng như trước kia ở Cam Châu, yết tượng của tiên sinh trên bàn tổ đường, tuế thời thi chúc. Bấy giờ là tháng giêng năm thìn (1520), tiên sinh bốn mươi chín tuổi.

Vua Vũ Tông đi nam tuần, xa gia đóng ở Hoài Dương (淮陽) – [Bản gốc ghi hán tự là 桂 (quế) thay vì 淮 (hoài), MP], tỉnh Hà Nam. Bọn Trương Trung, Hứa Thái kéo quân xuống Nam Xương. Tiên sinh về đó, bị binh triều ý mình có mạng vua, ngạo ngễ nhục mạ, rất vô lễ. Tiên sinh chẳng hề động tâm. Vẫn dãi lại theo lễ phép. Và còn truyền thị cho dân chúng trong ngoài thành, bảo rằng bắc quân lia nhà khổ sở, hãy nên trân trọng lấy. Tự tiên sinh thời mỗi khi gặp đám tang của binh triều tất dừng xe đón hỏi, than vãn rồi mới đi. Lâu ngày chúng hóa ra cảm phục tiên sinh.

Bọn Trương Thái, cậy nơi sở trường của mình, bảo tiên sinh thi bắn nơi giáo trường. Tiên sinh chịu khuất. Chúng ép lắm miễn cưỡng mà ứng hầu. Ba phát trúng ba. Mỗi phát trúng, bắc quân mỗi giờ tay reo hò. Bọn Trương Thái giựt mình sợ: “Bắc quân đều theo họ Vương sao”? Chúng bèn ban sữ.

Chúng lại muốn hiến phù tập công, Trương Vĩnh can: “Không được! Ngày nọ binh chưa ra khỏi Kinh sư, Thần Hào đã bị cầm rồi Vương Thủ Nhân hiến phù đã trải qua Ngọc Sơn, Tiền Đường. Việc trước mắt trong tai thiên hạ. Nay chúng ta chẳng khá tập công như vậy”. Bấy giờ Đại tướng quân mới bảo

Vương Dương Minh dâng sớ tiệp âm trở lại, để sửa lời sớ trước đã qui công cho binh triều.

Xứ Giang Tây năm trước bị hạn từ tháng 3 đến tháng 7 lúa má chết sạch. Lại trải qua loạn Thần Hào, quan phủ nha môn cùng nhà cửa của dân cư cháy rụi tàn. Cảnh thật là khốc liệt. Tiên sinh chẩn tuất cho mọi người, tấu xin miễn thuế. Dân vừa lấy hơi thở lại, thời tháng 5 năm này lại bị lụt to, chôn hết ruộng nương nhà cửa. Vua Vũ Tông thời vẫn còn ở Nam đô, chưa chịu bãi binh. Tiên sinh không thể nào gián can chi được. Nhân nước lụt, tiên sinh dâng sớ tự hặc,¹ ý để làm cho Vũ Tông giác ngộ. Sớ có những lời đại lược rằng:

“Thần thời tài mọn, lãnh trách nhậm Tuần phủ tỉnh Giang Tây, đến nay đã mấy tháng, chưa từng hay lo được mảy may việc chính trị cho dân, mà ở địa phương thêm nhiều ngày, cho nên dân càng thấy khốn đốn, của càng thấy hao mòn, tai biến ngày một dữ, họa hoạn ngày một gắt. Từ xuân vào hạ, mưa liên miên, hồ sông tràn đầy, hằng tháng nước ninh. Dọc theo sông, các quận Cam, Cát, Lâm, Thụy, Quảng, Vũ, Nam Xương, Cửu Giang, Nam Khang, không quận nào chẳng bị hại. Lúa má ngập chết, nhà cửa dạt trôi, dân lụt lội nương nấu trên ngọn cây, thuyền buôn chèo chống giữa phố xá, thành sập, đê vỡ, ngàn dặm như biển hồ, khói lửa vắng teo, chỉ rên

¹ Tự hặc (自劾): tự buộc tội mình.

tiếng khóc... Phàm cuộc biến chẳng thình không mà có. Nó do việc chính trị mà ra. Việc chính trị chẳng thình không mà hư. Nó do quan chức mà nên nổi. Quan không xong chức trách mình ấy mỗi manh thật ở nơi thân, trốn đâu khỏi tội cho được”!

Tháng 6 tiên sinh đi Cam Châu, duyệt sĩ tốt, dạy phép đánh trận. Giang Bân cho người đến rình xem động tĩnh. Kẻ tương tri lo ngại khuyên tiên sinh hãy trở về tỉnh thành. Tiên sinh nói: “Ta ở đây dạy đồng tử ca thi tập lễ, có gì khả nghi”?

Lúc bấy giờ nghe ở Vạn An (萬安) có nhiều vũ sĩ, tiên sinh sai người đi tìm biên tên được hơn ba trăm. Có người hỏi: “Loạn Thần Hào nay đã dẹp xong rồi, còn tìm vũ sĩ làm chi”? Tiên sinh đáp: “Ta nghe xứ Giao Chỉ có việc khó khăn trong nước, xuất kỳ bất ý đánh úp lấy, cũng là một cơ hội nên làm”. Mười bảy năm sau đó (1537) Mạc Đăng Dung soán vị nhà Lê. Người ta truyền rằng tiên sinh có dự mưu sự, mà giờ đây đã tính kế rồi.

ix. – bá tước bỏ quên

Tháng giêng năm tân tỵ (1521) tiên sinh rời Cam Châu trở lại Nam Xương. Bấy giờ vua Vũ Tông đã về Bắc kinh rồi tiên sinh hết lo âu. Môn nhân lại quây quần xin nghe giảng dạy.

Từ trải qua cuộc biến Thần Hào, rồi bị bọn Trương Trung, Hứa Thái sàm tấu, tiên sinh càng thêm tin một tấm lương tri đủ lấy để quên hoạn nạn, sinh tử. Tiên sinh mới bắt đầu dạy “trí lương tri (致良知) cho môn nhân. Thơ cho Thủ Ích (守益) có câu: “Gần đây tin ba chữ “trí lương tri” là thật chánh pháp nhãn tạng trong cửa thánh. Cái lương tri ấy chẳng gì là chẳng cụ túc. Có nó ví như thuyền có lái... dầu gặp gió điên sóng nghịch tay bánh trong tay, có thể khỏi chết chìm”.

Lại nói: Thuyết lương tri này ta tìm được trong bách tử thiên nan. Bất đắc dĩ đem nói hết cho người đời, chỉ e cho học giả được nó lại dễ dàng xem làm

chơi như đồ đẹp mắt, chẳng thật dụng công tự tìm, hóa ra phụ nó đi”.

Năm ấy vua Vũ Tông thắng hà. vua Thế Tông (世宗) lên nối ngôi, trọng dụng tiên sinh. Ngày 16 tháng 6 tiên sinh tiếp sắc “Buổi xưa người đẹp được loạn tặc, làm an tịnh địa phương. Triều đình bắt đầu thi hành chánh sách mới, đặc biệt triệu dụng. Sắc đến, người khá dong ruổi về Kinh, chớ nên chậm trễ”. Ngày 20 tiên sinh khởi trình, đi ngả sông Tiền Đường. Nhưng rồi không về đến để khuyết. Nguyên vì quan Tả Phụ Đường Nhất Thanh ganh ghét, sợ tiên sinh về Triều sẽ ngồi ngang mình, nên ngấm sai người nói truyền đến tại tiên sinh rằng: “Triều đình thời mới, quốc tang Vũ tông tư phí nhiều quá, nay còn có việc yến thưởng nữa không nên”. Đến Tiền Đường tiên sinh bèn dừng lại, dâng sớ xin cho về quê viếng cha. Sớ nói:

“Thần, từ hai năm lại đây, đã bốn lượt tấu xin về quê viếng cha đều bởi cha già lắm bệnh. Thần khẩn thiết xin tạm về quê, thật là vì chí tình của kẻ làm con thúc giục. Nhưng mà khi ấy quyền gian còn đương sự, sàm báng tạt đổ loạn khởi. Tấm lòng thành của thần hạ không biết đường nào giải tỏ... Bấy giờ thần tuy xin tạm lui về quê mà thật trong lòng nghĩ trọn đời gởi thân nơi sản dã... Nay gặp hội minh lương... thần như ra khỏi hầm bẫy mà lên xuân đài... Há không muốn sớm đi chiếu đến, (để bái yết thánh hoàng)? Song lẽ đoái lại cha già, thêm bệnh, xảy nghe thần mang ách sàm báng, sớm hôm lòng

bào bọt, lo sợ có lúc phải khổ nỗi cha con không kịp thấy mặt nhau... May mà nay thoát khỏi tai ương, được còn thấy trời xanh, tình cha con mong tương kiến một phen để cùng kể nỗi thảm buồn ly cách... Huống chi thân qua ngả Tiền Đường, từ đó về quê nhà chỉ mất một ngày, thời đối với bạn thân giao cũng còn khó ngăn tình nữa là đạo cha con nguồn ái nơi tánh trời, lại thêm luôn mấy năm nhớ nhung khổ thiết. Cho nên chuyển đi này thân mà có mạo tội về viếng cha, cũng là tình lý bất buộc như thế. Nhưng vậy, không minh thỉnh nơi Triều mà lên đi, thời là khi quân... Khi quân là bất trung; vong phụ là bất hiếu. Đời chưa từng có kẻ bất hiếu với cha, mà nay trung được với vua. Cho nên thân dám mạo tội, phục vọng Hoàng Thượng... cho thân được chút thỏa ô điều¹ niềm riêng...

Sớ ấy dâng lên, Triều đình chuẩn lệnh cho về viếng quê và thăng chức Nam Kinh Binh bộ Thượng thư, Tham tán Cơ vụ (南京兵部尙書參贊機務).

Rồi qua tháng chạp Binh bộ và Lại bộ nghị phong Bá tước cho tiên sinh. Vua Thế Tông nghe theo. Ngày 19 tháng chạp ấy tứ sắc phong tiên sinh: Tân Kiến Bá (新建伯) đặc tấn Quang Lộc Đại phu Trụ quốc (光祿大夫柱國), kiêm chức cũ Nam Kinh Binh bộ Thượng thư Tham tán Cơ vụ; mỗi năm ăn lộc một

¹ Quạ con biết mớm quạ già, cho nên sự hiếu dưỡng cha mẹ gọi là “ô điều chi tình” (烏鳥之情).

ngàn thạch¹ gạo và cũng một thể truy phong trở lên ba đời, còn trở xuống con cháu đời đời được thừa tập. Vua cũng lại chuẩn y hai Bộ, sai quan đem bạc cùng lụa có hoa để ủy lạo tiên sinh và hạ chỉ tôn vấn thân phụ của tiên sinh, tứ dương tửu. Sai quan đến nhà gặp ngày sinh nhật của Hải Nhật Ông, thân bằng tụ tập. Tiên sinh bưng rượu dâng, chúc thọ. Hải Nhật Ông buồn, khẽ nói:

“Cuộc biến Thần Hào xảy ra ai ai cũng nói rằng con chết, mà con không chết, ai ai cũng nói rằng việc khó bình, nhưng rốt lại đã bình: sấm báng nổi lên, họa cơ dậy bốn phía, trước sau hai năm trời, nguy ngập tưởng đã không khỏi. Nay, thiên khai nhật nguyệt, hiển toại trung lương, quan cả tước cao, làm mạo phong thưởng; cha con lại tương kiến một nhà, há không phải là hạnh phúc sao? Nhưng mà thanh là đầu mối của suy, phúc là nền móng của họa. Cho nên dầu lấy làm hạnh, cũng lại lấy làm lo sợ”.

Tiên sinh sụp quì xuống, thưa: “Lời cha dạy, con ghi thiết trong lòng”. Đó rồi mồng 10 tháng giêng năm nhâm ngọ, Gia Tĩnh nguyên niên (1522), tiên sinh dâng sớ từ phong tước. Tiên sinh viện bốn lẽ: một là loạn Thần Hào dẹp mau như vậy, do ý trời, không phải công người làm được; hai là mưu mô chiến lược đều nhờ Thượng Thơ Vương Quỳnh chỉ cho; ba là nhiều tướng sĩ vô danh đã có công to, có

¹ Một ngàn thạch bằng 103.546 litres, hay 2.588 gia.

kẻ phải bỏ thân giữa chiến trường, mà không biên kẻ được hết; bốn là tiên sinh mấy năm gần đây bệnh nhiều “thần đã mờ, chí đã tan, mắt đã hoa, tai đã điếc, không còn thể đem dùng đời, thêm nỗi cha bệnh đêm ngày, mạng chỉ trong một sớm một chiều”. Kết lại, tiên sinh nói: “Ương không ương nào lớn hơn tham công của trời. Tội không tội nào nặng hơn ém điều tốt của người. Ác không ác nào sâu hơn hót lấy cái hay của kẻ dưới. Nhục không nhục to hơn điều sĩ quên mình. Bốn cái gồm đủ thời họa trọn. Cho nên thần không dám chịu tước, chẳng phải là từ vinh, mà là lánh họa mà thôi vậy”.

Mặc dầu có sớ của tiên sinh dâng lên, triều đình vẫn suy luận công dẹp loạn vẫn truy phong Bá tước cho trở lên ba đời. Hải Nhật Ông nay tuổi đã bảy mươi, bệnh chuyển kịch. Sắc phong tước, đưa đến cửa. Ông sai tiên sinh cùng các em lấy lễ ra nghinh tiếp. Hỏi thăm lễ đã thành. Ông nhắm mắt đi xuôi (12 tháng 2).

Tháng 7 tiên sinh lại dâng sớ từ phong tước một lần nữa. Triều đình không trả lời.

Trong lúc tiên sinh cư tang nơi đất Việt, môn sinh tấp nập đến. Trong người vốn đau yếu, tiếp khách chẳng kham, tiên sinh phải yết thiệp nơi vách mời khách vào đến luận học, hãy trở về cầu nơi Khổng Mạnh.

Bấy giờ, ghen ghét tiên sinh muốn át đạo học của tiên sinh có quan Tuần án Giang Tây Giám sát Ngự

Sử, Trình Khải Sung (程啟充) và quan Hộ khoa Cấp sự, Mao Ngọc, dâng sớ luận hặc, kể tội tiên sinh sáu khoản. Môn nhân của tiên sinh là Lục Trùng (陸澄) đương chức Hình bộ Chủ sự dâng sớ biện trung cho. Tiên sinh nghe, quở: “Vô biện chỉ báng (無辦止謗), thường nghe cổ nhân dạy như vậy. Huống nay còn biện bạch nào ngăn sàm báng này được. Bốn phương anh kiệt đã giảng học về chỗ dị đồng (giữa Châu, Lục), nghị luận phân phân, chúng ta có thể nào thắng biện hay sao? Chúng ta duy phải tự tín mà đối với họ”.

Lại năm sau quý tị (1523) tháng 2, thi hội, quan trường lấy tâm học (心學) sách vấn, là ý cũng ngầm ngầm bài trừ đạo học của tiên sinh. Môn nhân của tiên sinh có người đọc sách vấn rồi bỏ thí ra về, có người cứ bày ý kiến mình ra mà thi hỏng. Tiên sinh mừng: “Thánh học từ nay rục rở to”. Môn nhân Tiền Đức Hồng, lạc đệ khoa đó, hỏi: “Thời sự như vậy, sao tiên sinh lại thấy rục rở to?” Đáp: “Đạo học của ta làm gì có tiếng được khắp trong thiên hạ sĩ. Nay có lục của hội thí, thời làng, xã, hang thăm chỗ nào mà chẳng thấu tai. Đạo học của ta nếu đã quấy, thời thiên hạ tất khởi lên mà tìm lấy đạo học chân chánh”.

Cho nay, công cao thời ganh lớn, đạo mới thời ghét nhiều. Tiên sinh cáo quan về để tang cha rồi Triều đình bỏ quên luôn sáu năm. Trong thời gian ấy, ngoài cái tang phu nhân họ Gia (mất tháng giêng năm ất dậu - 1525 - không con) làm thêm buồn tẻ

cho đời học giả anh hùng và ngoài đứa con trai muộn màng tên Chánh Ưc, của người kể thất họ Trương (稽 sic) sinh ngày 17 tháng 11 năm bính tuất (1526) đem lại chút vui cho gia đình, tiên sinh chuyên lo tác thành môn đệ. Đạo học tìm ra trong thời kỳ ba năm đi đày ở trạm Long Trường, bổ cứu trong những buổi bị sàm báng khi dẹp loạn Thần Hào, đạo học đoàn luyện bằng thiên nan vạn tử ấy đem ban bố trong sáu năm quên lũng tại đất Cối Kê. Môn nhân của tiên sinh muốn mở rộng ảnh hưởng của thầy đem khắc *Truyền Tập Lục* (tháng 10 năm giáp thân = 1524) khắc *Văn Lục* (tháng 4 năm đinh hợi = 1527) và lập Dương Minh Thư Viện (陽明書院) ở Việt Thành (越城)¹ (tháng 10 năm ất dậu = 1525). Tiên sinh, muốn nuôi chí môn nhân, viết bài ký *Tôn Kinh Các* (尊經閣) cho Kê sơn Thư Viện (tháng giêng năm ất dậu), muốn kết chặt giải đồng tâm cho chúng, viết bài thuyết *Tích Âm* (惜陰說).

Từ năm quý tị (1523) về sau, bao bọc tiên sinh không biết bao nhiêu người - thường khi chật nhà không chỗ chứa hết. Những bữa ăn có luôn mấy chục người. Đưa đi rước đến tháng ngày không ngớt. Nào ở Hồ Quảng, nào ở Quảng Đông, nào ở Trực Lệ, nào ở Nam Cam, nào ở An Phúc (安福), nào ở Tân Kiến (新建), nào ở Thái Hòa (泰發) tấp nập đồn đến. Thậm chí có nhiều người ở luôn cả năm

¹ Tức là Thiệu Hưng kinh đô cũ của Việt Vương Câu Tiễn.

mà không nhớ hết tên họ là gì. Tiên sinh đến giảng tòa thời tiền hậu tả hữu vây nghe có trên số ba trăm. Nghe giảng xong ra cửa chẳng khi nào không nhảy nhót khoái trá.¹

Cho những người mới đến cầu học, tiên sinh dạy vỡ lòng bằng cái yếu chỉ của *Đại Học*: “vạn vật đồng thể (萬物同體)”, khiến mỗi người cầu lấy bốn tánh, mà trí lương tri cho đến chí thiện. Bao giờ công phu đã được rồi, tiên sinh mới tùy phương mà thiết giáo. Thường khi tiên sinh dùng phép tuần du điểm hóa. Những cuộc dạo chơi học hỏi như thế không mất hàng trăm người, ca xướng vang dội. Trong một cuộc chơi, yển ả trên cầu Thiên Tuyền (天泉橋) ở Bích Hà Trì (髮震池) đêm trung thu năm giáp thân (1524), tiên sinh có hai bài thi đặc sắc dưới đây tỏ nỗi cảm về thời sự mà cũng bày tông chỉ đạo học của mình.

“Bích Hà trì dạ tọa”

*Nhất vũ thu lương nhập dạ tân,
Trì biên cô nguyệt bội tinh thần,
Tiềm ngư thủy để truyền tâm quyết,
Thê diểu chi đầu thuyết đạo chân.
Mạc vị thiên cơ phi thị dục.
Tu tri vạn vật thị ngô thân.
Vô đoan lễ nhạc, phân phân nghị.
Thùy dữ thanh thiên tảo túc trần?*

¹ Quang cảnh giảng học của Vương Dương Minh hồi đầu thế kỷ thứ XVI nghe ra như quang cảnh giảng học của những nhà triết lý văn chương trú danh ở trường Sorbonne bên Paris ngày nay.

碧霞池夜坐
一雨秋涼入夜新
池邊孤月倍精神
潛魚水底傳心訣
棲鳥枝頭說道真
莫謂天機非耆欲
須知萬物是吾身
無端禮樂紛紛議
誰與青天掃宿塵

“Đêm ngồi ở ao Bích Hà”

Mưa tạnh chiều thu mát mát lần,
Bên hồ trăng quạnh rạng tinh thần.
Cá chìm đáy nước truyền tâm quyết,
Chim hót đầu nhành dạy đạo - chân.
Chớ nói thiên cơ không thị dục.
Cho hay vạn vật ấy ngô thân.
Thinh không lẽ, nhạc, bàn ngang ngửa
Ai giúp trời xanh quét cặn trần?

“Dạ tọa”

Độc tọa thu đình nguyệt sắc tân,
Kiển khôn hà xứ cánh nhàn nhân?
Cao ca độ dữ thanh phong khứ,
U ý tự tùy lưu thủy xuân.
Thiên thánh bốn vô tâm ngoại quyết,
Lục kinh tu phát cảnh trung trần,
Khước liên nhiều nhiều Châu công mộng.
Vị cập tinh tinh lậu hạn bản.

夜坐本
獨坐秋庭月色新
乾坤何處更閒人
高歌度與清風去
幽意自隨流水春
千聖本無心外訣
六經須拂鏡中塵
却憐擾擾周公夢
未及惺惺扇巷貧

Trăng rạng sân thu quạnh quẽ ngồi,

Kiên khôn nhàn xứ ấy đâu người?

Cao ca gió cuốn đưa đi vút,

U ý dòng lổ đến mãi khơi.

Ngàn thánh ngoài lòng không bí quyết

Sáu kinh trong kiếng phải trần ai.

Khá thương đau đáu Châu công mộng

Lậu hạng nào kham sánh gã Hôi.

Với tư tưởng ấy tiên sinh không muốn trở ra làm quan nữa. Huống chi, tại Triều quan Tả Phụ Dương Nhất Thanh, mặc dầu là bạn đồng liêu với Hải Nhật Ông, thấy tiên sinh tài cao vọng trọng, ra lòng ganh ghét, cố ý muốn dìm. Tháng 6 năm ất Dậu (1525) mẫn khó Hải Nhật Ông. Theo lệ thời Triều đình phải phục chúc cho. Bấy giờ ở Điền Châu (田州)¹ tỉnh Quảng Tây, có thổ quan là Tri phủ Sầm Mãnh (岑猛)

¹ Gân huyện Bình Nam (平南) ngày nay.

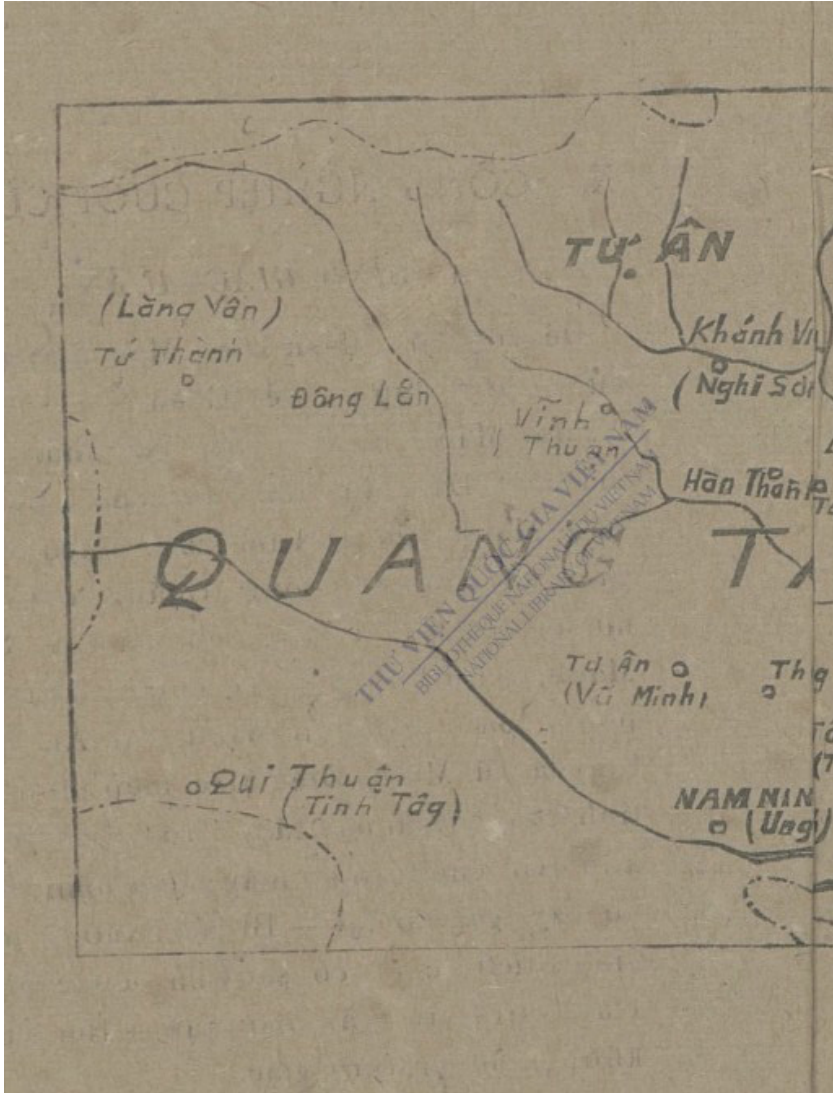
dấy loạn. Ngự sử Thạch Kim (石金) dâng chương, luận nên tiến cử tiên sinh. Triều đình vẫn im lìm. Lễ bộ Thượng thư Tịch Thư (席書) bèn dâng sớ, đặc biệt tiến cử, nói rằng: “Sinh trước thần, thấy có một người, là Dương Nhất Thanh. Sinh sau thần, thấy có một người là Vương Thủ Nhân”. Khi ấy quan Trùng tể Dương Nhất Thanh mới nhập các biện sự. Nhưng rồi cũng không có chiếu triệu tiên sinh.

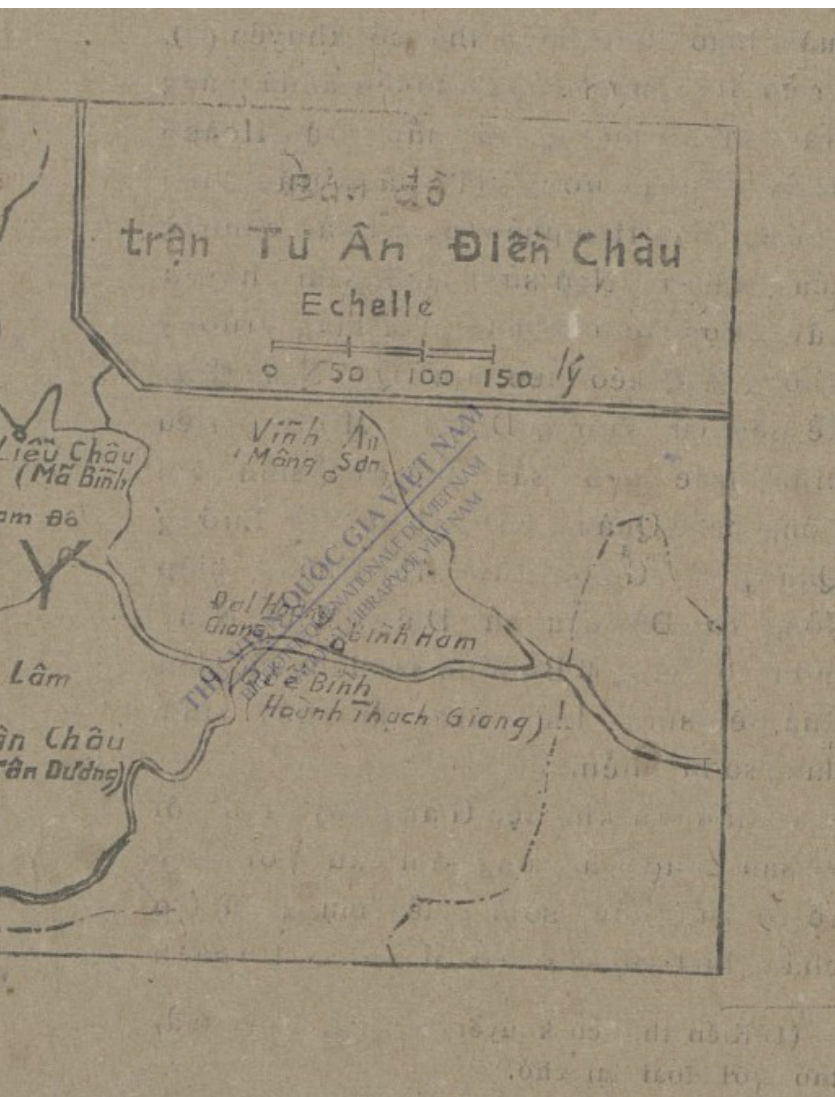
x. – công nghiệp cuối cùng

A. Bình giặc Tư Ân

Đề đốc Đô ngự sử Diêu Mạc (姚谔) được cử đi đánh dẹp ở Điền Châu.

Sầm Mãnh chạy trốn, rồi phải bệnh mà chết. Diêu Mạc đổi tâu: cha con của Sầm Mãnh đều bị cầm hết. Triều đình giáng sắc thưởng công. Chẳng ngờ còn lại hai tên tù trưởng, bộ hạ của Sầm Mãnh là Lư Tô (盧蘇) và Vương Thụ (王受) phiến loạn, đánh úp thành Tư Ân (恩忠) (nay là Vũ Minh) Diêu Mạc hiệp binh bốn tỉnh, đánh mãi hai năm trời. Dân khốn khổ vô cùng trong mấy ngàn dặm, trai bỏ cày, gái bỏ dệt. Binh sĩ xuống phải bệnh dịch chết có sáu bảy chục phần trăm, tính ra gần hai vạn. Rốt cuộc không làm gì được giặc.





Bấy giờ - phải đợi mãi đến bấy giờ - quốc gia đa sự, mà thiếu người đủ kinh luân thao lược, kiến thố cố khuyển.¹ Triều đình mới tưởng nhớ đến ai đã thắng trận Đinh Chương, đã thắng trận Hoàn Thủy, Thũng Cương, đã thắng trận Ninh vương Thần Hào phản loạn. Luận chương của Tuấn án Ngự sử Thạch Kim chuyển này được đem ra bàn. Thị lang Trương Thông (張聰) kéo theo mình Quế Ngạc (桂萼) để tiến cử Vương Dương Minh. Triều đình nghe theo, sắc cho tiên sinh làm Tổng chế Quân vụ (總制軍務) ở Luồng Quảng và Giang Tây, Hồ Quảng, hiệp đồng với Đô ngự sử Diêu Mặc. Ngày mồng 6 tháng 6 Binh bộ sai đem sắc đến nhà tiên sinh. Liền ngày ấy tiên sinh dâng sớ từ miễn.

“Thần, từ khi việc Giang Tây bình rồi về sau, thân mắc vòng sàm cấu (誣), nỗi nguy rõ rệt dồn đến, sớm chiều mạng lắt lẻo chẳng biết rủi giờ nào. May thay! Thánh thượng long phi... đem thần ra khỏi nơi “chậu úp” mà tấn quan phong tước, triệu về Kinh sư. Nhân tiện đường thần xin về quê viếng cha... chẳng may cha thần qua đời... rồi thần liên miên nằm bệnh... Nay thần vẫn mạng kinh hoàng... Thần bệnh hoạn đã dồn dập lâu ngày, triều nhiệt khái thấu, ngày nặng tháng thêm, mỗi lượt ho lên thời chết ngắt đi, mãi lâu mới sống lại. Như thế thuyến nhẹ nằm yên còn chẳng dám gượng đi để yết kiến tạ ân hoàng thượng, hưởng

¹ Kiến thố cố khuyển (見免顧犬) là thấy thỏ mới đoái lại chó.

hồ binh giáp nhọc nhằn há kham được cho! Điều Mạc bình nhật vốn tự xưng lão thành thận trọng. Nay mà nhất thời có đánh dẹp chẳng xong, cũng là việc thường của binh gia. Quan Ngự sử Thạch Kim luận tấu xin để cử thần, chẳng qua là làm kế khích lệ Điều Mạc, khiến cho người ấy tập mưu quyết sách để thắng trận nơi này bù thất nơi khác. Thần vốn là kẻ thơ sinh, không tập quân lữ... Tài thức của thần không bì kịp Điều Mạc... Huống chi về việc dùng binh cử sự Điều Mạc đã từng lo nghĩ nghiền ngẫm chín chắn. Thần dung liệt như thế này mà cùng Điều Mạc đốc quân thời trong khi hành sự hoặc sở kiến có dị đồng, Điều Mạc càng khó bề triển bố...”

Tiên sinh bèn xin cử thế mình hai người Nam Kinh Công bộ Thượng thư Hồ Thế Ninh (胡世寧) và Hình bộ Thượng thư Lý Thừa Huân (李承勲).

Sớ dâng lên, vua Thế Tông liền hạ chiếu cho Điều Mạc trí sĩ, và hạ chiếu cho tiên sinh.

“Khanh thức mẫn tài cao, trung thành thổ quốc. Nay Luỡng Quảng đa sự, trăm cậy đến uy vọng của khanh. Hãy vì trăm vũ định địa phương cho trăm khỏi nỗi lo lắng về miền Nam. Điều Mạc đã trí sĩ rồi. Khanh nên kịp lên đàng... chớ lại dùng dằng từ chối mà phụ lòng trông mong của trăm”.

Một ông vua ngon ngọt lời đến thế, cho mới biết người bấy tôi kia là trang rường cột như thế nào. Tiếp chiếu chỉ, tiên sinh rơi nước mắt.

Ngày mồng 8 tháng 9, tiên sinh ôm bệnh khởi

trình, dọc đường thang thuốc. Mồng 10 qua sông Tiền Đường. Ngày 22 đến huyện Cù (衢). Ngày 24 qua Thường Sơn (常山). Tháng 10 tiên sinh đến Nam Phổ (gần Nam Xương). Còn nhớ ơn dẹp loạn Thần Hào phụ lão, quân, dân, đều thấp nhang chấp vái đầy nghẹt các đường các ngõ không chỗ chen chân. Tiên sinh có bài thi xúc cảm:

*Nam Phổ trùng lai mộng lý hành,
Đương niên phong đích thượng tâm kinh.
Sinh kỳ bất động sơn hà ảnh,
Cổ giác do truyền thảo mộc thanh.
Dĩ hỉ lưu diêm đa phục nghiệp,
Độc liên cơ cận vị khoan chinh.
Vu sơ hà hữu cam đường (ân trạch của quan) huệ,
Tàm quý hương đăng phụ lão nghinh.*

南浦重來夢裏行
當年鋒躋尚心驚
生旂不動山河影
鼓角猶傳草木聲
已喜閭閻多復業
獨憐饑饉未寬征
迂疎何有甘棠惠
慚愧香燈父老迎

*Nam Phổ trong mơ lại đặt mình,
Nhớ thời ly loạn vẫn lòng kinh,
Non sông hết nhuộm màu cờ xí,
Cây cỏ còn reo tiếng giáp binh.
Mừng bấy xóm làng đã phục nghiệp.*

Thường cho đối kém chữa khoan chinh¹

Thua hèn nào có ớn văn hóa,

Thâm hổ đèn nhang phụ lão nghinh.

Khi phụ lão rước xe tiên sinh vào Đô ty xong, tiên sinh cho ai nấy ra mắt. Thiên hạ vào phía đông ra phía tây, từ mai đến xế liền liền không dứt. Hôm sau đó, yết Văn Miếu xong, tiên sinh đến Minh Luân Đường (明倫堂) giảng sách *Đại Học*. Người ta chen chúc nhau đông cho đến đôi có kẻ không nghe được tiếng giảng. Có người Đường Nghiêu Thần (唐堯臣) dâng trà, được đứng gần. Trước đó Nghiêu Thần không tin ở đạo học của tiên sinh. Nghe tiên sinh đến Nghiêu Thần đi đón xem, thấy cuộc nghinh tiếp lớn lao như thế đã xao động trong tâm rồi bèn kinh thán: “Sau đời Tam Đại còn thấy được khí tượng này sao?” Đến khi nghe giảng học, Nghiêu Thần chịu phục.

Thời bấy giờ gặp hạn to, dòng sông cạn quá, thuyền đi gian nan. Tháng 11 ngày mồng 7 mới qua Mai Lĩnh, ngày rằm đến Tam Thủy (三水) (tỉnh Quảng Đông) ngày 18 đến Triệu Khánh (肇慶) ngày 21 mới tới Ngô Châu (梧州) (tỉnh Quảng Tây) mà liền khai phủ.

Bọn tù trưởng Lư Tô, Vương Thụ đã làm cho lão tướng Diêu Mạc phải động binh bốn tỉnh, tiêu sạch

¹ Khoan chinh: rãnh bót việc chinh chiến

kho tàng Lương Quảng, khiến tổn mạng hằng vạn người, mà hai năm trời chẳng lung lay được chúng, chỉ để cho dân trong mấy ngàn dặm chịu lầm than. Triều đình vời Vương Dương Minh là sở cậy người có tài bách chiến đánh giùm một trận lớn lao. Đến nơi, vừa ghé mắt xem qua, tiên sinh quyết định giải giáp. Ấy, mới là sự trở trêu.

Ngày mồng 1 tháng chạp tiên sinh dâng sớ, đại lược rằng:

Thần mới đến địa phương hôm 21 tháng 11. Việc Tư Ân, Điền Châu chưa kịp hội đồng các quan tra thăm để khu xử. Nhưng mà dọc đường thần đã dò hỏi các sĩ phu, nên cũng được biết được tình hình ra sao rồi. Cha con Sầm Mãnh tội thật đáng tru diệt.

Song le trong sự phiến loạn của chúng, những người đương sự trước đây có phần trách nhiệm không chối cãi được. Quân môn Lương Quảng đặt ra, là để ngừa rợ Diêu (摇), rợ Đồng (撞) cùng bọn lưu tặc. Triều đình phú cho quân mã tiền lương đã nhiều mà quyền hành cũng chuyên, cũng lớn, không phải là không đủ chế phục các rợ.

Nhưng mà các nhà đương sự trước đây nhân tuân cầu thả làm cho quân chánh ngày một hư nát trên không có tướng khả cậy, dưới không có binh khả dùng. Mỗi lúc có việc kinh cấp, tất trông vào thổ quan, lang binh, như bọn Sầm Mãnh. Giống rợ thời tính phóng khoáng. Bắt chúng dong ruổi đánh dẹp, chúng không trông nom được của nhà. Đã vậy mà

khi xong việc thời quan trên giành công hết. Như thế bảo chúng đừng oán trách sao được? Song le, oán trách chỉ có một ít kẻ, như bọn Sầm Mãnh cầm đầu chống cự. Còn đại đa số đều là những kẻ bị xúi giục mà thôi. Bây giờ phải làm cho “cận duyệt viễn hoà”. Bao giờ đại đa số đã phục tùng rồi, thời còn một vài đứa cường ngạnh như bọn Lư Tô, Vương Thụ muốn giết giờ nào lại không được. Bấy lâu những kẻ đương sự hiểu lầm. Nói về phép dùng binh, họ thất sách ở chỗ không biết khéo chậm, nên gây ra cái cảnh “mũi tên nó cứng không phúng nổi tấm da thưa”. Theo ý của thần thời giặc Tư Ân, Điền Châu không có gì cần đến binh giúp cho thêm phiền. Những người đương sự trước đây chỉ vụ hư danh, để mang lấy thật họa.

Thần tài hèn lãnh mạng trọng, được tổng chế quân vụ bốn tỉnh không phải không biết rằng thừa cơ hội này có thể kiêu hãnh (僥倖- may mắn) thành công, mà khỏi mang tiếng khiếp nhục. Nhưng mà càng điều quân binh nhiều, càng chết sĩ tốt nhiều; càng giết vô tội nhiều, càng phí lương hướng nhiều... Kẻ làm tội nếu trông cậy ở chỗ đó mà lợi cho công danh mình, thời quốc gia chẳng được phúc, sinh dân hết mong đức chở che. Đã thế mà nào có đủ gì để chấn uy vũ, có đủ gì để làm cho các rợ tín phục? Cho nên thần không nỡ dùng binh...”.

Sở ấy tiên sinh thảo ra tại Ngô Châu. Hai mươi sáu hôm sau (26 tháng chạp) tới Nam Ninh (南甯) (nay là Ung Ninh (邕甯)) tiên sinh liền hạ lệnh triệt hết

tất cả những binh đã điều tập để phòng thủ. Trong vài ngày, mấy vạn binh được giải tán, trở về nhà. Duy còn hai ngàn binh tinh Hồ Quảng xa xuôi cách trở, không dễ về quê kịp tết nguyên đán, tiên sinh khiến ở lại Tân Châu (賓州) (nay là Tân Dương 賓陽) giải giáp nghỉ ngơi, đợi kỳ.

Ngày mồng hai tết năm mậu tí (1528) tiên sinh lại tiếp chỉ gia chức Tuần phủ Lưỡng Quảng. Tiên sinh càng thêm kinh hoàng, liền dâng sớ từ miễn và đề cử Ngũ Văn Định cùng hai người nữa để thay thế nhậm chức Tuần phủ.

Tiên sinh nói: Phó Đô ngự sử Ngũ Văn Định là người đã từng cùng tiên sinh dẹp loạn Thần Hào tỏ ra chất tính dũng cảm này đã về hưu, để nhân tài ấy nhàn tản thì uổng quá. Còn hai người kia, là Nam Cam Phó Đô Ngự sử Uông Hoảng (江鎡) và Hình bộ Tả thị lang Lương Tài (梁村) đều là người có tài năng lại am hiểu thổ tục dân tình. Ba người đều kham nhậm chức Tuần phủ - Triều đình lần chót này vẫn như bao nhiêu lần trước kia, không chịu cho tiên sinh từ miễn việc gì triều đình đã phó thác. Thế là, mặc dầu bệnh ngày một thêm, tiên sinh cũng phải gồm Tổng chế tứ tỉnh quân vụ và Tuần phủ Lưỡng Quảng.

Mà chỉ có tiên sinh mới kham gánh vác nặng nề như thế. Chỉ có tiên sinh mới dám giải giáp, trong khi kẻ khác phải cần hiệp binh bốn tỉnh để đánh nhọc nhằn.

Vùng Tư Ân, Điền Châu gần sát xứ Việt Nam. Trong đó rừng sâu, núi hiểm, rợ Diêu, rợ Đồng bàn cứ. Tình hình như thế, tiên sinh nghĩ nên theo đuổi trước để thổ quan cai trị, mà nhờ binh lực của họ làm rào cho nước Trung Hoa, khỏi phải phòng hoạn biên cảnh. Từ khi đặt lưu quan¹ đến nay là mười tám năm. Trong thời gian ấy các rợ dấy loạn có năm, sáu lần. Trước sau đánh dẹp cơ hồ không lúc nghỉ ngơi, binh đã hao mà của đã phí. Tình tệ do thổ dân không hiểu hán pháp và lưu quan không am thổ tục mà ra.

Nay gây nên loạn Tư Ân, Điền Châu cũng là vì lưu quan không khéo khu xử.

Nguyên dân của Tri phủ Điền Châu, là Thổ quan Sầm Mãnh cùng với dân ở châu Tứ Thành (泗城州), vì tư thù, tàn sát lẫn nhau đã lâu năm, mà đắc tội với quan trên. Năm Gia Tĩnh thứ năm (1526), hồi tháng 6 thượng ty xin gọi quan binh đến chinh tiểu. Sầm Mãnh tự nghĩ mình không có lòng phản bạn chắc ý sẽ được chiêu vũ. Nghe quan binh đến, hắn đem kẻ thân tín chạy đi núp náu ở cảnh giới châu Qui Thuận (歸順) (nay là Tĩnh Tây 請西). Bọn mục dân bộ hạ của hắn, như Lư Tô, Vương Thụ đều tứ tán, đào độn trong rừng núi. Những kẻ không chạy kịp đều bị quan binh giết hại. Tháng giêng năm Gia Tĩnh thứ

¹ Lưu quan (流官) là quan đặt ra chịu mạng lệnh ở Chánh phủ Trung ương. Thổ quan (土官) là quan người Thổ, không phải chánh phủ trung ương cử đặt, mà tự Thổ dân tôn lên và có quyền cha truyền con nối, tức cũng như vua của họ.

sáu (1527) Sầm Mãnh bị bệnh gấp, chết ở hang núi Thiên Tuyền (天泉). Không còn chủ để dắt diu bọn Tô, Thu muốn ra đầu hàng, nhưng thấy bốn phương quân mã lại sợ nổi bị bại thân, như bướm bướm đêm đâm đầu vô lửa sáng.

Thấy Vương Dương Minh đến triệt hết quân binh, chúng biết tiên sinh không có lòng sát hại, chúng vững lòng ra đầu hàng. Bèn gọi trước mười tên đầu mục, ngày mồng 7 tháng giêng đến quân môn xin miễn tử cho.

Tiên sinh lấy uy đức của Triều đình dụ chúng đại ý nói: Các người không có tội gì lớn, mấy vạn bộ hạ của các người càng vô cô. Thế mà các người rút vào hiểm địa, khiến cho mấy vạn dân vô cô phải phá gia thất nghiệp, bôn đào khổ khổ hai năm trời rồi. Các người còn làm cho Triều đình phải hưng sư mạng tướng, mệt nhọc rồi ren dân ba tỉnh. Tội của các người thật đã to. Nhưng ta xét ra, chẳng qua là các người sợ tội mà trốn tránh để tự toàn, chớ không có ý gì khác. Nay nhà vua nhân đức, đối với một tên tù còn sợ có điều oan uổng cho nên thân lâm đoán quyết; huống hồ đối với mấy vạn dân vô cô há lại khinh ý mà sát hại hay sao? Ta đến đây là thể ý nhà vua mở đường sống còn cho các người. Các người hãy cải ác tòng thiện. Bài này đến nơi, các người nghe biết rồi, thời phải giải tán ai về quê nấy phục nghiệp an sinh. Ta kỳ cho các người trong vòng hai mươi ngày, nếu không phục thiện, ta sẽ tấn binh

giết sạch các người, không chút gì hám (感 động lòng) hối”.

Được bài ấy chúng nhảy nhót hoan hô, tiếng rên như sấm dậy. Liền triệt phòng thủ, mà cụ bị đồ đặc lương thực kéo rốc mấy vạn già trẻ gái trai về hàng. Ngày 26 tháng giêng đúng kỳ hạn, chúng tới dưới thành Nam Ninh phân đồn làm bốn dinh. Hôm sau Lư Tô và Vương Thụ tự trói mình dẫn mấy trăm đầu mục đến quân môn kêu cầu miễn tử, thể hết sức hết lòng báo hiệu.

Vương Dương Minh xử đánh Lư Tô, Vương Thụ, mỗi người một trăm trượng. Chúng khấu đầu cảm phục. Mấy vạn mục dân rơi nước mắt mà hoan hô.

Thế rồi, thấy địa phương đã bình định Vương Dương Minh ban sư, không mất một mũi tên, không hao một sĩ tốt.

Cũng như ở các nơi trước, loạn dẹp rồi, tiên sinh nghĩ đến việc cứu an trường trị. Tiên sinh chấn hưng học hiệu ở Tư Ân, ở Điền Châu và ở Nam Ninh, cho rằng học sách thánh hiền là nguồn gốc của phong hóa.

B.- Bình giặc Bát Trại, Đoạn Đàng

Tư Ân, Điền Châu đã bình phục rồi cư dân trở về an sinh lo việc cày cấy. Địa phương ấy lấy làm hạnh phúc.

Duy còn trong vùng Bát Trại (九寨)¹ và Đoạn

¹ Bát trại đặt ra thời nhà Minh, trong vùng ở về phía bắc huyện Thượng Lâm tỉnh Giang Tây.

Đằng (斷藤) rợ Diêu kết thành quần, có đến mấy vạn, đã hai ba chục năm rồi đi cướp bóc châu huyện hương thôn, sát hại lương dân, bắt cóc đàn bà con gái. Chúng bàn cứ nơi hiểm trở trong núi non. Phía nam chúng thông với các rợ ở đất Giao Chỉ; phía tây với các rợ ở Vân Nam, Quý Châu; phía đông bắc với các rợ Diêu ở vùng Đoạn Đằng, Liễu Châu, Khánh Viễn. Địa bàn của chúng có hai ngàn dặm ngoài.

Trước đó quan địa phương đã không biết mấy trăm lần xin binh tấn tiễu. Nhưng vì các nơi khác đa sự, quan phủ không nghĩ được đến việc dùng binh đánh dẹp ở đây mà phải ẩn nhẫn chiêu dụ. Lúc sau này nhân cuộc nhiễu loạn ở Tư Ân, chúng thừa cơ hoành hành càng tàn bạo.

Vương Dương Minh phụng mạng triều đình đương trú quân tại Nam Ninh, cách Bát Trại sáu ngày đường. Được lời của các quan vùng ấy cáo báo và xin binh đánh dẹp, tiên sinh quyết định tấn tiễu. Tiên sinh xét ra tội ác của rợ Diêu vùng ấy đã đầy đầy, đã làm cho người người oán giận, thế tất dễ thắng được chúng. Nhưng mà nếu phải chờ xin binh nơi triều thời vừa lâu vừa dễ lộ tăm hơi. Như thế ắt giặc phòng bị mà binh đến, chúng trốn tránh đi hết. Rồi dẫu có điều binh mười vạn đánh một hai năm chưa chắc đã dễ gì xong việc.

Kể ra là: Tư Cát (思音), Châu An (周安), Cổ Mão (古卯), Cổ Bồng (古篷), Cổ Bát (古鉢), Đô Giả (都者), La Hắc (羅黑) và Sát Đình.

Trước đó, có sắc dụ cho tiên sinh quyền gặp giặc cướp phát sinh cứ tiện nghi, tùy cơ nên chiêu vũ thời chiêu vũ, nên đánh dẹp thời đánh dẹp. Tiên sinh nghĩ đến đạo thổ bình Hồ Quảng của Diêu Mặc đã điều tập mà tiên sinh đã cho ra giải giáp ở Tân Châu. Rày Tư Ân, Điền Châu đã bình định, chánh đương lúc ban sư, phóng hồi đạo binh ấy. Tiên sinh thừa dịp dùng đến nó. Còn một lực lượng qui hóa nữa phụng sự tiên sinh. Ấy là Lư Tô, Vương Thụ cùng những người của chúng mới ra đầu hàng, quyết lập công để báo đức.

Binh Hồ Quảng và dân của Tô, Thụ hiệp lại được không đầy 8.000. Tiên sinh khắc kỳ ngày mồng 2 tháng 4 đến Long Thôn Phụ (龍村埠) đổ bộ trong đêm tối rồi sáng ngày 3, giờ dần một lượt nhập hãm vào sào huyết Đoạn Đằng giáp (斷藤峽), Ngưu Trường (牛腸) Lục Tự.

Quân giặc ngựa binh Hồ Quảng đi qua, nên trước đã đem hết gia thuộc và sinh súc tiềm phục ở hòn núi phía sau sào huyết của chúng. Chúng đã đoàn kết để phòng khi kháng cự. Nhưng sau đó dò xem tuyệt nhiên không thấy có tin tức tấn tiêu, không thấy điều tập binh lương, lại nữa binh Hồ Quảng kéo về mà cờ xếp trống lau; chúng trễ tràng việc cảnh bị. Chợt nghe quan binh bốn mặt vây đánh, chúng thương hoảng thất thổ vừa đánh vừa chạy. Quan binh chém giết cầm bắt được nhiều. Còn lại bao nhiêu chạy lên núi Tiên Nữ (仙女) cứ hiểm kết trại.

Hôm sau, mồng 4, quan binh vây phá trại, cầm giết rất nhiều nữa. Dư đảng chạy sang Đoạn Đăng Giáp đến cạnh Hoàn Thạch Giang (橫石江). Quan binh đuổi theo nột quá, chúng tranh nhau sang sông, chết chìm có hơn sáu trăm. Quan binh đuổi đánh mãi đến mồng 10, không còn sót tên giặc nào. Bèn kéo về đóng đồn ở phủ Tầm Châu (潯州) (nay là Quế Bình 桂平).

Ngày 11 quan binh phân bố tiêu đạo dự bị ngày 13, sang thời kỳ thứ nhì, đánh Bát Trại. Đánh ráo riết đến ngày mồng 7 tháng 6 cầm trăm, phù lỗ, vô số. Giặc chạy thoát được một mớ. Còn độ một ngàn ngoài bị chặn lại ở Hoàn Thạch Giang, tranh nhau sang sông, xảy gặp gió to nổi dậy, thuyền chìm, chết còn vài chục đứa mà thôi... Quan binh không có thuyền, lại nhân mưa to gió lớn, bèn quay về dinh. Đến hôm trời tạnh kéo vào núi tìm giết giặc đã chạy trốn, thời mang nhiên không thấy tông tích ở đâu. Lại vào sâu nữa thời hơi thúi tha bốc lên bung đầu ngạt mũi, không thể đi tới được. Mới hay quân giặc, già trẻ gái trai có hơn bốn ngàn, vì nửa tháng trời đói khát, lại bị chướng độc mà chết chồng đồng với nhau. Thế là hết giặc.

Thời bấy giờ nắng độc ngày một dữ, nước trong núi thấm chảy ra cuộn theo đồ dơ thúi quan binh uống nhầm thành dịch lỵ chết rất nhiều, nên phải ban sư mà về.

Kể ra đánh Đoạn Đăng Giáp, sinh cầm chém giết có

1.104 tên giặc, phù lỗ có 568 đứa; đánh Bát Trại sinh cầm chém giết có 1.901 tên giặc, phù lỗ có 5-7 đứa.

Giặc này từ buổi đầu nhà Minh đến nay đã mấy lần chinh tiểu không phục Triều vua Cảnh Tông (景宗), niên hiệu Thiên Thuận (1457-1461) Đô ngự sử Hàn Ứng (雍雍) thống binh hơn hai chục vạn mới phá được giặc Đoạn Đằng Giáp. Nhưng binh rút đi giặc lại càng quật khởi dữ dội. Sau phải vừa chinh tiểu vừa chiêu vũ mới hơi yên. Nhưng hễ có chút gì chẳng như ý, thời chúng lại nổi dậy. Đến như Bát Trại, ở vào chỗ thiên hiểm tấn binh vô lộ từ buổi đầu nhà Minh đến giờ chẳng ai làm gì nổi được. Đô ngự sử Hàn Ứng đã từng hiệp mấy vạn binh vây khốn. Nhưng chẳng sòn được chúng. Túng nước, cũng phải chiêu vũ để tạm yên mà thôi.

Nay Vương Dương Minh dùng không đầy 8.000 binh, mà trong ba tháng dẹp xong cả. Sánh với cuộc đại chinh, hao phí chỉ có một phần mười mà cầm trăm có đến gấp ba lần nhiều hơn. Bởi thế cho nên tiên sinh tỏ ra ý hơi tự đắc trong bài thi.

“Bình Bát Trại (九寨平)”

Kiến thuyết Hàn công phá thủ man,

Tì hưu thập vạn kỳ liên san;

Nhi kim chỉ dụng tam thiên tốt,

Toại nhĩ thâm công nhất nguyệt gian.

Khởi thị nhân mưu năng diệu toán?

Ngẫu phùng thiên trợ cập sư hoàn.

Cùng sưu cực thảo phi trường kế.

Tu hữu ân uy hóa ngạnh ngoan.

平八寨

見說韓公破此蠻

貔貅十萬騎漣山

而今止用三千卒

遂爾收功一月間

豈是人謀能妙算

偶逢天助及師還

窮搜極憚非長計

須有恩威化梗頑

Nghe nói Hàn công dẹp rợ này

Tì hữu mười vạn lợ ngàn mây

Mà nay dùng tốt ba ngàn đó.

Nhưng lại thâu công một tháng đây.

Há bởi người toan mưu có giỏi?

May nhờ trời đất giúp nên hay

Cùng sưu, cực bổ, đừng mong kể,

Tua dụng ân uy cảm hóa chầy

xi. – bớ vợ lữ thấn¹

Tư Ân, Diên Châu bình định rồi, ngày 27 tháng 8 tiên sinh rời Nam Ninh. Mồng 7 tháng 9 về đến Quảng Châu (廣州) (nay là Phiên Ngụ 番禺), tỉnh thành tỉnh Quảng Đông. Để thưởng công dẹp Tư Ân, Diên Châu, nhà vua cho năm chục lượng bạc, bốn xấp vải lụa, cùng sai Bồi chánh ty sắm dương tửu đưa đến tưởng lệ tiên sinh. Ngày mồng 8, liền kể sau ngày tiên sinh về Quảng Châu, hành nhân mang sắc thơ và thưởng vật tới nơi.

Khi ấy tiên sinh nằm bệnh đã hơn một tháng rồi. Nghe có sắc đến tiên sinh gượng dậy để phụng nghinh vào thành. Nhưng vừa kinh hoàng, vừa cảm kích tiên sinh choáng váng, nhào xuống, bất tỉnh nhân sự, giây lâu mới sống lại. Tử thấn đã vợ vẫn đến gần rồi. Tiên sinh vẫn nhận rõ, cho nên trong lá sớ tạ ân thảo ra ngày 20 tháng đó, tiên sinh đã nói:

¹ Thấn (槲): áo quan. Một tên khác của cây ngô đồng.

“Thần bệnh ngày một gấp, tự độ kiếp sống này không lại có lúc nào bôn tẩu được về khuyết đình, để trông thấy thiên nhan.”¹

Không phải bây giờ tiên sinh mới thấy mình sắp chết. Ngay từ khi, phụng mạng đi tuần phủ Lương Quảng, tiên sinh đã lo xa. Công việc gia đình đã phũ thác cho môn nhân Ngụy Đình Báo (魏廷豹), Tiền Đức Hồng (錢德洪) và Vương Nhữ Trung. Hôm rằm tháng 11 năm đinh hợi (1527) ngang qua Tam Thủy tiên sinh viết thư về cho Chánh Hiến dặn dò hãy nghe lời Ngụy Đình Báo chỉ dạy. Một tháng sau đó, tới Bình Nam (gần Điền Châu rồi) tiên sinh còn thư khác nhắc nhở Chánh Hiến: “Việc Điền Châu dường như còn bế bộn lắm. Ta e cho khi đã đặt mình vào đó rồi, dẫu một giờ cũng không dễ rảnh rang được. Người ở nhà trăm việc nên giữ lấy lời ta dạy răn mà học làm người hay. Phải luôn luôn gần gũi với Đức Hồng và Nhữ Trung học hỏi cầu ích. Thằng Thông² đã gởi gắm cho Ngụy Đình Báo mỗi lúc coi sóc giùm. Đình Báo trung tín quân tử, không thể phụ lời ta phó thác”. Khi về Quảng Châu rồi, chỉ đợi mạng vua đến là xuống thuyền xuôi đất Việt, tiên sinh còn thư cho Tiền Đức Hồng căn dặn:

“Chánh Hiến càng lười biếng cực điểm. Nếu không châm biếm cho đau gắt, bệnh nó không dễ gì trừ”.

¹ Từ khi vua Thế Tông lên ngôi tiên sinh chưa có về châu lần nào.

² Tức là Chánh Úc, con ruột của tiên sinh.

Tiên sinh khí thể tế nhược. Buổi ấu thơ “chậm trễ”. Tuổi tráng niên về sau bệnh hoạn liên miên. Năm ba mươi sáu tuổi bị đày ở Long Trường, răng đã long, tóc đã điểm một hai sợi bạc. Ở đó tiên sinh phạm chương độc cổ lệ, thân thể hư dần. Về sau, khu trì binh cách, cũng đều ở những vùng lam chướng, càng thấy bệnh tăng lên. Từ vào Lương Quảng viêm nhiệt huân chứng, khái thấu đại tác. Thấy thuốc của tiên sinh rước đem theo, thời, giữa đường, bắt phục thủy thổ, đã cáo bệnh mà tháo lui. Đỡ với chỉ có những hoàn bối mẫu (貝母丸) của một người bạn mua cho, mà tiên sinh uống bảo rằng thấy kiện. Từ nửa tháng sau khi về Quảng Châu bệnh ho ngày một thêm, lại khắp thân phù thũng, dờ chơn bước hết nổi. Kế lây bệnh thủy tả đồn đến. Lòng hoài qui mỗi lúc một thiết tha. Thơ riêng cho Thượng thư Vương Quỳnh, là người đã đề bạt tiên sinh và được tiên sinh kính phục quý yêu, tiên sinh than trời: “Ngày gần đây tôi mưa máu, ăn uống nhỏ nhỏ. Đêm lại thời triệu nhiệt nổi cơn. Tự kể quyết không còn bao lâu ở nhân thế. Mong lão tiên sinh thủy chung trọn ái, khiến tôi được sớm về cố hương, muôn một may ra có thể kéo dài hơi thở, thời ơn cốt nhục tử sinh, biết bao giờ lấy chi đền đáp cho cân”. Thơ ấy là để nhờ Vương Quỳnh tâu giúp cho lá sớ khẩn về quê dưỡng bệnh được có hiệu quả. Lá sớ thảo ra ngày mồng 10 tháng 10, tiên sinh xin đái mạng trong quảng đường Thiều Châu (韶州) Nam Hùng (南雄). Ngày mồng

4 tháng 11, xếp đặt xong cho Lâm Phú (林富) thay thế, tiên sinh xuống thuyền nhắm đường đất Việt, tự độ không còn sống được đến ngày Triều đình trả lời. Loài cáo còn “thủ khưu” (首丘), theo lời kinh Lễ, hướng chi người mà không muốn về chết nơi cắt rún chôn nhau. Bấy giờ, nằm dưới thuyền, ngày đêm thủy tả mấy lần, không ngăn được, đến nỗi hai chân hết còn thể gượng ngồi.

Ngày 25 tháng 11 tiên sinh vượt qua Đại Dữu Lĩnh (大庾嶺) tới địa phận huyện Nam An (南安) (nay là Đại Dữu). Môn nhân là Suy quan Châu Tích (周積) nghinh tiếp. Hỏi thăm, thời tiên sinh đáp: “Bệnh thể nguy gấp rồi. Chỉ còn nguyên khí là chưa chết thôi”. Châu Tích lật đặt rước thầy chẩn mạch đầu thang. Chiều hôm ngày 28 thuyền đỗ bến Thanh Long Phố (青龍浦). Sáng ngày sau, tiên sinh cho gọi Châu Tích.

Tiên sinh đã nằm thêm thiếp. Châu Tích đến hầu một giây lâu, tiên sinh mở mắt nhìn, khẽ nói: “Ta đi thôi!” Châu Tích sụt sùi, thưa thầy hỏi di chúc lời gì. Tiên sinh mỉm cười: “Thử tâm quang minh (此心光明)¹ còn phải lời gì?” Nói xong đờ mắt đi xuôi. Bấy giờ là giờ ngọ, ngày đình mao 29 tháng 11 năm mậu tí. Gia Tĩnh thứ VII (nhằm ngày 9 Janvier 1529 lịch julien).

Môn nhân là Cam Châu Bình bị Trương Tư Thông (張思聰) rước xác về trạm Nam Dã (南埜驛) (gần

¹ Lòng này sáng tỏ.

Nam Khang), vào trung đường tắm gội, khâm liệm theo lễ. Ngày mồng 4 tháng chạp đưa thấu xuống thuyền. Dọc đường sĩ dân xa gần khóc kể dậy đất, như tang cha mẹ. Thấu đến Nam Xương ngày 23 Tuấn án Ngự sử Gia Lương Thôn (諸良村) cùng Đề học Phó sử Triệu Uyên (趙淵) xin để bước qua năm sau sẽ phát tang. Bèn quàn cứu lại ở Nam Xương cho đến mồng 3 tết kỷ sửu.

Mồng 4 tháng 2 thấu về đến quê nhà tiên sinh ở Sơn Âm (Thiệu Hưng) điện cứu nơi trung đường, quàn tại đó đông sang mới an táng. Mỗi ngày môn nhân lại đến hàng trăm người. Có kẻ ở luôn từ lúc sơ táng cho đến khi an táng.

Tiên sinh có tư chất thuần túy, có tài thông đạt, có văn hùng hồn, có học tâm đắc. Tuy xử phú quý mà lòng thường vợ vắn nơi yên hà. Mùi lê hoặc (rau lê) hay miếng đỉnh chung, áo gấm đến to hay manh rách lều cỏ, tiên sinh thản nhiên xem vắn như nhau. Ngàn vàng đối với tiên sinh khác nào cát bụi. Công nghiệp huy hoàng trong lịch sử, mà nhắm mắt rồi chúc tước cũng mất theo. “Thổ tử cầu phan” người xưa đã có nói. Buổi sinh tiền tiên sinh đã rõ suốt cuộc âm mưu dìm tiên sinh. Một hôm môn nhân ngồi hầu quanh tiên sinh, luận tình đời, họ than: từ khi dẹp Thần Hào đến nay, tiên sinh bị hủy báng ngày càng nhiều. Tiên sinh bảo mỗi người thử luận xem duyên cớ bởi đâu. Có người nói: Công nghiệp, thế vị tiên sinh càng lớn càng cao, thiên hạ càng ganh, càng ghét.

Có người nói: Đạo học của tiên sinh càng tỏ, người vì Tống nho tranh thị phi càng nhiều. Có người nói: từ khi tiên sinh về Nam Đô, đồng chí tin theo ngày càng đông, cho nên bốn phương ngày càng rúng sức bài trở. Tiên sinh bảo: các anh nói đều cũng có chỗ phải, nhưng còn có chỗ ta trông thấy mà các anh chưa nói đến. Môn nhân xin hỏi là chỗ nào. Tiên sinh đáp: “Từ buổi Nam Đô về trước ta còn chút ý tứ hương nguyện (鄉愿).¹ Nay ta tin ở lương tri chân thị chân phi... không giấu gì, không che gì”...

Ganh ghét tiên sinh nhiều nhất, là Quế Ngạc và Dương Nhất Thanh. Hai người ấy, trước kia xúi Cẩm y vệ Đô chỉ huy Nhiếp Năng Thiên (趙淵) vu tấu tiên sinh công dụng cả trăm vạn vàng bạc, nhờ Hoàng Oản đưa lót Trương Thông, nên chỉ Trương Thông tiến cử tiên sinh Tống chế quân vụ Lương Quảng. Khi ấy Hoàng Oản dâng sớ biện bạch, chỉ lòng trung nghĩa của tiên sinh, vạch điều vu cáo của Nhiếp Năng Thiên. Vua hạ chiếu chỉ nói:

“Hoàng Oản học hành tài thức, người người đều biết. Vương Thủ Nhân công cao vọng long dư luận vẫn suy trọng. Nhiếp Năng Thiên vọng tấu... Đô sát viện sẽ thẩm vấn nghiêm cẩn. Hoàng Oản an tâm cung chúc, bắt tất lấy lẽ hiêm nghi mà từ tị”. Rồi vua hạ ngục Nhiếp Năng Thiên, đình trượng đến chết.

¹ Hương nguyện là đạo đức giả, cũng như tiếng *tartuffe* của người Pháp.

Bấy giờ Quế Ngạc với Dương Nhất Thanh muốn hại tiên sinh, nhưng không dám vì Hoàng Oản còn tại Triều, làm chúc thiêm sự. Đến nay tiên sinh mất rồi, Quế Ngạc xin Triều đình mạng nhiều quan hội nghị xét tội quân công mạo lạm. Trong Triều mặc sức dị nghị. Triều đình không hành điển cho tước, ẩm, tặng thụy gì cả, lại còn hạ chiếu Cấm “ngụy học”.

Hoàng Oản bèn dâng sớ biện trung cho tiên sinh và kể lỗi Quế Ngạc. Triều đình không trả lời. Quan Cấp sự trung Châu Diên (周延) bất bình, kháng sớ, bị trích làm Phán quan.

Thế là người đã làm cho năm Gia Tĩnh triều Minh “bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng” chết lại chôn như một kẻ vô danh.

Ngày 11 tháng 11 năm kỷ Sửu cả ngàn môn nhân, áo gai dép cỏ, phù cữu khóc thảm thương, bốn phương đến xem đám táng không ai chẳng sa nước mắt. Cách thành Thiệu Hưng ba mươi dặm phía nam vào Lan Đình năm dặm, chỗ đất gọi Hồng Khê (洪溪) mà tiên sinh đã đích thân chọn lấy, là nơi ở cuối cùng của tiên sinh.

Triều đình có bạc đãi công thần mà rải rác hai mươi bảy nơi, trong mấy tỉnh Chiết Giang, Giang Tây, Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, môn nhân của tiên sinh cùng dân chúng dựng đền thờ nghi ngút khói hương. Triều đình có cấm “ngụy học” mà từ năm 1518, trước khi tiên sinh mất mười năm, đến năm 1566, sau khi tiên sinh mất bốn mươi

tám năm, tác phẩm của tiên sinh vẫn lục tục khắc ra lưu hành khắp nước Tàu, truyền sang cả bên nước Nhật và ảnh hưởng to nhất ở nước này.

PHẦN THỨ NHÌ

học thuyết

i. – thời đại của vương dương minh

Sinh ngày 24 novembre 1472, Vương Dương Minh mất ngày 9 janvier 1529. Đại sự trong thời đại ấy và trước sau gần đây lược kể ra như sau.

*

* *

Bên Âu Châu

1453 - Mahomet II khắc phục thành Constantinople. Đời Trung cổ dứt.

1468 - Người đã chinh đồn nghề in chữ rời, là Gutenberg, mất ở Mayence.

1486 - Barthelomeu Diaz phát kiến mũi Hảo Vọng (Cap de Bonne Espérance).

1492 - Christophe Colomb phát kiến Thế Giới Mới.

1497 - Vasco de Gama vòng qua mũi Hảo Vọng, sang Ấn Độ.

1517 - Martin Luther cải lương đạo Thiên Chúa.

1520 - Fernand de Magellan (tiếng portugais:

Magalhaes) phát kiến hải giáp lấy tên Magellan (Détroit de Magellan).

*

* *

Bên Việt Nam

1471 - Trước khi Vương Dương Minh sinh ra một năm, vua Lê Thánh Tông diệt Chiêm Thành.

1537 - Mạc Đăng Dung soạn ngôi nhà Lê.

*

* *

Bên Trung Quốc

1407 - Sang Việt Nam đánh Hồ Quý Ly, người Tàu lấy được kiểu súng thần cơ (神機). Súng cỡ lớn, chở xe, lợi về việc thủ, cỡ nhỏ, vác được, lợi về việc chiến.

1450 - Đã đúc được súng đồng bắn ba phát trong khoảnh khắc, đi xa được 300 bộ (182m).

1519 - Khi Vương Dương Minh dẹp loạn Thần Hào, có Lâm Kiến Tổ đúc súng “phật lang cơ” (佛郎機) đem dâng. Gọi tên như thế, là vì lấy theo kiểu súng của Portugais (Bồ Đào Nha) đem bán bên Quảng Đông, mà người Tàu nhận lầm là người “Phật lang cơ” (France hay là Français) tức nay ta gọi tắt là người Pháp.

1488-1566 (thời Hoằng Trị - Gia Tĩnh) nhiều nơi đã có dùng chữ in rời bằng đồng.¹

¹ Đời nhà Tống, thuở triều Khánh Lịch (1041-1049) có Tất Thăng đã chế ra phép in chữ rời (caractères mobiles).

ii. – tâm - Khởi điểm của vương học

Mấy ngàn năm văn hiến, nước Tàu lại khuyết hẳn một nền triết học, xứng với cái danh hiệu này, nếu ta phải định nghĩa.

Triết học là sự tìm tòi lý nghĩa của tất cả những vật, thuộc hình nhi hạ cũng như thuộc hình nhi thượng, bằng lý tính của con người chịu nội tại và ngoại tại hai mặt tự kỷ phê phán.¹

¹ La philosophie est recherche de la raison des choses, tant sensibles qu'intelligibles, par la raison de l'homme soumise à sa double auto-critique interne et externe.

Mỗi nhà triết học mỗi định nghĩa chuyên khoa mình một cách riêng. Không biết phải lấy định nghĩa nào, bỏ định nghĩa nào, tác giả miễn cưỡng dự trình cái định nghĩa trên đây. Đã dùng tiếng ta, lại dịch tiếng pháp là vì tác giả kém về cả hai thứ tiếng, sợ e dùng thuần một thứ tiếng nào sẽ có chỗ hàm hồ, nên chi dùng cả hai để bổ cứu nhau.

Xin tham khảo điều “philosophe” và điều “philosophie” trong bộ *Vocabulaire de la Philosophie* của A. Lalande (Paris, Alcan xuất bản).

Triết học phát sinh từ chỗ người có ý thức nhận thấy mình có ý thức, và thấy trong ý thức có hai nguyên tố, là “ta” với “ngoài ta”.

Khảo về cái “ngoài ta” có phần dễ. Khảo về cái “ta” lắm gian nan, vì chỉ phải lấy cái “ta” mà khảo cái “ta”.

Cho đặt khảo về cái “ta” thời cái ta phải tẩy tịnh hết những cái gì không phải là nó, phải đến chỗ “thuần hóa” (醇化) mà người phương Tây gọi là *catharsis*.¹

Sau khi cái “ta” được thuần hóa rồi, nó lại phải bước lên một tầng nữa, đến chỗ nó phải “huyền ngưng” (懸凝) mà người phương tây gọi là *époké*.² Nếu nó không huyền ngưng, thời nó không tự đặt nó làm đối tượng cho nó được (se poser comme objet).

Triết học nước Tàu không đi tới chỗ thuần hóa, huyền ngưng của cái “ta” như thế.

Lão Trang, tuy có nhuộm màu tư biện (思辨)³ mà về vấn đề vũ trụ, về vấn đề nhân sinh, về vấn đề tư duy, chỉ còn ở trình độ trẻ con bập bẹ chưa nên lời của triết học. Sánh với Ấn Độ hãy còn kém xa, nữa chi là nói đến Âu Châu, La Mã, Hy Lạp.

¹ Chữ *catharsis* làm ra tiếng pháp *catharte* (loài kên kên bên Mỹ châu, tẩy tịnh những xác chết thú tha) và *cathartique* (danh từ y học, nghĩa là thuốc hoạt trường).

² Chữ *époké* làm ra tiếng Pháp *époque* (thời đại). Một thời đại là một chặng huyền ngưng trong thời gian.

³ *Une teinte de spéculation.*

Đạo Khổng, về phương diện tư biện, còn sụt xuống dưới học thuyết Lão Trang mấy từng. Nó chỉ là một mớ tư tưởng thật-tiền một nền văn cách ngôn (littérature gnomique) về xã hội, nhân tâm, chưa thành hệ thống khít khao vững vàng. Trong hai ngàn năm, từ Khổng tử tới Vương Dương Minh nó co rút lại mà tự thủ, thật là “trình liệt”. Trung gian có Tống nho đem phanh phui nó ra, thời có, chớ không phát xiển tài bồi gì cho nó thêm mạnh mẽ. Học phong của Tống nho đưa lại thói tẻ ký tụng từ chương và huấn cổ.¹ Mà học thời cốt để đi thi cử.

Vương Dương Minh trưởng thành trong thời đại mà Tống nho còn ảnh hưởng nặng nề, ba trăm năm sau khi Châu Hy đã qua đời.² Ngay từ thuở tuổi mười hai, tiên sinh cãi với thực sư về mục đích sự học, đã tỏ chí muốn làm thánh hiền. Mà theo nhịp của thời đại mình, tiên sinh cũng phải đeo đuổi học cử nghiệp. Bởi đó là đường duy nhất để lập công danh và cũng bởi dòng dõi khoa hoạn, phải theo đà của ông cha mà bước rấn vào lối tầm thường. Ký tụng từ chương đã mấy công phu thi hội hai lần lạc đệ, tiên sinh xoay qua cung kiếm lăm le đoạt vũ cử để len lỏi vào quan trường. Nếu không vì thể chất yếu mà phải

¹ *Huấn cổ* (訓詁) là giải nghĩa kinh truyện (exégèse). Chữ “cổ” có người đọc là “hổ”.

² Châu Hy mất năm 1200, Vương Dương Minh sinh năm 1472.

đi tìm đạo dưỡng sinh, chưa ắt tiên sinh đã khỏi tục tước trong trường áo mào.

Theo dõi Châu Hy, tiên sinh khổ khắc trực vật. Có lần lấy trúc thử cách trí. Cách trí không xong, mà trí đã nhọc nhằn cho đến phát bệnh, ngã lòng, rồi tự yên ủi rằng thánh hiền phải có phận mới làm được.

Đến sau theo về đạo Lão, đạo Thích, công phu mất vài ba mươi năm. Tiên sinh cứ lấy làm tiếc uống. Nhưng rốt lại, hai đạo ấy dạy cho tiên sinh một chữ “tâm” có quan hệ cho một đời tư tưởng. Cho mới biết: một lời có khi định được một đời. Chính tiên sinh cũng thú nhận một cách thành thật.

“Thù, Tử, truyền đến Mạnh Tử mà rồi ngừng. Xuống đến một ngàn năm trăm năm ngoài. Liêm Khê, Minh Đạo mới lại truy tầm mỗi manh của nó. Từ đó về sau biện tích ngày một tường, nhưng cũng ngày một đến chỗ chi ly quyết liệt, mà trở lại mịt mờ. Ta thường thâm cầu duyên cớ sự ấy, thời thấy rằng đại để vì thế - nho lắm lời nên loạn đạo. Thuở nhỏ ta sớm tập cử nghiệp, nịch chí nơi từ chương. Rồi mà hơi biết theo về chánh học lại khổ nỗi thấy chúng thuyết phân nhiều, không biết đâu là lối vào. Nhân đó mới đi cầu nơi đạo Lão, đạo Thích, rồi hân nhiên hiểu ở chỗ con “tâm”, biết thánh học là ở tại “tâm” vậy (*Tựa cho Châu Tử Văn niên Định luận*).

Tiên sinh trách Tống Nho bỏ cái gốc mà chạy đi phụng sự những cái ở bên ngoài (無本而事於外 - vô

nhì bốn sự ư ngoại) (Lời *Tự biệt Trạng Cam Tuyền*). Socrate kéo triết học trên trời xuống lòng người, với câu: “Người hãy biết lấy người”. Vương Dương Minh kéo về “tâm” cái triết học đương chịu ảnh hưởng của Châu Hy mà bàn hoàn nơi “vật”.

Bắt mối từ chỗ “tâm”, tiên sinh lại quay về đạo Khổng, tưởng cũng là do hoàn cảnh xã hội tư tưởng mà ra. Bấy giờ thiên hạ đương nhao nhao “thị Châu phi Lục” (是朱非陸). Châu Hy phát triển đạo Khổng, đã đưa nó về đường duy vật tiến hóa luận (évolutionisme matérialiste) tìm lý nơi sự vật. Cách vật trí tri (格物致知) là bốn chỉ của học thuyết Châu Hy. Đồng thời với Châu Hy có Lục Cửu Uyên phản đối lại mà chủ trương rằng “tâm tức là lý” (心即理). Vương Dương Minh đã nhờ Lão, Thích mà rõ cái đạo “tâm”, khi trở lại Khổng tất theo về họ Lục.

Thuyết của họ Lục làm hả lòng tiên sinh. Chữ “tâm” của họ Lục ăn với chữ “tâm” của tiên sinh đã tìm thấy trong Lão, Phật lại cũng là chánh gốc của đạo Khổng. Cái học của những bậc thánh hiền đời thượng cổ là học để mà “minh luân” mà thôi. Vua Thuấn truyền ngôi cho vua Vũ có dặn: [(Cổ thánh hiền chi học minh luân bốn dĩ, thần chi tương thọ thân viết) “Nhân tâm duy nguy. Đạo tâm duy vi. Duy tinh duy nhất, doãn chấp quyết trung”].

(古聖賢之學明倫而已,舜之

相授受曰:人心惟危道心惟微

惟精惟一允執厥中)

Văn Lục, ký¹

Nhận được cái đạo tâm ấy, tiên sinh phải đi một con đường trắc trở cam go. Tiên sinh trải ba năm bị đày ở trạm Long Trường, giữa núi sâu rừng thẳm, chen lộn với ma thiêng nước độc, sống chung với dân chưa khai hóa, sách vở không có trong tay, tầm chương trích cú nhân đó mà vớt bỏ được.

Mạnh tử nói: “Tin cả nơi sách, ắt không bằng không có sách” (儘信書不如無書) – (Tận tín thư, bất như vô thư). Nghe rằng Auguste Comte trong mười năm không đọc sách, để tránh cho tư tưởng mình cái ách của tư tưởng người ngoài mà viết ra bộ *Cours de Philosophie Positive*.

Vương Dương Minh không phải cố rời sách - song mà, rủi hay là may lại rời sách. Khỏi cái nạn tầm chương trích cú, tiên sinh cần học nơi tâm, mà rồi được đạo, được có Vương học.²

Cái đạo của tiên sinh thật là “sinh ư ưu hoạn” (生於憂患), như lời của Mạnh Tử đã dạy, mà tiên sinh có nhắc lại, trong một bức thư gởi cho Vương Thuần Phủ (王純甫) năm nhâm thân (1512).

¹ Lờ chép kinh *Thơ*, phần *Ngũ Thơ*. Vương Dương Minh dẫn ra nhiều lần.

² Vương học (王學) là tiếng người Tàu chỉ học thuyết Vương Dương Minh. Cũng gọi là Dư Diêu học phái, lấy tên quê quán của tiên sinh.

Có điều tiên sinh lấy làm lạ sao một nhà đại nho như Châu Hy lại không thấy tâm là gốc, mà bo bo chạy theo vật? Mãi đến khi về làm quan ở Nam Kinh, có dịp đọc lại khắp các sách vở ở Châu Hy, mới thấy được những lời của nhà đại nho này ăn năn lúc đã già và đã bị mờ cả mắt không còn đọc sách được nữa. Thơ cho Phan Thúc Độ (潘叔度), Châu Hy nói:

“Hy suy bệnh, năm nay may chưa đến kịch liệt, nhưng tinh lực càng suy mục lực vẫn hẫng, xem văn tự không được nữa. Nhắm mắt tịnh tọa, lại thấu được phóng tâm, thấy được ngày trước chạy tìm bên ngoài (tâm) không phải ít. Rất giận cho không mù lòa sớm sớm”.

喜衰病,今歲幸不至劇,但精力
益衰助全短,看文字不得冥日
靜坐卻得牧拾放心覺得日前
外西走作不少頗恨盲癡之不
早也...

Thơ cho Hà Thúc Kính (何叔系), Châu Hy lại than:

“Cái tội ngày trước đối mình đối người, không sao chuộc được”. (日前自誑誑人之罪盖不可勝贖)

Thế là mãi đến ngày tàn Châu Hy mới thấy mình lắm mà Lục Cửu Uyên phải bèn viết thơ cho họ Lục tỏ ý ăn năn nói rằng không biết có lúc nào được gặp để đàm luận xem còn chỗ nào có dị đồng.

(甚恨未得從容面論未知異時
相是尙復有異同否耳)

Được thấy những lời ăn năn của Châu Hy, Vương Dương Minh càng vững chí trên đường tâm học. Ngày mùng 1 tháng 11 năm Ất Hợi (1515) tiên sinh sao lục những thơ lúc già của Châu Hy mà đề tựa, rồi cho khắc thành bản. *Châu tử Văn niên Định luận*.

*

* *

Tâm là gì?

Một câu hỏi ấy, tự thiên cổ, nhà triết học đông, tây, đều lấy làm băn khoăn, tìm trả lời. Vương Dương Minh, tuy không được như hiền triết tây phương, không có một cơ đồ tư biện phân tích đồ sộ như họ, song cũng còn hơn nhiều người của Khổng. Tiên sinh nói: “Chủ của thân, ấy là tâm” (身之主為心). (trả lời cho Từ Ái, *Truyền Tập Lục*, thượng). Cái tâm ấy nó thống quản ngũ quan (心統五官). Nếu không có tâm, thời tiện thị không có tai, không có mắt, không có miệng, không có mũi (無汝心便無耳耳口鼻) (trả lời cho Tiêu Huệ (蕭惠), *Truyền Tập Lục*, thượng). Tai, mắt, miệng, mũi, tứ chi, là thân vậy. Không có tâm làm sao tai nghe được, mắt thấy được, miệng nói được (nếm được), mũi ngửi được, tứ chi động được? Nhưng mà nếu không có thân thời tâm cũng không có. Cho nên, không có tâm, ắt không có thân; mà không có thân, ắt không có tâm. (Trả lời

cho Cửu Xuyên (九川). *Truyền Tập Lục*, thượng).

耳目口鼻四肢耳也非心安能

視聽言動心欲言動無耳

目口鼻四股亦不能故無心則

無身則無心

Tâm với thân quan hệ nhau như thế. Tâm là cái không cú một chỗ nào trong thân. Phàm tri giác ở đâu là tâm ở đó. Như tai nghe, mắt thấy, tay chân biết đau ngứa, bao nhiêu những tri giác ấy đều tiện thị là tâm.

九知覺處便是心如耳目之知

視聽手足之知痛癢,此知覺便

是心

(*Truyền Tập Lục* hạ).

Cứ cái định nghĩa đó, thời “tâm” của Vương Dương Minh là cái mà ngày nay ta gọi là “ý thức” và người Pháp gọi là *conscience psychologique*.

Tâm tức là cái để biết. Nhưng trong sự biết nào cũng có hai điều: một là cái “biết”, hai là cái “bị biết”. Hay là nói khác nữa: một bên “chủ” một bên “khách”, một bên “tâm” một bên “vật”. Tâm với vật là hai cái giáp bản 夾板(*diptyques*) đi đôi.

Quan hệ giữa tâm và vật (*rapport du sujet et de l'objet*) như thế nào? Vương Dương Minh đáp rõ ràng, như trong chuyện sau này. Một hôm tiên sinh

đạo chơi Nam trấn. Có người bạn chỉ cây bông trong một vườn mà hỏi: “Như cây bông này tại chốn thâm sơn tự nở tự tàn đối với tâm của ta có quan hệ như thế nào? Tiên sinh nói: “Khi anh chưa nhìn hoa, thời hoa này với lòng anh đều là tịch không. Khi anh lại đây nhìn hoa này, thời nhan của nó rõ ra. Cho mới biết hoa này không ngoài tâm của anh”.

元生

遊南鎮一支指岩中花樹問日

如此花樹在深山中自開自潔

於我心亦何相關

先生日你來看此花時此花與

汝心同鳥於寂你來看花時則

此花顏色一時明白起來便知

此在不在你的心外

(*Truyền Tập Lục*, hạ)

Cứ theo lời đó, thời đối tượng (objet) của tâm, chỉ là cái đã chiếu vào tâm (copie de la réalité). Ngoài tâm không có vật (外心無物) (Trả lời cho Thượng Khiêm (尙謙)... *Truyền Tập Lục*, thượng) Vật chỉ là vật trong tâm.

Học thuyết của Vương Dương Minh hẳn là duy tâm (idéaliste). Cái tâm ấy, tiên sinh lấy ở Phật giáo mà ra đem tra vào cho đạo Khổng. Duy tâm của tiên sinh gần triệt để. Xích một chút nữa sẽ kịp Platon.

Tiên sinh nói: “Như tâm của ta phát ra cái ý niệm hiếu với cha mẹ, thời sự hiếu với cha mẹ ấy tiện thì là vật”. (如吾心發一念孝,親即孝親便是物)(Cũng trả lời cho Thượng Khiêm). Theo Platon quan niệm (Idées) là thật hữu (réalités) và chỉ có quan niệm mới là thật hữu. Nếu Vương Dương Minh cũng nhận như Platon rằng quan niệm là thật hữu, tiên sinh lại thêm nhận theo thường thức rằng vật chất cũng là thật hữu. Nhưng cái thật hữu nào, đối với tiên sinh cũng phải chiếu vào tâm mà mới thật hữu được. Cái linh minh của ta (cái tâm của ta) là chủ thể của trời, đất, quỷ thần. Trời mà không có linh minh của ta, thời lấy ai ngưỡng trông biết trời cao? Đất mà không có linh minh của ta, thời lấy ai cúi nhìn biết đất dày? Quỷ thần mà không có linh minh của ta, thời lấy ai bàn việc cát, hung, tai tường của quỷ thần? Trời, đất, quỷ, thần vạn vật mà lìa linh minh của ta, tiện thì không có trời đất, quỷ, thần, vạn vật. Mà linh minh của ta, nếu lìa trời, đất, quỷ, thần, vạn vật, thời cũng không có linh minh được.

我的靈明便是天地鬼神的主
 宰天没有我的靈明誰去仰他
 高?他没有我的靈明誰去俯他
 深?鬼神沒有我的靈明誰去辯
 他吉凶災祥?天地鬼神萬物,離
 却我的靈明便沒有天地鬼神

萬物了我的靈明離却天免鬼

神萬物亦沒有我的雪明

(*Truyền Tập Lục*, hạ)

Song mà ta đây, tâm ta đây là tâm của trời đất (人是天地的心) (*Truyền Tập Lục*, hạ).

Vậy bốn thể của tâm là gì?

Tìm xét về vấn đề này, Vương Dương Minh sẽ từ chỗ nhận thức ngả qua luân lý. Tiên sinh nói: “Tâm không phải là một khối máu thịt” (心不是一塊血肉) (*Truyền Tập Lục*, hạ). Như người đã chết rồi cái khối máu thịt kia vẫn còn đó, có sao không hay thấy, không hay nghe, không hay nói, không hay cử động?

如今已死的人那一圈血肉還

在緣何不能視聽言動,

(Trả lời cho Tiêu Huệ).

Tâm không có thể. Nó lấy sự thị phi của nó cảm ứng đối với trời, đất, muôn vật, mà làm cái thể cho nó.

心無體以天地萬物感應之是

非為體,

(Trả lời cho Châu Bản Tư (朱本思), (*Truyền Tập Lục*, hạ).

Thế là một đề từ mới (un nouveau terme) lại thêm vào, là “thị phi”. Vương Dương Minh đưa ta đến đây là cùng đường rồi Tiên sinh không giải thích “thị phi” là gì. Chỉ gọi cái biết nhận thị phi là “lương tri”

良知. “Cái tâm biết thị phi, nó không lo nghĩ mà biết, không học tập mà hay, cái đó gọi là lương tri”.

(是非而心不應而知不學而能
所謂良知也),

(*Truyền Tập Lục, trung*. Trả lời cho Nhiếp Báo 聶豹). Định nghĩa “lương tri” này, tiên sinh lấy trong sách *Mạnh Tử* nơi quyển XIII, chương “Tận Tâm” (盡心), phần trên. Mạnh Tử nói: “Cái người ta không học mà hay, là cái lương năng, cái người ta không lo nghĩ mà biết, là cái lương tri”.

人之所不學而能者其食能也
所不慮而知者其食知也

Vương Dương Minh đem lương năng hóa nhập vào lương tri. Lương tri của Vương Dương Minh cũng là lương năng nữa.

Cái lương tri, hay là cái tâm nhận thị phi đó, tức là cái mà ta gọi là lương tâm (conscience morale). Lương tri này thuộc về mặt “trí” (côté intellectuel) mà tri giác nói trước đây thuộc về mặt “tình” (côté affectif) của một con tâm duy nhất nơi học thuyết Vương Dương Minh. Tâm ấy không có thể. Nó tùy theo mặt “tình” hay mặt “trí” mà mượn thể nơi tri giác hay nơi lương tri của trời đất muôn vật cảm ứng vào nó.

Về mặt “trí” thời cái thể của tâm, là “tính” (性心體也). (Thơ trả lời Ông Thạch Đàm (汪石潭) - *Văn Lục*.) Đây cũng vẫn là diễn lại tư tưởng của Mạnh Tử.

Chương “Tận tâm” Mạnh tử nói: “Hết cái tâm, biết cái tính” (盡其心知其性也). Do đó Vương Dương Minh cũng nói: “Tâm tức là tính” (心即性) (*Truyền Tập Lục thượng*). Kể về hình thể thời gọi là trời, kể về sự chủ tể, thời gọi là vua, kể về sự lưu hành thời gọi là mạng, kể về sự phú bẩm ở nơi người, thời gọi là tính kể về sự chủ tể ở nơi thân, thời gọi là tâm. Tâm phát ra, đối với cha thời thành ra hiếu; đối với vua, thời thành ra trung, cứ như thế mà đi đến vô cùng, những cái tên hóa ra vô cùng, mà chỉ gốc nơi một cái tính đó mà thôi. Cũng như cùng thời một thân người, mà đối với cha, thời gọi là con, đối với con, thời gọi là cha, cứ như thế mà đi đến vô cùng mà chỉ gốc cũng một người mà thôi.

自其形體也謂之天主宰也謂
之,帝流行也謂之合職於人也
謂之性,主於身也謂之心,心之
發也遇父便謂之孝遇君便謂
之忠自此以往名至於無窮只
一性而已猶人一而已對父謂
之子對子謂之交,自此以往各
至於無窮只一性而已猶人一
而已對又謂之子對子謂之父
自此已往對至於無窮只一人
而已,

(Trả lời cho Lục Trùng) (*Truyền Tập Lục, thượng*).

Tính hay là lương tri, hay là tâm, là cái có tự nhiên, do trời phú bẩm cho con người. Nếu phải hỏi lên đến Khổng Tử, thời ta thấy nơi sách *Trung Dung* nói: “Cái trời mạng cho thời gọi là tính” (天命之謂性). Bởi cho nên Vương Dương Minh cũng chủ trương: “Tâm, tính, trời, là một vậy (心也性也天也一也) (Trả lời cho Nhiếp Bảo - (*Truyền Tập Lục trung*)). Nhưng ba cái đó mặc dầu, về bốn thể vẫn là một mà ở nơi người phẩm cách, lực lượng khác nhau nên hóa ra có giai cấp, không thể nhảy, bỏ bậc thứ mà được.

然而三者人品力量自有階級

不可躡等而能也,

(Tiếp câu trả lời trên đây). Cũng như học chổi dầy, học đứng, học bước là việc đầu để học chạy ngàn dặm.

正如學起立移步使是學奔走

千里之始

(Cũng tiếp câu trả lời trên).

Nghĩa là cứ nơi tâm, dùng công phu, mà rồi lần biết tới gốc của nó là trời. Trời của Vương Dương Minh, ta không nên hiểu nó là thần linh, chỉ nên hiểu nó là cái “hư linh” (虛靈) (chính là tiếng của tiên sinh nói ra). Nó là hư linh, nghĩa là nếu không có cái tâm của con người thời nó vẫn là “hư” là không có - Tính là cái của trời phú cho. Tính tức là lý (性即理)(*Truyền Tập Lục*, thượng).

Cuộc phân tích cái tâm, hay là nói cách khác, cuộc thuần hóa (catharsis) của Vương Dương Minh dẫn đến chỗ huyền ngưng (épokê) là lý. Rốt lại “bốn thể của tâm, tức thị là thiên lý” (心之本體即是天理) (Truyền Tập Lục, trung. Trả lời cho Đạo Thông 道通).

Thiên lý không có động. Cho nên bốn thể của tâm cũng không động.

心之本體原自不動
心之本體
即是性,性即是理性元不動,理
元不動

(Trả lời cho Thượng Khiêm. (Truyền Tập Lục, thượng). Vì chỗ bất động đó, cho nên bốn thể của tâm không thiện, không ác chi cả (無善無惡是心之體) (Rút trong bốn câu tông chỉ của tiên sinh dạy. Tiên Đức Hồng và Vương Kỳ). Nó chỉ là thành (誠) mà thôi (誠是心之本體) (Trả lời cho Chí Đạo (志道). (Truyền Tập Lục, thượng).

Vì chỗ bất động đó, cho nên bốn thể của tâm khó thấy. Người quân tử học đạo, phải nhân cái dụng mà tìm lấy cái thể. Vì thể với dụng chỉ ở một nguồn mà thôi. Biết được cái này, thời biết được cái kia.

夫體用一源也知體之所以為
用則知用之所以為體者矣雖
然體微而難知也用顯而易見也

(Thơ cho Ông Thạch Đàm. Văn Lục Thơ).

Dụng của tâm có hai thể: cảm động và phát động. Cứ thể cảm động thời dụng của tâm là tình (構心用也). (Cũng trả lời cho Ông Thạch Đàm). Mừng giận, buồn vui, tư tưởng, tri giác, đều do tâm phát ra.

喜怒哀樂之與思與知皆心
之所發

(Cũng trong thơ trên đây). Những cái đó tiên sinh gọi là tính. Cứ thể phát động, thời dụng của tâm là ý (指心之發動處謂之意). (Trả lời cho Cửu Xuyên. (*Truyền Tập Lục*, hạ). 以其主宰發動而言則謂之意 (Thơ trả lời cho La Khâm Thuận (羅欽順) (*Truyền Tập Lục*, trung). Tình tự vật mà đến tâm. Ý, tự tâm mà đến vật.¹ Không có vật, tình ý đều không có. Ý chưa hề huyền không bao giờ mà nó phải dựa nơi sự vật (意未有懸空的心看事物). (Trả lời cho Cửu Xuyên, (*Truyền Tập Lục*, hạ).

Nhưng vật đây không ngoài tâm như trên đã nói nghĩa là cũng không ngoài ý. Phàm dùng ý đến chỗ nào, là có vật ở chỗ đó (无意之所用無有無物者). (Thơ trả lời cho Cố Đông Kiều, (*Truyền Tập Lục*, trung.) Chỉ về hình thể, thời gọi là thân, chỉ về sự chủ tế, thời gọi là tâm; chỉ về chỗ phát động, thời gọi là ý, chỉ về sự linh minh của ý, thời gọi là trí, chỉ về chỗ ý đi đến, thời gọi là vật. Mà thân, tâm, ý, trí, vật, thật ra, chỉ là một mà thôi.

¹ Tình là affection, ý là volition.

指其充塞處言之謂之身,指其
主宰處言之謂之心指心之發
動處謂之意指意之靈明處謂
之知,指意之滅著處謂之物只
是一伴?

(Trả lời cho Cửu Xuyên, (*Truyền Tập Lục*, hạ)
Tâm tức là vật. Ngoài tâm không có vật. Nếu ngoài
tâm không có vật, thời ngoài tâm cũng không có lý.
Tâm tức là lý “Vật lý không ngoài tâm ta. Ngoài tâm
ta mà cầu vật lý, thời không có vật lý. Cho nên như
có cái tâm hiếu với cha mẹ, thời tức có cái lý của
sự hiếu, không có cái tâm hiếu với cha mẹ, thời tức
không có cái lý của sự hiếu”...

失物理不如於吾心外吾心而
求物理無物理矣,故有孝親心
即有孝之理無孝親之心郭無
孝之理矣,

(Trả lời Cổ Đông Kiếu (*Truyền Tập Lục*, trung).
Thuận dòng tư tưởng đó, tiên sinh nói luôn: “ngoài
tâm không có sự, ngoài tâm không có nghĩa, ngoài
tâm không có thiện” (心外無事心外心義心外無
善). (Thơ cho Thuần Phủ 純甫 *Văn Lục*.)

Mục đích của luân lý là đi tìm “thiện”. Mà thiện
là gì? Tiên sinh đáp: “Tâm của ta xử sự vật mà ròng
theo lý, không có bị nhân ngụy tạp nhập, ấy gọi là

thiện. Thiện không phải có định sở ở nơi sự vật đâu, mà đi tìm nó nơi sự vật”.

吾心之處事物已乎理而無人
為之雜,謂之善非在事物有是
所之可求也

(Cũng thơ cho Thuần Phủ).

Tới đây thấy rõ lập thuyết của Vương Dương Minh rồi, nên dẫn ra lời tiên sinh chỉ trích Châu Hy. Châu Hy có nói: “Cái mà chí của con người lấy đó làm đạo học là tâm với lý mà thôi” (人志所以為學者心與而已). Tiên sinh bảo: “Tâm tức là tình. Tình tức là lý. Gieo xuống một chữ “với” (與字) e rằng không khỏi làm cho tính với lý chia ra làm hai.

心即性,性即理下一與字恐未
免為二

(Trả lời cho Mạnh Nguyên (*Truyền Tập Lục*, thượng).

Cái tệ là do chỗ tách tâm với lý ra. Tệ ấy kéo dài sau Châu Hy ba trăm năm trời. Bởi không biết gốc thiên lý là ở nơi tâm của ta, nên thế nho mới bỏ cái gần đi cầu cái xa xôi, bỏ cái dễ đi tìm cái khó khăn, mà rối rít lằng xằng, lấy tư trí mà làm cao với nhau, lấy khách khí mà cạnh tranh với nhau, càng ngày càng sa xuống vực cảm thú, mọi rợ mà không biết. Gián hoặc có kẻ nào riêng thấy đó là quấy, mà hơi

biết trở lại cầu nơi nguồn gốc, ắt chúng xúm lại chê cười, và cho là theo “dị học” mà bài xích.

莫知天理之在吾心舍近求遠
舍易求難紛紅交鶩以私智相
高客氣相競自陪於禽獸夷狄
而不知間有獨覺其非而畧知
反求其本源者則又群相矣
斥為異學

(*Văn tế Tiết Thượng Triết*) Vương Dương Minh bảo rằng bọn nho ấy làm cho đạo triền chuyển đến chi ly mà gây ra tai nạn lục trầm 反轉支離歎 陸澄 (trong bài thi *Sơn trung thị chư sinh*, năm 1513).

iii. lương tri - cơ sở của vương học

Cứu cánh mục-đích của triết học là cầu “chí thiện” (souverain bien). Một nền triết học, bất cứ là khởi điểm chỗ nào cũng phải nhắm “chí thiện” mà đi. Đi đến đó mới được dừng. Sách *Đại Học* bảo: “Chỉ ư chí thiện” (止於至善).

Vương học khởi điểm ở chỗ “tâm” Từ chỗ “tâm” đi đến “chí thiện” phải đi đường nào? Trước hết, phải biết: chí thiện là gì, là ở đâu rồi sau mới biết phải đi con đường nào mà đến đó.

Vương Dương Minh bảo: “Chí thiện là tâm được ròng theo thiên lý đến cực điểm”.

至善只是此心純乎天理之便是

(Trả lời Trịnh Triều Sóc (鄭朝朔), *Truyền Tập Lục, thượng*) Tiên sinh nhận thiên lý đối với nhân dục, mà rằng: “Bỏ được nhân dục, thời biết ngay thiên lý” (去得人欲便識天理) (Trả lời Lục Trùng. *Truyền Tập Lục, thượng*).

Nhích cái thiên lý một chút nào, hoặc quá đi, hoặc chẳng kịp, là ác. Gọi rằng ác, là như thế, chớ bỗng lại nó không phải là “ác”. Thiện, ác, đều cũng là thiên lý.

善惡皆天理,謂之惡者本非惡

但於本性上過與不及之間耳

(*Truyền Tập Lục*, hạ). Trời đất vốn không phân thiện ác như hoa cỏ có cái nào thiện cái nào ác đâu. Lúc thích xem hoa, thời ta cho hoa là thiện, mà cỏ là ác. Lúc cần dùng đến cỏ lại cho cỏ là thiện. Thiện ác đó chỉ do lòng ta ưa ghét mà sinh ra.

天地生意,花草一般,何曾有善

惡之芬?子欲觀花,則以花為善,

以草為惡,如欲用草時,復以草

偽善矣,此等善皆由汝心好

惠所生:故知是錯

(Trả lời cho Tiết Kháng. *Truyền Tập Lục*, thượng)

Chỉ thiện, nếu là thế, không đâu khác hơn là ở nơi tâm. Với Vương Dương. Minh, ngoài tâm không có gì cả; không có vật, cũng không có lý. Hơn nữa chỉ thiện chẳng những ở nơi tâm, mà chính nó là tâm. Còn hơn nữa: chỉ thiện là bản thể của tâm (至善者心之本體) *Truyền tập Lục* hạ). 至善也者心之本體也 (Tự cho *Đại Học cổ bản*),

Vậy, khởi điểm từ chỗ tâm, Vương học lại đi đến tâm mà cầu chỉ thiện. Nghĩa là: tâm phải đi đến tâm. Tâm phải đi đến tâm, không được để có gì gián cách

(médialiser). Cái động tác của tâm cầu chí thiện (tức là bản thể của tâm) là cái động tác của trực-giác (acte de l'intuition). Vương Dương Minh gọi cái động tác ấy là lương tri.

Mạnh Tử nói: “Sự người không học tập mà làm được, gọi là lương năng. Sự người không lo nghĩ mà biết được, gọi là lương tri” (Mạnh-Tử, *Tận tâm*, chương thượng.) Vương Dương Minh lấy lời ấy, mà chữa lại: “Cái tâm biết thị phi, không lo nghĩ mà biết, không học tập mà hay, điều đó gọi là lương-tri. (Trả lời Nhiếp Báo - *Truyền Tập Lục*, trung). “Cái lương tri ở nơi tâm ta, không vì có thánh ngu mà cách đẳng nhau, thiên hạ cổ kim cũng có lương tri đồng một thể như nhau.”

良知之心無間於聖憑天下古

今之所同也

(Cũng trả lời Nhiếp Báo.) Cho nên, dầu mọi rợ cũng biết thương cha mẹ.

施及蠻貊而开有血氣者其不

尊親為其良知之同也

(*Truyền Tập Lục*, trung). Lương tri nguyên là hoàn hoàn toàn toàn. Hễ thị thời nó nhận là thị, hễ phi, thời nó nhận là phi. Thị phi, chỉ cậy có lương tri mà biết, chẳng khi nào chẳng đúng. Cái lương tri ấy là minh sư của ta.

只依良知原是完完全全是的

還他是非的還他非是非只依
著他更無有不是處長知還
是你的明師

(*Truyền Tập Lục*, hạ).

Lương tri chỉ là cái tâm nhận thị phi (良知只個是非之心) (*Truyền Tập Lục*, hạ) Cho nên hai chữ “thị phi” là cái đại qui củ của hương iri (是非兩字是個大規矩) (*Truyền Tập lục*, hạ)

Bổn thể của lương tri không có. Bổn thể của lương tri là thái hư.

長知本體原來無有本體只是太虛.

(Lời dạy Tiên Đức Hồng và Vương Kỳ. *Dương Minh Toàn Thư, niên phổ*). Vì thái hư, cho nên bổn thể của lương tri không động không tịnh (長知本體原是無動無靜的) (Trả lời cho Hà Đình Nhân (何廷仁), Hoàng Chánh Chi (黃正之), Lý Hầu Bích (李侯璧), Nhữ Trung, Đức Hồng (*Truyền Tập Lục*, hạ). Không động, không tịnh, ấy là cái “trung” (中) trong câu “doãn chấp quyết trung”. Trung ấy là cái trung của tâm khi nó chưa phát động. Tức sách Trung Dung gọi là “vị phát chi trung” (未發之中). Vương Dương Minh nói: “Tĩnh không có chẳng thiện, cho nên tri không có chẳng lương. Lương tri tức là vị phát chi trung”

性無不養故知無不良食知

是未發之之中

(Trả lời Lục Trùng. *Truyền Tập Lục*, trung).

Trung, là không thiên về đâu cả (不偏之謂中) (Trung Dung). Không thiên về động, cũng không thiên về tĩnh. Ở nơi “trung” không có động, không có tĩnh. Ở nơi “trung” động, tĩnh gặp nhau. “Chỗ động, tĩnh gặp nhau, ấy là bốn thể của tâm. Chỗ ấy vốn không phân ra động tĩnh.” 動靜所遇時心之本体固無分於動靜也 (Thơ trả lời Lục Trùng, *Truyền Tập Lục, trung*.)

Chỗ động tĩnh gặp nhau ấy, chỗ trung ấy là thiên lý, là định (定者心之本体天理也 動靜所澤之時也,) (Thơ trả lời Lục Trùng, *Truyền Tập Lục, thượng*)

Đây là điểm vô cùng trọng yếu của Vương học.

Không hiểu chỗ động tĩnh gặp nhau, không hiểu chỗ “vị phát chi trung” đó, không sao hiểu được Vương học, cũng không sao hiểu được sách Trung Dung.¹

Chỗ động tĩnh gặp nhau (à l’intersection du mouvement et du repos), hay là nói cách khác, chỗ “cực hạn” (極限)² của động tĩnh (à la limite du mouvement et du repos) là chỗ “trung” khi “vị phát”.

¹ Người ta thường dễ lầm trung dung (中庸) với chiết trung (折衷) (éclectique) hay là trung bình (moyenne). Dịch trung dung ra juste milieu, ngu kiến cho là lạc nghĩ. Thiết tưởng nên dịch là à la limite theo cái nghĩa “vị phát chi trung”, chỗ “vị phát chi trung” còn là virtualité, hay là puissance theo tiếng của Aristote.

² Cực hạn là tiếng người Tàu dịch chữ limite dùng trong số học. Ta có thể dịch là rất mực. Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh

Thử lấy thí dụ tiếng chuông, để dẫn đến cái nghĩa của “vị phát chi trung”. Khi chưa khua chuông, tiếng của nó nguyên có thể kinh thiên động địa. Khi đã khua chuông, tiếng của nó lại tịch thiên tịch địa.

譬如鍾聲未扣時原是驚天動,

地既扣時也只是寂天實地,

(Trả lời Hoàng Tỉnh Hội (黃省會), *Truyền Tập Lục*, hạ).

Chưa khua mà có thể kinh động, là chỉ về chỗ động ở nơi “cực hạn”. Đã khua mà tịch tịch là chỉ về chỗ tịch ở nơi “cực hạn”. Khua là đã phát. Cái “trung” của “vị phát” – nói về tiếng chuông ở đây – là chỗ “tiết điểm”, 節點 (point nodal).¹ Ở chỗ tiết điểm thời chưa phát với phát rồi, đều tới cực hạn, không thể nói riêng một cái nào, không thể nói chưa phát cũng không thể nói phát rồi. Ở chỗ tiết điểm có *chưa* với *rồi* hiệp nhất.

Trung ấy là thiên lý, ấy là *dịch*² tùy thời biến dịch (中只是天理只是易所遇之時也)(Trả lời Vương Gia Tú (王家秀), *Truyền Tập Lục*, thượng).

định nghĩa: “Cái số mục có thể tới gần mãi mà không thể đạt đến được, như số $1/2 + 1/4 + 1/8 + 1/16, \dots$ không khi nào tới cực hạn là 1 được”.

¹ Point nodal: danh từ vật lý học Tàu dịch ra tiết điểm. Hegel dùng nói cho biện chứng pháp (dialectique).

² Mười năm xưa đọc kinh *Dịch*, tôi nghĩ và đã viết trong báo *Mai* ở Sài Gòn rằng dịch là biện chứng pháp. Nay đọc Vương Dương Minh tôi vững ý tin rằng tôi không hiểu lắm.

Vì là trung, không động, không tịnh cho nên cái bốn thể của lương tri là vô tri vô bất tri. Thì cũng như mặt trời vốn không tự tâm nào chiếu vật, mà tự nó không vật nào nó không chiếu. Vô chiếu, vô bất chiếu, nguyên thật là bốn thể của mặt trời. Lương tri vốn vô tri, mà khi nó cần biết, thời không có gì nó không biết.

無知無不知,本體原是如此譬
如日未嘗有心照物而自無物
不怨,無照無不照原是口的本
體食知本無知今卻要有知本
無不知

(*Truyền Tập Lục*, hạ).

Vì vậy cho nên Khổng Tử nói: “Cái ta biết chẳng? Là không biết vậy mà” (吾有知乎無知也).

Bốn thể của lương tri vốn thái hư, không động, không tịnh, cho nên lương tri châu lưu lục hư, biết thông, khắp hết, mà không ngừng lại ở chỗ nào.¹

良知之妙真是周流太虛變通不是

(Lời nói ở Loa Xuyên (螺川) năm 1527, *Dương Minh Toàn Thư*, niên phổ).

Lương tri đồng thể với thái hư. Trong thái hư vật nào lại không có? Mà không một vật nào có thể làm chướng ngại thái hư.

¹ Vương Dương Minh dẫn lời kinh *Dịch thiên* “Hệ từ”.

太歲之中何物不有而無一物
能為太歲之障礙

(Trả lời Nam Nguyên Thiện, *Văn Lục*, thơ) Lương tri của ta đồng thể với thái hư, nên chi cũng không bị cái gì chướng ngại được. Giàu, sang, nghèo, hèn, được, mất, thương, ghét, chẳng có gì làm cho lương tri của ta không tác dụng. Tuy ta có sinh ra vọng niệm, mà chưa ắt lương tri không nhận thấy (雖忘念之發而良之未嘗不在) (Thơ trả lời Lục Trùng. *Truyền Tập Lục*, trung). Nếu không nhờ một cái niệm tinh vi của lương tri, thì còn nhờ gì mà biết được những cái “lầm hào lý sai thiên lý”?

毫釐千里之謬不於吾心良知一念之微而察之亦將何所用其學乎

(Trả lời Cổ Đông Kiêu, (*Truyền Tập Lục*, trung) Cổ kim sự biến, đều nhờ lương tri mà xử - lương tri như qui củ.¹ Hình tròn, hình vuông số nó vô cùng không thể biết trước hết - duy lấy qui củ mà đều vẽ ra được tất cả, chẳng hạn ở một cái nào. Những tiết mục thời biến cũng vô cùng số, không thể biết trước hết - duy nhờ lương tri mà ứng biến, cũng như qui củ ứng biến những hình tròn vuông.

天良知之於節目時變猶於規
矩共度之於方圖長短也節目

¹ Qui: đồ để vẽ hình tròn (compas). Củ: đồ để vẽ góc vuông (équerre).

時變之不可預定猶方圖長短
之不可勝露也

(Thơ trả lời cho Cố Đông Kiều, *Truyền Tập Lục*, trung). Ngoài cái lương tri, không còn có cái biết gì khác được (良知之外別無知矣). (Trả lời cho Sùng Nhất (崇一) *Truyền Tập Lục*, trung). Tuy lương tri không phải do kiến văn mà có, nhưng mà kiến văn nào (nghĩa là cái hay biết nào) cũng không phải là không do tác dụng của lương tri mà có được.

良卻不?見闢而有而見闕(?)莫
非良知之用

(Cũng trả lời cho Sùng Nhất).

Ngoài cái lương tri không còn có cái biết gì khác được. Thế thời, biết được lương tri, cũng chỉ có lương tri là tự biết được mà thôi. Mình phải cầu nơi mình mà thấy lương tri, chớ không có phép gì truyền dạy mà làm cho thấy được nó. (Trả lời một người bạn. *Truyền Tập Lục*, hạ). Nghĩa là, ngoài cái năng lực tri giác sự vật, lương tri còn có cái năng lực tự tri (pouvoir d'aperception).

Cái lương tri như thế. Nó là chỗ chiếu minh linh giác của thiên lý. Cho nên, lương tri tức cũng là thiên lý. Tư tưởng là sự phát dụng của lương tri. Vì thế chẳng có thị phi tà chánh nào trong tư tưởng mà lương tri lại không tự nó hay biết.

良知是天理之照明靈覺處故

良知郎天理恩是良知之發用
蓋恩之是非邪正,良知無有不
自知者,

(Trả lời Sùng Nhất, *Truyền Tập Lục*, trung). Vì bởi nó là tinh linh của tạo hóa, cho nên lương tri làm nên trời làm nên đất, làm nên quỷ, làm nên vua, mà thật là lương tri không có đối với vật, mà vật phải đều ở trong lương tri mà ra.

良知是造化的精靈這些精靈
生天生地,成鬼成帝皆從此出,
真是與物無對,

(Trả lời Vương Nhữ Trung, *Truyền Tập Lục*, hạ).

Cái lương tri, không ai có lời gì truyền dạy cho mà thấy được nó. Chỉ có nó là thấy được nó. Nếu ta muốn thấy lương tri, thời phải thời thời khắc khắc tựu ở nơi con tâm của ta, mà “tập nghĩa” (集義), ắt là cái thể của lương tri nó sẽ đồng nhiên minh bạch, rồi mà tự nhiên thị thị phi phi không có mảy may nào khuất lấp được.

若時時刻刻就自心上集義則
長知之體洞然明白,自然是是
非非纖毫英遁

(Trả lời cho Nhiếp Báo, *Truyền Tập Lục*, trung). *Tập nghĩa* là tiếng của Vương Dương Minh lấy trong sách *Mạnh Tử*, chương “Công Tôn Sửu”. Tập là gom

góp. Nghĩa là nghi 宜 (phải lẽ). Tập nghĩa là làm sao cho sự sự đều hiệp với nghĩa.

Cái đạo lương tri thật là chí giản, chí dị, chí tinh, chí vi. Khổng tử nói: “Xem nó cũng như xem bàn tay kia thôi”. Nhưng mà người người đối với bàn tay mình, có ngày nào lại không thấy; song le nếu hỏi trong bàn tay ấy có bao nhiêu đường chỉ thời nào ai là người trả lời được. Hai chữ lương tri của ta cũng vậy. Giảng qua thời ai lại không hiểu ngay. Mà nếu hỏi về sự thấy lương tri, thời mấy ai người thấy được?

此道至簡至易的亦至精至微
的,孔子曰:其如示諸事乎,且人
於掌何日不見,及至問他掌中
多少次,便不知,即如我良
知二字一講便明誰不知得,若
飲的見良知却誰能見得.

(Trả lời cho Đúc Hồng và Nhữ Trung, *Truyền Tập Lục*, hạ)

Nếu được lương tri rồi, biết thị phi rồi, thời khi chí đã lập, ắt thiên sự vạn vi cũng chỉ là một sự. Như thế thời như sự đọc sách làm văn chẳng hạn, sao lại có thể lụy được người? Có lụy chẳng, là tại người tự lụy ở chỗ đắc thất vậy.

志立得時良知干事萬為只是
一事讀盡作文安能累人人自

累於得失耳

(*Truyền Tập Lục*, hạ)

Vương Dương Minh bảo: “Hai chữ lương tri này của ta, thật là cái giọt máu điểm xương¹ của những bậc thánh ngàn đời truyền cho nhau”.

我此良知二?貴千古聖聖相

傳一點滴骨血也,

(Lời nói với Cửu Xuyên, *Niên Phổ*)

Tiên sinh lại bảo thêm rằng: “Cái thuyết lương tri này của ta, tìm được trong bách tử thiên nan. Bất đắc dĩ đem nói hết cho người đời, chỉ e cho học giả được nó rồi, lại dễ dàng đem làm món chưng bày đẹp mắt, không biết thật dụng công, hóa ra phụ cái “tri” ấy đi”.

其於此良知之說從百死子難

中得來,不得已與人一只說盡只

只恐學者得之容易把作一種

¹ Xưa, bên Tàu, muốn xét nghiệm hai người có phải là ruột thịt nhau không, thời dùng phép “đích huyết” (的血). Tương truyền rằng huyết của những kẻ ruột thịt nhau, nhỏ vào nước, tất cùng hiệp nhau mà ngưng kết lại. Còn huyết của một người thân còn sống nhỏ lên xương khô của người thân đã chết thời nó thấm vào. Nếu hai người không phải thân thích nhau, thời huyết không thấm vào xương. Phép đích huyết này khởi từ đời Lục Triều.

Đây Vương Dương Minh nói “giọt máu điểm xương” cũng như nói đá thử vàng. Nghĩa là nhờ lương tri mà biết thị phi, không sai lầm.

光景玩弄不實蓉用功,負此耳

(Lời nói với Cữu Xuyên, *Niên Phổ*)

Thuyết lương tri ấy, tiên sinh khởi dạy từ năm tân tỵ (1521), sau khi dẹp xong loạn Thần Hào và bị đảng nịnh dim công cùng sàm tấu. Đến năm đinh hợi (1527) trong bốn câu tông chỉ nói cuối cùng với môn nhân, tiên sinh tóm lại: “Tri thiện tri ác, ấy là lương tri” (知善知惡是良知).

Trong thi văn của tiên sinh có lắm nơi nói rõ về lương tri, hoặc ngụ ý chỉ lương tri. Nay trích một vài bài thi, mượn làm kết thúc cho chương này.

“Đáp nhân vấn lương tri” (富人問良知), hai bài:

Lương tri tức thị độc tri thì

Thử tri chi ngoại cánh vô tri.

Thù nhân bất hữu lương tri tại?

Tri đắc lương tri khước thị thù?

Tri đắc lương tri khước thị thù?

Tự gia thống dưỡng tự gia tri;

Nhược tương thống dưỡng tòng nhân vấn,

Thống dưỡng hà tu cánh vấn vi?

良知卽是獨知時

此知之外更無知

誰人不有良知在

知得良知卻是誰
知得良知卻是誰
自家痛癢自家知
若將痛癢從人問
痛癢何須更問爲

*Lương tri là cái biết riêng tây,
Nào biết nào ngoài cái biết này?
Thử hỏi lương tri ai chẳng có?
Biết lương tri được mấy người may?*

*Biết lương tri được mấy người may?
Mình ngứa, đau, mình mới tự hay.
Nếu hỏi ngứa, đau nơi kẻ khác,
Ngứa đau, sao khả hỏi người vay?*

“Vịnh lương tri tứ thủ, thị chư sinh”
*Cá cá nhân tâm hữu Trọng Ni.
Tự tương văn kiến khổ già mê.
Nhi kim chỉ dữ chân đầu diện,
Chỉ thị lương tri cánh mạc nghi.*

*Vấn quân hà sự nhật xung xung?
Phiên não trường trung thác dụng công.*

*Mạc đạo Thánh môn vô khẩu quyết:
Lương tri lương tự thị tham đồng.*

*Nhân nhân tự hữu định bàn châm.
Vạn hóa căn nguyên bốn tại tâm.
Khước tiểu tông tiền điền đảo kiến
Chi chi, điệp điệp, ngoại đầu tâm.*

*Vô thanh, vô xú, độc tri thì
Thử thi kiến khôn vạn hữu cơ.
Phao khước tự gia vô tận tạng,
Duyên môn trì bát hiệu bản nhi.*

“詠良知四首示諸生”

箇箇人心有仲尼
自將聞見苦遮送
而分積與真頭面
只是良知更有疑
問君何事日憧憧
煩惱場中錯用功
莫道聖門無口訣
良知兩字是參同

人人自有定盤針

萬化根源本在心
卻笑從前顛倒見
枝枝葉葉外頭尋
無聲無臭獨知蔣
此是乾坤萬有基
拋卻自家無盡藏
沿門持鉢效貧兒

“Vịnh lương tri bốn bài, dạy môn sinh”.

Ai ai cũng có thánh trong tâm.

Vì kiến, văn, che mới tối tăm.

Nay muốn thấy ra cho rõ rệt.

Chỉ lương tri thấy, chẳng khi lấm.

Việc chi ngày tối nét dấu dẫu?

Lầm dụng công trong cảnh nào sâu.

Chớ nói thánh môn không khẩu quyết

Lương tri hai chữ phải nên cầu.

Người người đều có định bàn châm

Vạn hóa, gốc nguồn thấy ở tâm.

Cười bấy trước đây điên đảo trí.

Tâm hành, tâm lá, vốn ngoài tâm

Không hơi, không tiếng, biết riêng tây

Nền tảng kiến khôn vạn hữu đây

Bỏ mất cửa nhà vô tận tạng

Mang binh lẫn cửa học ăn mày.

iv. – tri hành hiệp nhất – cấu tạo của vương học

Người Tàu có lời ngạn: “Tri chi phi gian, hành chi duy gian” (知之匪艱行之惟艱).¹ (Biết không khó khăn, chỉ có làm mới khó khăn).

Đầu thế kỷ hai mươi này, Tôn Văn xét tâm lý đồng bào mình, cho rằng không phải họ không làm gì được, chỉ vì họ không biết nên chẳng làm nên việc đó thôi. Bèn đảo ngược lời ngạn kia mà lập ra thuyết “hành dị tri nan” (行易知艱).

Như thế, trong học thuyết Tôn Văn cũng như trong lời ngạn kia, tri (connaissance) với hành (action) bị phân lìa ra làm hai.

Sự thật hai cái tri và hành có thể phân lìa không? Các nhà triết học đông tây kim cổ không ngớt tìm trả lời. Có phái cho rằng ta không thể biết được chân lý. Có phái cho rằng ta vẫn biết được chân lý, với cái

¹ Lời ngạn này dựa câu: “Phi tri chi gian hành chi duy gian” trong Kinh *Thơ*, thiên “Thuyết mạng” trung.

trí của ta, chớ không cần phải đợi làm rồi mới biết. Có phái cho rằng hễ thật dụng được chỗ nào là chân lý ở chỗ đó. Có phái lại cho rằng phải có thật hành (praxis) mới hẳn biết chân lý là gì.

Vương Dương Minh là người chủ trương ngoài tâm, không có vật cũng không có lý, hẳn là một nhà triết học duy tâm. Nhưng nhà triết học duy tâm này lại là một bậc tướng soái có tài kinh bang tế thế, một phần quan trọng trong đời ở trên yên ngựa, xông pha núi hiểm rừng sâu, không phải là kẻ giam mình trong phòng văn, bàn suông tán rỗng. Đời thật hành sửa chữa đời tư tưởng. Cái duy tâm triệt để của Vương Dương Minh nhờ thế mà không rời thật tế. Tiên sinh nhận ra tri với hành không rời nhau được mà hai cái hiệp nhất (unité de la connaissance et de l'action) nhưng không phải duy nhất (non pas unicité de la connaissance et de l'action). Chưa hành được là chưa phải chân tri. Chưa có chân tri, chưa có được chân hành. Tri, hành hai cái phải cùng đi tới một lượt.

Phân tích câu “Như ố ác xú, như hiếu hảo sắc” (如惡惡臭如好好色)¹ trong sách *Đại Học*. Vương Dương Minh nói: “Thấy màu đẹp là thuộc về tri. Ưa màu đẹp là thuộc về hành. Khi thấy cái màu đẹp ấy tự mình đồng thời ưa nó rồi, không phải thấy rồi, rồi sau mới lập tâm riêng mà ưa nó. Nghe mùi thú

¹ Như ghét mùi thú, như ưa màu đẹp.

là thuộc về tri. Ghét mùi thúì là thuộc về hành. Khi nghe cái mùi thúì ấy, tự mình đồng thời ghét nó rồi, không phải nghe rồi sau mới biết lập cái tâm mà ghét nó. Như người nghẹt mũi, tuy quanh mình có mùi thúì, mà mũi không nhận thấy được, thời cũng không ghét nó mấy, là chỉ vì không từng biết thúì.

見好色屬知好好色色屬行只
見那好色特已目好了不是見
後又立個心去好聞惡臭屬知
惡臭屬行只聞惡,臭時已自惡
了,不是開了後別立個心去要
如鼻塞人蜂見惡臭在前鼻中
不曾聞得便亦不甚思亦只是
了曾知臭

(Trả lời cho Từ Ái hỏi về “Tri hành hiệp nhất”.
(*Truyền Tập Lục*, thượng).

Tri với hành hiệp nhất trong động tác duy nhất. Hai cái hiệp nhứt được là ở chỗ “cực hạn” của nó. Vì ở chỗ “cực hạn” đó, nên chi “tri là bắt đầu của hành, hành là hoàn thành của tri” (知者行之始,行者知之成). (*Truyền Tập Lục*, thượng).

Cái nghĩa “tri hành hiệp nhất” của Vương Dương Minh, phải tìm nó ở chỗ “cực hạn” đó. Tức là chỗ “trung” của “vị phát”. Và nếu “tri hành hiệp nhất” có giúp ích được cho tâm học, cũng là giúp ích trong chỗ “cực hạn” đó mà thôi. Bởi vì như điều ác đã hành

rồi, thời còn thiên lý đâu được nữa? Mà ở chỗ “cực hạn”, tri hành còn hiệp nhất, khắc đảo ngay ác niệm, thời hành phát ra trúng tiết và còn hiệp nhất mãi với tri. Sách *Đại Học* dạy “thành ý”, sách *Trung Dung* “giới thận khùng cụ” là dạy thành ý, giới thận, khùng cụ, ở chỗ “vị phát chi trung”.

Một hôm Lưu Quan Thời (劉觀時) hỏi Vương Dương Minh: cái “vị phát chi trung” của tâm nó ra làm sao? Tiên sinh đáp: “Người chỉ nên răn gìn chỗ không thấy, e sợ chỗ không nghe, nuôi cho được tấm lòng ấy rỗng theo thiên lý, sẽ tự nhiên thấy nó”. Quan Thời xin chỉ cho biết khí tượng của cảnh ấy. Tiên sinh nói: “Đứa cầm ăn muối đắng, không cùng ai nói được nỗi đắng ra sao. Người muốn biết nỗi đắng ra sao, thời nên tự mình ăn thử sẽ biết”. Từ Ái khi ấy ngồi một bên nghe, bèn tiếp lời rằng: “Như thế mới thật là chân tri, và tức là hành vậy”.

汐但戒慎下靚恐懼不聞養得
心純是天理便自然見觀時請
略示氣象先生曰:啞了冥若瓜
與你說不得休惡如此苦還須
次自契時日仁在旁曰:如此才
是真如即是行矣

Tri với hành không có gián cách. Mà học giả phân làm hai cái rời nhau, cho nên vì có một cái niệm phát động, tuy là bất thiện nhưng mà lại chưa từng

hành đến, tất nhiên không hay cấm chỉ được. Vương Dương Minh thuyết “tri hành hiệp nhất” là muốn cho người đời hiểu rằng: “Một niệm phát động, tiện thị hành rồi. Chỗ phải động có bất thiện hãy khắc đảo cái niệm bất thiện ấy đi, phải nên triệt căn triệt để đừng cho một niệm bất thiện nào còn núp náu trong lòng”.

今人學問只人知行分作兩件
故有一念發動雖是不善然卻
未曾行便不去禁止我今說簡
知行合一正要人晓得而(?)念發
動處便郎是行了發動處有不
善就將這不善的念克到?須
惡徹根澈底不使一念不善淹(?)
伏在胸中

(*Truyền Tập Lục*, hạ).

Tri với hành không có gián cách không có rời nhau, mà hai cái hiệp nhất (unité). Nhưng hai cái không phải là duy nhất (unicité). Tức là hai cái có khác nhau. Vậy quan hệ giữa hai cái tri với hành ra sao? “Tri là chủ ý của hành. Hành là công phu của tri. Tri là bắt đầu của hành. Hành là hoàn thành của tri”.

知是行的主意,行是知的功夫
知是行之始行是知之成,

(Trả lời cho Từ Ái, *Truyền Tập Lục*, thượng).
 “Tri là bắt đầu của hành. Hành là hoàn thành của tri. Thành học chỉ lấy làm một công phu: tri, hành, “không nên phân làm hai cái rời nhau”.

知者行之始,行者知之成聖學

只一個功夫,知行不可,分作事

(*Truyền Tập Lục*, thượng)

Chỉ về chỗ hiệp nhất ấy, Khổng Tử nói: “Nhất dĩ quán chi” (一以貫 之) (Xem thơ đáp Cổ Đông Kiều, *Truyền Tập Lục*, trung). Lấy thí dụ như một sự ăn. Phàm người ta có cái tâm, muốn ăn, mà rồi sau mới biết ăn. Cái tâm muốn ăn ấy, tức là ý, tức là bắt đầu của hành. Ăn thức gì ngon dở tất phải chờ vào miệng rồi sau mới biết ngon dở thế nào. Há có thể thức ăn chưa vào miệng mà trước đã biết mùi ngon dở hay sao?

夫人必有飲食之心然後知食

欲食之心廓是意郎是行之始

美味之美惡,必待入口而後知,

豈有不待入口而已先知食味

之美惡者耶?

(Thơ đáp Cổ Đông Kiều, *Truyền Tập Lục*, trung).

Tri mà đến chỗ chân thiết đốc thật, tức là hành. Hành mà đến chỗ minh giác tinh sát, tức là tri.

知之真切篤實處,即是行,行之

明覺精察處節是知,

(Trả lời Cố Đông Kiều, *Truyền Tập Lục*, trung).
Tư tưởng này Vương Dương Minh diễn đi diễn lại nhiều lần. (Xem tản mạn trong *Truyền Tập Lục*).

Gọi rằng chân tri là khi đã có thật hành. Không thật hành không đủ gọi là tri (真知卽以為行不行不足請之知). (Thơ đáp Cố Đông Kiều. *Truyền Tập Lục*, trung).

Tri, hành, quan hệ nhau như thế. Hai cái vốn không được rời nhau. Học giả đem tri, hành, chặt đứt ra làm hai, mà dụng công tìm tri riêng, tìm hành riêng. Như thế là làm mất cái bốn thể của tri-hành đi. Chỉ vì thấy tình cảnh lầm lạc ấy, Vương Dương Minh mới phải xướng thuyết “hiệp nhất tịnh tấn”.

只為後世學者分作兩截用功,
失卻知行本體故有合一並進
之說

(Cùng trong thơ đáp Cố Đông Kiều).

Đời thượng cổ, thánh hiền vốn không hề có phân tri, hành ra làm hai. Xem như lời kinh *Dịch* nói: “Tri chí, chí chí” (知至至之). Tri chí (biết chỗ đến) là tri vậy. Chí chí (đến đó) là trí tri vậy. Đó là sở dĩ tri hành hiệp nhất vậy. Đời sau, thuyết trí tri chỉ nói được có một chữ “tri” không từng nói đến chữ “trí” (致), cho nên tri với hành phân ra làm hai.

知至者知也至知者致知也,此

知行之所以合一也,若後世致
知之說止說得一知字不曾說
得致字此知行所以二世

(Thơ cho Cố Duy Hiền *Tục Biên*, nhị).

Vì bởi phân tách tri với hành cho nên người đời không tri được lương tri. Cái lương tri nó tự tri nguyên là rất dễ dàng. Chỉ là không hay “tri” cái lương tri đó, cho nên mới có lời ngạn “tri chi phi gian, hành chi duy gian”.

良知自知原是容易的只是不
能致那良知便是知之匪難行
之惟難

(*Truyền Tập Lục*, hạ)

Đã phân tri hành ra làm hai, người đời hoặc hành mà không tri, tức là loạn hành hoặc đợi tri mà rồi mới hành, thời hóa ra trọn đời không có hành gì được cả, mà nhân đó cũng trọn đời không có tri gì được cả.

待知得真了方去做行的功夫
故遂終身不行亦遂終身不知

(Đáp lời Từ Ái - (*Truyền Tập Lục*, thượng)

Luận chứng về tri hành hiệp nhất của Vương Dương Minh có một cái ghê tởm mà tiết thiết trăm nghìn. Mỗi người không thể có được cái cơ hội nhận thức chân xác chỗ tiên sinh nói ra đây. Tiên sinh vốn là danh nho mà cũng là danh tướng. Người xưa đã

có câu: “Nhất tướng công thành vạn cốt khô”. Xem phần trên về thân thể ta thấy đời làm tướng của tiên sinh không phải chém giết có một vạn người mà thôi, mà không biết là mấy vạn. Cái tâm của người khi chém giết như thế nó ra sao? Nó phải bất động như thế nào mới được. Theo tiên sinh thời sự cầm gươm giết người, há lấy ý tưởng mà biết được sao? Tất phải tự thân có tập qua sự ấy mà rồi sau mới khá tin rằng mình làm được. Thiên hạ chưa ai chưa đập qua một việc nào, mà có thể hiểu được cái lý của sự ấy. Học giả đời sau này đi cách vật, là lằm ở chỗ không tự thân xử cảnh muốn tìm cái tri riêng cái hành, ngoài cái hành.

劉邦采曰昔有問人能養得此
心不動即可與行師否?先生曰
也須學過此是對刀殺人事盖
意想可得?必須習其事斯節制
漸(?)明,智慧漸周方可信行,天下
未有不履其事而能造其理者
此後世格物之學所以為謬也 (Thế Đức Ký)

Thuyết tri hành hiệp nhất của Vương Dương Minh xem qua có phần giống với thuyết *praxis* trong chủ nghĩa duy vật biện chứng pháp và thuyết tri lực nhất trí (知與力一致) của Francis Bacon.¹

¹ Scientia et potentia humana in idem coincident (Novum Organum, livre I paragraphe 33).

Kết thúc chương này, hãy mượn lời tiên sinh truyền thọ môn nhân là Từ Ái, em rể của tiên sinh.

Lời truyền thụ môn nhân

(Bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục)

Môn nhân là Từ Ái hỏi tiên sinh cái nghĩa tri hành hợp nhất. Tiên sinh nói rằng hễ nói thử xem Ái nói rằng như người ta đều biết rằng đối với cha nên hiếu, đối với anh nên đễ, mà lại không làm được sự hiếu sự đễ, thế là tri với hành phân minh làm hai cái. Tiên sinh nói rằng thế là vì đã bị cái tư dục nó cách đoạn đi rồi, không phải là bản thể của tri hành vậy. Chứa có khi nào đã tri mà chẳng hành, tri mà chẳng hành, chỉ là chứa tri. Thánh hiền dạy người tri hành chính là phục lại cái bản thể tri hành. Cho nên sách Đại học tỏ rõ ra cái chân tướng tri hành, để cho người xem như hiếu hảo sắc, như ố ác xú. Trông thấy cái hảo sắc thuộc về tri, hiếu cái hảo sắc thuộc về hành, chỉ là lúc trông thấy hảo sắc đã tự nhiên hiếu ngay, không phải là trông thấy hảo sắc rồi sau lại lập cái tâm nữa để hiếu. Người thấy cái ác xú thuộc về tri, ố cái ác xú thuộc về hành, chỉ là lúc người thấy ác-xú đã tự nhiên ố ngay, không phải là người thấy ác xú rồi sau mới lập cái tâm nữa để ố. Như người mắt lòa dẫn hảo sắc ở trước mắt trong mắt chẳng từng thấy rõ, cũng chẳng hiếu lắm, cũng chỉ là vì chẳng từng biết cái sắc. Như người mũi tắc, dẫn ác xú ở trước mặt, trong mũi chẳng từng người thấy, cũng chẳng ố lắm, cũng chỉ là vì chẳng từng

biết cái xú. Như khen người ấy là biết hiếu biết lễ tất là người ấy đã từng làm sự hiếu sự lễ, mới có thể khen người ấy là biết hiếu biết lễ được, không phải là chỉ thấy người ấy nói hiếu nói lễ mà đã có thể khen ngay là biết hiếu biết lễ được. Lại như người biết đau tất đã tự mình đau rồi mới biết đau, người biết rét, tất đã tự mình rét rồi mới biết rét, người biết đói, tất đã tự mình đói rồi mới biết đói, tri với hành chia thế nào ra được làm hai – ấy là cái bản thể tri hành, chưa từng có tư ý cách đoạn là thế đấy. Thánh nhân dạy người, tất như thế mới gọi là tri; nếu chẳng thế, chỉ là bất tăng (từng) tri. Ái lại nói rằng cổ nhân nói tri hành chia ra hai cái cũng là cốt khiến cho người ta hiểu ra một đàng là công phu tri, một đàng là công phu hành, cái công phu mới có chốn mà hạ lạc. Tiên sinh lại nói rằng thế là sai mất cái tôn chỉ của cổ nhân. Ta chỉ nói tri là cái chủ ý hành, hành là cái công phu tri, tri là phần bắt đầu của hành, hành là phần kết liễu của tri. Nếu hiểu được lẽ ấy thì chỉ nói một cái tri, đã tự khắc có cái hành ở đó, chỉ nói một cái hành đã tự khắc có cái tri ở đó. Cổ nhân sở dĩ đã nói tri lại nói hành chỉ vì thế gian có một hạng người mơ màng, lơ lảo toàn không biết tư niệm quan sát là cái gì, chỉ là một kẻ nhắm mắt làm càn cho nên tất nói, có tri rồi mới hành được chính đáng. Lại có một hạng người ngỗ vẩn ngỗ vơ toàn không biết trước thực cung-hành là cái gì, chỉ là một kẻ mô hình, tróc ảnh cho nên tất nói có hành rồi mới tri được đích xác. Đó là cổ nhân bắt đặc dĩ, nói

ra lời bỏ thiên cứu tệ mà thôi. Nay người đời cứ đem tri hành chia ra làm hai, cho là tất tiên tri rồi sau mới năng hành, như nay bằng đi giảng tập thảo luận, hạ cái công phu tri, đợi tri được đã rồi mới hạ cái công phu hành cho nên thành ra chung thân bất hành, mà cũng thành ra chung thân bất tri. Cái bệnh đó không phải là cái bệnh nhỏ, mà cũng là cái cố tật của người đời đã lâu. Ta nay nói ra cái thuyết tri hành hợp nhất chính là phương thuốc đối với cái bệnh người đời, lại chẳng phải là ta huyền không soạn xuất đâu, cái bản thể tri-hành, nguyên là như thế.

(Sao lục bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục, đăng ở *Nam phong* tạp chí số 109, ra kỳ Septembre 1926).

v. – trí lương tri – hoàn thành của vương học

Hai chữ “lương tri” là giọt máu điểm xương của những bậc thánh ngàn đời truyền cho nhau. Mà kẻ chí ngu chí ác, mà đứa trẻ con còn thơ dại, cũng có được lương tri. Duy có được lương tri mà biết nắm giữ nó, biết bồi bổ nó làm cho nó hiển minh ra, làm cho nó đến cùng đến tột thời là mấy ai? Cho nên mấy ai đạt đạo, mấy ai thánh hiền?

Như nói về sự hiểu thân. Châu Hy bảo rằng: “Biết như thế nào là ấm lạnh, biết như thế nào là phải đạo phụng dưỡng”. Đó, theo Vương Dương Minh chưa là đủ, chưa là hiểu. Đó, chỉ là mới biết, mà chưa phải biết đến nơi đến chốn (是所謂知矣而未可以為致知也)(thơ Gia Dương (諸陽), quyển *Văn Lục*). Tất phải có dùng công phu làm qua việc quạt nồng ấp lạnh, việc phụng dưỡng, rồi mới nói được là con có hiểu.

Như tâm phát ra một cái niệm thiện mà chưa làm qua điều thiện đó, thời đâu đã gọi được là người thiện?

Vậy, tâm đã có lương tri, phải làm cho cái lương tri đó đến nơi. Phải “trí lương tri” (致良知). Chữ “trí” 致 gồm có chữ “chí” 至 (nghĩa là đến). Cho nên chữ “trí” có nghĩa là làm cho đến nơi cùng tột. Như câu sách *Luận Ngữ* nói: “Tang trí hồ ai nhi chí” (喪致乎哀而止). Lại kinh *Dịch* nói: “Trí chí, chí chí”. Tiếng “chí chí” ở đây có nghĩa là “trí” vậy.

Người ta khác phẩm bậc nhau về cái chỗ lương tri đó. Bậc thánh nhân tự nhiên mà trí lương tri. Bậc hiền nhân gắng sức mà trí lương tri. Kẻ ngu bất tiểu, tự tẻ tự muội, chẳng khứng trí lương tri.

自然而致之者聖人也勉然而
致之者賢人也自蔽自昧而不
肯致之過不肯也

(Thơ Ngụy Sư Mạnh (魏師孟) quyển *Văn Lục*) Kẻ ngu bất tiểu, tuy là tẻ muội đến cực điểm, chưa dễ không còn lương tri. Nếu kẻ ngu kia biết trí lương tri, đó thời cũng thánh nhân có khác gì?

遇不得者雖其蔽味之極良之
又未嘗不存也苟能致郎之興
聖人無異矣,

(Cùng bài “Thơ Sư Mạnh quyển”). Cho nên trí lương tri là đệ nhất nghĩa của thánh nhân lấy dạy người đời. (Thơ trả lời Sùng Nhất. *Truyền Tập Lục*, trung).

Cho đặt trí lương tri, phải dùng công phu thời thời khắc khắc tập nghĩa, phải duy tinh duy nhất mới trí được cái lương tri.

Bổn thể của lương tri nguyên là cái “vị phát chi

trung” không thấy, không nghe được. Cho nên cái công phu trí lương tri phải răn gìn chỗ không thấy, phải sợ sệt chỗ không nghe. Nếu học giả mà thời thời khắc khắc thường thấy chỗ không thấy, thường nghe chỗ không nghe, thời cái công phu mới có chỗ thật hạ lạc, sau lâu thành thực rồi ắt không phải ra sức nữa, không chờ có phòng kiểm nữa, mà chân tính sẽ tự nó tác dụng không ngừng nghỉ.

蓋不覩不聞是良知本體戒慎
恐懼是致良知的良夫學者時
時刻刻常都其所不都常聞其
所不聞工失,共有箇實落處以(?)
以成熟後則不順著不得防
檢而真性自不愿矣

(Trả lời cho Hoàng Dĩ Phương, *Truyền Tập Lục*, hạ). Công phu trí lương tri như thế, đem dùng ngay về trong lương tri, trong con tâm, không phải dùng phía bên ngoài “ta”.

Nếu được thời thời khắc khắc tựu ngay nơi con tâm mình mà tập nghĩa, thời ắt cái thể của lương tri sẽ đồng nhiên minh mạch, rồi mà tự nhiên thị thị phi phi không khuất lấp một mảy may nào.

若時時刻就就自心上集義則
良知之體洞然明白自然纖毫
莫遁

(Thơ trả lời Nhiếp Báo. *Truyền Tập Lục*, trung).

Phép trí lương tri không xa mấy với sự gọi là thể nhận thiên lý. Hai cái khác nhau về chỗ một đàng

là thể một đàng là dụng. Thí như phép trồng cây, trí lương tri như vun quén dưới gốc rễ cho sinh ý cây được phát đạt, mà cành lá sẽ sum suê. Thể nhận thiên lý như cầu cho cành lá sum suê, thể tất cũng không bỏ cội gốc được.

致良知者是培其根本之生產
而造之,枝葉也體認天理者是
茂其枝葉之生意欲茂其葉 葉
之生意亦安能否根本而別有
生意者乎?

(Thơ cho Mao Hiến Phó. *Văn Lục*)

Đạo học cốt ở chỗ trí lương tri. Ngoài cái lương tri, không còn có cái biết nào khác. Cho nên ngoài cái học trí lương tri cũng không có cái học nào khác (良之外更無知,致知之外更無學) (Thơ cho Mã Tử Tân. *Văn Lục*). Trí lương tri là chánh pháp nhãn tạng của cửa thánh.

近來信得致良知三字真聖門
正法眼藏

Ấy là lời Vương Dương Minh nói năm tân tỵ (1521) là năm tiên sinh bắt đầu dạy trí lương tri. Đến năm đinh hợi (1527), còn không bao lâu nữa thời qua đời, tiên sinh viết thơ cho con nuôi là Vương Chánh Hiến căn dặn: “Ta bình sinh giảng học, chỉ có ba chữ *trí lương tri*” (吾平生講學只是“致良知”三字). (*Vương Dương Minh toàn thơ*, Tục Biên, nhất).

Thánh hiền thấy chỗ “nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi” cho nên trau giồi lấy một con tâm, và

truyền cho người đời cũng truyền cái phép trau dồi con tâm ấy mà thôi. Vương học vẫn là cái học của thánh hiền, vẫn là tâm học. Cho nên, lấy trí lương tri làm mục đích cuối cùng. Phật giáo tuy nói đến tâm mà qui kết không thật dụng, thời cái tâm ấy há ích gì cho thể đạo nhân luân?¹ Tâm của Vương học lấy việc minh luân làm đầu và làm cuối. Bởi cho nên trí lương tri là hoàn thành của Vương học.

Hãy xem lời dạy của tiên sinh sau này:

Thơ cho Nhiếp Báo về trí lương tri

“... Loài người tức là tâm của trời đất. Thế là trời đất muôn vật cùng ta nhất thể vậy. Sinh dân khổ khổ lắm than, há chẳng phải là việc đau đớn thiết đến thân ta hay sao? Ai không biết tâm mình đau đớn, tức là người ấy không có lòng thị phi.

“Lòng thị phi của con người ta chẳng cần lo nghĩ mà biết, chẳng cần học mà hay. Ấy gọi là lương tri, lương tri ở tâm người ta, ai ai cũng có, không phân cách ra bậc thánh, người ngu, mà thiên hạ cổ kim đều giống như nhau.

“Bực quân tử ở đời chỉ chăm chăm làm sao cho lương tri mình đến nơi thì tự nhiên có thể chung lẽ thị phi, đồng lòng hiếu ố coi người như thân mình, coi nước nhà như nhà mình và coi hết cả trời đất

¹ 釋氏之外人倫遺物理而隨於空寂者固不得請之明其心矣
(Thơ cho Hạ Đôn Phu Văn Lục).

muôn vật như nhất thể, lúc ấy cầu cho thiên hạ đừng trị cũng đừng chẳng được nào.

“Sở dĩ người xưa thấy điều thiện xem như tự mình làm ra; thấy điều ác xem như tự mình mắc phải; xem dân đói khát chìm đắm không khác gì mình đói khát chìm đắm, có một người nào chẳng được yên sở, cũng xem như mình đẩy người ta xuống ngòi rãnh. Nào phải cố làm ra như thế để cho thiên hạ tin mình đâu. Chẳng qua cốt làm cho đến nơi lương tri của mình, để tìm thấy sự vui lòng hả dạ cho mình mà thôi.

“Đời sau, cái học lương tri không được giảng minh, thành ra người trong thiên hạ, bên ngoài mượn cái danh nhân nghĩa, bên trong làm cái thực tư lợi, khéo lấy miệng lưỡi a dua thói tục giả đồ nét na cầu lấy tiếng tăm, che lấp điều hay của người để vợ lấy cái giỏi về mình, xoi bói việc tư của người để ngầm tỏ ra mình thắng, hung hăng ganh lấy phần hơn mà dám bảo rằng làm theo điều nghĩa, nam hiểm lật nhau từng miếng, mà dám bảo rằng không ưa thói gian, ghen hiên ghét ngổ mà tự cho thế là chung lẽ thị phi, gàn dở luông tuông, mà tự cho thế là đồng lòng hiếu ố. Đến nỗi lấn hiếp nhau, làm hại nhau, ngay trong một nhà ruột thịt thân yêu, còn không khỏi đây đó rào ngăn vách chắn thay, huống gì với thiên hạ thì lớn, dân vật thì nhiều, bảo họ làm sao coi nhau làm nhất thể cho được!...

[Dương Minh này] nhờ linh tính trời cho, ngẫu nhiên thấy được cái học lương tri tin rằng tất phải

theo đó rồi sau thiên hạ mới có thể bình trị. Cho nên mỗi khi nghĩ đến cảnh khổ dân ta đắm chìm, tôi thấy trong lòng buồn bã đau đớn, quên hẳn mình bất tài, chỉ lo nghĩ đem cái học lương tri ấy ra để cứu vớt dân, thật cũng là không biết tự lượng vậy.

“Người ta trông thấy như vậy, đua nhau chê cười bài bác tôi, cho tôi là người mắc bệnh điên cuồng, táng tâm. Than ôi!... ta đang thấy đời mà đau đớn thiết thân, có rồi hơi đâu kể đến những miệng tiếng chê cười của ai!

“Tôi đây sức mọn tài hèn, đâu dám nhận lấy đạo Phu tử làm công việc của mình, nhưng chỉ nghĩ tâm mình hơi biết đau khổ thiết thân, vì thế mà bàng hoàng nhìn quanh tứ phía, muốn tìm lấy người đồng tâm đồng chí, ra tay giúp mình để mong chữa bệnh cho đời, thế thôi.

“Vĩ bằng ngày nay quả gặp được bọn hào kiệt đồng tâm, cùng nhau làm cho cái học lương tri được sáng tỏ trong thiên hạ, để ai nấy đều biết làm cho đến cái lương tri của mình, hầu trừ hết mối tệ tự tư tự lợi, rửa sạch thói quen gièm pha ganh ghét lẫn nhau, để cùng dựng nên cuộc đại đồng như thế thì bệnh điên cuồng của tôi khỏi ngay và không lo đến phải cái vạ táng tâm nữa, há chẳng vui sướng lắm thay!...¹

(Thơ trả lời cho Nhiếp Báo - *Truyện Tập Lục*, trung).

¹ Lời dịch của ông Quán Chi, trong *Trung Bắc Chủ Nhật* số 155 ra ở Hà Nội ngày 2 Mai 1943. Có chữa đi vài chữ và vài dấu chấm câu.

vi.– tiếp dẫn của vương học

Khởi điểm ở nơi “tâm”, Vương học xây nền trên “lương tri” dựng nên học thuyết “tri hành hiệp nhất”. Tri không được rời hành, hành không được rời tri. Mà tri thời gốc ở nơi tâm. Tri đến chân thiết đốc thật, tiện thị là hành. Hành, theo Vương Dương Minh, không đợi phát biểu ra mới gọi là hành, mà ngay khi ý phát động đã là hành rồi. Như ưa sắc đẹp. Vừa thấy sắc đẹp vừa ưa một lượt. Sự ưa đó là hành rồi. Vậy thời hành ngay khi còn trong ý trong tâm.

Rút lại, Vương học quay trở về tâm.

Ngoài tâm không có gì cả. Tự tâm mà ra tất cả.

Xử thân, tiếp vật, Vương Dương Minh chỉ bằng nơi tâm mà thôi. Tiên sinh phản đối gắt Tống nho về chỗ bỏ tâm mà chạy theo vật.

1. Cách vật

Trung khu của học thuyết Tống Nho là cách vật

để trí tri. Nghĩa là cách vật để biết lý của nó cho đến nơi đến chốn.

Một chữ “cách” trong câu “cách vật trí tri” ở sách Đại Học, giải nghĩa sai lầm, đã dẫn Tống Nho đi đến chỗ chi ly quyết liệt. Trong kinh Thơ, phần “Thuần Điển” có câu: “Thuần cách vu Văn Tố”. Nghĩa là vua Thuần đi đến miếu Văn Tố. Lại cũng trong kinh Thơ, phần “Đại Vũ Mô” có câu: “Thất tuần Hữu Miêu cách”. Nghĩa là bảy tuần (70 ngày) sau, dân Hữu Miêu đến. Trong hai câu đó, chữ “cách” đều có nghĩa là “đi đến”. Nghĩa là bảy tuần (70 ngày) sau, dân Hữu Miêu đến. Trong hai câu đó, chữ “cách” đều có nghĩa là “đi đến”.

Vịn theo cái nghĩa này, Tống nho cắt nghĩa chữ “cách vật” là đi đến chỗ vật.

幣字之輓有以至字訓者如格

“工交?”有苗來格是以至訓者也

Cầu cái định lý

禾家所謂務物云者在郎物而

窮其理也即物窮理是就事事

物物上求其所謂定理者也,

(Thơ trả lời Cổ Đông Kiêu (*Truyền Tập Lục*, trung). Châu Hy gọi rằng “cách vật” là đi đến ngay chỗ vật mà xét cho cùng cái lý của nó. Bất kỳ sự vật nào cũng đi cho đến mà xét, mà cầu cái định lý. (Thơ trả lời Cổ Đông Kiêu. *Truyền Tập Lục*, trung). Xem lời Châu Hy trong Đại học chương cú của người.

Mọi người đều nói: “Cách vật phải làm theo Châu

Hy”. Nhưng ai đã từng làm theo? Vương Dương Minh thời đã từng có làm theo như thế. Năm 21 tuổi mới đỗ cử nhân, tiên sinh muốn làm thánh hiền. Và cho rằng muốn làm được thánh hiền chỉ cần phải “cách” những vật trong thiên hạ. Nhân đó mà với Tiền Hữu Đồng (錢有同) cùng nhau thử “cách” vật lý của đám trúc trước sân. Họ Tiền hôm sớm tìm thế cùng “cách” đạo lý của cây trúc. Song le lấy hết tâm tư, đến ba ngày không tìm được gì cả, mà thấy tinh thần lao khổ đến sinh bệnh. Tiên sinh cho là họ Tiền không đủ tinh lực. Bèn đích thân cùng “cách” vật lý thử xem. Nhưng mãi cũng không thấy gì được. Đến bảy ngày, chẳng hơn gì họ Tiền, tiên sinh lại cũng lao tứ mà thành bệnh, đành than rằng thánh hiền phải có phận mới làm được.

Về sau tiên sinh đọc thấy Trình Minh Đạo có câu: “Ta viết chữ rất kính cẩn, không phải cầu cho chữ tốt, mà chỉ vì có thể mới là học. Đã không cầu chữ tốt, sao lại còn tập viết làm gì? Phải biết rằng cổ nhân tùy thời, tùy sự, chỉ học tại nơi con tâm. Cái tâm ấy mà tinh minh, thời điệu chữ do đó mà tốt”. Câu nói của Trình Minh Đạo làm cho tiên sinh tỉnh ngộ, biết rằng muốn cách vật không phải chạy theo vật, mà phải cứ nơi con tâm. Rồi ba năm đi đây ở Long Trường tiên sinh chung lộn, kham khổ với giống mọi rợ, nghĩ tìm đạo xử khốn của thánh nhân; càng thấy rõ thánh nhân trong cảnh ngộ như thế, không ra ngoài tâm. Bấy giờ mới thâm hiểu “vật trong thiên

hạ nhiều quá, vốn không có thể nào cách cho được hết, cái công phu cách vật chỉ phải đem dùng tại nơi thân tâm mà thôi”.

乃知天下之物本無可格者

其格物之功只存心身上做

(*Truyền Tập Lục*, hạ).

Tiên sinh xét ra Tống nho cắt nghĩa chữ “cách” là “chỉ” (至) (đi đến) thời sai lầm. Câu “Thuần cách vu Văn Tổ” có cái nghĩa thành kính, trong u minh cũng không có một mảy nào không được phải lý; mới gọi là “cách”. Đến như trong câu “Hữu Miêu cách”, chữ “cách” cũng có nghĩa là dân Miêu ngoan ngạnh mà cảm văn đức rồi sau mới đến. Vậy thời chữ “cách” có gồm cái nghĩa là chánh (正) (làm cho chánh đáng), chớ một chữ “chỉ” không đủ nghĩa.

然格于女祖必純存誠敬幽明

之間無一不得其理而後謂之

格有來之頑竇以女德誕敷而

後格則亦兼有正字之義在其

間未可專以至字盡之也,

(Thơ trả lời Cổ Đông Kiều. *Truyền Tập Lục*, trung)

Cái nghĩa này thấy rõ trong câu kinh Thơ, thiên “Quỳnh Mạ”: “Cách kỳ phi tâm” (格其非心). Cũng thấy rõ trong câu sách Mạnh Tử, chương “Ly Lô”: “Duy đại nhân vi năng cách quân tâm chi phi” (惟大人爲能格君心之非). Cách ở đây là làm cho trở nên chánh đáng điều không chánh đáng, để đem về nơi chánh đáng (正其正不以歸您正). Chớ còn dùng

một chữ “chỉ” mà cắt nghĩa chữ “cách” ở chỗ này sao đủ nghĩa? Nếu chữ “cách” chỉ có nghĩa là “chỉ”, thời sách Đại Học nói “cách vật trí tri” chỉ là nói “cùng chỉ cái lý của sự vật” (躬至事物之理). Như thế thời dụng công chỉ ở nơi suy cứu cho cùng, dụng lực chỉ ở nơi tìm lý. Nếu cùng cái lý rồi mà trí tri, thời sao thánh nhân không nói “trí tri tại cùng lý” (致知在窮理), mà phải nói “trí tri tại cách vật”? (致知在格物). Tất cái nghĩa của “cách vật” phải gồm “trí tri, thành ý, chánh tâm” (致知誠意正心). Chỉ một tiếng “cùng lý” không đủ. Phải có “chánh tâm” mới thật là trí tri, mới thật là trí lương tri. Biết đến suốt tột cái lý, mà không chánh cái tâm, thời chưa là tri hành hiệp nhất, nghĩa là chưa biết. (Xem *Truyền Tập Lục*, trung).

Chữ “cách” cắt nghĩa là “chánh” như thế, thời “cách vật” phải cắt nghĩa là “chánh cái vật, làm cho cái vật được chánh đáng”. Vật mà muốn làm cho nó chánh đáng là làm sao? Nên nhắc rằng Vương Dương Minh định nghĩa chữ “vật” như vậy: “Chỉ về hình thể, thời gọi là thân; chỉ về sự chủ tể, thời gọi là tâm, chỉ về chỗ tâm phát động, thời gọi là ý, chỉ về sự tinh minh của ý, thời gọi là tri; chỉ về chỗ ý đi đến thời gọi là vật. Mà tâm, ý, tri, vật, thật ra, chỉ là một mà thôi”. Như thế thời “vật” không phải là cái có hình chất ở ngoài ta, mà “vật” chính là trong ta, trong tâm, trong ý ta. Vương Dương Minh nói: “Vật là sự. Phàm ý mà phát động, tất là có sự. Cái sự mà ý ở vào đó, gọi là vật”.

物者事也 斤意之所發必有其
事意所在之事謂之物

(Đại Học Vấn)

Vật chỉ là sự. Sự là chỗ ý nằm đó. Ý là phát động của tâm. Vậy thời cách vật tức là chánh cái sự, tức cũng là chánh cái ý, tức cũng là chánh cái tâm, làm cho cái tâm đứng ở chỗ “vị phát chi trung”.

Cách vật có nghĩa là chánh tâm. Cho nên cái công phu trong sự cách vật là “chỉ chí thiện”. Bao giờ đã biết chí thiện là biết cách vật.

格物是止至善之功既知至善
卽知格物矣

(Trả lời cho Từ Ái, *Truyền Tập Lục*, thượng).

Tăng Tử “phản cầu chư kỷ” (反求諸己) là phải hơn Tử Hạ “đốc tín thánh nhân” (篤信聖人). Vì nếu ở nơi tâm không thấy lý, thời còn tìm lý nơi lời thánh nhân sao được? Cái tâm cũng như cái gương. Tâm của thánh nhân như cái gương sáng. Tâm của thường nhân như cái gương mờ. Châu Hy gọi “cách vật” là sự theo vật mà cùng cứu cái lý của nó. Làm như thế là lấy cái tâm mà cầu lý nơi sự vật, cũng như lấy cái gương mà soi vật. Dụng công ở chỗ “soi”. Chẳng biết rằng nếu cái gương mà đã mờ, thời còn soi gì được. Vương Dương Minh thời cho cách vật cũng như là mài gương cho sáng. Dụng công ở chỗ “mài”, không có dụng công ở chỗ “soi”. Mà rồi một khi gương đã sáng thời không gì nó không soi. Việc “mài” gương với việc “soi” gương, gốc, ngọn khác nhau vậy. Việc

cầu nơi tâm mà tìm lý của sự vật, với việc lấy tâm mà chạy theo sự vật để cầu lý, cũng khác nhau ở chỗ gốc, ngọn vậy. Phàm lấy tâm mà chạy theo sự vật để cầu lý, thì như cầu cái lý của sự hiểu nơi cha mẹ. Nếu cầu cái lý của sự hiểu nơi cha mẹ, thời cái lý của sự hiểu chẳng là không ở nơi tâm của ta sao? Chẳng là cái lý của sự hiểu nó lại ở nơi thân hình của cha mẹ ta sao? Lại thí như thấy người sa xuống giếng khơi ắt có cái lý trắc ẩn. Cái lý trắc ẩn đó, há nó ở nơi thân hình của người bị sa xuống giếng khơi kia sao? Há nó ở nơi cái giếng khơi kia sao? Cái lý của sự trắc ẩn, cái lý của sự hiểu, cái lý của sự vật vật đều ở nơi tâm ta cả. (Xem *Truyền Tập Lục*, trung).

Vậy thời cách vật là cách cái vật trong tâm của ta, cách cái vật trong ý của ta, cách cái vật trong tri giác của ta.

格物者格其心之物也格其意
之物也格其知之物也

(*Truyền Tập Lục*, trung). Ý nghĩa “cách vật” của sách Đại Học, triệt thủ triệt vĩ chỉ là bấy nhiêu. Từ kẻ mới bắt đầu học cho đến bậc thánh nhân cũng chỉ có một cái công phu đó mà thôi. Cách vật không phải cách cái vật ở ngoài tâm của ta, mà phải hiệp tâm và lý làm một.

Cách vật là làm điều thiện, xua điều ác (Lời dạy cuối cùng cho Đức Hồng và Nhữ Trung). Thiện, ác trên kia đã nói. Thiện là ròng theo thiên lý. Ác là cái gì thái quá, hay bất cập, nhích sai thiên lý.

Cách vật chỉ là cách cái vật trong tâm, nghĩa là cứ cái tâm, không phải cứ nơi vật. Vì vậy, dầu cho là cách một vật mà cũng đủ cả các vật khác. Bởi chánh được cái tâm, là cái gốc, thời là trọn. Hoàng Dĩ Phương (黃以方) nói: “Thuyết cách vật trí tri, là tùy thời tùy vật mà trí tri, ắt là được cái tri về một chi tiết, không được cái tri về toàn thể”. Vương Dương Minh bảo: “Tâm của ta như trời, như vực. Cái bốn thể của tâm có gì là không gồm ở trong? Thí như ta thấy vòm trời trước mắt, vì bị tường khuất, không thấy được toàn thể của trời. Nhưng nếu ra ngoài xem rộng bốn phương thấy trời được trọn đủ, ta không thể cho rằng trời này với vòm trời của ta ngồi trông thấy, có khác nhau. Cái bốn thể của trời bao giờ cũng là một. Tuy là một vòm trời cũng vẫn có bốn thể của toàn thể trời ở trong đó. Thời sao nói được rằng ta chỉ biết có một chi tiết, khi ta chỉ tùy thời tùy vật mà cách vật trí tri. Cho nên “Cái tri thức về một chi tiết cũng là tri thức về toàn thể, tri thức về toàn thể cũng tức là tri thức về một chi tiết, đều là một bốn thể mà thôi”.

一節之知即全体文知全体
 之知郎一節之知總是一筆
 本体

(*Truyền Tập Lục*, trung). Tại nơi thân tâm mà tìm vật lý, là việc gán gũ, dễ dàng người người đều làm được. Và quyết nhiên, như thế, người người đều có thể làm thánh hiền. Mà dầu cho con trẻ cũng có

thể làm được việc cách vật ấy. Thí như con trẻ chưa biết gì, chỉ phải rưới nước quét nhà và học ứng đối. Việc rưới nước quét nhà và học ứng đối ấy là một vật. Lương tri con trẻ chỉ biết có đến đó, thời tùy đó mà dạy con trẻ cách vật, khái cái lương tri nó, cho biết kính thầy kính kẻ bề trên. Như thế là con trẻ tự có cách vật trí tri của con trẻ. Từ con trẻ đến thánh nhân, từ kẻ hái củi cho đến bậc công khanh, đại phu hay thiên tử đi nữa, cũng chỉ một cái công phu cách vật trí tri, có khác nhau chẳng là khác về trình độ, chớ về bốn thể chẳng khác nhau gì cả.

Trình tử nói: “tại vật vi lý” (在物爲理). Vương Dương Minh bảo: trên chữ “tại” phải thêm chữ “tâm”, mà nên nói: “tâm tại vật tắc vi lý” (心在物則爲理). Như thế vật, lý đều nằm trong tâm. Muốn cách vật, phải cách ở cái tâm đó mà thôi.

Thuyết cách vật, cũng như bao nhiêu những thuyết khác của Vương Dương Minh, cũng là dẫn trở về tâm, về luân lý đạo đức. Cách vật là công phu để thành ý (誠意). Nếu chẳng vụ nơi thành ý mà đi cách vật thời là chia lìa (tâm vật làm hai). Nếu chẳng vụ nơi cách vật mà cầu thành ý thời là hư. Nếu chẳng lấy gốc nơi trí tri mà đi cách vật, thành ý, thời là vọng. Chia ly, hư, vọng đều xa mất chí thiện.

不務於誠意而徒以格物者讓
之支不事拾格物而徒以成意
者謂之虛不本於致知而徒以

格物試志者謂之妄支與虛與
妄其於至善也遠矣

(Tựa cho *Đại Học Cổ Bản*). Công phu theo sách Đại Học là “minh minh đức”. “Minh minh đức” chỉ là cái “thành ý” mà thôi. Công phu của “thành ý” là cách vật trí tri. Nếu lấy “thành ý” làm chủ rồi dùng cái công phu đi cách vật trí tri, thời cái công phu đó mới có chỗ hạ lạc. Như làm lành đuổi dữ, chẳng có cái nào không phải là việc thành ý. Chớ như theo bốn Đại Học mới của Châu Hy mà cùng cách cái lý của sự vật thời mênh mông man-mác không biết trước lạc ở chỗ nào được.

大學工夫卽是明明德只是個
誠意誠意的工夫只是格物致知
若以誠意為主去用格物致知
的工夫郎工夫始有下落郎為
善去惡無非是誠意的是如新
本先生窮格事物之理郎芒 芒
蕩蕩都無看落處,

(Đáp Sái Hy Uyên. *Truyền Tập Lục*, trung).

Thành ý là thành cái ý về vật (誠意者誠其物之意也)(*Truyền Tập Lục*, trung). Nói về mình thời cái công phu thành ý cách vật, là “minh minh đức” (明明德). Nói về sự đối với người thời cái công phu ấy là “thân dân” (親民) (Tựa cho *Đại Học Cổ Bản*). Rồi lại cách vật là chánh cái tâm cho nó ròng theo thiên lý minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện. Cách vật phải lấy chí thiện làm mục đích.

Sách *Đại Học* nói: “Trí tri tại cách vật”. Cách vật đã biết là cách cái vật trong tâm, là làm cho chánh cái tâm. Trí tri là gì? Trí tri là làm cho cái lương tri của ta về sự vật vật được đến nơi đến chốn. Lương tri của ta là cái gọi rằng thiên lý. Làm cho thiên lý ấy đối với sự vật vật được đến nơi đến chốn, ấy là sự vật vật đều phải cái lý của nó... Sự vật vật đều phải cái lý của nó là cách vật. Trí tri cách vật tức là làm cho tâm với lý hiệp làm một vậy.

若鄙人所謂致知格物者致吾
心之良知於事事物物也吾心
之良知即所謂天理也知吾心良
知在天理於事事物物則事事
物物皆得其理矣致吾心之良
知者致知也事事物物皆得其理
者格物者是合心與理為一者也

(*Truyền Tập Lục*, trung).

Nếu tâm với lý chưa hiệp làm một, thời chưa có chân tri. Như đạo hiếu thờ cha mẹ. Biết tiết nào quạt nồng, tiết nào ấp lạnh, biết phụng dưỡng nên như thế nào, đó là cái gọi rằng biết (tri) mà chưa gọi được rằng biết đến nơi (trí tri). Tất phải làm cho đến nơi cái điều biết tiết nào nên quạt nồng tiết nào ấp lạnh, mà thân tự thật hành sự quạt nồng ấp lạnh; phải làm cho đến nơi cái điều biết nên phụng dưỡng như thế nào mà thân tự thật hành sự phụng dưỡng; có như thế rồi sau mới gọi được là trí tri. Cái việc quạt nồng ấp lạnh, việc phụng dưỡng, ấy mới gọi là vật, mà

chưa phải là cách vật. Tất phải do cái lương tri biết về sự quạt nồng ấp lạnh, về sự phụng dưỡng, mà làm cho không có một mây may nào không hết, rồi sau mới nói được là cách vật. Cái việc quạt nồng ấp lạnh cái việc phụng dưỡng “cách” được rồi, thời sau đó cái lương tri về việc quạt nồng ấp lạnh, về việc phụng dưỡng mới là “tri”. Cho nên sách Đại Học nói: “vật cách nhi hậu tri chi” (物格而后知至). (Xem *Truyền Tập Lục*, trung. Trả lời cho Cổ Đông Kiếu).

Cách vật là cách cái vật trong tâm, cách cái vật trong ý, cách cái vật trong sự biết. Trí tri là trí cái tri về vật đó.

格物者格其心之物也格其意
之物也格其知之物也致知者
致其物之知也

(Thơ trả lời La Khâm Thuận. *Truyền Tập Lục*, trung).

Trí tri với cách vật, như thế, không có cái nào rời được cái nào. Hai cái là một mà thôi. Nói về vật thời gọi rằng cách mà nói về chỗ biết thời gọi rằng tri.

就物而言謂之裕就知而言語
之致

(Cùng thơ cho La Khâm Thuận).

Một điểm lương tri là cái chuẩn tắc của ta. Ý niệm của ta phát ra hễ thị thời cái lương tri ấy nhận rõ là thị, hễ phi thời nó nhận rõ là phi, không sai một mây may nào. Ta phải khu khu dựa theo nó mà hành động, mà giữ điều thiện, xua điều ác. Như thế là chân quyết của cách vật, là thật công của trí tri.

尔那一點良知是爾自家底準
則爾意念看處他是便知是非
便知非頁聯他一些不得爾只
不要欺他實實落落依看他做
去善存要便去此便是格物
的真訣致知的實功

(Trả lời cho Cữu Xuyên. *Truyền Tập Lục*, hạ).

Hai chữ “trí tri” là cái bí quyết của bậc thánh muôn đời truyền lại. (Trả lời Cữu Xuyên). Nhưng chúng ta muốn trí tri, thời mỗi người phải tùy phận hạn của mình kịp đến đâu thời làm đến đó. Như nay lương tri ta thấy chỗ này, thời tùy cái chỗ biết đó mà khuếch sung cho đầy đủ; mai lương tri ta lại thấy thêm chỗ khác, thời tùy cái chỗ biết thêm đó mà khuếch sung cho đầy đủ. Đó chính là cái công phu “tĩnh nhất”. Cùng với người khác luận về đạo học cũng tùy cái phận hạn của người ta kịp đến đâu thời luận đến đó. Thí chẳng khác nào phép trồng tria. Như hột mới mầm mống, phải tưới ít nước. Mầm hơi lớn lên, tưới thêm nhiều nước hơn, càng lớn càng phải thêm nước càng nhiều, tùy phận hạn cái cây đến đâu mà tưới cho vừa. Nếu như mộng mới nảy mà giội cho nó một thùng nước thời nó trốc văng, mà thúí bẩy đi.

若些小萌芽有一桶水在盡要
傾上便溲揉他了,

(Lời Hoàng Trục (黃植) lục ra (*Truyền Tập Lục*, hạ).

Vương Dương Minh dạy môn nhân, nói: “Ta

cùng chư quân giảng, trí tri cách vật, ngày ngày như thế giảng mười năm, hai mươi năm, cũng như thế. Chư quân nghe lời ta hãy đi dụng công cho thật, rồi sẽ thấy một phen nghe ta giảng có tấn bộ một phen, nếu không được, vậy thời chỉ là làm một trường nói suông, rỗng tuếch, nghe mà dùng về việc gì”!

吾與諸公講致知格物日日是
此請一二拾年俱是如此諸君
聽吾言實去用功見吾講一番
自覺長見一番否則只作一場
說話雖聽之亦何用，

(*Truyền Tập Lục*, hạ)

“Có một viên thuộc quan, nhân đã từ lâu nghe [Vương Dương Minh] tiên sinh giảng học, nói rằng: “Cái học ấy rất hay, chỉ vì tôi bị những bộ sổ, án từ phiền tạp quá, không theo học được”. Tiên sinh nghe, mà bảo rằng: “Ta nào có từng dạy người lia bỏ những bộ sổ, án từ, mà đi giảng học bông lông hay sao? Người đã có cái chức trách làm việc quan, thời cứ theo ngay trong cái chức trách làm việc quan ấy mà tìm đạo học, ấy sẽ là được chân chánh cách vật. Như hỏi một kẻ nào trong khi kiện thưa, mà họ ứng đối không ra lẽ lối, thời chó sinh lòng giận; chó vì họ nói năng rành rọt mà sinh ra lòng mừng; chó nên ghét vì họ chúc thác (gởi gắm?) mà gia ý trừng trị; chó nên vì họ thỉnh cầu mà khuất ý theo họ; chó nên vì sự vụ phiền những mà tùy ý cầu thả xử đoán; chó nên vì kẻ bàng nhân gièm pha mà xử đoán theo

ý người ta. Bao nhiêu những cái ý tứ đó đều là cái tư tâm tư ý. Người chỉ cứ nơi chỗ biết của người mà kỹ càng xét nét, khắc trị cái tư tâm tư ý ấy, chần sự cái tâm người có mấy may nào thiên ý, làm điên đảo sự thị phi của người ta. Như thế tiện thị là cách vật trí tri rồi. Trong việc sổ bộ, án tù, không phải không có thật học được. Nếu người lìa bỏ sự vật mà đi tìm đạo học, thời là sự hao huyền” (Truyền Tập Lục, trung).

2. Cùng lý

Kinh Dịch, nơi “Thuyết Quái Truyện” có câu: “Cùng lý tận tính” (窮理尽性).

Như thế thời lý với tính cùng là một.

Tính là cái trời phú cho người. Nó là bốn thể của tâm. Nguyên nó là tịnh.

Lý cũng vẫn là bốn thể của tâm. Nguyên nó là định. Nó ở vào khi động tịnh gặp nhau (Trả lời Lục Trùng, *Truyền Tập Lục*, thượng).

Tới cái mức động tịnh gặp nhau ấy, thời lý với tính hỗn đồng. Chỉ về lý ngưng tụ, thời gọi rằng tính (以其理凝聚而言則謂之性) (Thơ trả lời La Khâm Thuận, *Truyền Tập Lục*, trung).

Cho nên cái lý ở trong cái tính mà ra. Trong thiên hạ không có cái lý gì ngoài cái tính (天下無性外之理) (Cùng thơ cho La Khâm Thuận). Vì thế mà sách Mạnh Tử, chương “Tận Tâm” nói: “Hết cái tâm thời biết cái tính. Biết cái tính ắt là biết trời” (Vương

Dương Minh dẫn ra trong thơ trả lời Vương Hồ Cốc (壬虎谷) Văn Lục).

Bởi lý là tính, cho nên phàm sinh ra, trời phú cho cái tính, thời tự nhiên biết lý. Sách Luận Ngữ nói: “Sinh ra mà biết, là nói về sự biết cái nghĩa, cái lý. Còn đến như lễ nhạc, danh vật, cổ kim sự biến, tất phải chờ có học mà rồi sau mới biết, mới nghiệm được sự thật trong hành sự”.

(生而之知者義理耳若夫禮樂
名物古今事變亦必待學而後
有以其行事之實)

Gọi rằng thánh nhân sinh ra mà biết, là chỉ về chỗ biết nghĩa, biết lý; còn đối với những cái khác cũng phải học rồi mà rồi sau mới biết. Cho nên Khổng tử (là bậc thánh nhân) vào Thái Miếu thấy mỗi sự mỗi hỏi mà học (子入太廟每事問)(*Luận Ngữ*).

Những cái biết sau khi học, sau khi kinh nghiệm, với những cái biết tiên thiên, của trời phú cho, đều cũng là do lý mà biết.

Chỗ lầm của Châu Hy, là tách lý với tính ra làm hai, mà đi cầu lý nơi sự vật. Nếu cầu lý nơi sự vật mà được, thời nhu cầu cái lý của sự hiểu nơi thân thể của cha mẹ, chẳng là sau khi cha mẹ mất rồi, cái lý của sự hiểu không còn nơi lòng ta nữa hay sao?

假如而果在於親之身則親沒
之後吾心遂無孝之理歟
(*Truyền Tập Lục*, trung)

Trong thiên hạ không có cái lý gì ngoài cái tính.

Vậy cầu lý, không phải cầu nơi sự vật ngoài ta, mà phải cầu nơi tâm ta, nơi tính ta mới có được cái lý. Trái lại, cùng cái lý, thời thấy được hết cái tính.

Trời không ngoài tâm, không ngoài tính. Thời cái lý của trời, cái lý của sự vật trong trời, cũng không ngoài cái tính. Cho nên kinh Dịch nói: “Cùng lý tận tính”.

Phải hiểu: cùng lý tức là tận tính - hai ấy cũng là một - nhưng nếu theo Tống nho, khu khu đi cầu cùng lý của tất cả sự vật trong trời đất, thời không bao giờ rồi, không bao giờ được. Mà đảo ngược lại thời gần hơn dễ hơn. Chỉ phải tận cái tính thời cùng được lý của sự vật.

Đây một lần nữa là chỗ chứng minh Vương học căn cứ nơi tâm.

3. Bác văn

Không có vật gì ngoài tâm, không có lý gì ngoài tâm. Tâm cũng như cái qui cái củ. Hình tròn hình vuông có số vô cùng tận, không sao lường trước được hết. Nhưng cái qui cái củ vẽ được tất cả những hình tròn hình vuông có số vô cùng tận ấy. Sự vật trong thiên hạ cũng có số vô cùng tận, không sao lường trước cho được hết. Nhưng cái tâm của ta cái lương tri của ta biết được tất cả những sự những vật có số vô cùng tận ấy.

Tuy nhiên, mặc dầu tâm của ta biết được lý của tất cả sự vật, nó cũng chỉ biết với cái thể “trù năng” (儲能) (à l'état de puissance) mà thôi. Cho nên Khổng

Tử vào Thái Miếu thấy mỗi sự mỗi phải hỏi mà học, chớ không phải ngài là thánh nhân rồi việc gì cũng biết được. Bởi thế cho nên trong sách Luận Ngữ nói: “Tử viết: Quân tử bác học ư văn, ước chi dĩ lễ, diệc khả dĩ phát bạn hỉ phù”

子曰君子博學於文約之以禮 亦可以弗畔矣夫。

Người quân tử học rộng khắp văn chương của thánh hiền để lại, rồi lại lấy lễ mà tự kiểm ước. Như thế để cho không sai mỗi đạo. Trình tử nói: “Nếu học rộng khắp văn chương của thánh hiền để lại, mà lại không lấy lễ để tự kiểm ước, thời rồi cũng đến hăn mạn. Còn nếu học rộng như thế mà lại hay lấy lễ mà kiểm ước, cũng không khác nào có qui củ, ắt là không lạc mất mỗi đạo”.

程子曰博學於文而不約之以
禮必至於汗漫博學矣,又能守
禮而由於規矩則亦可以不畔
遠矣

(Lời chú của Châu Hy, trong *Luận Ngữ*)

Học rộng để dùng mà cách vật trí tri. Cách vật là cốt để khắc kỷ phục lễ (克己復禮). Bác văn để ước lễ cũng như cách vật để trí cái lương tri; hai điều, cùng là một mà thôi. (Bác Ước Thuyết, Văn Lục). Hai cái khác nhau ở chỗ thể với dụng. Nếu tách rời ra là lầm.

Ở đây Vương học cũng bằng nơi tâm mà chủ trương hiệp nhất, cũng như tri với hành.

Bác văn với ước lễ không được có cái nào trước, cái nào sau. Phàm lễ là thiên lý vậy. Thiên lý mà điều

lý, thời gọi là lễ. Cái lễ ấy phát hiện ra ngoài thời có ngũ thường, có bách hành. Hiện ở lời nói thời nên văn chương, hiện ở việc làm thời nên hành động, viết ra thành sách thời là giáo huấn... ấy đều gọi là “văn”. Văn ấy là cái lễ hiện ra ngoài, còn lễ ấy là văn còn ở bên trong lòng ta vậy. Văn mà hiển dễ thấy, ấy là lễ. Lễ mà vi, khó thấy ấy là văn. Hai cái văn với lễ, thật chỉ là thể với dụng, cùng một nguồn, mà một đẳng hiển một đẳng vi, chớ không cách biệt gì nhau.

禮也者天理也天理之祿理謂
之禮是禮也其發見於外則有
五常百行宣之於言而成章指
之於為而成行書之於冊而行
訓是皆所謂文也是文也者禮
之見於外者也禮也者父交存
於中者也文顯而可見之禮也
禮微而難見之文也是所謂體
用一源而顯微無間者也,

“Bác ước thuyết”

Bác văn là câu lấy sự điều lý cho đến nơi. Ước lễ là câu lấy sự tâm ta được tột thiên lý. Văn rải rác nơi sự mà ra vạn thù, cho nên nói là bác văn. Lễ căn cứ nơi tâm mà chỉ một bốn, cho nên nói là ước lễ. Nếu bác văn mà không lấy lễ để kiểm ước, thời cái văn ấy là hư văn, sinh ra lối học công lợi từ chương theo thói nhà nho bây giờ. Nếu ước lễ mà không bác học ở nơi văn, thời cái lễ ấy là hư lễ, sinh ra lối học không tịch theo phái Phật, phái Lão.

求盡其條理節目焉者博文也
 求盡吾心天理焉者約禮也交
 散於事而萬殊者也故曰博禮
 根於心而一本者也故曰約博
 女之非約之以禮則其文為虛
 文而後世功利辭章之學矣約
 禮而非傳學於文則其禮為虛
 禮而佛老空寂之學矣，

(*Bác Ước Thuyết*)

Sự trong thiên hạ, tuy là thiên biến vạn hóa (văn tán ư sự nhi vạn thù) mà đều không ngoài một cái lý ở trong tâm vậy. Lễ là cái lý ấy. Vậy thời bác văn cũng phải gốc ở chỗ tinh nhất mà thôi. Thuyết “bác văn ước lễ” trong Luận Ngữ rất lại cũng chẳng khác nào thuyết “tận tâm tri tính” trong Mạnh Tử, cũng chẳng khác nào thuyết “duy tinh duy nhất” trong kinh Thư. Bởi “nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi” cho nên kinh Thư dạy “duy tinh duy nhất, doãn chấp khuyết trung”. Thời “cách vật trí tri”, “bác văn ước lễ” đều cũng là nói về việc minh cái minh đức, để “thân dân”, cho đến “chỉ ư chí thiện”.

Đi đường nào rồi cũng phải trở về tâm, mà cứu nó cho khỏi cái “nguy” cho mỗi đạo khỏi loạn.

Cũng như “cách vật” là công phu của “thành ý”; “cùng lý” là công phu của “tận tính”; “minh thiện” là công phu của “thành thân”; “bác văn” đây là công phu của “ước lễ”. Lễ là thiên lý, không nên quên chỗ đó.

4. Duy tinh

Kinh Thư, thiên Đại Vũ Mô có câu: “Nhân tâm duy nguy - Đạo tâm duy vị - Duy tinh, duy nhất. Doãn chấp quyết trung”.

Ấy là lời của các vua Nghiêu, Thuấn, Vũ cùng nhau trao lãnh. Thái Trầm (蔡菴), môn sinh của Châu Hy, chú rằng: “Vua Nghiêu cáo với vua Thuấn chỉ nói: doãn chấp quyết trung - Vua Thuấn mạng cho vua Vũ lại suy cái sở dĩ của lời ấy mà thêm lời cho rõ”.

Vương Dương Minh giải rằng: “Tâm chỉ có một mà thôi. Nhưng, khi nó chưa tạp nhập nơi người, thời gọi là đạo tâm, mà khi nó bị nhân nguy tạp nhập, thời gọi là nhân tâm. Nhân tâm mà được chánh thời là đạo tâm; đạo tâm mà mất chánh thời là nhân tâm - nguyên sơ không có hai cái tâm. Trình Tử nói: “Nhân tâm tức là nhân dục; đạo tâm tức là thiên lý”. Lời nói ấy dường như là phân tách ra hai cái tâm, mà thật là ý vẫn đúng.

心一也未雜於人謂之道心雅
以人偽謂之人心人心之得其
正者即道心道心之失其正者
即人心初非有二心也程子謂
人心即人欲道心即天理語若
分析而意實得之,

(Trả lời Từ Ái, *Truyền Tập Lục*, thượng)

“Đạo tâm tức là như câu sách Trung Dung nói “Suất tính chi vị đạo”. Khi mà ý tứ của người đã tạp nhập chút nào rồi thời là nhân tâm - đạo tâm vốn

không hơi không tiếng cho nên nói là vi; dựa theo nhân tâm mà hành động, thời có nhiều nỗi không yên ổn, cho nên nói là nguy”.

率性之謂道便是道心但著些
人的意思在便是人心道心本是
無聲無臭故日徵依著人心行
去便有許多不安穩處故日危,

(Trả lời Hoàng Tĩnh Hội, *Truyền Tập Lục*, hạ).

“Tĩnh là tĩnh túy. Nhất là chuyên: Tĩnh thời ắt minh. Minh thời ắt thành. Cho nên minh tĩnh là cái cơ sở của thành nhất. Nhất ấy là đại bốn trong thiên hạ. Tĩnh ấy là đại dụng trong thiên hạ”.

精精也專一也精則明矣明則
誠矣是故明精之為也誠一之
基也一天下之大本也精天下
之大用也

(Bài tựa đưa Kiều Bạch Nham, *Văn Lục*)

“Trung ấy chỉ là thiên lý, chỉ là dịch. Tùy thời biến dịch (Trả lời Vương Gia Tú (王嘉秀) *Truyền Tập Lục*, thượng).

“Thiên lý vì sao gọi rằng trung? Là bởi nó không có chỗ thiên ý – không có chỗ thiên ý như gương trong sáng không mây may như bọt... Thiên ý là có nhuốm bọt. Như trước nơi hiếu sắc, hiếu lợi, hiếu danh thời thấy có chỗ thiên ý”.

天理何以謂之中日無偏倚如
明鏡鏡然全體瑩徹略無纖塵染
看偏倚是有所染?如看在好

色好利好名等項上方見得偏倚

(Trả lời Lục Trùng, *Truyền Tập Lục*, thượng).

Lục ra những lời Vương Dương Minh cắt nghĩa câu kinh Thơ trên đây, ta đã đủ hiểu tư tưởng của tiên sinh rồi. Nay thêm lời khác của tiên sinh cho rõ hơn nữa. “Đạo tâm là nói về việc suất tính, mà khi chưa có tạp nhập nơi người, hãy còn không hơi không tiếng, rất nhỏ mà vẫn tỏ. Nó là nguồn cội của sự thành. Nhân tâm đã tạp nhập nơi người, thời nguy. Nó là đầu mối của sự nguy. Thí dụ thấy trẻ con rơi xuống giếng mà sinh lòng trắc ẩn, ấy là đạo suất tính, hay là đạo tâm. Còn như cũng theo nó mà đối đãi với cha mẹ, cầu được lời khen của xóm làng ấy là nhân tâm. Thí dụ nữa như đói mà ăn, như khát mà uống, ấy là đạo suất tính hay là đạo tâm. Còn nếu theo nó mà muốn cho miếng ăn miếng uống được cực ngon ấy là nhân tâm.

“Duy nhất, là một lòng ở nơi đạo tâm. Duy tinh, là lo cho đạo tâm bất nhất, mà hóa ra có nhân tâm xen vào thành hai.

“Đạo không bao giờ không ở mực trung. Một lòng ở nơi đạo tâm, không bao giờ ngừng, ấy gọi là “doãn chấp quyết trung”.

“Một lòng nơi đạo tâm, thời ắt tồn cái đạo tâm, không bao giờ không ở mực trung, mà phát ra không bao giờ không hòa... Ấy gọi là phát ra điều trung tiết”. (Bài ký Trùng tu Sơn Âm Huyện học, Văn Lục)

Lòng người dễ tư mà khó công, lòng đạo dễ mờ

mà khó tỏ. Vậy muốn chánh cái lòng ấy, vua Nghiêu vua Thuấn dạy phải “Duy tinh duy nhất” mà đoán chấp lấy cái điều trung.

Mạnh Nguyên (孟源) hỏi Vương Dương Minh về “duy tinh duy nhất” phải dụng công phu thế nào? Tiên sinh đáp: “Duy nhất là chủ ý của duy tinh. Duy tinh là công phu của duy nhất, không phải ngoài cái duy tinh mà có duy nhất được. Chũ tinh (精) gồm có chũ mễ (米) (nghĩa là gạo) trong đó. Vậy thử lấy gạo mà thí dụ. Muốn cho gạo được ròn trắng sạch, ấy là cái ý duy nhất. Nhưng nếu không có cái công phu duy tinh, là xay, giã, sàng, sảy, thời hột gạo sao được ròn trắng sạch? Xay, giã, sàng, sảy ấy là cái công phu duy tinh, nhưng mà cũng chẳng qua là muốn cho gạo được ròn trắng sạch mà thôi. Ấy cho nên bác học, thẩm vấn thận tư, minh biện, đốc hành đều là điều để làm cho duy tinh đăng cầu duy nhất vậy. Ngoài ra như bác vấn là công phu của ước lễ, cách vật trí tri là công phu của thành ý, minh thiện là công phu của thành thân cũng là một thuyết duy tinh duy nhất này mà thôi” (*Truyền Tập Lục*, thượng).

Học thánh hiền phải cầu lấy chỗ duy tinh đăng đạt chỗ duy nhất – duy nhất là chỉ về cái tâm được ròn theo thiên lý, “chỉ ư chí thiện” (止於至善). Lòng người chĩn nguy, lòng đạo chĩn mờ, cho nên, muốn đem nó về chánh đáng, phải duy tinh duy nhất, chăm chăm chú chú, “như mèo vồ chuột, như gà ấp trứng”¹ (如猫捕鼠如雞覆卵). Tất là phải lập

chí. Dưới đây lục bài “Lập chí thuyết” của Vương Dương dạy em là Thủ Văn (守文).

“Lập chí thuyết”

“Này, sự học không gì cốt yếu bằng sự lập chí; phàm kẻ đi học, cái chí phải lập trước. Nếu chí mà không lập, cũng như trồng cây không để cho ăn rễ xuống đất, chỉ tưới dội vun đắp ở trên thì khó nhọc mà không có kết quả vậy. Người ta sở dĩ nhùng nhằng cầu thả, theo thói tục, tập điều xằng, mà chung qui làm một hạng người ô hạ đó, chỉ tại cái chí chẳng lập đó thôi. Cho nên thầy Trình tử có nói rằng có cái chí cầu làm thánh hiền rồi sau mới có thể cùng dẫn vào cõi học được. Người ta nếu thực có cái chí cầu làm thánh hiền, thì tất tư tưởng đến những điều thánh hiền sở dĩ làm thánh hiền ấy ở đâu. Thánh hiền sở dĩ làm thánh hiền chỉ là cái tâm thánh hiền thuần hồ điều thiện mà không có điều ác. Nay ta muốn làm thánh hiền, cũng chỉ ở cái tâm ta thuần hồ điều thiện mà không có điều ác, đấy thôi. Muốn cái tâm ta thuần hồ điều thiện mà không có điều ác, thì tất phải trừ khử điều ác đi, mà khuếch sung lấy điều thiện. Muốn trừ khử điều ác khuếch sung điều thiện, thì tất phải cầu lấy cái phương pháp làm thế nào cho trừ khử được điều ác mà khuếch sung được điều thiện. Cái phương pháp trừ khử mọi điều ác khuếch sung mọi điều thiện, thì tất phải chất chính

¹ Lời của Vương Dương Minh.

về thánh hiền đời xưa, khảo cầu những sách vở đời xưa, mà cái công phu học vấn, bấy giờ mới không có thể thôi đi được.

“Ôi! bảo rằng chất chính về thánh hiền đời xưa đó, đã cho thánh hiền đời xưa làm bậc tiên giác mà thờ làm thầy, thì nên chuyên tâm nhất chí, bắt chước đấng tiên giác; ta với đấng tiên giác có điều gì bất hợp, thì không được bỏ đấy mà chẳng suy nghĩ, tất phải suy nghĩ cho kỹ, suy nghĩ mà chẳng ra lại phải biện luận cho xác, cầu lấy minh bạch, không nên đem bụng hoài nghi. Cho nên sách Lễ Ký có nói rằng thầy có nghiệm rồi sau đạo mới tôn, đạo có tôn rồi sau dân mới biết đường kính tín. Nếu đi học mà không có cái tôn sùng tín ngưỡng, thì đường thị thính cũng mờ mịt ù lỳ, đường tư tưởng cũng hoảng hốt lòng bông, dầu có đấng tiên giác làm thầy, nhưng cũng như không có thầy vậy.

“Ôi! bảo rằng khảo cầu lấy những sách vở đời xưa đó, thánh hiền đặt ra lời nói, đều là cái phương pháp dạy người ta trừ khử điều ác mà bảo tồn điều thiện, như trong ngũ kinh với tứ thư đó vậy. Vì ta muốn khử trừ điều ác của ta, bảo tồn điều thiện của ta, mà chữa được cái phương pháp, cho nên phải cầu đến sách, thì trong khi giở sách ra xem đọc, mà suy xét thể nghiệm về tâm thần ta, cũng ví như khi đối đối với đồ ăn, vì cầu no mà thôi; khi ốm đối với vị thuốc, vì cầu khỏi mà thôi; khi tối đối với ngọn đèn, vì cần sáng mà thôi, khi mỏi mệt đối với cái gậy, vì cần đi

mà thôi; há từng có cái tệ chỉ đọc lấy cho khỏe, nhớ lấy cho nhiều, giảng suông bàn hão, để giúp cho lỗ tai của miệng đó thay.

“Sự lập chí cũng chẳng dễ đâu. Ông Khổng là thánh nhân, còn nói rằng ta mười lăm tuổi mà chí học, ba mươi tuổi mà lập. Lập là gì? Lập là lập chí vậy, dầu đến bảy mươi tuổi chẳng qua ngoài phép độ, cũng là cái chí chẳng qua đấy mà thôi. Cái chí há nên coi thường đó thay! Ôi! Chí là cái chủ của khí, là cái mệnh của người, là cái rễ của cây, là cái nguồn của nước. Nguồn mà chẳng khơi đào thì dòng tắc, rễ mà chẳng vun trồng thì cây khô, mệnh mà chẳng tiếp tục thì người chết, chí mà chẳng lập thì khí hôn mê. Cho nên người quân tử không cứ lúc nào, không cứ chốn nào, đều lấy sự lập cái chí làm thánh hiền làm gốc, thẳng mắt mà trông về cội thánh hiền, không trông thấy sự khác, lắng tai mà nghe về cội thánh hiền, không nghe thấy sự khác; như mèo vỗ chuột như gà ấp trứng, tinh thần tâm tư ngưng tụ dung kết, rồi sau cái tri mới thường lập, thần khí mới thường tỉnh minh, nghĩa lý mới thường chiêu trừ, hễ có điều ác nó ở trong mình, thì mình biết ngay, tự nhiên điều ác nó không ở được nữa. Cho nên phạm có một điều tư dục nó mạnh ra, chỉ trách cái chí làm thánh hiền của ta chẳng lập, thì điều tư dục nó tức khắc phải thoái thính; có một điều khách khí nó động lên, chỉ trách cái chí làm thánh hiền của ta chẳng lập, thì điều khách khí nó tức khắc phải tiêu trừ. Hoặc cái

tâm đãi, cái tâm hốt, cái tâm táo, cái tâm đổ, cái tâm phần, cái tâm ngạo, cái tâm lận, cái tâm tham, nó sinh ra, cũng chỉ trách cái chí làm thánh hiền của ta chẳng lập, thì tự khắc thành ra một bậc người bất đãi, bất hốt, bất táo, bất đổ, bất phần, bất ngạo, bất lận, bất tham. Có là không một lúc nào chẳng phải là lúc lập chí, mà cũng không một sự gì chẳng phải là sự lập chí. Cái công phu lập chí của ta, đối với những cái nết xấu xa của ta, có thể ví như ngọn lửa đốt mớ lông, mặt trời mọc ra mà ma quỷ diệt tích vậy.

“Thánh hiền đời xưa tùy thời lập giáo, tuy không giống nhau, nhưng đại ý thực không khác nhau chút nào. Kinh Thư nói: Duy tinh duy nhất (惟精惟一), Kinh Dịch nói: Kính dĩ trực nội, nghĩa dĩ phương ngoại (敬以值內義以方外). Ông Khổng nói: “Cách trí thành chính, bác văn ước lễ (格致誠正傳文約礼). Ông Tăng nói: Trung thứ (忠恕). Ông Tử Tư nói: Tôn đức tính đạo học vấn (尊德性道攀問). Ông Mạnh nói: Tập nghĩa dưỡng khí, cầu kỳ phóng tâm (集義養氣求其放心). Tuy mỗi người nói mỗi thuyết, không thể cưỡng đồng được, nhưng mà cầu về chốn yếu lĩnh, chốn qui túc, thì hợp nhau cả. Vì có sao? Có là đạo đồng thì tâm đồng, tâm đồng thì học đồng. Những thuyết cứu cánh bất đồng, đều là tà thuyết. Cái đại hoạn của kẻ học giả đời sau, chỉ tại cái bệnh vô chí, cho nên nay lấy “lập chí” làm thuyết”.

(Sao lục bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục trong *Nam Phong*, số 109, ra ở Hà Nội tháng

septembre năm 1926. Có sửa đổi một vài dấu chấm câu).

5. Minh thiện

Cách vật là công phu của thành ý - thành ý là để dẫn đến chỗ chí thiện. Chí thiện là để thành thân. Thân là chỉ cái hình hài trong ấy có chứa cái tâm: tai, mắt, miệng, mũi, tay chân là thân (耳目口鼻四肢身也). (Truyền Tập Lục, hạ. Trả lời chỗ Cữu Xuyên). Thành là không có vọng - thành thân là muốn cho thân không có vọng. Cái công của thành thân là minh thiện.

夫誠者無忘之謂身之誠則欲
其無忘之謂誠之之功則明善
是也,

(Thơ cho Vương Thuần Phủ (王純甫) - *Văn Lục*).

Thiện, là chỉ cái thể của tâm xử sự vật được ròng theo lý, không có bị nhân ngụy tạp nhập vào.

吾心之處事物純乎理而無人
偽之雜謂之善

(Cùng một bức thơ cho Vương Thuần Phủ) Thiện là như thế. Nó vốn là cái tính của ta. Cho nên Mạnh Tử nói “tính thiện”. Thiện ấy không có hình thể gì mà có thể chỉ ra cho được, không có phương sở nào mà định cho được. Thiện không tự nó làm thành một vật được¹, cho nên cũng không thể do chỗ nào mà tìm

¹ Le bien n'est pas une entité.

nó được, nếu không do nơi tâm của ta - tâm là chủ của thân. Tính cụ hữu nơi tâm. Thiện gốc ở nơi tính (夫心主於身性其於心善原於性). (Thơ cho Thuần Phủ). Phàm tại vật thời là lý, xử vật thời là nghĩa, tại tính thời là thiện. Nhân tùy cái nơi chỉ nó mà tên có khác nhau. Song thật ra đều cũng là thuộc tính của một cái tâm của ta mà thôi. Ngoài tâm không có vật, ngoài tâm không có sự, ngoài tâm không có lý, ngoài tâm không có nghĩa, ngoài tâm không có thiện.

天在物為理處物為義,在性為
善,因所指而異其名實吾之心
也,心外無物心外無事,心外無
理心外無義心外無善,

(Thơ cho Thuần Phủ). Thời cái chí thiện phải cầu ở nơi tâm.

Muốn “minh thiện” (làm cho sáng tỏ cái thiện) tất không phải đi tìm ở đâu xa, không phải dụng công phu gì lạ, hơn là chánh cái tâm vậy. Mà tâm cùng thân cũng là một: chỉ khác nhau ở chỗ tâm chỉ về chủ thể, thân chỉ về hình thể – vậy thời chánh tâm, tiện thị là thành thân – muốn thành thân cũng không phải dùng công phu gì khác hơn là chánh tâm, thành ý.

Cho nên minh thiện là cái đạo để thành thân. Không minh được thiện, không thành được thân. Không phải ngoài sự minh thiện còn có cái công gì riêng để thành thân.

明善者誠身之道也,不明乎善
不誠乎身矣,非明善之外別有

所謂誠身之功也。

(Cùng thơ cho Thuần Phủ).

Trước khi thành thân, thời thân chưa thành cho nên mới phải nói minh thiện. Chớ một khi minh thiện đã cực điểm rồi thời ắt thân cũng theo đó mà thành rồi. Nếu tưởng rằng tự có cái công minh thiện riêng, lại có cái công thành thân riêng, thời tách thiện với thân ra làm hai, ấy là khó miễn nổi sai hào ly thiên lý.

誠身之始身未誠也故謂之
明善之極則身誠若謂自有
之功是離而二之也難乎免
於臺釐千里之謬矣，

(Cùng thơ cho Thuần Phủ).

Rút lại ở đây cũng như ở nơi khác, Vương Dương Minh không ra ngoài tâm - muốn thành thân, chỉ minh thiện mà tiện thị thân thành. Muốn minh thiện, chỉ phải chánh tâm thành ý, mà tiện thị thiện minh. Cho nên minh thiện là công phu của thành thân.

6. Thân dân

Tùy phía đứng, đứng về phía tâm, hay đứng về phía vật, người ta huấn cổ sách *Đại Học* khác nhau – ngay như chữ “vật” trong tiếng “cách vật” mà Vương Dương Minh cũng kéo trở về tâm được, bằng cách định nghĩa “vật” là “sự”. Vật đã kéo được trở về tâm, thời không có gì mà Vương học không kéo được trở về tâm.

Tâm là gốc của Vương học. Bất kỳ một cử chỉ nào, Vương học cũng lấy để trau giồi con tâm. Con tâm mà được rỗng theo thiên lý thời đã đến cõi thánh hiền. Nhưng nếu tâm đã được sáng suốt mà rồi ngừng tại đó thời khác nào tâm của Lão, của Phật – tâm đã sáng suốt rồi, phải cùng trời đất muôn vật làm nhất thể. Đây là nghĩa “thân dân”.

Câu đầu sách *Đại Học* nói: “Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ u chí thiện”

大學之道,在明明德,在親民,在止於至善,

Qua chương sau lại có câu: “Tác tân dân” (作新民). Vì có chữ “tân” trong tiếng “tân dân” này, mà Châu Hy bảo rằng trong tiếng “thân dân” ở trước kia phải đổi chữ “thân” (親) ra chữ “tân” (新).

Từ Ái đem hỏi Vương Dương Minh:

Trong câu tại thân dân Châu tử bảo phải đổi ra làm tại tân dân. Chương sau của sách *Đại Học* có lời tác tân dân. Xem như thế thì hình như chữ tân của Châu tử cũng có căn cứ. Thế mà tiên sinh cho rằng nên theo cựu bản của sách *Đại Học* mà đọc là thân dân, chẳng hay có căn cứ hay không?

Tiên sinh đáp:

Chữ tân trong câu tác tân dân, là chữ tân lấy nơi lời tự tân chi dân (自新之民). Chữ tân ấy cùng chữ tân trong lời tại thân dân (sửa theo Châu Hy) là hai chữ tân không đồng nghĩa với nhau. Như thế há đủ gì làm căn cứ? Xuống các chương dưới sách *Đại Học* đều nói cái nghĩa thân dân. Xem như các câu sau

này: “Quân tử hiền kỳ hiền, nhi thân kỳ thân; tiểu nhân lạc kỳ lạc nhi lợi kỳ lợi”.

君子賢其賢而親其親小人其樂而利其利.

“Nhu bảo xích tử” (如保赤子). ‘Dân chi sở hiếu, hiếu chi; dân chi sở ố, ố chi. Thử chi vị dân chi phụ mẫu’ (民之所好好之民之所惡惡之此之謂民之父母).

Xem những câu ấy, ta thấy rõ đều có cái ý của chữ thân – chữ thân dân cũng có nghĩa như trong lời “thân thân nhân dân” (親親仁民) trong Mạnh Tử. Chữ thân tức là nhân. Trong kinh Thư phần “Nghieu điển” có câu: “Khắc minh tuần đức, dĩ thân cửu tộc – cửu tộc ký mục, bình chương bách tính; bách tính chiêu minh, hiệp hòa vạn bang”

克明峻德以親九族九族睦平章百性百性昭明協和萬邦.

“Khắc minh tuần đức” tức là “minh minh đức”. Từ câu “dĩ thân cửu tộc” tới “bình chương” tới “hiệp hòa” đều nghĩa là “thân dân”. Khổng tử nói: “Tu kỷ dĩ an bách tính”. “Tu kỷ” là “minh minh đức”. Còn “an bách tính” là “thân dân” – nói “thân dân” tiện thì gồm ý nghĩa nuôi dạy – nói “tân dân” là sai.

Cái nghĩa “minh minh đức thân dân” của sách *Đại Học* phải hiểu như thế này “Minh minh đức” là lập cái thể của tâm mình, cho mình được cùng trời đất muôn vật làm nhất thể. Còn “thân dân” là đặt cái dụng của tâm mình, cho mình được cùng trời đất muôn vật làm nhất thể.

明明德者立其天地萬物一體
之體也親民者達其天地萬物
一體之用也,

(Đại Học Vấn Dương Minh Toàn Tập tục biên).
Một đàn ông chỉ về thể, một đàn ông chỉ về dụng của một
con tâm duy nhất. Cho nên “minh minh đức” tất
phải ở chỗ “thân dân” mà “thân dân” là để minh cái
minh đức vậy.

故明明德必在於親民而親民
乃所以明其明德也,

(Đại Học Vấn)

Giải nghĩa chữ “thân” như thế, Vương Dương
Minh đứng về phía “tâm” mà nói. Thân dân tức là
sửa mình, làm cho sáng cái đức sáng của mình, mà
tìm đường thân yêu gần gũi dân. Như thế tức là cứ ở
cái tâm của ta. Còn nếu theo Tống nho, nói “tân dân”
tức là cứ ở ngoài tâm của ta lấy dân làm đối tượng.
Tống nho chỉ nhắm nơi vật, bỏ mất cái gốc đi, mà đi
sửa sang cái ngọn.

Châu Hy cho rằng: “sự sự vật vật giai hữu định lý”
(事事物物皆有定理). Vì thế, chạy theo mọi sự mọi
vật, mà mất cái gốc, không biết ngừng ở chỗ nào.

Sách Đại Học có câu: “Trị chỉ nhi hậu hữu định”
(知止而後有定). (Biết chỗ dừng mà sau mới có
định được). Dừng đây là dừng ở chỗ “chí thiện” (止
於至義). Nếu theo Tống nho cầu chí thiện ở sự sự
vật vật, thời là đi ra ngoài rồi. Chí thiện là bốn thể

của tâm. Thời chỉ là phải “minh minh đức” cho đến chỗ chí tinh chí nhất (至精至一) là được.

“Người đời không biết rằng chí thiện là ở nơi lòng ta, mà đi tìm nó ở ngoài, cho rằng sự vật vật đều có định lý. Bởi thế họ đi cầu chí thiện ở trong mọi sự mọi vật, thành ra chi ly quyết liệt, lầm lẫn rối ren, không biết cái hướng nào có được nhất định.

人惟不知至善之在吾心而求
之於其外以為事事物物皆有
定理也,而求至善於事事物物
之中,是以妄離決裂錯雜紛紜
而莫知有一定之向,

(Đại Học Vấn)

Song le không phải nói thế là nói rằng ta nên rời sự vật mà cầu chí thiện. Mà ta chỉ phải ròng theo thiên lý cho đến cực điểm dừng để một mảy may nhân dục xen vào, thời sự vật ấy sẽ nắm được ngay.

Dưới đây phỏng dịch bài ký *Thân Dân Đường* của Vương Dương Minh viết ra năm ất dậu (1525).

Thân Dân Đường ký

Minh đức là cái tính của trời phú cho người, vốn sáng suốt thiêng liêng không mờ, mà vạn lý do đó mà ra. Con người đối với cha mẹ nào ai không biết phải có hiếu; đối với anh nào không biết phải có lễ; đối với sự vật cảm ứng nào ai không tự nhiên thấy rõ... Cái sự sáng suốt thiêng liêng ở lòng ta đó muôn ngàn xưa cũng đồng có như thế, không bao giờ mờ ám, cho nên gọi là minh đức. Nếu nó hư mất đi là

vật dục vậy. Minh cái minh đức là xua cái tẻ của vật dục, để bảo toàn sự sáng suốt của cái bốn thể của con tâm.

Sao lại “minh minh đức” là tại nơi “thân dân”? Phàm cái đức không có thể không không mà làm sáng nó được. Người nào muốn minh cái đức của lòng hiếu, ắt phải thân với cha mẹ mà rồi sau cái đức của lòng hiếu mới có thể minh được; muốn minh cái đức của lòng có đức, ắt phải thân với anh mà rồi sau cái đức của lòng đức mới có thể minh được. Nói về nghĩa vua tôi chồng vợ bằng hữu, cũng thế. Cho nên minh minh đức tất phải tại nơi thân dân. Mà thân dân là sự lấy đức mà minh cái minh đức. Minh đức với thân dân vì thế cho nên cũng là một sự mà thôi. Con người là tâm của trời đất. Dân là chỉ về cái ngoài ta đối với ta mà nói (民者對己之稱也). Tuy nói rằng dân mà chỉ chung cả trời đất sự vật trong đó (日民焉則三才之道拳矣). Nói về vua tôi, về chồng vợ, về bằng hữu, mà suy ra đến điều thú cỏ cây, đều cũng là khá lấy đức thân đó; đều cũng là khá lấy đức cầu tận cái tâm của ta; khá lấy đức tự minh cái minh đức của ta. Ấy cho nên nói rằng minh minh đức nơi thiên hạ, cho nên nói rằng gia tể, quốc trị, thiên hạ bình.

Minh minh đức phải ngừng ở chỗ chí thiện. Bởi sao thế? Bởi như muốn minh cái minh đức mà lại huyền hão lòng bông, không nhắm tới quốc gia thiên hạ thời không biết minh minh đức ở nơi thân dân. Xưa Lão với Phật phải cái tẻ ấy. Muốn thân dân mà

không biết nhân ái trắc đất, thời là không nên việc thân dân để lấy làm sáng cái đức sáng. Xưa cũng vì thân dân thiếu nhân ái trắc đất như thế nên Ngũ Bá mới đâm ra công lợi. Ấy trước sau hai cái tệ, đều là bởi không biết “chỉ ư chí thiện”.

Chí thiện là cái qui tắc của sự minh đức thân dân đến cực điểm. Cái tính của trời phú cho người, vốn nó chí thiện thuần túy, nó sáng suốt thiêng liêng không mờ ám, nó là phát kiến của chí thiện, nó là bốn thể của sự minh đức, nó là cái gọi là lương tri vậy.

Lương tri phát kiến chí thiện, hễ thị thời nó nhận là thị, hễ phi thời nó nhận làm phi, nó là cái qui tắc của tâm ta thiên nhiên mà có, không hề dùng chút nghĩ nghị thêm bớt nào trong đó. Nếu có chút nào nghĩ nghị thêm bớt vào thời là tư ý tiểu tri (私意小智) chớ không phải là chí thiện nữa.

Người đời chửi không biết chí thiện là ở nơi tâm của ta, lại dùng tư ý để đi tìm nó ở bên ngoài, cho nên mới mờ ám cái qui tắc thị phi đi (norme de la vérité) đến nỗi ngổn ngang quyết liệt, thành ra nhân dục buông lung, thiên lý mất tuyệt, rồi mà cái học minh đức thân dân bị đại loạn. Cho nên “chỉ chí thiện” nơi minh đức thân dân, không khác nào qui củ đối với hình tròn hình vuông; không khác nào xích độ đối với dài vắn; không khác nào quyền hành đối với nặng nhẹ. Tròn vuông không dùng ở nơi qui củ, thời sai cái độ (度) đi; dài vắn không dùng ở nơi xích độ, thời trái với cái chế (制) đi; nặng nhẹ không dùng

nơi quyền hành, thời mất cái chuẩn (準) đi; mình đúc thân dân mà không dùng nơi chí thiện, thời đâu còn cái tắc (則) cho nó nữa. (*Thân Dân Đường ký*)

Thật hành nghĩ thân dân, Vương Dương Minh đã làm qua; hoặc thuở làm Tri huyện Lư Lăng, lập lại Thân Minh Đình; hoặc thuở làm Tuần Phủ Nam Cam đặt ra “hương ước”.

Nam Cam Hương Ước

Tư cho dân các người.

Người xưa có lời: “Bồ sinh ma trung, bất phù nhi trực. Bạch sa tại nê, bất nhiễm nhi hắc” (蓬生麻中, 不扶而直, 白沙在泥, 不染而黑).

(nghĩa là: cỏ bồ sinh trong đám cây gai không đỡ mà thẳng, cát trắng lộn trong bùn chẳng nhuộm mà đen). Dân tục mà thiện hay ác, há chẳng do nơi tích tập mà khiến vậy hay sao? Trước kia, dân mới chiêu phủ thường bỏ tông tộc, lìa xóm làng, tỏa ra bốn phương mà làm điều hung bạo. Như thế há bởi tính của những dân ấy có khác người, há bởi người có tội gì? Chẳng qua cũng là do nơi quan Hữu Ty trị dân không có đạo, dạy dân không có phương. Còn về phần các người thời phụ lão tử đệ không... sớm dạy răn trong gia đình, để cho lần lần con em bị thói vô tổ (không có lòng thành) trong ngõ hẻm nhiễm theo. Không ra công dụ dỗ khuyến khích, không có cách hiệp hòa đoàn kết, mà lại hoặc khi phần nộ khích nhau, hoặc khi giảo ngụy hại nhau. Bởi thế mà càng ngày càng theo về với điều ác. Thời Hữu Ty của

quan ta, với phụ lão tử đệ của dân người, đều phải chia nhau mà chịu trách nhiệm.

Ô hô! Sự đã qua không thể kịp nữa, sự chưa tới còn có thể truy ra. Cho nên nay ta đặc biệt lập cái hương ước này để hòa hiệp dân các người. Từ rày, phạm dân đồng ước các người đều nên hiếu với cha mẹ, kính huynh trưởng, dạy dỗ con cháu, hòa thuận với xóm giềng, ma chay giúp lẫn, hoạn nạn xót nhau, điều thiện cùng khuyên gắng; điều ác cùng răn he, dứt kiện bỏ giành, giảng lấy tin, trau lấy hòa mục, cốt làm ra dân lương thiện, cho thành phong tục nhân hậu.

Ô hô! Người tuy chí ngu mà khi trách người thời ắt sáng; người có thông minh mà khi trách mình thời ắt quang. Phụ lão tử đệ dân các người chớ nên cư mang cái tội ác cũ của dân mới chiêu phủ mà không ăn ở tử tế tốt lành với chúng. Hễ chúng có một cái niệm lành, tức là chúng nên người lành. Chớ nên tự thị là lương dân mà rồi không trau mình, hễ một cái niệm của các người mà ác, tức là các người đã nên người ác vậy. Người ta mà thiện ác chỉ do trong một cái niệm mà thôi. Các người hãy cẩn thận suy xét lời ta, chớ lơ lãng!

1. Trong dân đồng ước, chọn lấy những người nào tuổi cao mà có đức, được dân chúng kính phục, một người suy làm Ước Trưởng, hai người làm Ước Phó. Lại chọn bốn người công trực, quả đoán suy làm Ước Chánh (約正), bốn người Thông Đạt minh

sát, suy làm Ước Sử (約史); bốn người tính kiện liêm cán suy làm Tri Ước (知約), hai người tập thuộc lễ nghi suy làm Ước Tán (約贊).

Sắm ra ba quyển văn bộ. Một quyển chép tên những người đồng ước, cùng việc ra vô hằng ngày do Tri Ước coi sóc lấy. Còn hai quyển, thời một quyển chép việc chương thiện (彰善), một quyển chép việc củ quá (矩過)¹ do Ước Trưởng coi sóc lấy.

2. Người đồng ước mỗi lần nhóm, bỏ ra ba phần tiền, đưa cho Tri Ước đặt chi tiêu về việc ăn uống. Đừng xài lớn, miễn là đừng cho đói khát thời thời.

3. Kỳ nhóm cứ định vào ngày rằm. Như ai có tật bệnh hay bận việc gì không đến được, phải cho Tri Ước hay trước. Nếu vô cơ mà không đến, thời bị ghi vào sổ có lỗi, và phải nộp một lượng bạc, bỏ vào việc công dụng.

4. Ước sở phải đặt ra ở chỗ nào đường xá quân bình, chọn chùa đình rộng lớn mà đặt. Chương thiện thì nên dùng lời rõ ràng mà quyết trực. Củ ác thì nên dùng lời kín đáo mà uyển chuyển. Ấy là đạo trung hậu. Như có người không có để, thời đừng nói ngay rằng không có để, mà chỉ nên nói “nghe tên mỡ đối với huynh trưởng lễ còn có chỗ chưa được đủ. Ta chưa dám tin quyết chép ra đây để chờ xem. Phàm củ ác đều nên theo lệ như thế. Nếu có cái ác nào

¹ Hai chữ này trong bản gốc in lộn ngược nên đã được hiệu đính lại cho đúng.

khó thể cải, thời đừng củ trách mà khiến cho không có chỗ dung, hoặc lại xui cho thêm ác. Tốt hơn là Ước Trưởng Ước phó, nên trước liệu nói ngầm hơn thiệt với người làm ác, khiến cho hấn tự thú, và cùng nhau khuyến dụ tưởng lệ hấn, gây cho hấn cái thiện niệm, rồi mới chép chuyện ra, khiến cho hấn có thể cải sửa. Nếu thật không có thể cải, nhiên hậu mới củ trách mà biên vào bộ củ quá. Nếu lại cũng chưa cải lỗi được, thời bấm bạch lên quan trên. Nếu lại còn chưa sửa cải nữa thời người đồng ước phải bắt giải đến quan, mà minh chánh cái tội của hấn. Còn như thể không bắt được, thời hiệp mưu với quan phủ xin binh tru diệt.

5. Phạm người trong đồng ước có sự gì nguy nghi nan xử, thời Ước Trưởng nên nhóm người đồng ước lại, đăng tài xử, khu hoạch cho bao giờ lý sự rõ rồi rồi thời thôi, chớ không được ngồi yên nhìn mà sanh nạnh, để cho người ta đến hãm vào tội ác. Như thế tội sẽ về Ước Trưởng Ước Chánh các người.

6. Những kẻ ở ngụ trong lúc nạp lương thường thường hay náu mình nơi nguyên tịch để làm lụy người cùng một giáp. Từ nay về sau Ước Trưởng cùng các người phụ trách khác phải khuyên chúng hãy về cho kịp nơi ước mà thừa ứng bằng như giữ thói cũ thời phải cho báo quan trên trừng trị, đuổi đi khỏi nơi nương ngụ.

7. Những nhà giàu có lớn, đất nầy, với những thương khách xứ khác lại, cho vay lấy lời, phải theo

thường lệ, không được tính kể lời. Hoặc có kẻ nghèo khó không trả nổi nên lượng lý mà khoan dung. Có những kẻ bất nhân lộng quyền tính kê lời giết đất ruộng người ta làm cho dân cùng không chỗ kêu ca, phải theo trộm cướp. Từ nay về sau, ai bị những kẻ ấy hại, hãy cáo với Ước Trưởng bắt chúng thường lại. Còn ai có nợ trả không đủ số thời khuyên chủ nợ để cho thông thả trả đủ. Ai trả quá số thời bắt chủ nợ, trả số dư lại. Ai co gượng không nghe, hãy suất kẻ đồng ước kêu lên quan trên.

8. Trong hương lẫn thân tộc, vãng vãng có kẻ vì chút phần uất gì bỏ theo giặc mà phục thù, tàn hại dân lương thiện, làm thành đại hoạn. Từ nay về sau có sự đấu ẩu bất bình nên cáo với Ước Trưởng, xin công luận thị phi. Ước Trưởng hoặc có nghe biết nên hiểu dụ. Ai còn dám vọng vi như cũ, hãy suất kẻ đồng ước trình quan tru lục.

9. Kẻ quân người dân, nếu có ai ngoài thì ra mặt lương thiện, mà trong ngầm thông với đạo tặc bán trâu bán ngựa cho chúng, hay báo tin tức cho chúng để lấy lợi riêng cho mình mình, ương hại đến muôn dân, thời Ước Trưởng hãy suất người đồng ước chỉ ra mà trừng răn, không tuân sẽ trình quan cứu trị.

10. Quan lại, nghĩa dân, tổng giáp, lý lão... các hạng người, ai có lạm quyền vào làng xóm đòi lấy của cải gì, Ước Trưởng hãy suất đồng ước trình quan truy cứu.

11. Xưa kia dân cư các trại bị dân mới chiêu dụ

làm hại, thật nói ra bất nhẫn. Nay đã hứa tự tân, đất ruộng của cải bị chiếm đều đem trả lại, thời chớ nên nhớ thù xưa, mà làm rối loạn địa phương. Ước Trưởng nên hiểu dụ, khiến cho ai giữ bốn phận ấy. Ai không nghe trình quan trị tội.

12. Dân mới đầu chiêu, đã có ý làm lánh, thời hãy tự khắc trách tội trước, mà cải quá tự tân, lo cày lo dệt, buôn bán bình thường, nghĩ việc ăn ở theo lương dân chớ theo danh mục trước mà cam tâm làm hạ lưu, chắc lấy họa làm tuyệt diệt. Ước Trưởng cùng các người kia hay thời thời hiểu dụ. Ai còn theo dấu cũ bất lương trình quan trừng trị.

13. Trai gái trưởng thành, đều nên kịp thời cưới gả. Hoặc có sự nhà gái trách sính lễ không đầy đủ, nhà trai trách giá trang chẳng bĩ bàng thời Ước Trưởng cùng các người kia hãy tỉnh dụ người ta. Từ nay tùy theo nhà giàu nghèo xứng nhau hãy tùy thời cưới gả.

14. Đám tang đám táng cha mẹ, y khâm quan quách, tùy gia thế giàu nghèo, miễn cho hết lòng hiếu đạo. Ngoài ra hoặc chạy đàn to tát, hoặc yển nhạc linh đình nghiêng gia phí của đều không ích gì cho người chết. Ước Trưởng cùng các người hãy tỉnh dụ người trong ước, một niềm tôn lễ chế. Bằng ai còn theo quấy cũ, hãy chép vào sổ củ ác cho là kẻ bất hiếu.

15. Trước ngày nhóm một hôm Tri Ước phải lo coi việc quét tước ước sở, chưng bày nơi ước đường,

đặt cáo dụ bài và hương án quay về hướng nam. Ngày nhóm, đồng ước đến đủ rồi, Ước Tán đánh ba hồi trống ai nấy đều phải sắp thứ tự đứng trước hương án, quay mặt về hướng bắc mà quỳ xuống, nghe Ước Chánh đọc cáo dụ. Đọc xong, Ước Trưởng nói cho mọi người: “Từ nay về sau, đồng ước chúng ta vâng lời răn dạy, tề tâm hiệp đức, đều quay về làm điều lành. Nếu có hai ba lòng, ngoài lành trong dữ, thần minh tru diệt”. Chúng đều nói lắp lại: “Nếu có hai ba lòng, ngoài lành trong dữ, thần minh tru diệt”. Rồi tái bái, hưng (đứng lên), mà lần lượt trở ra hội sở, phân đông tây mà đứng. Ước Chánh đọc hương ước xong lớn tiếng lên nói: “Đồng minh chúng ta, nên tuân hương ước”. Chúng đều dạ. Rồi đông tây giao bái, hưng, kể ai nấy lần lượt tỵ vị. Mỗi người trẻ phải ba lần chuốc rượu cho kẻ già - Tri Ước đứng dậy, đặt chương thiện - vị ở đường thượng quay về hướng nam, để viết mực bày sớ chương thiện ra. Ước Tán đánh ba hồi trống, ai nấy phải đứng dậy. Ước Tán xuống, xin cử thiện. Chúng đều nói: “Ấy tại Ước sử”. Ước sử bước ra, đến chương thiện vị, cất tiếng lên nói: “Tên mỗ có điều thiện này. Tên mỗ sửa được điều lỗi này. Xin chép vào cho đồng ước cùng khuyên nhau”. Ước chánh hỏi khắp mọi người: “Thế nào”? Chúng nói: “Ước sử kể rất nhầm”. Ước Chánh bèn dắt người làm được việc thiện ra chỗ chương thiện vị đứng ra hai phía đông tây. Ước sử lại nói với mọi người: “Tôi chỉ kể được có như thế.

Ai có biết gì khác xin nói”. Nếu ai có biết thời nói ra không thời nói: “Ước sử kể thế là phải”. Ước Trưởng, Ước Phó, Ước Chánh đều tra lại chương thiện vị. Ước Sử chép xong vào sổ, Ước Trưởng nâng chén cất tiếng lên “Người mổ hay làm được đều thiện nọ, người mổ hay sửa được đều lỗi nọ, thật là hay tu thân. Người mổ hay khiến người trong thân tộc làm được đều thiện nọ, sửa được đều lỗi nọ, thật là hay tế gia. Phỏng khiến người người được như thế, thời phong tục sao lại không hậu. Phàm đồng ước chúng ta nên nắm giữ đây làm phép tắc”. Rồi dâng rượu cho người làm được điều thiện. Người làm được điều thiện chuốc rượu lại cho Ước Trưởng, mà nói: “Đó lấy gì đủ làm thiện! Nhọc Ước Trưởng quá lời tưởng miễn tôi thật thẹn thường, dám chẳng mài dũa để khỏi phụ lời dạy của Ước Trưởng”. Rượu xong, tái bái, tạ Ước Trưởng. Ước Trưởng đáp bái, hưng, ai về chỗ nấy. Tri Ước dẹp tiệc chương thiện. Rồi chuốc ba từng rượu. Xong, Tri Ước đặt củ quá vị dưới thêm, quay về hướng bắc, để bút mực bày sổ củ quá ra. Ước Tán đánh ba hồi trống, ai nấy phải đứng dậy. Ước Tán xin củ quá. Chúng nói lên: “Ấy tại Ước sử”. Ước sử bước đến củ quá vị, cất tiếng nói: “Nghe người mổ có đều lỗi nọ, chưa dám chắc như thế, còn chép để chờ sau xem tính. Lẽ nào”? Ước Chánh hỏi khắp mọi người, hỏi: “Lẽ nào”? Chúng nói: “Tất là Ước sử có ý kiến”. Ước Chánh bèn dắt người làm lỗi đến củ quá vị đứng quay về hướng bắc. Ước sử lại nói với tất

cả: “Tôi chỉ nghe có thể còn ai nghe gì khác xin nói”. Ai có nghe tức nói ra. Bằng không thời nói: “Ước sử nghe như thế là phải”. Đó rồi Ước Trưởng, Ước Phó, Ước Chánh đều bước đến củ quá vị đứng ra hai bên đông tây. Ước sử chép xong, Ước Trưởng nói với kẻ làm lỗi: “Tuy nhiên không hành phạt. Hãy mau cải sửa”. Kẻ làm lỗi quỳ xuống, nói: “Tôi dám nào chẳng phục tội!” Rồi đứng dậy chuốc rượu, quỳ xuống uống mà nói: “Dám đâu không mau sửa lỗi, để nặng lòng lo cho Ước Trưởng”. Ước Chánh, Ước Phó, Ước sử đều nói: “Chúng ta không hay sớm dự, để người hãm vào chỗ lỗi ấy, cũng sao cho khỏi tội!” Rồi đều chuốt rượu tự phạt. Kẻ làm lỗi lại quỳ xuống nói: “Tôi đã biết tội. Ước Trưởng tự phạt lấy, tôi dám đâu không tự hành phạt lấy tôi. Nếu tôi hứa tự cải được ắt xin Ước Trưởng chớ uống rượu phạt, tôi lấy làm may!” Rồi chuốc rượu tự phạt. Ước Chánh, Ước Phó hoặc nói: “Người hay dững cảm chịu trách như thế, là hay thiên về đường làm lành. Chúng tôi cũng được miễn tội rồi vậy”. Rồi dẹp chén rượu. Kẻ làm lỗi tái bái, Ước Trưởng đỡ dậy. Ai về chỗ nấy, Tri Ước dẹp tiệc củ quá. Lại chuốt hai từng rượu. Rồi dùng bữa. Cơm xong, Ước Tấn đứng dậy đánh ba hồi trống, xướng “thân giới”. Chúng đứng dậy. Ước Chánh đứng ra trung đường cất tiếng nói: “Ô hô! Phàm người đồng ước chúng ta, mình đức thân giới, ai không điều thiện, ai không điều ác. Làm thiện tuy người không hay, mà chứa điều thiện lâu ngày tự nhiên điều thiện

dồn lại mà không giấu được. Làm ác nếu không biết cải, chứa điều ác lâu ngày tất đến nỗi điều ác dồn lại mà không thể xả được. Nay có điều thiện được người chương ra, khá lấy làm mừng. Nếu rồi cho là đã thiện mà tự thị, thời sẽ lẫn vào cỏi ác vậy. Có điều ác mà người cử trách khá lấy làm thẹn. Nếu hay ăn năn tự cải, thôi sẽ lẫn vào cỏi thiện vậy. Người thiện ngày nay chưa khá tự thị là thiện. Người ác ngày nay há trọn đời ác sao? Phàm đồng ước chúng ta hãy gắng lấy”. Chúng đều nói: “Dám chẳng gắng”! Rồi ra thứ tự đứng đông tây giao bái mà đi về.

7. Quan niệm giáo dục

Vương học cốt ở tâm học. Đối với Vương Dương Minh đạo học phải lấy cái mục đích chánh tâm làm trước. Nhưng đi đến đó phải trải qua đường cách vật trí tri, mà tuần tự tri tính. Tiên sinh thường lấy phép trồng cây mà dụ dẫn vào cỏi học. Phép trồng cây, muốn cho cây được sum suê thanh mật, cành lá sồn sò, hoa quả tốt đẹp thời phải bón xới vun quén dưới gốc rễ mà rồi tự nhiên từng trên của cái cây nó sẽ được như thế. Con người muốn học cũng phải vun quén cội gốc, là cái tâm cái tính của mình, mà rồi tự nhiên bao nhiêu những đức tính sẽ đạt được.

Dưới đây lược bày một ít tư tưởng của tiên sinh về phép giáo dục “Dạy người học, không được thiên chấp một bên nào. Kẻ mới vào học lòng còn lông bông không có định sở, tư lự còn bị nhân dục kéo đi

nhiều. Vậy phải dạy ngồi yên dạy ngừng tư lự. Sau lâu, tâm, ý có hơi định, mà nếu còn huyền không giữ tịnh thời như cây khô tro tàn, cũng là vô dụng thời phải tiếp theo dạy tĩnh sát khắc trị đừng cho công phu có lúc nào đứt đoạn, cũng thể như dẹp trộm cướp phải có ý quét cho sạch thanh. Lúc vô sự thời đem những cái thói tư trực như tham sắc, tham tài, tham danh, truy cứu sưu tầm ra cho hết, mà nhổ cho hết cái gốc rễ của những bệnh ấy, cho nó đừng bao giờ mọc lại nữa, mới vừa lòng. Dạy cho phải thường thường như mèo vỗ chuột, trông trọc mắt chăm nhìn, vầu tai chăm nghe, hễ thấy có một niệm tư trực mống ra, tức khắc chụp trừ đi, chẳng để phương tiện cho nó thoát mất hay trốn núp ở đâu. Dụng công như thế mới có thể quét sạch thanh những thói tư trực ấy. Đến bao giờ không còn có cái tư tâm nào, thời cái tâm tư về thiên lý mới được thuần toàn. (Theo lời đáp Lục Trùng *Truyền Tập Lục*, thượng). Đọc sách chỉ cốt là cho hiểu được. Cần gì cốt cho nhớ được? Hiểu được đã là cái nghĩa thứ hai của phép đọc sách rồi. Tất là đọc sách phải cầu sao cho rõ được bốn thể của tự mình. Nếu cầu cho nhớ thời không hiểu được. Còn nếu cầu cho hiểu thời không rõ được bốn thể của tự mình. (*Truyền Tập Lục*, trung)

Vương Dương Minh giảng học không bao giờ bông lỏng. Bao giờ cũng tùy sự vật tầm thường trước mắt bên mình, mà mượn làm công cụ cho nền giáo dục. Thường tiên sinh dùng lối “tuần du điểm hóa”.

Trong lúc cùng môn nhân dạo chơi non nước, gặp được phương tiện nào, tiên sinh dùng phương tiện ấy mà dụ dẫn cho môn nhân hiểu đạo lý. Ngay như việc hết sức tâm thương, là việc ăn uống cũng làm được công cụ giáo dục cho tiên sinh.

Một hôm tiên sinh ăn cơm. Vũ Trung và Quốc Thường ngồi hầu. Tiên sinh nói: “Phàm ăn uống chỉ cầu nuôi cái thân ta. Ăn cầu cho tiêu hóa. Nếu lại súc tinh trong bụng, thời sẽ phát bĩ (không tiêu) làm sao sinh da sinh thịt cho được? Học giả đời nay đi cầu nghe rộng biết nhiều, lưu trệ trong lòng là mắc cái bệnh thương thực vậy” (*Truyền Tập Lục*, hạ).

Lại một hôm tiên sinh ngồi chơi nơi bờ ao, bên cạnh có cái giếng. Tiên sinh nhân lấy đó mà dụ dẫn đến cái tâm học. Tiên sinh nói: “Cứ kể cái ao bao nhiêu rộng lớn nước chứa thời nhiều, mà sao bằng cái giếng có vài thước mặt nhưng có nguồn (nước luôn ra mãi) sinh ý chẳng cùng”. (*Truyền Tập Lục*, thượng).

Trong quan niệm giáo dục của tiên sinh, có chỗ đáng khen ngợi nhất là về phép dạy trẻ. Nên nhớ rằng tiên sinh ở nước Tàu, hồi thế kỷ XV-XVI, trong hoàn cảnh bó buộc gắt gao đường nào của nhà nho. Thế mà với cái lương tri của tiên sinh, tiên sinh phát kiến một phép giáo dục xem qua ngõ là của một nhà giáo dục học nào ở Âu châu ngày nay.

Tiên sinh thuở nhỏ, là một cậu bé đau yếu, không thích ngồi học, mà ham dong chơi nhưng lại muốn

làm thánh hiền. Nhờ thân trải qua tình cảnh ấy, nên tiên sinh thâm hiểu tâm lý nhi đồng biết sở cầu sở thích của chúng. Thành thử, về phép giáo dục nhi đồng, tiên sinh có quan niệm rất là rộng rãi, sánh không thẹn mặt những quan niệm tối tân, như của Nữ Bác sĩ Montessori.

Dưới đây phiên dịch “Huấn môn đại ý” của tiên sinh truyền cho môn nhân.

*

* *

“Huấn Môn đại ý”

Đời xưa dạy trẻ lấy nhân luân mà dạy; đời sau cái tập quán kỷ tụng từ chương dấy lên, mà nền giáo dục của tiên vương mất đi. Nay ta dạy trẻ con, duy nên lấy hiếu, đễ, trung, tín, lễ nghĩa, liêm, si mà làm chuyển vụ. Còn cái phương pháp tài bồi hàm dưỡng ắt phải: dụ dỗ học ca thi, để mở mang chí ý; đặc dẫn tập lễ, để nghiêm túc uy nghi; khuyên lơn đọc sách, để khai tri giác. Người đời nay vãng vãng lại cho ca thi, tập lễ là bất thiết thời vụ. Ý kiến ấy là ý kiến mạc tục dung bỉ. Theo nó thời lấy gì đủ rõ cái ý tập giáo của cổ nhân?

Đại để cái tâm tình của trẻ con là vui thích với sự vui chơi, mà ghét sợ sự bó buộc gạn gùng. Trẻ con chẳng khác nào cây, cỏ mới mầm mống: để cho thư sướng thời nó sồn sồn, mà đề thúc thời nó cần cỗi. Nay ta dạy trẻ con tất phải khiến cho chúng nó xu hướng về ca múa, để cho trong lòng chúng mừng

đẹp, thời ắt chúng học sẽ tấn bộ không dừng. Thí cũng như mưa mùa gió xuân nhuần thấm cỏ cây, chẳng cỏ cây nào không nảy mầm vượt chồi, mà rồi tự nhiên ngày càng lớn, tháng càng đổi. Nhược bằng sương giá bủa ão, ắt cái sinh ý của cỏ cây phải tiêu điều mà càng ngày nó càng héo càng khô. Cho nên, phàm dụ dỗ cho học ca thi không phải chỉ mở mang chú ý của trẻ con mà thôi, mà cũng còn lấy đó để phát tiết sự hô hào nhảy múa trong chỗ ca vịnh, để khơi thông nỗi u ức kết trệ ở trong âm tiết; đặc dẫn tập lễ không phải chỉ để nghiêm túc uy nghi mà thôi, mà cũng còn lấy đó để khiến quây quanh, chấp vái, nhường nhịn, cho động lay huyết mạch; cúi, ngẩng, co duỗi cho rắn rỏi gân xương; khuyên lơn đọc sách chẳng những là để khai tri giác mà thôi, mà cũng lấy đó dạy ngẫm nghĩ xét suy để bảo tồn lấy tâm, ước dương phúng tụng để khơi thông lấy chí.

Phàm những cách trên đó đều là cách theo đấy để dìu dắt chí ý, để sửa sang tính hạnh để tiêu mòn sự bị lặn, để hóa ngầm sự thô ngoan, mà khiến cho càng ngày càng lần lần đến lễ nghĩa mà không lấy làm khó khăn, vào cõi trung hòa mà chẳng hay biết duyên cớ. Thật đó là cái vi ý của tiên vương khi lập giáo.

Còn những kẻ trong đời gần đây dạy bọn trẻ măng, ngày ngày chỉ đốc suất cho đọc những câu, theo những bài trách bị ở chỗ kiểm thúc, không biết lấy lễ mà dắt dẫn chúng, cầu mong cho được thông minh, không biết nuôi nấng điều thiện cho chúng,

đến đổi roi nện dây trói chúng nào khác là bọn câu tù. Chúng trẻ xem nhà trường như cái ngục mà không dám vào, xem ông thầy như kẻ cướp thù mà không muốn thấy mặt. Rồi chúng lén lút che đậy để toại lòng muốn vui chơi; thiết trá sức nguy để buông lung thói nghịch ngợm. Chúng thành ra mỏng manh, dung liệt càng ngày càng sụt xuống hạ lưu! Ấy đó là xua chúng vào nơi ác mà lại cầu cho chúng làm điều thiện, thời sao có thể được cho?

Ta mà dạy dỗ là ý ở chỗ trên đó. Ta sợ cho thời tục không xét, mà cho đó là viễn vông. Huống nay ta sắp ra đi, cho nên đặc biệt đình ninh cùng các người làm thầy dạy học. Ta lấy lời giáo hãy theo ý của ta, lấy đó làm lời huấn lâu dài, đừng có vì lời của thời tục mà cải bỏ mục thước. Muốn cho con trẻ nên được, phải ra công dưỡng chánh. Ghi nhớ lấy! Ghi nhớ lấy!

Giáo ước

Mỗi ngày, sáng sớm, học trò đến vái chào xong, ông thầy lần lượt hỏi khắp các trò = hỏi ở nhà lòng thương cha mẹ; kính người trên, có được chân thiết chưa; hay là còn có chỗ trễ tràng, hoặc hợp tợp? Sự quạt nồng ấp lạnh có được thật hành chưa hay là còn khuy khuyết chút nào? Tới lui trên đường sá đi theo lễ tiết, có được cẩn sức chưa, hay là còn có chỗ nào phóng đãng? Nhứt ứng ngôn, hành tâm thuật đã được trung tín đốc kính chưa, hay là còn có chỗ khi vọng? Các đứa trẻ con cần phải đáp thật lời. Thầy tùy

trường hợp mà cải sửa, hoặc khuyến khích. Rồi lại tùy thời, theo việc mà thêm răn dạy khai phát, sau đó mới mỗi trẻ về chỗ ngồi học.

Phàm ca thi cần phải chỉnh dung định khí, làm cho thanh âm được trong trẻo; xét cái tiết điệu của nó, chớ cho động mà thành gấp, chớ cho lảng mà thành ồn ào, chớ cho kém mà như run sợ. Như thế, lâu ngày ắt tinh thần tuyên sảng, tâm khí hòa bình. Mỗi bận học, lượng số trẻ con nhiều ít, chia ra bốn ban. Mỗi ngày luận phiên dạy một ban ca thi, còn bao nhiêu kia thời tựu lại mà liêm dung (nét mặt nghiêm nghị) nghiêm túc để nghe. Mỗi kỳ năm ngày gom hết bốn ban ngày một phen cho lại ca ở tại nhà học. Mỗi khi gặp ngày rằm mồng một thời đều nhóm hết các học trò hội ca ở nơi thơ viện.

Phàm tập lễ cần phải trừng tâm túc lực để xét nghĩ tiết của nó, để độ dung chỉ của nó. Chớ cho hợp tốp mà thành nhác nhớn; chớ cho ngưng nghỉ mà thành tan rời; chớ cho buông lung mà thành phóng đã; thung dung mà đừng hổng ở chỗ thừa hoãn; tu cần mà đừng hổng ở chỗ câu cục. Lâu ngày rồi lễ mạo tập thuộc, đức tính sẽ kiên định. Học trò cũng chia ra ban thứ như khi ca thi. Mỗi một ngày thời một ban tập lễ, còn các bạn kia phải tựu lại liêm dung đứng nghiêm túc mà xem. Ngày tập lễ, thời miễn học. Mỗi mười ngày một lần hội bốn ban đến tập lễ nơi nhà học. Mỗi rằm mồng một hết thầy học trò phải hội tập nơi thơ viện.

Phàm dạy học sách không cầu dạy nhiều mà quý ở chỗ thuộc lòng. Lượng tư bằm mỗi đứa, như có thể học hai trăm chữ, chỉ nên cho học một trăm chữ mà thôi. Thường phải cho tinh thần, lực lượng có dư, thời ắt khỏi cái hoạn trẻ con ghét khổ, mà được cái hay là tự đắc. Khi phúng tụng thời cầu sao cho trẻ con chuyên tâm nhứt trí, miệng tụng lòng theo chữ chữ câu câu sưu dịch phân phúc, ức dương âm tiết, khoan hư tâm ý.

Lâu ngày nghĩa thể thiệp hiệp mà thông minh càng ngày càng mở mang.

Công phu mỗi ngày = trước khảo đức, kế đó đọc sách, kế nữa tập lễ, hoặc làm bài, lại đọc sách rồi ca thi. Phàm tập lễ ca thi đều dưỡng cái tâm của trẻ con khiến cho vui tập không mệt mà không có rảnh để nhiễm thói tà vậy. Dạy dễ được như thế là biết cách dạy dễ. Tuy nhiên đây là nói qua đại lược mà thôi. Còn rõ nữa thời tùy tinh thần sáng suốt của thầy dạy.

Về sự đi thi, Vương Dương Minh có những lời khuyên thiết thật. Ai từng đi thi, ai từng dạy học trò cho đi thi, sẽ thấy những lời ấy thích hiệp bất kỳ cho thời đại nào.

Dưới đây lời tiên sinh dạy Từ Ái năm đình mao (1517):

“Người quân tử một lòng tin nơi trời về sự cùng đạt... Nhưng mà trót học để đi thi, thời phải vào trường thi, ấy cũng là việc người ta nên làm. Song le,

nếu đi thi mà kỳ cho thế nào cũng phải thi cho đỗ, bằng không thời khuôn bách nhục nhả ắt là lắm to.

“Ngày vào trường mà trong lòng thiết tha nghĩ đến sự đậu rớt, ắt là khiến cho khí kém, chí phân, chẳng những không ích mà còn có hại.

“Vào trường rồi, khi làm văn trước hết phải mở rộng tâm mắt, con tâm. Thấy cho được rành rọt ý đại khái của đầu đề, rồi mới sẽ phóng đàm hạ bút. Như thế, đầu cho có chỗ còn mờ, mà lời văn cũng được có cái khí điển sảng.

“Đàng này người ta nhập trường lại có cái chí khí cục súc không thơ triển là vì phải cái lòng suy nghĩ lo đậu rớt nó làm ra nông nổi.

“Phàm con tâm của ta không thể dung về hai việc trong một lượt. Nếu có một ý niệm lo được, một ý niệm lo thua, một ý niệm lo làm văn chẳng là bắt con tâm phải đồng thời dùng về ba việc. Như thế thời làm sao mà nên việc cho được?

“Nếu làm (cho con tâm phải chia ba chia bảy) thời là “chấp sự bất kính”, tức là nhân sự còn có chỗ chưa rồi. Như thế, dầu cho may mà nên việc, người quân tử cũng không hề lấy đó làm quý.

“Mười ngày trước khi vào thi, phải luyện tập điều dưỡng. Nếu ngày thường không có được cái thói quen dậy sớm, thời ngày thi mà dậy sớm ắt tinh thần phải hoảng hốt, như thế làm sao cho có tứ hay để làm văn? Vậy nên, mỗi ngày gà gáy chấp đầu, phải trở dậy rửa mặt, chải đầu, thay đồ tề chỉnh, rồi ngồi

đoan trang, phấn chấn tinh thần, đừng để cho nó mờ mệt nhác nhớn. Ngày ngày tập như thế (trong mười hôm), rồi đến kỳ thi sẽ không thấy tân khổ chút nào.

“Đàng này người ta gọi điều dưỡng, phần đông là lo ăn cho nhiều, uống cho lung, vui say kịch liệt, chơi đùa xao lãng, hoặc suốt ngày nằm ỳ. Như thế là làm cho khí phải bị nhiễm loạn, thần phải bị hôn muội, mà ngạo sẽ to lớn ra kêu gọi tệt tệt đến. Đó há là phép triếp dưỡng tinh thần hay sao?

“Hãy nên vụ ở chỗ dứt tuyệt lối ăn uống quá sung mãn, ở chỗ bớt thức ngon lạ, cho khí được thanh; vụ ở chỗ ít tư lự, ở chỗ ngăn thị dục, cho tinh được minh; vụ ở chỗ định tâm khí, ở chỗ ít ngủ nghê, cho thần được trùng (lặng). Người quân tử không thể ra ngoài cái lẽ lối đó mà có thể trí lực nơi học vấn. Nay riêng nói về một việc đi thi.

“Mỗi ngày như có mệt quá, muốn nghỉ ngơi, thời hãy nằm chốc lát, rồi trở dậy, đừng để cho ngủ mê. Đêm đã khuya thời nên đi ngủ, đừng gượng ngồi lâu.

“Còn hai ngày nữa tới kỳ thi, chẳng nên đọc sách đọc sử gì nữa, mà khiến cho con mắt, con tâm, phải bị tạp loạn. Mỗi ngày chỉ nên xem một thiên sách làm vui. Bằng như lòng nhọc, khí hào tốt hơn là đừng xem. Ấy là vụ ở chỗ di thần thích thú, cho được như cái nguồn cội sở đắc mà sung nhiên cuộn cuộn tuôn ra. Chớ đừng cho khí khinh ý mãn, lại thêm chứa chất cho lăm lăm, như con sông đầy dẫy tràn trề, một may nó vụt rả bờ, thời nó lụt mất ngàn dặm.

“Mỗi ngày ngồi nhàn, mặc kệ người ta hiêu hiêu, riêng mình cứ uyên mặc, thời trong lòng sẽ sáng suốt tự thấy có chân lạc. Được như thế là thoát được đời trần cấu mà cùng tạo vật hòa đồng.

vii. – qui kết

Vương Dương Minh là bậc công thần vĩ đại của triều Minh. Nhưng khi mất rồi không còn tước ấm, không được tặng thụy, cái đạo học của tiên sinh lại bị cấm, cho là ngụy học.

Quan Thiển sự bấy giờ là Hoàng Oản, môn nhân của tiên sinh dâng sớ biện trung. Trong lời sớ có đoạn tóm tắt và dẫn gốc Vương học.

“Đạo học của Vương Thủ Nhân có ba cái đại yếu.

“Một là: Trí lương tri. Vốn thật người xưa đã dạy. Trí tri lấy nơi Khổng tử. Lương tri lấy nơi Mạnh tử, trong thuyết “tính thiện”.

“Hai là: Thân dân. Ấy cũng là của người xưa đã dạy. Trong cựu bốn sách *Đại Học* nói về thân dân, tức là nói về sự “thân với bách tính không thân”, như “thân hiển lạc lợi cùng với dân cùng đồng sự ưa ghét, mà hành cái đạo “Khiết củ”¹. Ấy là Thủ Nhân theo

¹ *Khiết*: đo lường (mesurer). *Củ*: thước chuông (équerre). Đạo khiết củ dạy lấy mình làm gốc để thân dân. Xem sách *Đại Học*.

cái nghĩa của cội bốn sách *Đại Học*, không phải tự sáng ra thuyết mới.

“Ba là: Tri hành hiệp nhất. Ấy cũng là của người xưa đã dạy (Kinh *Dịch*) nói: “Tri chí, chí chi. Tri chung, chung chi”. Chỉ là nhất sự.

Đạo học của Thủ Nhân không sai đạo thánh...”.

(Sớ của Hoàng Oản *Niên Phổ*)

Vương học không sai đạo thánh theo lời Hoàng Oản. Nhưng lối Vương Dương Minh giải thích đạo ấy có khác lối Tống nho, là lối đương thời tôn sùng, cho nên bị coi là ngụy học.

Ấy là chưa kể sự tiên sinh cực lực công kích Châu Hy và công nhiên nhìn nhận Lục Cửu Uyên là phải.

Môn nhân hỏi tiên sinh: “Lương tri có một mà thôi. Cớ sao Văn Vương làm thoán. Châu Công làm hệ, Khổng tử làm tán cho kinh *Dịch* lại mỗi nhà thấy lý riêng không đồng nhau”? Tiên sinh đáp: “Thánh nhân sao có thể câu nệ được như thể chết cứng? Hễ đại yếu đồng nhau về lương tri thời mỗi nhà mỗi thuyết khác nhau có hại gì? Như trúc trong một vườn kia, hễ đồng có nhánh có mắt như nhau, thời là đại đồng. Nếu câu nệ, nhất định cho mỗi nhánh mỗi mắt phải là bao dài, bao lớn, in như nhau, thời là không phải diệu kỳ của tạo hóa nữa”.

問良知一而已文王作象周公

繫爻孔子贊易何以各自看理

不同先生曰,聖人何能均得死

格大要出於良知同便各為說

何害目如一園竹只要同此村(?)
節便是大同:若杓定枝枝節節
都要高下大小一樣便非造化
妙手矣

(*Truyền Tập Lục*, hạ)

Lời ấy Vương Dương Minh nói cho Văn Vương, Chân Công, Khổng tử, mà cũng có thể tự nói cho mình, để trả lời những ai vu cáo ngụy học.

Sự thật tiên sinh chỉ muốn đem đạo nho trở về gốc nguồn của nó, là nơi tâm. Với “tâm” tiên sinh tìm ra được viên đá chốt (clef de voûte) của đạo nho.

Trong “tâm” lương tri là đại bốn.

Lương tri là cái tâm nhận thị phi, thiện ác, một cách thiên nhiên mà rõ ràng. Không cần phải học tập mà rồi sau mới hay, không cần phải nghĩ ngợi mà rồi sau mới biết, đó là lương tri.

Lương tri là bốn thể của tâm. Nó là thái hư, cho nên “vô tri vô bất tri” cũng như mặt trời “vô chiếu vô bất chiếu”.

Vì thái hư, cho nên bốn thể của lương tri không động, không tịnh, mà ở vào chỗ động tịnh gặp nhau.

Chỗ đó tức là chỗ “trung” trong các “doãn chấp quyết trung” của kinh *Thơ*, và trong câu “vị phát chi trung” của sách *Trung Dung*.

Trung là không thiên về bên nào cả. Không thiên về bên động cũng không thiên về bên tịnh. Trung là ở vào chỗ động, tịnh gặp nhau, không phân biệt với nhau. Chỗ “trung” như thế, nếu mượn danh từ số

học, ta có thể gọi là chỗ “cực hạn” của hai cái động và tĩnh.

Đây là ách yếu của Vương học.

Số học từ khi Descartes mở đường *giải tích kỷ hà* (解析幾何) (géométrie analytique) nó bước qua giai đoạn phi thường linh hoạt, khiến cho về sau Leibniz và Newton đi đến phép *vi phân* (infinitésimal). Với phép vi phân, nơi “cực hạn” bao nhiêu những vấn đề số học trước khi không giải quyết được đã giải quyết hết.

Với cái “trung” của “vị phát” Vương Dương Minh cũng dẫn về chỗ “cực hạn” mà giải quyết được hết những vấn đề trong đạo nho.

Chỗ đó hiệp nhất tâm và vật; hiệp nhất tri và hành; hiệp nhất cách vật và thành ý; hiệp nhất cùng lý và tận tính; hiệp nhất bác văn và ước lễ; hiệp nhất duy tinh và duy nhất; hiệp nhất minh thiện và thành thân; hiệp nhất minh đức và thân dân.

Ngoài chỗ “vị phát chi trung” Vương học chẳng thành, mà lời Tử Tư nói: “Sách *Đại Học* là chương đầu của sách *Trung Dung*” cũng khó hiểu (子思括大學一書之義為中庸首章) (*Truyền Tập Lục*, thượng).

Với “vị phát chi trung” Vương Dương Minh đem tất cả trở về tâm mà tâm học mới thành, mà nhân luân chi học mới có nơi căn cứ.

Trong “vị phát chi trung” thân, tâm, ý, tri, vật, mới có thể cùng là một cái tâm mà thôi. “Nhưng mà chỉ về chỗ sung tắc mà nói thời gọi là thân; chỉ về chỗ

chủ thể mà nói thời gọi là tâm; chỉ về chỗ tâm phát động thời gọi là ý; chỉ về chỗ ý linh minh thời gọi là tri; chỉ về chỗ ý thiệp trước thời gọi là vật: tất cả thật chỉ là một cái mà thôi”.

但指其充塞處言之謂之身指
其主宰處言之謂之心指心之
發動處調之意指意之灵明處
誰知之指知之涉着處謂之物
只是一件,

(Trả lời Cửu Xuyên, *Truyền Tập Lục*, hạ)

Thân, tâm, ý, tri, vật, cùng là một cho nên sách *Đại Học* vòng hai chiều biện chứng pháp¹ mà nói: “Muốn tu thân, trước phải chánh cái tâm; muốn chánh tâm, trước phải thành ý; muốn thành ý, trước phải trí tri; trí tri tại cách vật. Vật cách rồi thì tri sẽ chí; tri chí rồi thời ý sẽ thành; ý thành rồi thời tâm sẽ chánh; tâm chánh rồi thời thân sẽ tu; thân tu rồi sau gia mới tề; gia tề rồi sau quốc mới trị; quốc trị rồi sau thiên hạ mới bình”.

Trước sau một đời tư tưởng, Vương Dương Minh quây quanh một con tâm, với những vấn đề tu thân, chánh tâm, thành ý, trí tri, cách vật, mà một năm trước khi nhắm mắt, tiên sinh tóm tắt để dặn dò môn nhân như dưới đây.

¹ Double marche dialectique. Phép dialectique này, là phép nghiên cứu trong triết học, thí dụ như trong bài *Psychologie et métaphysique* của Jules Lachelier.

Năm đình hợi (1527) ngày 8 tháng 9, rời Thiệu Hưng đi dẹp giặc Tư Ân, Điền Châu, tiên sinh dặn Tiền Đức Hồng (钱德洪) và Vương Kỳ (王畿) từ rày về sau luận học với học giả, phải cốt yếu căn cứ nơi bốn câu tông chỉ này:

1. Không thiện, không ác: ấy là thể của *tâm*.
2. Có thiện, có ác: ấy là sự động của *ý*.
3. Biết thiện, biết ác: ấy là lương *tri*.
4. Làm điều thiện, xua điều ác: ấy là cách *vật*

無喜無惡,是心之體
有善有惡,是意之動
知善知惡,是良知
善喜去惡,是格物

(Dương Minh toàn tập Niên Phổ)

phụ lục

1. Bài tự tiễn biệt ông Trạng Cam Toàn

Thầy Nhan Hồi chết, mà cái học của thánh nhân mất, thầy Tăng Sâm thừa cái đạo nhất quán, truyền đến thầy Mạnh Kha mà thôi. Lại hơn hai nghìn năm nữa mới có thầy Chu thầy Trình ra tiếp tục. Tự đấy về sau, kẻ nhà nho nói càng nhiều mà đạo lại càng tối, giải thích càng tinh tường mà nghĩa lý lại càng chi ly, mà cái kẻ vụ danh lại càng nhiều lắm. Xưa kia, đời họ Mạnh thì chen có họ Dương họ Mặc, đời thầy Chu thầy Trình thì gặp buổi đạo Phật đạo Lão thịnh hành. Ngày nay thì kẻ đi học ai nấy đều biết tôn sùng họ Khổng họ Mạnh, tưởng cái đạo thánh nhân cả sáng sửa ra ở đời thì phải. Song mà tôi xét ra, bậc thánh nhân chẳng được trông thấy đã đành, còn thì có người nào được như Mặc thị có cái chủ nghĩa kiêm ái hay không? Có người nào được như Lão thị có cái tinh thần thanh tĩnh tự thủ hay không? Có người nào được như Phật thị có cái công phu

nghiệm tâm tính mệnh hay không? Ta có sao lại nhớ đến họ Dương, họ Mặc, họ Phật, họ Lão đó thay? Vì họ đối với sự học còn có sở đắc vậy - Mà kẻ nhà nho ở đời, thì chỉ vẽ từng bài, gọt từng câu, để khoe khoang với thói tục, đua nhau giả dối, thi nhau về những sự ngôn ngữ văn từ, mọi nghĩa trong cổ kinh cổ điển nói ra được vanh vách, tự lấy thế làm đã đủ rồi, mà cái học của thánh nhân thành ra hư phế. Cái đại bệnh ở đời nay, há không phải là cái tệ ký tụng từ chương đầy dư. Mà suy nguyên sở dĩ có cái tệ ấy, há không phải là tại cái lỗi thích nghĩa quá tường, giải lẽ quá tinh đầy dư (trở về thời đại bát cổ). Chao ôi! họ Dương, họ Mặc, họ Phật, họ Lão, họ còn biết học lấy chân nghĩa, cầu lấy tính mệnh, không như kẻ nhà nho ngày nay cho chân nghĩa là không thể học được mà cho tính mệnh là vô ích. Ở đời này mà có kẻ nào học nhân nghĩa cầu tính mệnh, gác sự ký tụng từ chương ra ngoài mà chẳng làm thì dầu cho đạo Dương, đạo Mặc, đạo Phật, đạo Lão thiên về đạo nào mặc dầu, tôi còn cho là hiển, vì cái tâm người ấy còn biết cầu lấy đường sở đắc vậy. Than ôi! Có biết cầu lấy đường sở đắc rồi mới có thể nói đến được sự học của đạo thánh nhân.

Tôi thừa nhỏ, nhăng về sự học vấn, lãng mạn hai mươi năm. Kỳ thủy cũng nghiên cứu về đạo Phật, đạo Lão, nhờ trời mở cho cái tri, nhân có giác ngộ, mới khuynh hướng về học thuyết Chu, Trình đường cũng có điều sở đắc. Song ở đời trừ một hai người tri

kỷ ra, không ai hiểu đồng chí với mình cả, đã có lắm phen sắp đổ ngã mà lại dậy lên được.

Hồi văn niên được kết giao với ông Trạm Cam Toàn, rồi sau cái chí tôi mới càng kiên, nghị nhiên không thể át được thì sự học của tôi nhờ về ông Trạm Cam Toàn có phần nhiều vậy. Lối học ông Cam Toàn, là lối học vụ cầu tự đắc đó. Đòi ít kẻ biết, hoặc lại cho rằng lối học thiên gia. Túng nhiên là lối học thiên gia thì đời đã thấy mấy kẻ. Huống chi ông Cam Toàn sở học chí tại thánh hiền; như ông Cam Toàn há không phải là môn phái thánh nhân đó dư kẻ khen chê không đủ làm bệnh được cho ông Cam Toàn vậy. Kẻ khen, chê không đủ làm bệnh ông Trạm Cam Toàn, và ông Cam Toàn cũng chẳng vì kẻ khen chê mà tự lấy mình làm bệnh, tôi tin như thế. Tôi với ông Cam Toàn cái ý giao du, không phải nói mà tự khắc hiểu, cái lời nghị luận, không phải ước mà tự nhiên đồng, tương kỳ với nhau về đạo thánh hiền, chết rồi sẽ thôi. Ngày nay tiễn biệt ông Cam Toàn, tôi lo phải nói gì. Duy cái học thánh nhân khó mình mà dễ hoặc, cái thói tập tục, càng ngày mà càng khó văn hồi, áy náy ở trong lòng, dường không thể không nói ra được, thế thì ông Cam Toàn há cũng cho tôi là nói thừa đó thay.

(Bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục. *Nam Phong* số 109. Hà Nội 1926. Có sửa đổi một vài dấu chấm câu)

2. Hà lậu hiên ký

何陋軒記

Ngày xưa ông Khổng tử muốn đi ra ở chín nơi rợ mọi, người ngoài hiểm là cô lậu. Ông Khổng tử nói rằng quân tử ở đó, có cô lậu gì. Thủ Nhân này vì có tội phải trích ra làm quan ở trạm Long Tràng. Đất Long Tràng xưa kia là chỗ hoang viễn thuộc về phần hóa ngoại, ngày nay thì là nơi yếu địa, để chiêu phủ man di, nhưng phong tục ở đó vẫn còn mọi rợ như xưa. Người ngoài đều cho ta là tự nơi thượng quốc đi ra hẳn coi đất ấy là cô lậu, không có thể ở được. Thế mà ta ở đó vài tháng, lại có phần yêu thích và vui thú, cầu lấy những điều người ta bảo rằng đất ấy là cô lậu mà đất ấy thực chẳng có cô lậu chút nào. Chỉ dân ở đấy thì thất nút để ghi việc, tiếng nói như tiếng chim, ở thì ở núi, đồ ăn mặc thì đồ lông gai, không có cái vẻ cung thất y quan, cái lễ văn sức đưa đón gì cả, nhưng còn là thói thuần bàng chất phác của đời xưa truyền lại đó. Vì đời thượng cổ chế độ phép tắc còn chưa đủ, dân nào mà chẳng thế, không có thể cho thế là cô lậu được. Chao ôi! những thói ăn gian nói dối xanh vỏ đỏ lòng, lật mặt như bàn tay, miệng xơn xốt, dạ ốt ngâm, người thượng quốc ta chưa tất đã khỏi đâu. Như thế mà lại áo mũ ruộm rà, lễ nghi trang sức, thì người thượng quốc ta chẳng phải là hủ lậu đấy ư? Người mọi rợ thì họ không biết những lối ấy, họ chỉ ăn ở giản đơn, nói năng xỗ xã, họ chỉ có thể mà thôi. Đời chỉ biết so sánh những bề ăn ở, những

cách nói năng, mà cho họ là hủ lậu, ta đây không bảo là phải. Kỳ thủy ta đến đó, không có nhà mà ở, phải ở vào chỗ cây cỏ gai gọc um thùm, thì uất ức lắm. Sau thiên cư sang ở trại Đông phong, vào chỗ hang đá mà ở, thì lại ẩm thấp tối tăm. Dân ở đất Long Tràng, kẻ già người trẻ, hằng ngày lại thăm nom ta, mừng rằng ta không cho đất ấy là cô lậu – mà có ý buồn. Vì ta có từng sửa sang ra một cái vườn ở cạnh nơi rừng rậm, dân ở đấy, họ bảo rằng ta vui thú đấy. Họ mới cùng nhau đi dẫn cây chớ gỗ, đem về chỗ đất ấy làm ra một cái hiên để cho ta ở. Ta nhân trồng lên những cây tùng cây trúc, những các thứ hoa, và các thứ có thể làm vị thuốc được ở xung quanh hiên. Trong hiên thì bày biện ra chỗ này là ngoại đường, chỗ này là nội thất, chỗ này là tiền xế, chỗ ấy là hậu phòng nào cấm thư, nào đồ họa, mọi đồ giảng tụng du thích lược đủ. Học trò ở nơi khác lại học, cũng dần dần sum họp vui vầy. Rồi những người đến chơi cái hiên của ta, chẳng khác gì đến chơi những nơi văn nhã ở chốn đô thành, mà ta cũng quên hẳn cái cảnh ta là cái cảnh ở nơi rợ mọi vậy. Nhân đặt tên là Hà lậu hiên, để chứng thực lấy lời ông Khổng tử. Than ôi! cái cảnh tượng văn minh trong thượng quốc ta, thì điển chương lễ nhạc do những bậc thánh nhân ở lịch đại chế tác ra mà truyền lại cho ta, mọi rợ họ không có, ta bảo họ là cô lậu cũng phải. Về sau này thượng quốc ta khinh miệt đạo đức, chuyên chuộng pháp luật, cái thuật ăn thịt người ra tay, uống máu người

ra mặt, không thể làm được, thì lại sinh ra cái thói quỉ quyết gian trá, vô sở bất chí, cái phong thật thà còn đâu nữa. Dân rợ mọi kia, há không phải là dân tốt, ví như hòn ngọc còn ở trong hòn đá, cây gỗ chứa nẩy dây mực, tuy xù xì mọc mọc, nhưng còn có thể thi hành được những sự gọt đẽo dưa mài, sao lại bảo họ là hủ lậu được; ấy ông Khổng tử sở dĩ muốn đi ra ở chín rợ đấy dư! Thực có người quân tử ở đó mà giáo hóa họ tưởng cũng không khó gì. Nhưng ta chữa phải là người quân tử vậy hằng xin thuật ra mấy lời ký để đợi người quân tử sau này.

(Bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục. *Nam Phong* số 109. Hà Nội septembre 1926)

3. Quân tử đình ký

君子亭記

Dương Minh tử đã làm ra cái Hà lậu hiên, lại nhân khoảng đất ở đằng trước hiên dựng cột làm đình, xung quanh đình trồng thuần những giống trúc, mà đặt tên gọi là Quân tử đình.

Trúc có cái đạo quân tử bốn điều. Ở trong không hư mà tĩnh, thông đạt mà có tầng ngăn, ấy là có cái đức người quân tử. Ở ngoài có từng đốt mà thẳng suốt bốn mùa mà cành lá không thay đổi, ấy là có cái hạnh người quân tử. Ứng mùa xuân mùa hạ mà xuất hiện, gặp mùa thu đông mà ẩn tàng; lúc mưa, lúc tuyết lúc tối, lúc sáng, không lúc nào là không có cái phong cảnh nghi nhân, ấy là có cái *nghĩa thời trung*

của quân tử. Gió mát thảnh thơi thổi đến, tiếng ngọc rào rào tựa như âm nhạc, khi ấy, khi cúi khi ngẩng, như người lễ nhượng vái chào, như các vị hiền triết ở sông Thu sông Tứ cùng nhau tập họp; khi gió định hơi tĩnh, lại nghiêm nhiên đặc lập, ra hình bất khuất, như các vị thánh thần ở đời Đường đời Ngu, đội mũ cầm hốt, liệt tọa ở chốn miếu đường ấy là có cái *dung mạo* người quân tử.

Trúc có bốn điều ấy mà thành danh hiệu là quân tử, cái danh hiệu của trúc thực chẳng hồ gì.

Cái đình của ta có trúc, ta nhân lấy danh hiệu của trúc đặt danh hiệu cái đình của ta, cái danh hiệu đình của ta cũng chẳng hồ gì.

Môn nhân nói rằng chừng là tiên sinh tự tả cái đạo đức của mình vậy. Chúng ta thấy tiên sinh ở cái đình này, chủ trì cái đạo cung kính hàm dưỡng cái đạo tĩnh hư, chẳng phải là cái đức người quân tử đầy đủ? Gặp cảnh truân chuyên mà chẳng sợ, xử cảnh khốn nạn mà vẫn vui, chẳng phải là cái hạnh người quân tử đầy đủ? Trước kia cái đạo tiên sinh thực hành ở chốn triều đình, nay thì cái đạo tiên sinh thực hành ở chốn di địch, thuận cái lẽ ứng vật mà hợp thời, giữ cái đạo trung chính mà bất câu, chẳng phải cái nghĩa thời trung của quân tử đầy đủ? Giao tiếp thì kính cần, cư xử thì ung dung, ý thì thỏa thích, khí thì ôn hòa, chẳng phải là cái *dung mạo* người quân tử đầy đủ? Chẳng là tiên sinh khiêm nhượng, không nhận cái danh hiệu quân tử, mà mượn cây trúc để gọi ra

danh hiệu đấy dư? Tiên sinh đã từng đặt tên cái hiên là Hà lậu để tự cư, thì cái đình này há không phải là để tự tả đấy dư?

Dương Minh tử nói rằng: Ôi! môn nhân nói thế là quá đáng vậy. Bốn điều của quân tử đó trong mình ta đã có một điều gì đâu. Ta chỉ xin học làm quân tử đó thôi. Cái danh hiệu đình của ta chỉ là cái danh hiệu trúc vậy. Song ngày xưa ông Khổng tử chẳng đã từng nói đấy ư? Nói rằng: mấy nên làm hạng nho quân tử, chớ làm hạng nho tiểu nhân. Người ta phải nhận lấy cái danh hiệu quân tử, mà học làm quân tử mới được. Nếu tị hiềm cái danh hiệu quân tử mà không dám học làm quân tử thì mấy nổi mà chẳng thành ra hạng người tiểu nhân. Như thế thì sao nên? Môn nhân ghi lấy.

(Bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục. *Nam Phong* số 109. Hà Nội Septembre 1926. Có sửa đổi một vài dấu chấm câu)

4. Bài ký tả về cái chí khí Tòng Ngô đạo nhân

Đất Hải Ninh có một người là Đồng La Thạch, tuổi đã sáu mươi tám, nổi tiếng là thơ hay ở chỗ giang hồ, cùng với bạn làm thơ ở miền đó đến vài mươi lữ, kết với nhau làm thi xã, sớm chiều cầm bút ôm giấy ngâm vịnh, cùng nhau dùi mài lấy cái khéo từng chữ từng câu, đến nỗi quên cả ăn ngủ, bỏ cả sinh nghiệp, kẻ thời tục ai nấy đều chê cười, nhưng

chẳng đoái chi cả, cho nghề thơ là một nghề cực lạc trong thiên hạ.

Hiệu Gia Tĩnh năm giáp thân mùa xuân, La Thạch lại chơi đất Cối Kê, nghe Dương Minh tử đương cùng với học trò giảng học trong núi, lấy một cái gậy gánh một cái bầu rượu, một cái nón, và một quyển thơ vào chào. Khi vào cửa, thì chỉ đứng chấp tay, rồi ghé lên chỗ cao ngồi ngất ngưỡng. Dương Minh tử coi dung mạo khí tướng lấy làm lạ, vả lại tuổi đã già, đứng lên làm lễ tiếp đãi kính trọng. Lại hỏi ra biết là Đồng La Thạch là một kẻ thi hào, cùng với La Thạch nói chuyện suốt ngày suốt đêm. La Thạch khi ấy lời lẽ càng nói càng khiêm, lễ độ một bước một nhún, bất giác dời sang chiếu khác mà ngồi. Khi lui trở ra, có bảo với một người học trò Dương Minh tử là Hà sinh rằng tôi thấy những kẻ nhà nho ở đời, chỉ chi ly phiền toái tu sức ở bề ngoài, làm ra hình trạng người gỗ, còn hạng kém nữa thì tham lam vô sỉ, đua chen ở trong trường phú quý lợi dục, tôi vẫn không thèm chơi với những bọn ấy. Tôi vẫn cho là đời há thực có cái học gì là cái học thánh hiền đó dư, chẳng qua mượn đường học vấn, để cầu tới cái mục đích đối đời, hay hoặc cái mục đích kiếm ăn đó mà thôi. Cho nên tôi chỉ chơi về nghề thơ mà tôi phóng khoáng ở nơi sơn thủy. Nay tôi được nghe cái thuyết tri hành hợp nhất của tiên sinh, hốt nhiên như giấc ngủ say mà được thức dậy. Sau này tôi sẽ biết rằng ngày trước tôi ngày ngày đêm đêm khổ tâm lao lực về nghề thơ

đó, so với những phường chìm đắm lợi lộc ở đời, có khác nhau, chỉ khác nhau, về bên thanh bên trọc đấy thôi, kỳ thực cũng không khác nhau gì mấy. May sau tôi được qua cửa tiên sinh, nếu tôi không được qua cửa tiên sinh thì tôi cơ dễ hư phí mất cái đời của tôi vậy. Tôi cũng toan chung thân thờ tiên sinh làm thầy đây, chẳng biết tôi đã già rồi, có được như nguyện hay không.

Hà sinh đứng dậy mừng khen mà nói rằng tuổi đạo nhân đã già rồi, chí đạo nhân sao mạnh mấy! Rồi vào thỉnh với Dương Minh tử. Dương Minh tử ngùi vậy mà than rằng có thể dư! Ta chưa thấy ông lão nào thế vậy. Tuy vậy, ông ấy nhiều tuổi hơn ta, ta xin dãi là lễ bằng hữu, bằng hữu với sư đệ, nghĩa cũng như nhau: nếu biết tin lời ta, hà tất phân biệt ra lễ thầy trò. La Thạch nghe Dương Minh tử nói thế, than rằng tiên sinh chúng cho cái lòng thành của ta còn chưa đến nơi đây dư. Từ tạ về nhà, cách hai tháng, cầm một tấm lụa đến bảo Hà sinh rằng: “Tấm lụa này là của nhà tôi tự chế ra, cái lòng thành của tôi kết dệt lại cũng như tấm lụa này, chẳng biết tiên sinh có thật hứa cho tôi là kẻ môn nhân đấy không”. Hà sinh lại vào thỉnh, Dương Minh tử nói rằng có thể dư! Ta chưa thấy ông lão nào thế vậy. Những kẻ thiếu niên đời này mới hơi biết cầm bút làm văn, ký tụng học thuyết của hiền triết được đôi ba câu, đã tự lấy mình làm giỏi chẳng biết cái sự thờ thầy, học vấn là sự gì; hoặc thấy người nào biết đạo nhờ thầy học

vấn, thì lại chỉ trích chê cười, như là trông thấy cái quái vật. Đồng ông là một kẻ thi hào đã có thể làm thầy được cho bậc hậu tiến, kẻ theo ông chơi về nghề thơ đã khắp ở nơi giang hồ, ông đã nghiệm nhiên là một bậc tiền bối trong thi xã. Nhất đoán nghe lời ta, mà chịu khuất lễ thờ thầy, cầu tiến về đường học vấn. Há những đời nay chưa thấy người nào như thế, mà xem trong truyện ký đời xưa cũng chưa từng thấy nhiều người như thế vậy. Ôi! sự học của người quân tử, cốt là cầu lấy biến hóa cái khí chất đi; khí chất mà khó biến, là vì cái khách khí nó làm hại, không thể hư tâm mà khuất hạ với kẻ hơn mình được, rồi đến mình lại dối mình, dối lại giấu dốt, chung qui làm một hạng người hung ngạo bỉ tiện. Nếu biết chủ về điều thiện mà theo, điều thiện đó là thầy thì khách khí tiêu tán, thiên lý lưu hành phi bậc thiên hạ chí đại dũng, không đủ nói sự ấy. Như La Thạch chính là thầy ta vậy, ta há đủ làm thầy La Thạch đó dư?

La Thạch cố vào xin làm kẻ môn nhân. Dương Minh từ cũng cố từ nhưng không được, mới hứa rằng đãi về lễ sư hữu chi giao. Dương Minh từ cùng với La Thạch ngao du mọi nơi, vào hang Vũ Huyệt, trèo ngọn Lư Phong, thăm di tích đời xưa; lại tiêu dao ở cửa Vân Môn, ở ngôi Nhược Dạ, ở hồ Giám Hồ, ở khe Đàm Khúc, La Thạch hằng ngày được tiếp thụ cái thú vị trong đạo học, có nhiều phần sở đắc, vui thú mà quên về. Những người đệ tử và thân hữu của La Thạch ở trong thi xã ngày trước, hoặc chê

cười, hoặc làm thơ đưa cho La Thạch chiêu La Thạch về và bảo La Thạch rằng: ông già rồi, sao ông tự khổ như vậy. La Thạch cười mà đáp lại rằng: tôi may đã thoát nơi khổ hải trong làng thơ, tôi mới biết thương các ông là tự khổ, các ông lại cho tôi là khổ đấy ư! Tôi đương sắp sửa để mắt ra ngoài vũ trụ, sắp cảnh ở cõi vân tiêu, tôi sao có thể lại quay đầu về nơi khổ hải đấy du! Tôi xin tòng ngô sở hiếu. Mới tự hiệu là “Tòng Ngô đạo nhân”. Dương Minh tử nghe tiếng, than rằng mạnh mẽ thay La Thạch! La Thạch! Niên đã lão, huyết khí đã suy, mà lại đỉnh đặc phần phát, như kẻ anh nhuệ thiếu niên, thực là kẻ biết tòng ngô sở hiếu vậy. Tuy nhiên, sở hiếu cũng có lắm đường. Người đời tòng sở hiếu về phần danh, thì thi nhau giả dối; tòng sở hiếu về phần lợi thì đua nhau tham ô, đều tự cho mình là tòng ngô sở hiếu cả đấy, nhưng há biết cái nghĩa ngô sở vị chân ngô đó thay. Cái chân ngô là cái gì? Là cái lương tri đó vậy. Cho nên tòng về phần danh lợi vật dục sở hiếu, đó là cái sở hiếu của giả ngô; tòng về phần lương tri sở hiếu, đó là cái sở hiếu của chân ngô. Tòng về phần sở hiếu của giả ngô, thì tâm lao mà một ngày, một thấy ngu chuyết (đần). Tòng về phần sở hiếu của chân ngô, thì việc thiên hạ việc quốc gia, xử việc gì cũng có thể chính đáng lúc phú quý, lúc bần tiện, lúc hoạn nạn, lúc di địch, xử lúc nào cũng có thể yên vui. La Thạch gần bảy mươi tuổi, mới biết cái học tòng ngô, nhưng cũng đừng tự cho thể làm muện; do cái đức mạnh mẽ của La

Thạch mà tiến lên cõi thánh hiền, thì cũng có khó gì. Than ôi! những kẻ bạc phu tục tử ở đời nghe cái phong La Thạch chừng cũng biết lối sở tòng đó dư?

(Bản dịch của Tùng Vân Nguyễn Đôn Phục. *Nam Phong*, số 109. Hà Nội septembre 1926)

5. Vương học sang Nhật

Thoạt tiên, là Trung Giang Đằng thụ (中江藤樹) (*Nakae Tôju*) đem cái học Vương Dương Minh – người Nhật gọi là “Oyomei” – truyền giảng trong đám nho học... Kế đến môn đệ là Hùng trạch Phiên sơn (*Kumazawa Banzan*) mở rộng sự truyền bá, thành ra không bao lâu gần khắp nước Nhật đều biết Vương học, và cái học Trình Chu bị lẩn hời mất hết thế lực.

Sĩ phu Nhật tôn sùng Vương học đến nỗi người nào cũng đeo ở trước ngực một pho tượng Dương Minh nhỏ bằng ngón tay. Mỗi khi đến thăm bạn, nói chuyện học hành, trước hết để tượng Dương Minh trên cao và đứng cúi đầu vái mấy cái, để tỏ lòng cung kính rồi mới ngồi lại đàm đạo.

... Nên biết trong việc mở mang Vương học ở Nhật, có một phần là công phu của Chu Thuấn Thủy một người Tàu di thần nhà Minh chạy sang Nhật và nhập tịch hồi năm 1657.

... Trong thời kỳ Nhật Bản duy tân, những người tiên phong đặc lực nhất, như Lương Xuyên Linh Nam, như Đại Diêm Trung Trai, như Tá Cửu Gian

Lượng Sơn, như Cát Điền Tùng Âm, như Cao Sam Đông Hành, v.v. đều là những bậc Vương học đại sư.

Tây Hương Long Thịnh có công nghiệp anh hùng nhất trong hồi ấy cũng là một người đặc lực ở Vương học rất nhiều.

Những anh tài nổi dậy về sau, như Y Đằng Bác Văn, Đỉnh Thượng Hình, Sơn Huyện Hữu Bằng, Quế Thái Lang, đều là môn nhân của Cát Điền Tùng âm, tức là có nguồn gốc Vương học vậy.

Châu Thuấn Thủy, một môn đồ Vương học, không chịu tòng phục Mãn Thanh chạy sang nước ta, nương náu ở miền Hội An hơn mười năm rồi mới sang Nhật nhập tịch.

Trong thời gian ấy chúa Nguyễn có vời ông ta nhưng không biết trọng dụng, vì thấy ông không đồ đạt cử nhân tiến sĩ gì cả.

Sĩ phu ta đôi khi đến thăm viếng chỉ hỏi từng chữ sách vụn vặt. Nhiều người hay đến phiên ông xem tướng số và địa lý, vì tưởng người tàu nào cũng tinh các khoa ấy. Bực mình quá họ Chu phải yết thị ngoài cửa, ngỏ ý mình đến nương nhờ nước Nam muốn cùng sĩ phu nước Nam giảng minh đạo học, chứ lý số địa lý chỉ là mạt học ông không biết đâu mà hỏi.

Quán chi

Trung Bắc Chủ Nhật, No 156 Hanoi 23 Mai 1943

Cụ Sào Nam về Vương học

Cụ Sào Nam lúc già đóng cửa đọc sách và phiên

dịch diễn giải quyển kinh Dịch.

Bộ “Quốc văn Chu Dịch Diễn giải” của cụ chưa xuất bản.

Một ông bạn ở Huế giữ bốn thảo bộ sách này, có mỹ tình cho tôi mượn đọc và có hậu ân cho tôi trích lục những đoạn nói về học thuyết Vương Dương Minh.

Ph. V.H.

Thầy Lục Tượng Sơn, Thầy Vương Dương Minh thời đã tinh thông Dịch học, mà học thuyết lại thường cận tự Phật học...

Quốc văn Chu Dịch diễn giải

(Phát đoạn từ)

Xem hai chữ *nghĩa, cát*, thấy được ý thánh nhân bàn họa phúc, trái với ý thế tục. Thế tục bàn họa phúc thường chú trọng về phần lợi hại: lợi, thời phúc; hại, thời họa. Còn thánh nhân bàn họa phúc thường chú trọng về phần phải trái: phải là phúc; trái là họa. Vậy nên nói rằng: *nghĩa, cát*... Nhưng theo mắt thánh nhân thời hợp với đạo nghĩa là cát. Chính như câu thầy Vương Dương Minh: “Đạo nghĩa vi phúc”.¹

Quốc văn Chu Dịch Diễn giải

(Lời chú ở quẻ “Tiểu Súc”)

Thầy Vương Dương Minh chủ trương thuyết tri hành hợp nhất, nghĩa là tri với hành hợp nhau làm một việc. Hễ tri đã đến nơi tất nhiên hành được đến

¹ Câu này ám chỉ lời thơ đáp Mao Hiến Phó. Trong ấy Vương Dương Minh nói: “quân tử dĩ trung tín vị lợi, lễ nghĩa vi phúc”

nơi. Vả đã tri tất phải hành. Nếu bảo rằng, tri được mà không hành được, thời cái tri đó không phải là chân tri, nên thánh nhân dạy cho ta hai chữ “tinh nghĩa”.

Trong thiên hạ, hễ có việc gì tất có nghĩa của việc ấy. Ta trước phải tinh thấu cho đến nghĩa việc ấy. Khi tinh thấu được nghĩa của việc ấy, tất nhiên làm được hoàn toàn công dụng của việc ấy. Đó lại là lấy tri mà vun đắp cái nền tảng cho hành. Khi đã trí dụng rồi là hành đã có thành hiệu rồi, thời nhờ đó mà thêm sùng cao đức minh. Đó lại là nhân hành mà mở rộng thêm phạm vi cho tri.

Ví như: biết được đường chắc chắn, tất nhiên đi đến nơi mà lại trải qua một lần đi càng thêm biết được đường.

Nghĩa tri hành hợp nhất của thầy Vương Dương Minh rất đúng với nghĩa câu “tinh nghĩa nhập thần” của Khổng Tử.

Nước Nhật Bản trước hồi duy tân rất sùng trọng Vương học. Bao nhiêu chí sĩ gây nên sự nghiệp duy tân, thầy con nhà Vương học.

Quốc văn Chu Dịch Diễn giải

Lời chú ở quẻ “Hàm”

sách báo tham khảo

Sách chữ tàu

Vương Dương Minh Toàn Tập

Sơ bản: 4 sách cộng 1059 trang. Thượng Hải, Khải Trí Thư Cục xuất bản, năm Dân Quốc thứ XXIV (1935).

Vương Dương Minh của Chương Y Bình và Ngô Thị Thiên: 1 quyển 60 trang, xuất bản lần thứ 7, Thượng Hải. Nhi Đồng Thư Cục xuất bản, năm Dân Quốc thứ XXVI (1937).

*

* *

Báo quốc ngữ

Lịch sử Vương Dương Minh. Của Nguyễn Đôn Phục trong tạp chí *Nam Phong* số 108. Hà Nội, août 1926.

Học thuyết Vương Dương Minh. Của Nguyễn Đôn Phục trong tạp chí *Nam Phong* số 109. Hà Nội, septembre 1926.

*Triết lý của một người cố học làm ông thánh
Vương Dương Minh.* Của Quán Chi (Đào Trinh
Nhất) trong báo *Trung Bắc Chủ Nhật*, xuất bản ở
Hà Nội, từ số 83 ra ngày 19 octobre 1941 tới số 158
ra ngày 23 Mai 1943.

*

* *

Sách chữ lang sa

Histoire de la Philosophie Orientale. Của René
Grousset, quyển 8, Paris, 1923.

Tham khảo mục lục bản gốc

mục lục

lời thưa...	6
tựa	9
 phần thứ nhất thân thế	 11
i.– thế hệ	13
ii.– thuở ấu thơ	25
iii.– thuở tìm học	33
iv.– tìm đạo	45
v.– đi đày	53
vi.– được đạo	65
vii.– lập huân công	73
a. bình giặc lưu khấu	79
1. bình giặc chương châu	81
2. phủ dụ tặc sào	91
3. bình giặc hoàng thủy và thung cương	97
4. bình giặc lợi đầu	108
5. vinh dự không mừng	119
b. dẹp loạn thần hào	126

viii.– lưỡi mỗi miệng lần	149
ix.– bá tước bỏ quên	157
x.– công nghiệp cuối cùng	169
a. bình giặc tư n	169
b.– bình giặc bt trại, đoạn đăng	181
xi.– bơ vợ lũ thần1	187
phần thứ nhì học thuyết	195
i.– thời đại của vương dương minh	197
bên âu châu	197
bên việt nam	198
bên trung quốc	198
ii.– tâm - khởi điểm của vương học	199
iii. lương tri - cơ sở của vương học	219
iv.– tri hành hiệp nhất – cấu tạo của vương học	237
v.– trí lương tri – hoàn thành của vương học	249
vi.– tiếp dẫn của vương học	257
1. cách vật	257
2. cùng lý	271
3. bác văn	273
4. duy tinh	277
5. minh thiện	285
6. thân dân	287
7. quan niệm giáo dục	303
vii.– qui kết	315
phụ lục	321
1. bài tự tiễn biệt ông trạm cam toàn	321

2. hà lậu hiên ký	324
3. quân tử đình ký	326
4. bài ký tả về cái chí khí tòng ngô đạo nhân	328
5. vương học sang nhật	333
cụ sào nam về vương học	334
sách báo tham khảo	337
sách chữ tàu	337
báo quốc ngữ	337
sách chữ lang sa	338

